Ở BÊN NHAU ĐẾN LÚC BÌNH YÊN

Người trẻ học cách sống từ những ngày cuối của người đi trước

Ở BÊN NHAU ĐẾN LÚC BÌNH YÊN

Người trẻ học cách sống từ những ngày cuối của người đi trước

Tác giả: Minh Hưng – Bác sĩ Nguyễn Đông Hưng

MỤC LỤC

LỜI ĐỀ TỪ..... 5
LỜI MỞ..... 6
DANH MỤC NHÂN VẬT..... 10
PHẦN I: LÊN PHỐ..... 11
Chương 1: Gió Lào trong căn trọ hẹp..... 14
Chương 2: Tờ giấy rèn luyện và cánh cửa trắng..... 20
Chương 3: Hành lang mùi thuốc, ký ức mùi bùn..... 27
Chương 4: Cụ Lợi từ Hương Khê và chiếc túi vải khói bếp..... 33
Chương 5: An: cô gái Hà Tĩnh nói ít mà làm nhiều..... 38
PHẦN II: BÃO TRONG NGƯỜI..... 44
Chương 6: Ba điều ở Nhà Giảm Nhẹ: xin phép, lắng nghe, đừng hứa bừa...47
Chương 7: Bốn câu nói khó nhất đời người..... 54
Chương 8: Viện phí và chữ ký: những bậc thềm không có ghế ngồi..... 60
Chương 9: Một chiếc áo mưa chung, một đoạn đường không nói..... 66
Chương 10: Tin mưa nguồn: Ngàn Sâu đục nước..... 71
PHẦN III: BÃO DƯ LUẬN..... 77
Chương 11: Cơn đau tăng và lời xin về núi..... 78
Chương 12: Tờ giấy không hồi sức và nước mắt người con..... 85
Chương 13: Một cú máy quay lén, một đời bị phán xét..... 87
Chương 14: "Bất hiếu" trên mạng và "bất lực" ngoài đời..... 90
Chương 15: Họ hàng kéo tới: tiếng quát ở hành lang..... 92
PHẦN IV: VƯỢT LŨ VỀ NÚI (Đường tràn, oxy và món nợ danh dự)..... 95
Chương 16: Minh và Tùng: thiện ý sai chỗ..... 96
Chương 17: An nói một câu khiến Minh im: đừng lấy đời người ta ra thắng thua..... 102
Chương 18: Kế hoạch về núi: oxy, thuốc, và đường vòng..... 104
Chương 19: Xe khách đêm, kính mờ, tim đếm từng nhịp..... 109
Chương 20: Đường tràn và phút oxy cạn..... 111
Chương 21: Bếp lửa bản xa: chè xanh đặc và lời làng nặng..... 114
Chương 22: Lời xin lỗi cuối cùng: trả một món nợ danh dự..... 117
Chương 23: Đêm mất điện: ở bên nhau đến lúc bình yên..... 121
PHẦN V: SAU BÃO (Một bài nộp muộn và ngọn lửa nhỏ)..... 125
Chương 24: Mùa giỗ đầu và lời hứa không nói thành lời..... 125
Lời bạt..... 129
Ghi chú của tác giả..... 130

LỜI ĐỀ TỪ

Có những ngày, đời dồn người ta vào một góc hẹp như căn trọ cuối ngõ: một chiếc quạt cũ quay mỏi, một bát cơm nguội, một cuộc gọi từ quê báo mưa nguồn, và một nỗi sợ không gọi thành tên. Khi ấy, ta mới hiểu thứ nặng nhất không phải cái nghèo, mà là cảm giác bất lực trước người mình thương đang yếu dần đi.

Miền núi Hà Tĩnh heo hút không dạy ai cách nói lời hoa mỹ. Nó dạy người ta cách chịu. Chịu nắng gió Lào rát mặt. Chịu những mùa nước lên ngập bậc cửa. Chịu tiếng thở dài của người lớn khi nhắc chuyện viện phí, chuyện "để người ta nói", chuyện một lời hứa lỡ dở. Nhưng giữa bao thứ phải chịu ấy, vẫn có một điều không chịu tắt: tình người.

Tình người ở đây không ồn ào. Nó nằm trong cái bát cháo ai đó đặt xuống rồi quay đi, như thể sợ mình làm người khác ngại. Nó nằm trong chiếc áo mưa rách đôi mà vẫn che được một đoạn đường. Nó nằm trong bàn tay gầy nắm chặt một bàn tay trẻ, không để ai cô đơn khi đi qua cơn đau. Nó nằm trong một câu nói vừa đủ: "Ngồi đây." Không cần khuyên phải mạnh mẽ, chỉ cần ở bên.

Người ta thường nghĩ "điều cuối cùng" là một khoảnh khắc bi thương. Nhưng đôi khi, điều cuối cùng lại là một bếp lửa nhỏ, một ngụm chè xanh đặc, một lời xin lỗi muộn mà vẫn kịp, một cái gật đầu nhẹ như trút được gánh nặng đã mang suốt đời. Được ra đi trong bình yên đó không phải là đặc ân. Đó là kết quả của những trái tim biết thương nhau đúng cách.

Cuốn sách này được viết cho những ai từng đứng ở hành lang bệnh viện, tay cầm giấy tờ, mắt nhìn hóa đơn, tim đếm từng nhịp thở của người thân. Được viết cho những người trẻ lớn lên trong thiếu thốn nhưng không muốn nghèo thêm phần cay nghiệt. Được viết cho những người mẹ gồng đến cạn lời. Và cho những người già cả đời giấu đau, chỉ sợ phiền con cháu.

Nếu bạn đang đi qua một mùa mưa của riêng mình, xin hãy tin: có những bão tố không phải để quật ngã, mà để ta học cách nắm tay nhau vững hơn. Và đôi khi, chỉ cần một người chịu ngồi cạnh ta trong im lặng, đời đã bớt lạnh đi rất nhiều.

Cuối cùng, xin dành cuốn sách này cho "người đi trước" trong mỗi gia đình những người đã sống một đời lặng lẽ như đất, để khi họ mỏi mệt, chúng ta biết cúi xuống, biết nói lời cần nói, biết ở bên nhau đến lúc bình yên.

LỜI MỞ

Đêm ấy, gió Lào không chỉ thổi ngoài cửa. Nó chui vào tận trong người.

Căn trọ hẹp như một cái hộp đặt vội bên rìa thành phố. Tường mỏng đến mức nghe rõ tiếng nhà bên kéo ghế, tiếng nước chảy ở vòi rỉ, tiếng xe tải nghiến qua ổ gà ngoài ngõ. Cái quạt cũ quay một vòng rồi khựng lại, như người già cố thở thêm một nhịp. Minh nằm nghiêng, mắt mở trừng trong bóng tối, lưng áo dính bệt vì nóng. Ở góc phòng, mạ Hường đếm tiền lẻ trên một tờ giấy báo, đầu ngón tay sẫm màu vì ngày dài.

Tiền phát ra tiếng rất nhỏ. Không ai nghe thấy nếu trong nhà không quá im.

Mạ đếm xong, gấp lại, đặt vào chiếc ví đã bong mép. Rồi mạ ngồi yên một lúc, như đang cân nhắc xem có nên thở dài hay không. Mạ mà thở dài, căn phòng này sẽ chật thêm. Minh biết. Mạ cũng biết. Thế là cả hai người cùng nín.

Chuông điện thoại rung lên ở giữa cái nín ấy.

Mạ giật mình. Minh cũng giật mình. Điện thoại rung dài, màn hình sáng xanh lạnh trên gương mặt mạ. Mạ nhìn số gọi đến, mắt thoáng tối lại. Minh nhìn thấy mà không hỏi. Những số ở quê thường mang theo một thứ mùi: mùi đất ẩm, mùi khói bếp, mùi lo. Và trong những tháng này, còn có mùi mưa nguồn.

Mạ bắt máy.

“Răng rứa?” Mạ nói nhỏ, như sợ tiếng mình đánh thức cái nghèo.

Đầu dây bên kia không trả lời ngay. Chỉ có tiếng gió lùa qua ống nghe, tiếng người thở gấp, rồi một giọng quen quen của dì Bảy ở xóm trong: “Hường ơi… tê mưa lớn rồi. Đài nói mai mưa nữa. Ngàn Sâu đục nước. Đường vô bản coi chừng…”

Mạ im.

Minh nằm im, nhưng hai tai như dựng lên.

“Cụ Lợi bữa ni ho dữ lắm. Hắn không chịu ăn. Cứ nói… nói cái chi… nói muốn về nhìn mả ông bà, coi lại nhà cũ một lần trước khi nước lên…” Dì Bảy ngập ngừng, giọng lẫn tiếng mưa. “Mi coi… răng mà tính.”

Minh nghe thấy một cái “răng mà tính” giống như một câu hỏi đã hỏi đi hỏi lại từ đời người này sang đời người khác. Ở quê, người ta hỏi câu ấy không phải vì họ không biết làm gì, mà vì họ biết: làm gì cũng tốn. Tốn tiền. Tốn sức. Tốn một đời.

Mạ Hường đưa tay vuốt trán. Bàn tay đó có mùi xà phòng rẻ tiền và mùi mồ hôi. Mạ nói, giọng cố cứng: “Dì để tê. Miều… miều coi chừng cụ. Có chi dì gọi tui lại.”

“Ừ… mà… hắn yếu lắm rồi.” Dì Bảy nói như sợ làm người ta đau. “Hắn cứ nhắc thằng Minh.”

Câu đó rơi xuống phòng trọ như một hòn sỏi ném vào chậu nước cạn. Không lớn tiếng. Nhưng gợn.

Minh quay mặt vào tường. Không phải vì giận. Chỉ là không biết đặt mắt vào đâu.

Mạ tắt máy. Đặt điện thoại xuống. Căn phòng trở lại im. Nhưng cái im đã khác.

Mạ đi ra cửa, mở hé ra cho có gió. Gió đêm nóng hầm hập, thổi vào không làm mát mà chỉ làm người ta nhớ. Mạ đứng quay lưng lại Minh, giọng bình thản quá mức:

“Mai mi đi học, đừng có trễ.”

Minh cười nhạt trong cổ họng. Ở đời, có những câu được nói ra để che đi những câu không dám nói. Minh biết mạ muốn nói: “Mai mi đừng bỏ học.” Nhưng mạ không nói thế. Nói vậy là yếu.

Minh đáp: “Dạ.”

Mạ quay vào, kéo cái ghế nhựa lại ngồi. Mạ cầm tờ giấy báo, mở ra, rồi lại gấp vào. Tờ báo không có chữ nào cần đọc. Mạ nhìn vào chiếc ví, nhìn vào góc phòng nơi cái bình oxy cũ của ai đó bỏ lại từ lâu (chủ trọ nói “đồ người ta để quên”), nhìn vào bàn tay mình. Minh nhìn theo ánh mắt mạ và bỗng thấy cổ họng khô.

Có lúc Minh muốn hỏi: “Rứa mình làm răng, mạ?” Nhưng câu hỏi đó nếu thốt ra sẽ biến mạ thành người có thể dựa vào. Mà mạ không cho phép mình dựa. Mạ đã quen làm cột.

Vậy nên Minh lại im.

Một lát sau, mạ nói như nói với quạt, với tường, với cái đời: “Ở quê mưa cái là khổ. Mồ mả, nhà cửa… hắn cứ lo.”

“Hắn” là cụ Lợi.

Minh biết cụ Lợi.

Cụ Lợi không phải ông ngoại, cũng không phải ông nội. Cụ là ông của một người họ xa, xa đến mức trên giấy tờ phải lần ba đời mới gặp nhau nhưng ở vùng núi Hà Tĩnh, cái “xa” đó đôi khi chỉ cần một lần bão tới là thành “gần”. Cụ từng cho Minh bát cơm lúc Minh còn nhỏ theo mạ về quê. Cụ từng mắng Minh một câu vì Minh trêu con chó bị ghẻ. Cụ từng cười khà khà khi Minh được điểm mười toán, vỗ vai Minh, nói: “Có chữ thì phải có lòng.”

Minh không nhớ giọng cụ, nhưng nhớ bàn tay cụ. Bàn tay thô, nhiều vết nứt, sờ vào như sờ vào vỏ cây. Bàn tay đó từng đặt lên đầu Minh, nặng mà ấm.

Còn giờ, dì Bảy nói cụ ho dữ lắm.

Minh nuốt nước bọt. Trong ngực, một thứ gì đó lăn chậm như hòn đá. Minh ghét cảm giác ấy. Nó giống hệt cảm giác năm đó, khi người thân mất ở bệnh viện, người lớn cãi nhau vì viện phí, vì giấy tờ, vì "kịp không kịp". Minh ghét bệnh viện. Minh ghét hành lang trắng. Minh ghét mùi thuốc sát trùng. Minh ghét những lời an ủi nghe như đọc thuộc.

Nhưng Minh không ghét cụ Lợi.

Mạ kéo chiếc túi ni lông đựng tiền ra, đếm lại lần nữa như thể đếm sẽ làm số tiền nở ra. Mạ dừng ở con số cuối cùng, rồi cười không thành tiếng.

"Chừng ni…" Mạ nói, không nhìn Minh. "Đủ đóng tiền trọ. Còn đâu nữa."

Minh ngồi bật dậy. "Để con đi làm thêm."

"Mi đang học." Mạ nói ngay, giọng sắc. "Học cho ra học. Đừng có bày đặt."

Minh lặng người. Câu "đừng có bày đặt" là câu mạ hay nói khi đời bắt mạ yếu. Mạ sợ yếu. Mạ sợ con thấy mạ yếu.

Minh nói nhỏ: "Con đi làm ít thôi."

Mạ im. Lần này mạ không gắt. Mạ nhìn Minh một lúc lâu. Trong ánh nhìn ấy có cả thương lẫn sợ. Thương con. Sợ con khổ. Sợ con dở dang như mình.

Rồi mạ quay đi, giọng thấp xuống: "Cụ… nếu có chi… thì…"

Mạ không nói hết. Người Hà Tĩnh miền núi ít khi nói thẳng chuyện xấu. Nói ra như gọi nó đến. Nhưng cái không nói hết còn nặng hơn nói.

Minh nhìn cái điện thoại trên chiếu. Màn hình đã tối. Ngoài kia, một chiếc xe máy nẹt pô. Tiếng chó sủa. Tiếng ai đó cười. Thành phố vẫn sống. Nhưng trong phòng trọ, Minh nghe thấy một tiếng khác: tiếng mưa nguồn đang đi xuống từ núi.

Minh lấy điện thoại, mở danh bạ. Tên "Dì Bảy" hiện lên. Minh định bấm gọi lại, rồi thôi.

Minh không biết gọi để nói gì.

Ở tuổi mười bảy, Minh đã biết một điều: có những cuộc gọi không phải để hỏi thăm, mà để chuẩn bị cho mất mát. Và Minh không muốn chuẩn bị. Minh muốn trốn.

Nhưng đời không cho trốn mãi.

Sáng hôm sau, Minh bước vào trường với chiếc áo sơ mi đã bạc màu. Cô chủ nhiệm gọi Minh lên, đưa một tờ giấy có dấu đỏ: "Dự án rèn luyện. Em chưa đủ điểm. Em đăng ký tham gia hoạt động cộng đồng. Trong tháng này."

Minh nhìn danh sách địa điểm: viện dưỡng lão, nhà mở, bếp ăn từ thiện… và một dòng cuối cùng: **Đơn vị chăm sóc giảm nhẹ – Bệnh viện**.

Minh cười khô. Đời có cách riêng để dồn người ta trở lại những nơi người ta sợ.

Chiều, Minh đứng trước cổng bệnh viện. Bức tường trắng. Cánh cửa kính. Mùi thuốc sát trùng tạt ra như một cái tát. Minh đứng yên. Tim đập như chạy.

Một cô gái mặc áo blouse trắng bước ngang qua, tóc buộc gọn, tay cầm xấp hồ sơ. Cô nhìn Minh một giây, không hỏi "em ổn không" như người ta hay hỏi. Cô chỉ nói:

"Em đi tình nguyện hả? Đứng dịch qua. Chỗ ni người ta thở khó."

Giọng cô không ngọt. Nhưng không có thương hại.

Minh dịch qua.

Cô gái đi tiếp. Mùi dầu gội rẻ tiền và mùi xà phòng theo cô lướt qua. Minh nhìn theo bóng lưng ấy, trong đầu tự nhiên nhớ đến câu mạ nói tối qua: "Ở quê mưa cái là khổ."

Minh bước vào.

Ngay ở hành lang tầng hai, Minh gặp một cái nhìn khác.

Một ông già gầy như một nhánh củi, da xám, môi khô, nhưng mắt vẫn sáng. Ông nằm nghiêng, tay ôm một túi vải bạc màu. Khi Minh đi qua, ông quay đầu lại, nhìn thẳng.

"Mi là thằng Minh à?" Ông hỏi, giọng khàn mà chắc.

Minh sững. "Dạ… răng ông biết?"

Ông già cười, khóe miệng nhăn lại như đất nứt gặp mưa.

"Ở núi, gọi tên mi lâu rồi."

Minh đứng đó, không biết vì mùi thuốc hay vì câu nói, mà thấy sống mũi cay.

Ở phía cuối hành lang, cô gái áo blouse lúc nãy quay lại. Cô nhìn Minh, rồi nhìn ông già, rồi nói một câu như chốt cửa:

"Cụ Lợi ở Hương Khê. Em ở lại được thì ở. Không ở được thì ra ngoài hít thở."

Minh muốn hỏi tên cô.

Nhưng cô đã quay đi.

Minh nhìn chiếc túi vải trên tay cụ Lợi. Túi vải có mùi khói bếp và mùi quê. Cụ Lợi ôm nó như ôm một đời. Minh bỗng thấy rõ: mình đã bước vào một đoạn đường không có cách quay lưng mà không mang tội.

Và Minh hiểu: hành trình này sẽ không chỉ là để lấy một tờ giấy rèn luyện.

Nó sẽ là bài học lớn nhất đời Minh.

Bài học về cách ở bên.

Bài học về cách nói lời cần nói.

Bài học về cách thương người mà không làm người ta đau thêm.

Ở bên nhau đến lúc bình yên.

DANH MỤC NHÂN VẬT

Minh 17 tuổi. Người kể chuyện. Học sinh cuối cấp/đầu đời mưu sinh nơi phố, tự trọng cao, sợ bệnh viện vì ký ức cũ. Bị kéo vào hành trình chăm sóc cuối đời và phải lớn lên trong bão tố.

An 18 tuổi. Cô gái Hà Tĩnh miền núi. Nói ít, làm nhiều. Học/ thực tập điều dưỡng, hiểu nghề và hiểu quê. Dịu dàng bằng hành động, là điểm tựa lặng lẽ của Minh.

Cụ Lợi 79 tuổi. Người miền núi Hà Tĩnh, bệnh giai đoạn cuối. Cứng cỏi, thương con cháu theo kiểu giấu đau. Mang một "túi vải khói bếp" và món nợ danh dự phải trả trước khi về núi.

Mạ Hường 44 tuổi. Mẹ Minh. Lao động phổ thông, kiệt sức nhưng lì. Gánh viện phí, nợ nần, vẫn cố giữ cho con một con đường học.

Cô Thủy 47 tuổi. Con gái cụ Lợi. Mắc kẹt giữa tình thương và áp lực "để người ta nói". Quyết định y khoa của cô trở thành ngòi nổ dư luận.

Điều dưỡng Yến 31 tuổi. Nhân viên chăm sóc giảm nhẹ. Ranh giới rõ, nói thẳng, làm chắc. Dạy Minh "xin phép – lắng nghe – hiện diện".

Bác sĩ Khải 40 tuổi. Bác sĩ phụ trách giảm nhẹ. Giải thích lựa chọn cuối đời bằng ngôn ngữ đời thường, giữ vững phẩm giá người bệnh.

Tùng 17 tuổi. Bạn Minh. Thiện ý nhưng nông nổi thời mạng xã hội; hành động chia sẻ clip khiến "bão dư luận" bùng lên.

Anh Lợi 28 tuổi. Xe ôm/ giao hàng, đồng hương. Thực tế, thương người, là chiếc cầu giữa phố và quê (xe khách đêm, tin mưa nguồn).

Ông Bảy Tính 55 tuổi. Họ hàng/đại diện "lời làng". Nặng danh dự, dễ phán xét; tạo xung đột đạo hiếu.

Bà Mến **60 tuổi**. Hàng xóm trọ/ người bán cháo đêm gần bệnh viện. Tình người mộc, hay giúp mà không nói nhiều.

Người thất lạc (Chú Hậu) 50 tuổi. Một mảnh sự thật của quá khứ. Cuộc gặp cuối giúp cụ Lợi "trả nợ danh dự" và giải oan.

Nhóm thiện nguyện "Áo Mưa" Sinh viên/ tình nguyện viên. Xuất hiện đúng lúc để khắc họa "lá lành đùm lá rách" nhưng không làm quá.

PHẦN I: LÊN PHỐ

(Nắng gió và những bậc thềm trắng)

Có những cuộc rời nhà không kèn không trống, chỉ có một cái túi vải buộc miệng bằng sợi dây thun cũ và một câu dặn dò nói nhỏ như sợ gió nghe thấy.

Minh rời núi vào một sáng gió Lào thổi rát mặt. Trên con đường đất đỏ ngoằn ngoèo chạy qua rừng keo, nắng đã bốc lên mùi nhựa cây, mùi cỏ cháy, mùi bùn khô nứt nẻ. Xa xa, dải núi trập trùng đứng im như người già quen chịu đựng, không kêu than, chỉ nhìn tĩnh lặng.

Mạ Hường tiễn Minh ra tận bãi xe, cái dáng gầy của mạ lẫn vào những bóng người chờ chuyến. Mạ không khóc. Mạ của Minh ít khi khóc trước mặt ai, kể cả trước mặt Minh. Mạ nén nước mắt bằng một thứ tự trọng cứng như đá núi.

"Lên đó… nhớ học." Mạ nói, mắt nhìn vào khoảng không chứ không nhìn thẳng vào Minh. "Đừng bày đặt ham chơi."

Minh gật đầu. Anh muốn cười cho mạ yên lòng nhưng môi không nhấc nổi. Trong lòng Minh, cái chữ *học* bỗng nặng như bao gạo. Học để thoát nghèo. Học để mạ khỏi cúi lưng mãi. Học để một ngày nào đó, khi ai đó trong nhà ho ra máu giữa đêm, Minh không phải chạy theo những hành lang trắng mà chỉ biết đứng nhìn.

Xe khách đến, xả một hơi nóng hầm hập như thở ra cái mệt của đường dài. Người ta chen lên, vai chạm vai, túi đụng túi. Minh xách balô, bước lên từng bậc. Mạ đứng dưới, tay bấu vào quai túi như thể chỉ cần buông ra là Minh sẽ trôi khỏi mạ.

"Có chi… gọi về." Mạ nói thêm, giọng hẫng đi một chút ở chữ *chi*. Nhưng mạ không nói tiếp. Người miền núi Hà Tĩnh hay vậy: có những chữ xấu không gọi tên, sợ gọi tên rồi nó đến thật.

Minh nhìn xuống. Mạ nhìn lên. Hai ánh mắt gặp nhau giữa tiếng còi xe thúc giục.

Minh bất chợt nhớ lời cụ Lợi năm nào, một bữa Minh được điểm mười, cụ vỗ vai: “Có chữ thì phải có lòng.” Lúc ấy Minh chỉ cười, tưởng cụ nói cho vui. Giờ nghĩ lại, câu ấy giống lời gửi gắm.

Xe lăn bánh. Mạ nhỏ dần sau lớp kính bụi. Minh quay mặt đi, không phải vì hết thương, mà vì nhìn thêm nữa thì cổ họng sẽ nghẹn.

Thành phố đón Minh bằng một thứ nắng khác.

Nắng ở phố không rát mặt như nắng núi, nhưng nó nóng kiểu hầm hập, thở cũng thấy nặng. Nhà cửa chồng lên nhau, biển hiệu dày đặc, xe cộ như dòng nước không có chỗ cạn. Minh lạc giữa những ngã tư, trong tiếng còi, tiếng người, tiếng loa. Ở đây, ai cũng vội. Vội như thể nếu chậm một nhịp thì sẽ bị bỏ lại.

Minh thuê một căn trọ ở ven bệnh viện. Nói là “căn” cho sang, chứ thật ra là một góc phòng tách bằng tấm ván ép, vừa đủ đặt một cái giường sắt và một cái bàn con. Đêm đầu tiên, Minh nằm nghe tiếng xe cứu thương hú ngoài đường, tim đập lệch đi một nhịp.

Anh tự nhủ: *Ở gần viện cho tiện.*
Tiện học. Tiện làm thêm. Tiện chạy việc khi cần.

Nhưng thật ra Minh chọn gần viện vì mạ nói: “Lỡ có chuyện, ở gần viện còn kịp.” Mạ nói câu ấy như nói chuyện thời tiết, nhưng Minh nghe ra nỗi sợ phía sau.

Những ngày đầu, Minh sống như một cái máy.

Sáng học. Chiều làm thêm ở tiệm photocopy gần cổng bệnh viện. Tối về trọ, ăn cơm hộp rẻ tiền, rồi học tiếp. Đôi khi Minh đứng ở cửa tiệm nhìn dòng người kéo vào viện: người ôm con nhỏ, người dìu ông già, người xách túi đồ, mắt đỏ hoe. Minh nhìn như nhìn vào một chiếc gương lớn: ai rồi cũng có một ngày bước qua cổng ấy.

Minh ghét bệnh viện. Nhưng bệnh viện ở đây như một cái chợ buồn, lúc nào cũng đông, lúc nào cũng thiếu chỗ, lúc nào cũng nghe tiếng gọi tên.

Đêm nào mạ cũng gọi, hỏi một câu y như cũ:

“Ăn chưa?”

Minh đáp “rồi” dù đôi khi chưa. Ở quê, hỏi “ăn chưa” là hỏi “con có ổn không”. Minh không muốn mạ lo thêm.

Một lần, mạ gọi lúc Minh vừa dọn hàng xong, tay còn dính mực photocopy.

“Mưa rồi, Minh ạ.” Mạ nói. “Trên ni mưa rồi. Ngàn Sâu bắt đầu đục nước.”

Minh đứng lặng. Chỉ cần nghe "Ngàn Sâu" là cả một vùng núi hiện lên trong đầu: con sông ngày thường hiền như dải khăn, đến mùa lũ thì đục ngầu, nước kéo theo gỗ, kéo theo bùn, kéo theo những thứ người ta không kịp giữ.

"Mạ coi chừng." Minh nói.

Mạ im một lát, rồi nói nhỏ:

"Cụ Lợi… dạo ni ho dữ lắm."

Minh không hỏi cụ Lợi là ai nữa. Minh biết. Và Minh cũng biết: một câu nói ở cuối cuộc gọi đôi khi là dấu hiệu của một cuộc đời sắp rẽ.

"Dì Bảy nói hắn cứ nhắc mi. Nói mi lên phố rồi, có chữ rồi… hắn mừng."

Minh nghe thấy tiếng mạ nuốt nước bọt. Mạ không khóc, nhưng giọng mạ mỏng như tờ giấy ướt.

"Mi bữa ni… có rảnh không?" mạ hỏi, hỏi xong như sợ mình vừa làm điều không nên. "Nếu rảnh… mi chạy qua viện… coi có ai… coi có chỗ nào… người ta nói có cái đơn vị chi đó… chăm sóc… giảm nhẹ…"

Minh nắm chặt điện thoại. Anh nghe chữ "giảm nhẹ" như nghe một điều gì xa lạ, vừa mềm vừa đau. Ở quê, người ta quen "chạy chữa". Chạy đến cùng. Chạy đến lúc không còn gì để chạy. Còn "giảm nhẹ" nghe như buông. Nhưng mạ không nói "buông". Mạ nói "giảm nhẹ". Như thể mạ cũng đang tập một cách gọi khác để bớt đau.

Minh thở ra, thấy trong ngực có một khoảng trống lạnh.

"Con sẽ tìm hiểu." Minh nói.

Mạ "ừ" một cái, như thở được.

Đêm đó, Minh không ngủ ngay. Anh ngồi bên bàn, mở sách ra rồi lại gấp vào. Ngoài đường, xe cứu thương hú một tiếng dài. Minh nghe tiếng ấy mà nhớ tiếng mưa đập trên mái tôn ở quê. Cả hai đều giống nhau: đến bất ngờ, không hỏi ai, không vì ai mà chậm lại.

Minh tự nhủ: *Mai mình qua viện hỏi.*
Chỉ hỏi thôi. Chỉ hỏi để biết.

Minh không biết rằng, cái "mai" ấy sẽ là bước đầu tiên đưa Minh đến những bậc thềm trắng những bậc thềm không có ghế ngồi cho người mệt và đưa Minh gặp một cô gái Hà Tĩnh nói ít mà làm nhiều, và gặp một ông già ôm túi vải khói bếp như ôm cả một đời.

Minh cũng không biết rằng, khi đã bước vào, có những hành lang không thể bước ra mà vẫn là mình như cũ.

Chương 1: Gió Lào trong căn trọ hẹp

Gió Lào không có hình, nhưng nó có cách làm người ta nhớ đến nó bằng mọi giác quan.

Nó chui qua khe cửa, lùa vào cái phòng trọ hẹp như hộp diêm, quệt một vệt nóng rát lên da. Nó làm cái quạt cũ quay càng nhanh càng vô ích, như một người mệt vẫn cố chạy cho kịp giờ. Nó đẩy mùi tường ẩm, mùi chiếu cói, mùi mực photocopy bám ở đầu ngón tay lên tận cổ họng. Và nó khiến đêm thành phố tưởng như dài hơn, dù đồng hồ vẫn chạy đúng.

Minh nằm nghiêng, mặt hướng ra cửa sổ bé bằng quyển vở. Bên ngoài, một dải trời xám bẩn, dây điện chằng chịt như lưới, xa xa là bóng đèn đường vàng vọt. Tiếng xe máy nẹt pô dưới ngõ, tiếng ai đó cười khàn, tiếng loa nhà bên mở một bài nhạc cũ tất cả dính vào nhau, dày và dính như mồ hôi.

Căn trọ của Minh không đến mức tồi nhất trong dãy, nhưng cũng chẳng có gì để gọi là "ở được" nếu người ta có lựa chọn. Một cái giường sắt kêu cót két mỗi lần trở mình. Một cái bàn con kê sát tường, mặt bàn lồi lõm vì nước. Một cái bếp điện mini đặt trên ghế nhựa, bên cạnh là nồi nhôm mẻ quai. Trên tường, mạ Hường dán một tờ lịch quảng cáo thuốc bổ, vừa để coi ngày, vừa để che một vết ố loang.

Mạ Hường ngồi ở góc phòng, lưng quay về phía Minh, trước mặt là một xấp tiền lẻ đặt trên tờ giấy báo. Mạ đếm chậm, đếm kỹ, như thể chỉ cần lỡ một tờ là cái tháng này sẽ đổ.

"... tám mươi... chín mươi... một trăm..." Mạ lẩm bẩm, rồi dừng. Bàn tay mạ dừng trên tờ năm nghìn nhàu. Minh nhìn thấy cổ tay mạ có một vệt hằn đỏ như vết dây buộc, chắc do ngày dài xách đồ, kéo xe, làm việc.

Minh khẽ xoay người. Giường kêu lên một tiếng. Mạ liền quay lại, mắt sắc theo phản xạ—cái sắc của người đã quen canh chừng cuộc sống, sợ nó trượt khỏi tay.

"Ngủ đi," mạ nói, giọng cố mềm nhưng vẫn có cái cứng. "Mai đi học sớm."

Minh "dạ" một tiếng. Anh nhắm mắt lại. Nhưng nhắm mắt không làm đêm bớt nóng. Mồ hôi chạy xuống thái dương, ngứa. Minh nghe tiếng mạ thở nhẹ. Tiếng thở ấy nhỏ, nhưng trong căn trọ hẹp, nó vang lên như một câu nói chưa nói.

Mạ đếm xong, gấp tiền lại, nhét vào cái ví bong mép. Mạ đặt ví xuống, rồi lại nhấc lên, rồi lại đặt xuống. Minh biết cái động tác ấy. Khi mạ làm vậy nghĩa là mạ đang tính một thứ không có số.

Trong đầu Minh hiện lên những con số của tháng này: tiền trọ, tiền điện, tiền học thêm, tiền gửi về quê một ít, tiền ăn... và cả cái khoảng trống đen ngòm: nếu có chuyện gì thì sao?

"Gió ni..." mạ nói, như nói với cái quạt. "Gió ni ở quê là có mưa. Mà mưa cái là..."

Mạ bỏ lửng. Người miền núi Hà Tĩnh hay bỏ lửng. Không phải vì không biết nói tiếp, mà vì nói tiếp ra có thể thành gọi. Gọi lũ. Gọi tai ương. Gọi điều xấu tới cửa.

Minh mở mắt, nhìn trần nhà. Trần nhà có một vệt nứt chạy dài, như một đường ranh giới mỏng manh giữa yên và không yên.

Chuông điện thoại rung.

Không phải tiếng chuông, mà là tiếng rung. Cái điện thoại đặt trên góc bàn, rung từng nhịp nhỏ trên mặt gỗ, nhưng trong căn phòng im, nó giống như tiếng gõ cửa.

Mạ giật mình. Minh cũng giật mình. Mạ chộp lấy điện thoại, nhìn màn hình. Ánh sáng xanh hắt lên mặt mạ, làm những nếp nhăn nơi khóe mắt hiện rõ.

“Dì Bảy,” mạ nói. Giọng mạ nhỏ đi hẳn.

Minh nằm im. Anh quay mặt về phía tường, như thể không nghe. Nhưng tai anh căng ra, nghe từng hơi thở.

Đầu dây bên kia có tiếng mưa. Tiếng mưa không lớn, nhưng đều, như ai đó gõ lên mái tôn. Và có cả tiếng gió thổi qua khoảng trống.

“Hường ơi,” dì Bảy nói, giọng lẫn trong tiếng mưa. “Tê mưa to rồi. Đài báo mai mưa nữa. Người ta nói Ngàn Sâu bắt đầu đục nước.”

Mạ không đáp ngay. Minh cảm thấy lòng mình chùng xuống như có ai kéo.

Ngàn Sâu; cái tên ấy trong đầu Minh không phải chỉ là một con sông. Nó là mùa lũ. Là tiếng nước gầm dưới cầu tràn. Là bùn đỏ tràn qua sân. Là mùi ẩm của áo quần phơi mãi không khô. Là những ngày đi học phải xắn quần lội qua suối, sách vở bọc ni lông.

“Cụ Lợi bữa ni ho dữ lắm,” dì Bảy nói tiếp. “Ho cả đêm. Hắn không chịu ăn. Cứ nói… cứ nói muốn về nhìn lại mả ông bà một lần. Nói sợ… sợ nước lên rồi không còn đường.”

Minh nghe đến tên cụ Lợi thì cổ họng khô. Anh nhớ bàn tay cụ—thô, nứt nẻ, sờ vào như vỏ keo—nhưng ấm. Anh nhớ cái cách cụ cười khà khà mỗi lần Minh nói câu gì bướng. Anh nhớ một lần cụ mắng Minh vì Minh đá con chó ghẻ: “Mi nghèo thì mi càng phải thương.”

Mạ khẽ “ừ” một tiếng. Không phải “ừ” cho xong. Là “ừ” như nhận một hòn đá đưa vào tay.

“Dì coi hắn… coi hắn răng?” mạ hỏi, giọng hơi run ở chữ “răng”.

“Hắn yếu lắm rồi. Dì nói thiệt.” Dì Bảy thở dài. “Mà hắn cứ nhắc thằng Minh. Nói thằng Minh lên phố, có chữ, hắn mừng. Rứa mà giờ…”

Dì Bảy lại bỏ lửng. Mạ cũng bỏ lửng. Cái bỏ lửng của hai người phụ nữ giàu chữ “chịu” hơn chữ “nói”.

Minh quay mặt vào tường, mắt mở trừng. Anh thấy mình như đang nằm giữa hai thế giới: một bên là tiếng xe ngoài ngõ, một bên là tiếng mưa nguồn từ quê.

“Dì để tê,” mạ nói. “Có chi dì gọi tui liền.”

“Ừ. Mi coi… nếu được… mi về coi hắn một chuyến. Chứ…” Dì Bảy ngập ngừng. “Chứ lỡ…”

Mạ cắt ngang, giọng cứng lại như kéo vội một tấm màn: “Dì đừng nói rứa. Tui biết rồi.”

Mạ tắt máy.

Căn phòng trở lại im. Nhưng cái im này nặng hơn. Nó có tên. Nó có mùi. Nó có một cái bóng đứng giữa căn trọ, không ai đuổi đi được.

Mạ đặt điện thoại xuống. Mạ ngồi yên rất lâu. Rồi mạ đứng dậy, mở cửa ra một khe. Gió nóng ùa vào.

Minh nghe thấy mạ hít vào một hơi dài—như người vừa chạy đường núi lên dốc.

“Ngủ đi,” mạ nói, nhưng lần này câu đó không còn là dặn dò. Nó giống như cầu xin.

Minh không ngủ.

Anh ngồi dậy. Đèn trong phòng trọ là bóng đèn tuýp nhỏ, ánh sáng trắng bệt. Minh nhìn mạ. Mạ nhìn vào cái ví. Mạ nhìn vào góc phòng nơi treo bộ đồ học của Minh. Rồi mạ nhìn ra cửa, như nhìn về phía núi.

“Mạ…” Minh gọi khẽ.

Mạ quay lại, mắt mạ đỏ nhẹ nhưng không ướt. Mạ không cho phép nước mắt rơi. Nước mắt là thứ xa xỉ. Nó làm người ta yếu. Mạ không được yếu.

“Răng?” mạ hỏi.

Minh muốn hỏi: “Mình làm răng, mạ?” Nhưng câu đó nếu thốt ra sẽ làm mạ trở thành người có thể dựa. Và cả đời này Minh chưa từng thấy mạ dựa vào ai.

Minh nuốt nước bọt. “Cụ Lợi… ho dữ vậy… có đưa xuống viện không mạ?”

Mạ cười khô. Nụ cười không ra tiếng. “Xuống viện… xuống viện thì tiền mô?”

Câu nói rơi xuống như một cái búa gõ vào nền nhà. Tiền mô. Trong cái “mô” ấy là cả một đời.

Minh nhìn xuống bàn tay mình. Những ngón tay còn dính mực đen. Chiều nay Minh đứng ở tiệm photocopy gần cổng bệnh viện, xếp giấy, bấm máy, nghe người ta gọi tên bệnh nhân. Minh biết cái cổng ấy, biết mùi hành lang, biết tiếng xe cứu thương hú dài. Minh ghét bệnh viện. Nhưng Minh cũng biết bệnh viện là chỗ duy nhất người ta bấu vào khi không còn gì.

“Con đi làm thêm nữa,” Minh nói, giọng nhỏ nhưng chắc. “Con kiếm thêm.”

Mạ lập tức sắc lại: “Mi đang học. Học cho ra học. Đừng bày đặt.”

Minh im. Câu “đừng bày đặt” giống cái roi quen thuộc. Mạ nói vậy khi mạ sợ. Sợ Minh khổ. Sợ Minh trượt khỏi cái đường duy nhất có thể thoát nghèo.

Nhưng Minh thấy trong ngực mình có một thứ cứng lên. Không phải cứng đầu. Là một quyết định.

“Con làm ít thôi,” Minh nói. “Con không bỏ học.”

Mạ nhìn Minh. Lâu. Rồi mạ quay đi. Giọng mạ thấp hơn: “Mi… mi cứng đầu y như cha mi.”

Minh không đáp. Anh chưa kịp nhớ mặt cha. Cha mất sớm. Cha trong nhà chỉ là một cái tên được nhắc trong những lúc mạ mệt quá.

Mạ ngồi xuống. Mạ kéo cái khăn quấn tóc ra, lau cổ. Cổ mạ có vết rát vì nóng. Mạ nói, như tự nói: “Cụ Lợi cả đời chịu. Cũng không muốn phiền ai. Mà đến lúc ni… cũng chỉ sợ phiền.”

Minh nghe chữ “phiền” mà thấy cay. Ở quê, người già sợ phiền con cháu hơn sợ chết. Họ giấu đau như giấu nợ. Họ cười cho con yên, rồi quay mặt vào tường ho một mình.

“Mạ,” Minh nói, “mai con qua viện hỏi.”

“Mi hỏi chi?” mạ hỏi, giọng vội.

“Có cái đơn vị… chăm sóc giảm nhẹ.” Minh nói chậm. “Người ta… người ta biết cách giảm đau. Con hỏi xem…”

Mạ im.

Minh nhìn mạ và thấy lần đầu mạ không phản đối ngay. Mạ sợ. Nhưng mạ cũng mệt. Và mạ—như mọi người đàn bà nghèo—đã quen phải chọn giữa những cái đau.

“Mi hỏi… thì hỏi,” mạ nói, mắt nhìn xuống. “Nhưng… đừng có dại mà tin lời người ta bán thuốc.”

Minh “dạ”.

Đêm đó, Minh nằm xuống. Mắt anh nhắm, nhưng trong đầu vẫn chạy. Chạy như xe khách đêm về Hà Tĩnh: đèn pha quét qua bóng tối, qua những đoạn đường vắng, qua những khúc cua không báo trước.

Minh nhớ lại lần đầu gặp cụ Lợi. Khi ấy Minh còn nhỏ, theo mạ về quê sau một mùa lũ. Nhà cụ Lợi ở sát chân đồi, bếp lúc nào cũng có khói. Cụ nhìn Minh một hồi, rồi đưa cho Minh một bát cơm độn khoai, nói: "Ăn đi. Đừng nhìn. Nghèo thì ăn."

Minh ăn và thấy ngon. Không phải vì cơm. Vì cái cách người ta không làm mình xấu hổ.

Minh lại nhớ câu cụ nói hôm Minh được điểm mười: "Có chữ thì phải có lòng." Hồi đó Minh cười, nghĩ cụ nói cho oai. Giờ Minh thấy câu ấy như một lời dặn.

Ngoài ngõ, xe cứu thương hú lên một tiếng dài. Minh giật mình, ngồi bật dậy. Tim đập mạnh.

Anh nhìn ra cửa sổ. Trời thành phố không tối hẳn, lúc nào cũng có ánh đèn. Minh bỗng nghĩ: ở nơi sáng như vậy, sao người ta vẫn sợ?

Minh ngồi yên một lúc, rồi lấy điện thoại, mở danh bạ. Tên "Dì Bảy" hiện lên. Minh định bấm gọi. Rồi anh dừng lại.

Anh không biết gọi để nói gì.

Ở tuổi mười bảy, có những câu hỏi mà người ta chưa có quyền hỏi. Và có những câu trả lời mà người ta chưa có sức nghe.

Minh đặt điện thoại xuống, nằm lại. Anh nhắm mắt. Trong bóng tối, anh thấy ra trước mắt một hành lang trắng dài, người ta đi qua đi lại, tiếng dép kéo lê, tiếng gọi tên. Anh thấy một tờ giấy viện phí. Anh thấy một người già ho ra máu giữa đêm. Anh thấy mạ đếm tiền lẻ.

Gió Lào vẫn thổi, nóng như lửa.

Sáng hôm sau, nắng đã lên từ sớm. Minh dậy trước mạ. Anh rửa mặt bằng nước lạnh trong cái chậu nhựa, nước mát chỉ được một giây rồi lại nóng. Minh mặc áo sơ mi, cài cúc chậm. Anh nhìn mình trong gương nhỏ treo trên tường. Mắt hơi thâm vì thiếu ngủ. Da sạm. Nhưng nhìn kỹ, anh thấy ở mắt mình có một thứ mới: một chút quyết liệt.

Mạ Hường dậy, nhìn Minh, hỏi như mọi ngày: "Ăn chưa?"

Minh đáp "rồi" dù chỉ uống vội một cốc nước. Mạ không hỏi thêm. Mạ biết Minh nói dối. Nhưng mạ cũng biết: có những dối trá để người ta đỡ lo.

Minh đạp xe đến trường. Đường phố nóng hầm hập. Người ta chen nhau, ai cũng vội. Minh bước vào lớp, ngồi xuống. Cô chủ nhiệm vào, mặt nghiêm.

"Minh," cô gọi. "Điểm rèn luyện của em chưa đủ. Em phải tham gia hoạt động cộng đồng. Trong tháng này."

Minh nhận tờ giấy cô đưa. Trên giấy có dấu đỏ. Danh sách địa điểm: bếp ăn từ thiện, nhà mở, viện dưỡng lão… và một dòng cuối:

Đơn vị chăm sóc giảm nhẹ – Bệnh viện.

Minh nhìn dòng chữ ấy, thấy sống lưng lạnh. Đời có cách riêng để đưa người ta trở lại những nơi người ta sợ.

Tan học, Minh không về trọ ngay. Anh đạp xe thẳng đến cổng bệnh viện. Cổng cao, người ra vào như nước. Mùi thuốc sát trùng tạt ra. Minh đứng lại một lúc. Tim anh đập nhanh.

Anh nhớ đêm qua mạ nói: "Cụ Lợi ho dữ lắm." Anh nhớ câu dì Bảy: "Hắn cứ nhắc thằng Minh."

Minh hít vào.

Một cô gái mặc áo blouse trắng đi ngang. Tóc buộc gọn, cổ áo sạch, tay ôm xấp hồ sơ. Cô nhìn Minh một giây. Không hỏi "em ổn không" kiểu người ta hay hỏi. Cô chỉ nói, giọng gọn:

"Em đi tình nguyện hả? Đứng dịch qua. Chỗ ni người ta thở khó."

Minh giật mình, dịch qua.

Cô đi tiếp. Mùi xà phòng nhạt và mùi nắng trên áo cô lướt qua. Minh nhìn theo bóng lưng ấy và tự nhiên nghĩ: người Hà Tĩnh con gái—nếu đúng là cô ấy người Hà Tĩnh—họ không cần nói nhiều để người ta nghe.

Minh bước vào cổng.

Những bậc thềm trắng hiện ra trước mặt anh. Lát đá lạnh dưới chân, dù trời nóng. Minh đặt tay lên lan can. Lan can mát lạnh. Và anh hiểu: cái lạnh của bệnh viện không nằm ở nhiệt độ, mà nằm ở chỗ người ta phải đối diện những điều không muốn nhìn.

Minh bước thêm một bậc.

Đúng lúc ấy, điện thoại trong túi anh rung. Màn hình sáng lên: **Mạ**.

Minh đứng giữa những bậc thềm trắng, nghe tim mình đập, rồi bấm nghe.

"Mạ?" Minh nói.

Đầu dây bên kia, giọng mạ khàn: "Minh à… cụ Lợi… hắn ho ra máu."

Minh đứng yên. Cái nóng của gió Lào ngoài trời như lùi lại, nhường chỗ cho một thứ lạnh chạy dọc sống lưng.

"Mi… mi coi răng… mi hỏi giùm mạ… hỏi giùm coi cái đơn vị ni… người ta…"

Mạ dừng lại, như nghẹn. Minh nghe thấy tiếng mạ thở gấp. Minh tưởng tượng mạ đang đứng ở phòng trọ, tay bám vào mép bàn, mắt nhìn vào khoảng trống.

Minh siết chặt điện thoại.

“Con đang ở viện,” Minh nói. Giọng anh không còn là giọng của một đứa trẻ. “Con sẽ hỏi.”

Ở đầu dây bên kia, mạ im. Rồi mạ “ừ” một tiếng rất nhỏ. Nhưng trong cái “ừ” ấy có cả biết ơn lẫn sợ hãi.

Minh tắt máy.

Anh nhìn lên hành lang phía trước. Dài. Trắng. Người đi lại. Tiếng gọi tên. Tiếng dép. Tiếng thở.

Minh bước tiếp.

Gió Lào vẫn thổi ngoài kia. Nhưng từ giây phút này, Minh biết: có những cơn gió không thổi ngoài cửa. Nó thổi trong lòng người. Và có những căn phòng trọ hẹp đến mức không chứa nổi một nỗi lo, nỗi lo sẽ tràn ra, dẫn người ta đến những bậc thềm trắng.

Minh bước qua bậc cuối cùng.

Chương 2: Tờ giấy rèn luyện và cánh cửa trắng

Tờ giấy rèn luyện mỏng như một cái thở dài, nhưng lại có quyền lực kỳ lạ: nó có thể đẩy một đứa học sinh vào đúng nơi nó sợ nhất.

Minh cầm tờ giấy trên tay, bước chậm qua sân bệnh viện như bước vào một vùng khí hậu khác. Nắng ngoài cổng còn nóng như táp lửa, nhưng vừa qua khỏi hàng cây, cái lạnh của máy điều hòa trong sảnh đã quất thẳng vào mặt. Lạnh kiểu bệnh viện: lạnh sạch sẽ, lạnh vô cảm, lạnh làm người ta tỉnh ra trong một giây rằng ở đây, mọi chuyện đều có thể xảy ra.

Anh nhìn tờ giấy một lần nữa.

Dấu đỏ. Chữ đen. Dòng “hoạt động cộng đồng” nằm giữa trang giấy như một mệnh lệnh không cần giải thích. Bên dưới là danh sách địa điểm, và cái tên Minh đã nhìn thấy từ trưa, giờ đọc lại vẫn thấy cổ họng khô:

Đơn vị chăm sóc giảm nhẹ.

“Giảm nhẹ”... nghe như một cách nói vòng. Ở quê anh, người ta ít khi nói vòng về chuyện đau. Người ta nói thẳng: “đau”, “nặng”, “cầm cự”, “hết thuốc”. “Giảm nhẹ” đối với Minh giống như một cánh cửa mở ra một nơi mà người ta không chạy chữa nữa. Mà không chạy chữa thì... là buông?

Minh chưa kịp trả lời câu hỏi đó, vì điện thoại vừa báo: **cụ Lợi ho ra máu**.

Câu ấy rơi vào Minh như một hòn đá. Nó làm tất cả những điều Minh từng né tránh chợt trở nên gần đến mức không kịp quay đi. Minh đứng giữa sân bệnh viện, gió nóng và gió lạnh giao nhau trên mặt, như thể đời đang thử xem anh chịu được đến đâu.

Anh nhét tờ giấy vào balô, thở ra, đi thẳng vào khu nhà bên trái nơi bảng chỉ dẫn ghi các khoa phòng. Chữ trên bảng vừa nhiều vừa rối, giống như cuộc sống trong bệnh viện: ai cũng vội, ai cũng cần, ai cũng có một nỗi lo riêng.

Ở quầy hướng dẫn, một cô nhân viên đang trả lời điện thoại. Minh đứng chờ, nhìn quanh.

Người ta ngồi kín băng ghế. Có người ôm túi đồ, có người bế đứa nhỏ ngủ gục, có người tựa lưng vào tường, mắt nhìn vô định như nhìn xuyên qua cả những dòng chữ thông báo. Ở đây, thời gian trôi theo một kiểu khác. Nó không theo kim đồng hồ, mà theo tiếng gọi tên, theo số thứ tự, theo nhịp thở của người thân nằm đâu đó phía trong.

Cô nhân viên tắt máy, ngẩng lên: “Em cần gì?”

Minh đưa tờ giấy rèn luyện ra. “Dạ... em cần đăng ký hoạt động cộng đồng. Em thấy có... đơn vị chăm sóc giảm nhẹ.”

Cô nhân viên nhìn tờ giấy, rồi nhìn Minh từ đầu tới chân, ánh mắt như cân đo: “Em học sinh?”

“Dạ.”

“Có người lớn đi cùng không?”

Minh lắc đầu.

Cô nhân viên thở nhẹ, chỉ tay về phía hành lang: “Em qua khu nhà D, tầng ba. Hỏi phòng Công tác xã hội. Nhớ mang theo căn cước, thẻ học sinh. Ở đó họ làm giấy.”

Minh gật đầu, quay đi.

Đến cầu thang, Minh chợt nhớ lời cô gái áo blouse lúc nãy: “Đứng dịch qua. Chỗ ni người ta thở khó.” Câu nói gọn, không thừa một chữ. Minh không biết tên cô. Anh chỉ nhớ bóng lưng thẳng, và cách cô đi như đã quen với những hành lang dài.

Minh bước lên cầu thang. Mỗi bậc thềm lạnh và sạch, khiến anh nghĩ đến những bậc thềm ở quê mùa mưa; bùn trơn, chân dính đất, bước nào cũng nghe tiếng dép bẹp bẹp. Hai thứ bậc thềm ấy khác nhau, nhưng đều dẫn người ta đến một chỗ phải đối diện.

Tầng ba. Minh đi theo bảng chỉ dẫn "Công tác xã hội".

Trước cửa phòng, có một tấm biển nhỏ ghi giờ làm việc và một câu nhắc: *Vui lòng giữ trật tự*. Minh đứng lại, hít một hơi, gõ cửa.

"Vào đi."

Trong phòng, một chị khoảng ngoài ba mươi đang sắp xếp hồ sơ. Trên bàn có một bình nước lọc, một chồng giấy dày, và một cái hộp đựng bút. Chị ngẩng lên, nhìn Minh: "Em đăng ký tình nguyện?"

Minh đưa giấy. "Dạ. Em… cần đủ điểm rèn luyện."

Chị cầm lấy, lật qua lật lại, rồi hỏi: "Em muốn tham gia ở đâu?"

Minh nhìn xuống giấy như nhìn xuống một cái số phận. "Dạ… đơn vị chăm sóc giảm nhẹ."

Chị hơi khựng lại. Ánh mắt chị không còn là kiểu ánh mắt hành chính nữa. Nó mềm đi một chút, như thể chị đang cân nhắc xem đứa trước mặt có chịu được hay không.

"Em đã từng vào đó chưa?"

Minh lắc đầu.

"Em biết ở đó làm gì không?"

Minh muốn nói "em không biết", nhưng lại sợ bị đuổi về. Anh nuốt khan: "Dạ… chăm sóc… người bệnh nặng."

Chị gật nhẹ. "Ở đó không phải ai cũng chịu được. Có người vào một buổi là xin chuyển. Em suy nghĩ kỹ. Chăm sóc giảm nhẹ là chăm cho người ta đỡ đau, đỡ cô đơn. Không phải là chạy chữa để khỏi."

Minh nghe chữ "cô đơn" mà tim đập lệch đi một nhịp. Anh nghĩ tới cụ Lợi một ông già cả đời sợ phiền con cháu, chắc sẽ ghét nhất là chết trong cô đơn.

Minh đáp: "Dạ. Em muốn… thử."

Chị nhìn Minh thêm một lần nữa, rồi kéo một tờ giấy khác ra: "Vậy em điền thông tin vào đây. Đây là cam kết. Em chỉ làm việc nhẹ: đọc sách, trò chuyện, hỗ trợ bếp ăn, dọn dẹp đơn giản. Tuyệt đối không tự ý chạm vào thiết bị y tế. Không quay phim chụp ảnh. Không đăng mạng."

Minh cầm bút. Khi chị nói "không đăng mạng", Minh nhớ đến cái cách chuyện người ta bị xé ra ngoài đời chỉ bằng một cú bấm. Anh gật đầu, viết từng chữ vào ô trống. Tên. Tuổi. Trường. Địa chỉ trọ.

Viết xong, Minh đưa lại. Chị đóng dấu một cái "cộp", dặn: "Chiều nay em lên đơn vị giảm nhẹ, gặp điều dưỡng trưởng. Họ sẽ hướng dẫn. Nhớ đi sớm. Đừng đi một mình ở hành lang tối."

Minh cười gượng. "Dạ."

Anh cất giấy vào balô, bước ra hành lang.

Ở cuối hành lang, ánh sáng trắng rọi xuống nền gạch. Minh đi dọc theo tường, vô thức né những người đang ngồi chờ, như sợ chạm vào nỗi lo của họ sẽ lây sang mình. Trong đầu anh, câu hỏi cứ lặp lại: *giảm nhẹ là gì?* Nếu cụ Lợi nặng, liệu "giảm nhẹ" có nghĩa là… chấp nhận?

Minh ghét chữ "chấp nhận". Nó giống một cái gật đầu bất lực. Minh muốn "làm được gì đó". Muốn "kịp". Nhưng đời nhiều khi không cho kịp.

Điện thoại rung.

Minh bắt máy. "Mạ."

Giọng mạ khàn và thấp: "Mi đang ở viện à?"

"Dạ."

"Mạ vừa gọi dì Bảy. Hắn… hắn ho ra máu rồi lại thôi. Giờ hắn mệt. Dì nói chắc phải đưa xuống huyện." Mạ nuốt nước bọt. "Mi… mi hỏi giùm mạ coi… có chỗ nào… người ta chăm sóc… cái kiểu giảm nhẹ đó… răng… có giúp được không."

Minh nghe thấy trong giọng mạ có một thứ khác: không chỉ lo, mà còn xấu hổ. Xấu hổ vì phải nhờ con. Vì nghèo. Vì không có cách.

"Con đang làm giấy." Minh nói, giọng chắc. "Chiều con lên đơn vị đó."

Mạ im một nhịp, rồi "ừ" nhỏ. Mạ cố hỏi thêm một câu bình thường để che đi sự run: "Ăn chi chưa?"

Minh muốn nói thật, nhưng anh chọn cách mạ hay chọn: "Dạ rồi."

Mạ "ừ" và tắt máy.

Minh đứng một lúc, nhìn xuống cầu thang. Người đi lên đi xuống như một dòng nước. Minh cảm giác mình đang đứng giữa một thác. Một bên là trường, là thi cử, là tương lai. Một bên là bệnh viện, là cụ Lợi, là những ngày cuối đời của người già. Minh chỉ mới mười bảy, mà đời đã kéo anh đi bằng hai tay, không cho anh đứng yên.

Chiều, Minh xin nghỉ ở tiệm photocopy sớm hơn thường lệ. Ông chủ nhìn Minh, nhíu mày: “Mày nghỉ nữa à? Nghỉ hoài ai làm?”

Minh cúi đầu: “Dạ… nhà con có việc.”

Ông chủ lẩm bẩm gì đó, rồi phẩy tay. Minh không trách. Ở phố, ai cũng đang sống bằng một sợi dây căng. Mỗi lần ai đó đòi nới dây, người khác sẽ giật lại vì sợ mình rơi.

Minh bước ra, nắng hắt vào mắt. Anh đạp xe về trọ, thay áo, rửa mặt. Mạ Hường đang ngồi ở góc phòng, gấp mấy cái áo cũ như thể gấp cho bớt lo.

“Mi đi mô?” mạ hỏi.

Minh đeo balô. “Con lên đơn vị giảm nhẹ. Con hỏi.”

Mạ nhìn Minh, ánh mắt vừa lo vừa tự hào, nhưng mạ không nói. Mạ chỉ dặn: “Coi chừng. Người ta nói chi thì nghe. Đừng có cãi.”

Minh gật đầu.

Anh bước ra khỏi trọ. Con đường dẫn vào bệnh viện quen rồi, nhưng hôm nay chân Minh nặng khác. Anh không đi như người đến hỏi chuyện. Anh đi như người đến nhận một phần đời.

Khu nhà D, tầng ba.

Minh đứng trước thang máy, nhưng thang máy đông. Anh chọn cầu thang. Mỗi bậc lên là một cái nhịp tim.

Tới nơi, anh thấy bảng “Đơn vị chăm sóc giảm nhẹ” nhỏ hơn anh tưởng. Không có tiếng ồn như khoa cấp cứu, không có cảnh chạy vội. Hành lang ở đây sạch và yên, đến mức nghe rõ tiếng dép của mình.

Minh dừng lại trước một cánh cửa.

Cánh cửa trắng.

Không có gì đặc biệt ngoài màu trắng, nhưng Minh thấy nó như một ranh giới. Đằng sau cánh cửa đó, người ta sống một kiểu khác. Người ta nói chuyện bằng giọng khác. Người ta khóc cũng khác. Người ta im lặng cũng khác.

Minh đưa tay lên, do dự.

Trong lúc anh còn đang đứng, có tiếng bước chân từ phía sau. Minh quay lại.

Cô gái áo blouse mà Minh gặp lúc trưa đang đi tới. Vẫn tóc buộc gọn. Vẫn bước chân chắc. Cô nhìn Minh, nhìn cánh cửa, rồi nhìn tờ giấy trong tay Minh.

“Em là Minh?” cô hỏi, giọng như đã biết.

Minh giật mình. “Dạ… chị là…”

Cô không trả lời câu hỏi, chỉ nói: “Đi tình nguyện phải không?”

Minh gật.

Cô đưa tay: “Giấy.”

Minh đưa giấy. Cô xem nhanh, gật đầu: “Được. Vào đi. Nhưng trước khi vào—bỏ điện thoại vào túi. Để im. Không quay, không chụp. Không đăng. Ở đây người ta cần yên.”

Minh gật, nhét điện thoại sâu vào balô.

Cô nhìn Minh thêm một giây, rồi nói: “Chị là An.”

Chỉ một câu. Không giới thiệu dài. Không cười xã giao. Nhưng Minh nghe tên cô như nghe một cái neo. Anh không biết tại sao.

“Chị… người Hà Tĩnh?” Minh hỏi, không hiểu sao hỏi vậy.

An nhìn Minh, khóe mắt hơi cong, như một nụ cười rất nhỏ. “Ừ. Mi… cũng Hà Tĩnh?”

Minh gật. “Dạ. Con… miền núi.”

An không hỏi thêm. Chỉ “ừ” một tiếng, như đã hiểu hết. Người đồng hương gặp nhau ở phố, nhiều khi không cần kể dài. Chỉ cần nghe giọng là biết trong nhau có những mùa mưa giống nhau.

An đưa tay gõ cửa, đẩy nhẹ.

Cánh cửa trắng mở ra.

Mùi bên trong không nồng thuốc như Minh tưởng. Nó là mùi sạch của ga giường, mùi xà phòng nhẹ, và một mùi rất lạ: mùi thời gian.

Trong phòng, ánh sáng dịu hơn, không trắng gắt. Có mấy giường, khoảng cách vừa đủ. Trên mỗi giường, một người bệnh nằm hoặc ngồi dựa. Có người nhắm mắt, có người nhìn ra cửa sổ. Không ai ồn ào.

Minh thấy cổ họng mình thắt lại.

Một chị điều dưỡng lớn tuổi hơn An bước tới, nhìn An rồi nhìn Minh: “Tình nguyện mới?”

An gật: “Dạ. Em dẫn vào.”

Chị điều dưỡng nhìn Minh: “Em tên gì?”

“Dạ… Minh.”

“Em biết làm gì chưa?”

Minh lắc.

Chị điều dưỡng không cười, nhưng giọng không khó: "Ở đây, em chỉ cần nhớ ba điều. Một: xin phép trước khi làm bất cứ gì với người bệnh, dù chỉ là kéo chăn. Hai: đừng hứa bừa. Đừng nói 'bác sẽ khỏi', 'bác sẽ ổn'. Ba: nếu không biết nói gì thì im, nhưng im ở cạnh, đừng im rồi bỏ đi."

Minh nghe ba điều ấy mà thấy trong ngực có gì đó mềm ra. Nó khác với tất cả những lời đạo lý Minh từng nghe. Nó là lời của người đã sống với chia ly đủ lâu để biết điều gì có ích.

Chị điều dưỡng hỏi: "Em sợ không?"

Minh giật mình, không kịp giấu. "Dạ… có."

Chị điều dưỡng gật, như thể điều đó bình thường: "Sợ thì đứng nép sau An một lát. Khi nào thở được thì làm."

Minh quay sang An. An không nói "đừng sợ". An chỉ kéo ghế ra, đặt cạnh giường gần nhất: "Ngồi."

Minh ngồi xuống. Tay anh hơi run. Anh nhìn người bệnh trên giường: một ông già gầy, ngực phập phồng, mắt nhắm. Trên bàn cạnh giường là một túi vải bạc màu.

Minh sững.

Túi vải khói bếp.

Không thể nhầm được.

Ông già mở mắt, nhìn Minh. Ánh mắt ấy tuy mệt nhưng vẫn có cái sáng quen thuộc. Ông nhìn Minh một hồi, rồi cười nhẹ, khóe miệng nhăn lại như đất nứt gặp mưa.

"Mi tới rồi à," ông nói, giọng khàn mà chắc. "Tau tưởng mi quên đường."

Minh thấy mắt mình cay.

"Cụ…" Minh thì thào.

Cụ Lợi nhìn An, rồi nhìn Minh, như chốt một điều: "Ở đây… đừng làm ầm. Tau sợ phiền."

An đứng phía sau, đặt nhẹ tay lên thành giường, nói nhỏ: "Cụ cứ thở. Tụi con ở đây."

Minh không biết phải nói gì. Trong đầu anh, tất cả những câu chữ học ở trường bỗng vô dụng. Anh chỉ biết ngồi đó, nhìn bàn tay cụ Lợi đang ôm cái túi vải, nhìn đôi môi cụ khô, nhìn lồng ngực cụ phập phồng như một tờ giấy mỏng.

Minh nhớ lời chị điều dưỡng: *Nếu không biết nói gì thì im, nhưng im ở cạnh, đừng im rồi bỏ đi.*

Minh không nói nữa. Anh chỉ ngồi.

Cánh cửa trắng phía sau khép lại, nhẹ như một tiếng thở.

Và Minh hiểu: tờ giấy rèn luyện đưa anh tới đây chỉ là cái cớ. Thứ đưa anh thật sự bước qua cánh cửa trắng là một sợi dây vô hình mang tên **tình người**—mỏng, nhưng kéo được cả một đời người lại gần nhau trong lúc cuối.

Ngoài kia, gió Lào vẫn nóng.

Trong này, Minh lần đầu thấy một thứ khác: một khoảng yên hiếm hoi, nơi người ta không chạy, không gồng, chỉ cố làm cho nhau bớt đau.

Kết thúc ở đó ngay khoảnh khắc Minh ngồi xuống bên giường cụ Lợi, và hiểu rằng từ hôm nay, anh sẽ học một môn học không có trong sách: học cách ở bên.

Chương 3: Hành lang mùi thuốc, ký ức mùi bùn

Mùi thuốc sát trùng có một kiểu thẳng thừng của nó.

Nó không vòng vo. Nó không hỏi người ta có muốn nhớ hay không. Nó cứ thế chui vào mũi, đi thẳng xuống cổ họng, kéo theo một cảm giác lạnh và sạch đến mức nhói. Minh từng nghĩ mình ghét mùi ấy vì nó khó chịu. Nhưng khi ngồi trong đơn vị chăm sóc giảm nhẹ, lưng tựa ghế nhựa, tay đặt lên đầu gối để khỏi run, Minh mới hiểu: thứ anh ghét không phải mùi thuốc, mà là những gì mùi thuốc kéo về.

Ở giường bên trái, cụ Lợi nằm nghiêng, vẫn ôm chặt cái túi vải bạc màu như ôm một phần đời. Hơi thở cụ mỏng, nhưng đều. Mỗi lần cụ thở ra, lồng ngực xẹp xuống, Minh lại vô thức nín thở theo, như sợ chỉ cần mình thở mạnh quá thì nhịp thở của cụ sẽ đứt.

An đứng cạnh giường, kiểm tra dây truyền, rồi chỉnh lại cái gối sau lưng cụ. An làm mọi thứ nhẹ và gọn. Không một động tác thừa. Không hỏi nhiều. Không dỗ dành kiểu nói cho có.

“Cụ đau chỗ mô?” An hỏi, giọng nhỏ.

Cụ Lợi nhíu mày, ra dấu bằng tay: “Ở ngực… với lưng.”

An gật. “Tụi con báo điều dưỡng.”

Cụ khẽ “ừ”, rồi nhìn Minh: “Mi ngồi chi tê? Ngồi gần đây.”

Minh dịch ghế lại gần giường. Bánh ghế kêu nhẹ trên nền gạch. Cụ Lợi nhìn Minh một lúc, như nhìn cho kỹ, rồi chậc lưỡi:

“Gầy.”

Minh cười gượng. “Dạ… con ăn vẫn được.”

“Ăn được mà gầy thì là không ăn được.” Cụ nói như phán, rồi nhắm mắt lại, hơi thở nặng thêm một chút.

Minh nhìn An. An không cười, chỉ liếc Minh một cái như bảo: “Cụ nói vậy là thương.”

Minh thấy cổ họng mình ấm lên một chút, dù trong phòng điều hòa lạnh.

Điều dưỡng trưởng - chị Hạnh – bước tới. Chị Hạnh khoảng bốn mươi, tóc búi gọn, mắt thâm vì thiếu ngủ. Chị nhìn Minh, hỏi thẳng:

“Em là tình nguyện mới?”

Minh bật dậy. “Dạ.”

“Ngồi xuống.” Chị Hạnh nói. “Ở đây không cần em đứng nghiêm. Ở đây cần em thở bình thường.”

Minh ngồi lại.

Chị Hạnh nói chậm rãi, như đọc cho Minh một bản đồ sống:

“Em sẽ gặp nhiều thứ trong hành lang này. Tiếng máy, tiếng gọi tên, tiếng khóc. Có người nhìn em như bấu víu. Có người không muốn ai lại gần. Em không có nhiệm vụ cứu ai. Nhiệm vụ của em là giúp họ bớt cô đơn, bớt đau—trong khả năng.”

Minh gật. Đầu anh nặng như có đá.

Chị Hạnh nhìn Minh: “Em có chịu được mùi không?”

Minh chưa kịp trả lời, mùi thuốc đã trườn lên lần nữa. Minh nuốt khan. “Dạ… chắc được.”

Chị Hạnh không truy hỏi. Chị quay sang An: “Em dẫn bạn đi một vòng. Giới thiệu khu vực, chỗ lấy nước, chỗ rửa tay, quy định. Đừng cho bạn làm gì quá.”

An gật. “Dạ.”

Cụ Lợi mở mắt, nói chen vào: “Dắt hắn đi, nhưng dắt hắn quay lại. Tau không thích bị bỏ một mình.”

An khẽ “dạ” rồi quay sang Minh: “Đi.”

Minh đứng dậy theo An ra hành lang.

Vừa bước qua cánh cửa trắng, mùi thuốc tạt mạnh hơn. Hành lang dài và sáng, ánh đèn trắng trải đều không chừa góc tối. Trên tường là những bảng hướng dẫn, những tờ thông báo, những dòng chữ in sẵn như thể đời người trong bệnh viện cũng được đóng thành mẫu.

Minh đi sát tường. An đi bên cạnh, cách Minh một khoảng vừa đủ—không xa, không gần. Như một người biết chừa cho người khác không gian để thở.

“Ở đây,” An chỉ vào bồn rửa tay, “trước khi vô phòng phải rửa tay. Từ phòng ra cũng rửa. Tay sạch là tôn trọng.”

Minh gật, làm theo. Nước chảy lạnh, xà phòng thơm nhạt. Anh xoa hai bàn tay, nhưng trong đầu lại thấy bàn tay mình ngày xưa dính bùn.

An chỉ tiếp: “Chỗ ni là tủ đồ. Không bỏ đồ lộn xộn. Không để điện thoại rung. Không nói to.”

Minh gật như máy.

An nhìn Minh một giây. “Mi run hả?”

Minh cứng người. “Dạ… không.”

An không ép. An chỉ nói: “Run thì cũng bình thường. Ai vô đây lần đầu cũng vậy.”

Minh bật cười nhỏ, nhưng tiếng cười không ra. Anh nhìn sang cửa sổ cuối hành lang. Ngoài kia nắng chói, xe cộ chạy. Thành phố vẫn sống như không có gì. Còn trong hành lang này, mỗi bước chân là một câu hỏi: hôm nay ai sẽ bớt đau? hôm nay ai sẽ mệt hơn? hôm nay ai không còn ngày mai?

An dừng lại ở máy bán nước. “Mi uống nước.”

“Dạ.”

Minh uống một ngụm. Nước mát trôi xuống cổ họng, nhưng cái nóng gió Lào từ tối qua vẫn như đọng dưới da. Minh đặt chai xuống, ngước lên.

Ở góc hành lang, một bà cụ ngồi trên xe lăn, mắt nhìn vô định. Một người phụ nữ trẻ đứng cạnh, tay cầm hồ sơ, vừa nói vừa khóc. “Mẹ cố ăn đi… mẹ ăn thêm miếng nữa…” Người phụ nữ nói, giọng như van. Bà cụ quay đi, mím môi. Người phụ nữ nức lên.

Minh nhìn cảnh đó, tim anh nhói. Không phải vì thương bà cụ. Mà vì anh thấy mạ mình trong người phụ nữ kia—một người đàn bà mệt đến mức không còn cách nào ngoài van xin.

An kéo nhẹ tay áo Minh, ra hiệu đi tiếp. Khi đi qua, An nói rất nhỏ, gần như không thành tiếng: “Đừng nhìn lâu. Nhìn lâu là mi mang về.”

Minh giật mình. “Mang về?”

An gật, mắt không nhìn Minh. “Mang về trong người. Rồi mi không ngủ.”

Minh cười gượng. “Em… chị… cũng mang về hả?”

An im một nhịp. Rồi An nói: “Ừ.”

Chỉ một chữ “ừ” thôi, nhưng Minh nghe ra trong đó có cả những đêm thức, những cuộc gọi từ quê, những mùa mưa nguồn.

Họ đi tới một chỗ rẽ. Ở đây mùi thuốc nồng hơn, trộn với mùi thức ăn bệnh viện và mùi mồ hôi. Minh bỗng thấy chóng mặt. Anh vịn vào tay vịn hành lang.

An quay lại ngay. “Mi sao?”

Minh lắc đầu, nhưng cổ họng nghẹn. Mùi thuốc trong phút chốc biến thành mùi khác—mùi bùn.

Không phải bùn ở đây. Bùn ở quê.

Trong đầu Minh bỗng bật ra một hình ảnh như một tấm ảnh cũ bị giật khỏi đáy rương: một con đường đất đỏ, trời tối, mưa xối, nước đục ngầu kéo theo cành cây. Người lớn chạy. Trẻ con khóc. Tiếng ai đó gọi tên. Mùi bùn sình trộn với mùi áo mưa nhựa, mùi khói bếp bị tắt giữa chừng.

Minh thấy mình bé xíu, đứng ở cửa nhà văn hóa thôn, chân trần dính bùn, tay ôm cái túi ni lông đựng sách vở. Bên trong nhà văn hóa, người ta đặt một tấm chiếu, trên đó có một người nằm. Người ấy bị phủ một tấm chăn mỏng. Một bàn tay thò ra ngoài chăn, da tái, móng tay dính bùn.

Mạ Hường quỳ bên, tóc ướt bết, miệng gọi mà không ra tiếng.

“Dạ… dạ…” Minh nghe tiếng mạ như từ đáy nước vọng lên.

Rồi tiếng loa xã rè rè: “Đề nghị bà con bình tĩnh…”

Rồi tiếng người nói: “Đưa xuống huyện kịp không?”

Rồi một câu khác, rất lạnh: “Không kịp. Nước lên nhanh quá.”

Minh thấy mùi bùn đập thẳng vào mũi. Anh muốn thở, nhưng thở ra là ho. Anh muốn khóc, nhưng mắt khô.

Một bàn tay chạm nhẹ lên vai anh.

Minh giật mình, trở lại hành lang bệnh viện. An đứng trước mặt, mắt nhìn thẳng. Không thương hại. Không hỏi dồn. Chỉ nhìn.

“Mi…” An nói nhỏ. “Mi nhớ chuyện cũ hả?”

Minh nuốt. “Dạ.”

An gật như hiểu. “Đi ra cửa sổ.”

An dẫn Minh ra cuối hành lang. Ở đó có một cửa sổ mở hé. Gió nóng từ ngoài tạt vào, nhưng vẫn dễ thở hơn mùi thuốc.

“Thở theo tau.” An nói.

Minh nhìn An.

An hít vào chậm, rồi thở ra chậm. Minh làm theo. Nhịp đầu còn rối. Nhịp thứ hai đỡ hơn. Nhịp thứ ba, Minh thấy vai mình bớt cứng.

An không nói “đừng nghĩ nữa”. An chỉ nói: “Mùi thuốc giống mùi bùn. Nó kéo người ta về. Ai vô đây cũng có một cái bị kéo.”

Minh nhìn xuống sân bệnh viện. Một chiếc xe cáng đẩy qua. Người nhà chạy theo. Nắng chói lóa trên mái tôn.

“Chuyện hồi… lũ?” Minh hỏi, giọng mỏng.

An “ừ” nhẹ. “Tau cũng từng… mất người.”

Minh nhìn An. Lần đầu, anh thấy dưới cái vẻ gọn gàng của An có một vết nứt nhỏ. Vết nứt không làm An yếu. Nó làm An thật.

Minh không hỏi thêm. Vì anh biết hỏi thêm lúc này là đào. Mà có những nỗi đau chỉ cần được nhìn nhận là đủ.

Một lúc sau, An nói: “Mi ổn chưa?”

Minh gật, nhưng mắt vẫn cay.

An kéo Minh quay lại. “Giờ tau dẫn mi tới chỗ cụ.”

Minh đi theo. Mỗi bước chân, mùi thuốc lại đến. Nhưng lần này, Minh biết mình có thể thở.

Khi họ quay vào phòng, cụ Lợi vẫn nằm đó. Túi vải vẫn ôm trong ngực. Nhưng cụ mở mắt ngay khi nghe tiếng bước chân.

“Mi đi mô lâu rứa?” cụ khàn khàn.

Minh bước lại gần. “Dạ… con… ra ngoài một chút.”

Cụ Lợi nhìn Minh, mắt hơi nheo. “Mi sợ hả?”

Minh định nói “không”, nhưng chợt nhớ lời chị Hạnh: *đừng hứa bừa*. Hứa với người sống còn khó, hứa với chính mình càng khó. Minh nói thật:

“Dạ… con sợ.”

Cụ Lợi cười khẽ, rồi ho một tiếng. “Sợ thì sợ. Nhưng đừng chạy. Đời ai cũng phải đi qua cái sợ của mình.”

Minh đứng yên. An đứng cạnh, mắt nhìn xuống dây truyền, nhưng Minh biết An đang nghe.

Cụ Lợi đưa tay, gõ gõ lên cái túi vải. “Mi nhớ cái ni không?”

Minh nhìn túi. “Dạ… con nhớ.”

“Trong ni có thứ tau phải đem về.” Cụ nói, giọng nhỏ đi. “Không đem về là tau không nhắm mắt được.”

Minh giật nhẹ. “Thứ chi rứa cụ?”

Cụ Lợi nhìn Minh lâu. Rồi cụ quay mặt đi, như người già quen giấu điều quan trọng ở chỗ sâu nhất.

“Mai.” Cụ nói. “Để mai tau nói.”

Minh muốn hỏi thêm, nhưng nhìn gương mặt cụ mệt, anh không dám. Anh chỉ “dạ”.

An đặt tay lên thành giường, khẽ nói: “Cụ mệt thì nghỉ. Mai nói cũng được.”

Cụ Lợi “ừ”, rồi lại nhìn Minh, mắt mềm đi: “Mi… đừng làm mạ mi lo. Có chi thì nói. Đừng giấu như tau.”

Minh nghe câu ấy mà cổ họng nghẹn. Người già đôi khi dặn người trẻ bằng chính lỗi của mình.

Minh kéo ghế ngồi xuống. Anh không biết nói gì, nên anh chọn điều chị Hạnh dặn: im ở cạnh.

Ngoài kia, tiếng giày chạy. Tiếng gọi tên. Hành lang vẫn dài. Mùi thuốc vẫn thẳng thừng. Nhưng trong một góc phòng nhỏ, có một thứ khác đang diễn ra: một người trẻ học cách ở bên, một người già giữ một bí mật trong túi vải, và một cô gái Hà Tĩnh đứng đó, không nói nhiều, nhưng như một cây cọc nhỏ đóng xuống đất để người ta bớt trôi.

Minh nhìn bàn tay cụ Lợi, gầy và khô, vẫn ôm chặt túi vải. Minh chợt nghĩ: có những người cả đời không ôm được gì cho mình, chỉ ôm lấy trách nhiệm. Và đến cuối, họ ôm lấy một điều nhỏ bé, như ôm lấy quyền được yên.

Mùi thuốc vẫn ở đó. Ký ức mùi bùn vẫn còn. Nhưng Minh đã biết: ký ức không phải để giết mình. Nó là thứ nhắc mình thương cho đúng.

Ở cuối hành lang, có tiếng cửa mở. Một ca trực mới bắt đầu.

Và Minh hiểu: anh cũng vừa bắt đầu một ca trực của đời mình.

Chương 4: Cụ Lợi từ Hương Khê và chiếc túi vải khói bếp

Người ta có thể quên nhiều thứ về một người già; quên tuổi, quên họ tên đầy đủ, quên cả ngày giỗ nhưng rất khó quên cái mùi họ mang theo.

Cụ Lợi mang mùi khói bếp.

Không phải mùi khói nồng của củi tươi mới đốt, mà là mùi khói đã ngấm vào áo quần qua bao mùa nấu cơm độn sắn, qua những đêm mưa gió ngồi canh bếp cho khỏi tắt, qua những buổi sáng sương mù hơ tay bên bếp mà nghĩ tới chuyện đời. Mùi khói ấy bám vào cụ như bám vào cột nhà đất: lặng lẽ, dai dẳng, đi đến đâu cũng mang theo cả một miền núi Hà Tĩnh.

Cụ Lợi nằm trên giường số ba, cạnh cửa sổ. Ánh sáng ngoài trời rọi vào không gắt, chỉ đủ để thấy rõ gương mặt cụ: những nếp nhăn chằng chịt như đường khe suối trên bản đồ, da xám lại vì bệnh, xương gò má nhô lên, nhưng đôi mắt vẫn còn một thứ sáng kỳ lạ—cái sáng của người cả đời nhìn thẳng vào nắng, vào lũ, vào nghèo mà không chớp.

Cụ gầy đến mức áo bệnh nhân rộng thùng thình. Cổ tay cụ nhỏ, xương nổi, da mỏng như giấy. Nhưng bàn tay cụ thì vẫn là bàn tay của rừng núi: thô, có những vết chai cứng ở lòng bàn tay và đầu ngón, móng tay cắt ngắn, sạch, dù viền móng vẫn đen nhẹ như đã từng sống chung với đất. Bàn tay đó đang ôm một chiếc túi vải bạc màu.

Chiếc túi vải ấy trông đơn sơ, thậm chí cũ kỹ. Vải dày, màu nâu đất, chỗ đậm chỗ nhạt như áo nắng mưa. Miệng túi được buộc bằng sợi dây dù xanh đã sờn, chỗ buộc cứng như một cái thắt cổ tay. Trên mặt túi có vài đường chỉ vá, khâu thô nhưng chắc. Có lẽ cụ tự khâu, hoặc một người đàn bà trong nhà khâu, kiểu khâu của người quê: không đẹp để khoe, chỉ đẹp vì nó giữ cho đồ không rách.

Nhưng chính cái túi ấy làm Minh không thể rời mắt.

Nó không chỉ là một cái túi. Nó giống một cái nhà thu nhỏ. Nó giống một cái rương chứa những thứ người ta không dám nói ra, những thứ mang theo từ núi xuống phố như mang theo cả bếp lửa. Nó nằm ở ngực cụ, sát trái tim, như thể chỉ cần rời ra một chút là cụ mất chỗ bấu víu.

Minh nhớ lần đầu thấy cái túi ấy từ xa: ở hành lang, khi cụ vừa nhìn thấy Minh và gọi tên. Lúc ấy, Minh chưa kịp hiểu vì sao một ông già bệnh nặng lại ôm chặt một cái túi vải cũ đến vậy. Giờ ngồi gần, Minh thấy rõ: mỗi khi cụ ho, bàn tay cụ lại siết túi chặt hơn, như người sợ đánh rơi thứ cuối cùng mình còn giữ được.

An đứng bên giường, chỉnh lại cái gối. Cụ Lợi mở mắt, nhìn An, rồi nhìn Minh. Cụ nhìn theo kiểu người già miền núi hay nhìn: không lả lướt, không khách sáo, nhìn thẳng như đóng cọc xuống đất.

“Mi là thằng Minh à?” cụ hỏi lại lần nữa, như để chắc rằng không phải mình đang mơ.

“Dạ,” Minh đáp, giọng khàn. “Con đây, cụ.”

Cụ Lợi hừ nhẹ một cái, vừa như chê trách vừa như thương. “Lên phố rồi… người tươm tất chưa?”

Minh cười gượng. “Dạ… cũng… bình thường.”

“Bình thường là răng?” cụ hỏi, mắt nheo. “Có ăn được không? Có ngủ được không? Hay chỉ biết học với làm, rồi gầy như cọng rơm?”

Minh định trả lời “con ổn”, nhưng câu đó mắc lại ở cổ họng. Minh nhớ lời chị Hạnh: đừng hứa bừa. Đừng nói “ổn” cho qua. Minh nói thật:

“Dạ… con vẫn ăn… nhưng ngủ thì… khó.”

Cụ Lợi nhắm mắt một chút, như nghe xong đã hiểu cả phần còn lại. Rồi cụ khẽ nói, giọng nhẹ đi: “Ừ. Lên phố… đứa mô cũng khó ngủ. Phố nhiều tiếng.”

Minh muốn nói: “Không phải vì tiếng.” Nhưng anh không nói. Anh biết cái “khó ngủ” của mình còn có mùi thuốc, có ký ức mùi bùn, có một nỗi sợ vô hình mà cụ Lợi không cần nghe cũng đoán được.

Cụ Lợi thở ra một hơi dài. Ngực cụ phập phồng, mỏng như tờ giấy.

“Cụ đau không?” Minh hỏi, hỏi xong mới thấy câu hỏi của mình vụng.

Cụ Lợi mở mắt, nhìn Minh, cười khẽ. “Đau chứ. Ai chả đau.”

Cụ nói như nói chuyện thời tiết, như thể đau là một phần đương nhiên của đời, như nắng gió Lào, như mưa nguồn đục nước. Cái bình thản ấy làm Minh vừa nể vừa xót.

“Nhưng tau không sợ đau,” cụ nói tiếp, giọng trầm. “Tau chỉ sợ… phiền.”

An đang đứng cạnh bỗng dừng tay. An nhìn cụ. Minh nhìn An. Cả hai đều hiểu: “phiền” là từ người già hay dùng để che một nỗi sợ khác—sợ bị bỏ rơi.

Cụ Lợi nghiêng đầu, nhìn ra cửa sổ. Ngoài kia nắng chói. Một chiếc xe cáng đi ngang. Bóng người lướt qua như một dòng.

“Tau từ Hương Khê xuống,” cụ nói. “Đường xa. Xe xóc. Người ta hỏi tau có người nhà đi cùng không. Tau nói có. Tau có… mạ mi.”

Minh nghe mà tim thắt lại. Mạ Hường chưa kịp xuống, nhưng trong miệng cụ, mạ đã là người “đi cùng”.

“Cụ nhớ quê không?” Minh hỏi, câu hỏi bật ra như một cái thở.

Cụ Lợi cười khô. “Nhớ chứ. Nhớ rừng keo, nhớ suối, nhớ cái mùi bùn sau mưa. Nhớ cả tiếng gà gáy sớm. Nhưng nhớ nhất… là cái bếp.”

Cụ gõ gõ lên túi vải. “Trong túi ni… có mùi bếp.”

Minh nhìn túi. “Trong đó là… gì vậy cụ?”

Cụ Lợi không trả lời ngay. Cụ nhìn Minh lâu, rồi nhìn An, như cân nhắc xem có nên nói. Cuối cùng cụ chỉ nói một câu, gọn như một nhát dao cắt:

“Thứ tau phải đem về.”

Rồi cụ quay mặt đi, như thể câu đó đã đủ.

Minh không dám hỏi tiếp. Anh thấy trong câu nói ấy có một cái gì nặng: nặng hơn tiền viện, nặng hơn bệnh, nặng hơn cả mưa nguồn.

An kéo ghế lại, ngồi xuống phía chân giường, lấy sổ ghi chép. An hỏi cụ bằng giọng nghề nghiệp nhưng vẫn dịu:

“Cụ đau mức mấy? Có buồn nôn không? Có khó thở không?”

Cụ Lợi đáp từng câu, không than vãn, không làm quá. Khi An hỏi “có sợ không”, cụ chỉ phẩy tay: “Sợ chi. Sợ nghèo mới đáng sợ.”

Minh bật cười nhỏ, rồi lập tức thấy mắt cay. Cụ Lợi nói câu ấy giống như nói thay cả một vùng núi.

Cụ Lợi không phải kiểu người già ngồi kể lể về đời mình. Nhưng chỉ cần cụ thở, cụ nhìn, cụ nói vài câu, Minh đã thấy cả một đời hiện ra.

Một đời đi rừng. Một đời bốc đất. Một đời đóng gạch. Một đời ăn khoai thay cơm. Một đời lội lũ, gánh gạo, giấu đau. Một đời cứng như đá nhưng mềm ở chỗ sâu nhất.

Có những người già, khi bệnh, họ trở nên yếu ớt, bám víu, đòi hỏi. Cụ Lợi thì không. Cụ yếu đi ở thân xác, nhưng cái “tư thế sống” của cụ vẫn thẳng. Cụ nằm mà như vẫn đứng. Nằm mà vẫn có cái tự trọng dựng lên.

Chỉ có một lúc, Minh thấy cụ lộ ra cái yếu thực sự.

Đó là khi cụ ho.

Cơn ho đến bất ngờ, như một đợt gió quật. Cụ Lợi cong người lại, tay siết túi vải, mặt đỏ lên, mắt nhắm chặt. An lập tức đứng dậy, nâng lưng cụ, đưa khăn. Minh cuống, muốn làm gì đó nhưng không biết làm gì.

Cụ ho đến rướn người. Một vệt đỏ thấm trên khăn.

Minh đứng chết. Tim anh như bị ai bóp.

Cụ Lợi ho xong, thở gấp, rồi lắc đầu, như trách mình làm phiền. “Tau nói rồi… tau sợ phiền.”

An dịu giọng nhưng cứng: “Cụ ho thì ho. Cụ đau thì nói. Phiền không phải là chuyện cụ sống.”

Cụ Lợi nhìn An, mắt hơi dịu. “Mi… con gái Hà Tĩnh hả?”

An “dạ”.

Cụ Lợi cười nhẹ, nụ cười mỏng như sương: “Con gái Hà Tĩnh… chịu thương chịu khó. Nói ít. Làm nhiều. Tau thích.”

An cúi xuống chỉnh lại chăn, không đáp, nhưng Minh thấy tai An hơi đỏ. Minh chợt hiểu: có những lời khen của người già không làm người ta ngượng vì nó không có ý tán tỉnh, nó giống như một lời công nhận. Công nhận rằng cái chịu đựng của người ta có ý nghĩa.

Cụ Lợi quay sang Minh, nhìn thẳng: “Mi cũng phải học cái đó. Đừng chỉ học chữ trong sách. Học chữ trong đời.”

Minh nuốt khan. “Dạ.”

Cụ Lợi thở chậm lại, mắt nhìn lên trần. Ánh đèn trên trần phản chiếu vào mắt cụ, làm đôi mắt cụ trông như có nước.

“Tau sống gần tám chục năm,” cụ nói, giọng nhỏ. “Tau đi qua nắng, qua lũ, qua đói. Tau tưởng tau cứng lắm. Rứa mà đến lúc ni… tau mới biết cái khó nhất không phải là chịu đòn. Cái khó nhất là… nói một câu.”

Minh ghé sát. “Câu chi, cụ?”

Cụ Lợi nhìn Minh, rồi nhìn túi vải. Bàn tay cụ vuốt lên mặt túi như vuốt lên đầu một đứa trẻ.

“Câu xin lỗi,” cụ nói, nhẹ đến mức nếu không ở gần sẽ không nghe. “Có những người… tau chưa kịp xin lỗi.”

Minh nghe mà lạnh sống lưng. Trong khoảnh khắc, Minh thấy cái túi vải kia không chỉ chứa di vật. Nó chứa một món nợ. Mà món nợ ấy, nếu không trả, cụ sẽ không yên.

An đứng phía trên đầu giường, mắt nhìn xuống, nhưng Minh biết An cũng nghe. An không xen vào. An chỉ nhẹ nhàng kéo rèm lại một chút để bớt nắng tạt, rồi rót nước, đặt ống hút gần môi cụ.

Cụ Lợi uống một ngụm, rồi thở ra. “Mi thấy chưa. Ở phố, người ta sạch sẽ. Nhưng sạch mấy cũng không rửa được mấy cái nợ trong lòng.”

Minh không biết nói gì. Anh chỉ ngồi đó, nhìn cụ Lợi, nhìn túi vải, nhìn đôi bàn tay gầy gò vẫn giữ chặt thứ gì đó như giữ chặt một lời hứa.

Trong phút ấy, Minh thấy cụ Lợi không chỉ là một người bệnh. Cụ là một lát cắt của quê. Cụ là cái bếp lửa giữ cho nhà không tắt. Cụ là người đàn ông cả đời làm cột nhà. Và bây giờ, khi thân xác cụ mòn đi, cột nhà ấy vẫn gắng đứng, chỉ để kịp nói một câu xin lỗi.

Ngoài hành lang, tiếng bước chân đi qua. Tiếng gọi tên vang lên. Mùi thuốc vẫn trắng lạnh. Nhưng ở trong phòng, cạnh giường số ba, có một mùi khác nổi lên, lặng lẽ mà rõ ràng: mùi khói bếp.

Minh bỗng thấy sống mũi cay. Không phải vì mùi thuốc. Vì mùi khói bếp trong chiếc túi vải ấy kéo cả quê lên, kéo cả mạ Hường lên, kéo cả những mùa lũ, những bữa khoai, những lần cụ Lợi cho Minh bát cơm không làm Minh xấu hổ.

Minh ngồi đó, tay đặt lên đầu gối, và lần đầu tiên trong nhiều năm, Minh thấy mình muốn khóc mà không thấy xấu hổ.

Cụ Lợi quay sang, nhìn Minh, giọng khàn nhưng ấm:

“Mi đừng khóc. Tau chưa chết.”

Minh bật cười qua nước mắt. “Dạ.”

Cụ Lợi nhắm mắt lại, như mệt. Bàn tay vẫn ôm túi vải. Minh nhìn bàn tay ấy và hiểu: có những người mang theo cả một đời trong một cái túi vải cũ. Có những đời sống không có gì để khoe, chỉ có tình thương và nợ nghĩa.

Và có những cánh cửa trắng của bệnh viện, dù lạnh, vẫn không thể làm mất đi mùi khói bếp—mùi của quê, của chịu đựng, của tình người.

Minh ngồi yên. An đứng yên. Chị Hạnh đi qua, nhìn vào, gật nhẹ như một lời nhắc: cứ ở đó, cứ thở, cứ giữ cho nhau.

Ở giường số ba, cụ Lợi từ Hương Khê nằm như một ngọn đèn trước gió. Nhưng trong ngực cụ, chiếc túi vải khói bếp vẫn ấm, như một bếp lửa nhỏ chưa chịu tắt—chờ ngày được mang về.

Chương 5: An: cô gái Hà Tĩnh nói ít mà làm nhiều

Ở bệnh viện, người ta quen nhìn thấy đủ kiểu người: người khóc òa, người gào lên, người ngồi sụp xuống như bị rút hết xương. Người ta cũng quen nghe những câu an ủi được nói đi nói lại, đến mức thành một thứ tiếng nền trong hành lang: “Cố lên”, “Ráng lên”, “Rồi sẽ ổn”.

An không nói mấy câu đó.

An đi qua hành lang như đi qua một mùa mưa quê—không vội vàng cho kịp ai, cũng không chậm chạp để ai phải đợi. Bước chân An gọn, đặt xuống nền gạch nghe nhẹ như dép lốp chạm đất đỏ. An không làm mình nổi bật. Nhưng ở chỗ có nhiều tiếng động và nhiều nỗi đau, người ta lại dễ nhận ra một người biết điềm tĩnh.

Minh nhớ lần đầu nhìn thấy An, An bảo anh "đứng dịch qua" vì "chỗ ni người ta thở khó". Chỉ vậy. Không cười xã giao. Không hỏi "em có sao không". Không làm người ta thấy mình đáng thương. Một câu ngắn gọn mà đủ. Minh đã nghe câu ấy cả đêm trong đầu, như nghe tiếng người lớn trong nhà gọi nhau lúc nước lên: ít lời để tiết kiệm sức, nói đúng điều cần nói để giữ người.

An có dáng người mảnh, vai không rộng nhưng thẳng. Áo blouse trên người An lúc nào cũng sạch, cổ áo phẳng, tay áo xắn vừa phải. Tóc An buộc gọn sau gáy bằng sợi dây thun đen, không kẹp, không cặp. Trán An cao, có vài sợi tóc con rơi xuống khi An cúi. Da An không trắng kiểu dưỡng, mà là thứ trắng pha nắng: rám nhẹ ở gò má, nơi khóe cổ có một vệt sẫm như từng đứng ngoài đồng hay ngoài bến xe lâu ngày. Đôi mắt An đen và sâu, nhìn thẳng, nhưng không gắt. Nó giống mắt người quen nhìn đường núi: nhìn để đo, để tránh, để đi qua, chứ không nhìn để phán.

Bàn tay An là thứ làm Minh nhớ nhất.

Bàn tay An không mềm như tay con gái thành phố Minh từng thấy trong lớp. Nó có những vết chai mỏng ở đầu ngón, dấu của việc cầm bút nhiều, cầm kim truyền, cầm cán chổi, cầm cả tay người bệnh. Móng tay An cắt ngắn, sạch, không sơn. Khi An đặt tay lên thành giường của cụ Lợi, Minh thấy bàn tay ấy như một cái neo. Nó không siết chặt để chứng tỏ, chỉ chạm vừa đủ để người ta biết: có người ở đây.

Cái "vừa đủ" ấy là đặc trưng của An.

An không ôm ấp ai giữa hành lang. An không nói "thương quá" rồi bỏ đi. An làm những việc nhỏ mà người ta thường không nhớ, nhưng nếu thiếu thì cả ngày sẽ đổ: kéo rèm cho bớt nắng tạt vào mặt người bệnh, chỉnh gối cho cổ đỡ mỏi, đặt ống hút đúng hướng để người già uống nước không sặc, gấp mép chăn thẳng lại để bàn chân không bị lạnh. Những việc ấy nhìn thì như chăm sóc vật dụng, nhưng thật ra là chăm sóc phẩm giá.

Minh nhận ra An không phải kiểu người hiền theo kiểu mềm. An hiền theo kiểu chắc.

Cụ Lợi ho, mặt đỏ lên, bàn tay co lại siết túi vải. Minh đứng chôn chân, tim chạy loạn, không biết phải làm gì ngoài nhìn. An không quát Minh, cũng không dỗ cụ bằng câu "cố lên". An chỉ bước tới, nghiêng người vừa đúng, một tay nâng lưng cụ, một tay đưa khăn, giọng nhỏ:

“Cụ thở theo con. Chậm thôi.”

Cụ Lợi thở gấp. An chậm rãi làm mẫu, hít vào – thở ra, như kéo cụ ra khỏi cái hố hoảng. Không có phép màu. Chỉ có nhịp thở và sự hiện diện.

Khi cơn ho qua, cụ Lợi thở mệt, mắt cụ nhắm. Minh tưởng An sẽ bỏ đi. Nhưng An đứng lại thêm một lát, nhìn đồng hồ, rồi chờ cho nhịp thở của cụ đều. Chỉ khi cụ thở được, An mới quay sang Minh:

“Mi lấy nước.”

Minh giật mình: “Dạ… lấy ở mô?”

An chỉ: “Đằng kia. Nhớ lấy nước ấm. Cụ uống lạnh dễ sặc.”

Minh chạy đi, như được trao một việc để bấu vào. Lúc quay lại, Minh thấy An đang ngồi ở mép ghế, không nhìn điện thoại, không nhìn đâu khác, chỉ nhìn cụ Lợi như canh một ngọn đèn.

Minh bỗng nhớ đến những đêm lũ ở quê, người ta cũng ngồi canh bếp y như vậy. Không ai nói “cố lên”, chỉ thêm củi đúng lúc để lửa không tắt.

An là một kiểu bếp.

Không rực. Nhưng nếu có An, người ta đỡ lạnh.

Có lúc Minh tự hỏi: sao An lại ở đây, nơi mùi thuốc nồng và tiếng thở mỏng như giấy? Con gái tuổi An đáng ra phải đang chụp ảnh áo dài, đang lo điểm số, đang giận dỗi vì một tin nhắn không được trả lời. Nhưng An ở đây, đi đi lại lại, tay rửa liên tục, vai đeo trách nhiệm như đeo cặp sách.

Một buổi chiều, Minh thấy An đứng ở cuối hành lang, lưng tựa vào tường. An không ngủ. Nhưng mắt An khép lại, như nhắm để cho đỡ mỏi. Ánh đèn hành lang chiếu lên gò má An, làm những vệt mệt hiện rõ: một quầng thâm mỏng, một vết khô ở khóe môi.

Minh lại gần. “Chị… mệt hả?”

An mở mắt. Nhìn Minh. “Ừ.”

Chỉ một chữ.

Minh đứng lúng túng như không biết tiếp thế nào. Anh định nói “chị cố lên”, nhưng chợt thấy câu ấy rỗng. Minh bèn hỏi câu khác, vụng nhưng thật:

“Chị ăn chưa?”

An nhìn Minh, rồi khóe mắt hơi cong lên—một nụ cười nhỏ, không thành tiếng. “Chưa.”

Minh móc trong balô ra cái bánh mì anh mua vội lúc nãy. “Chị ăn cái ni.”

An nhìn cái bánh mì, không nhận ngay. Ở An có cái tự trọng của người Hà Tĩnh: không muốn ai thương hại mình. Nhưng An cũng không làm Minh quê. An nhận, giọng thấp: "Tau gửi tiền."

"Không cần." Minh nói nhanh. "Coi như… em cảm ơn chị."

An im một nhịp. Rồi An gật nhẹ. "Ừ. Nhưng lần sau mi ăn trước."

Một câu vừa như dặn, vừa như giữ Minh khỏi biến lòng tốt thành một trò làm mình kiệt.

An ăn bánh mì chậm, nhai nhỏ. Không vừa ăn vừa nói. Minh nhìn An ăn mà thấy một điều lạ: người ta có thể ăn rất bình thường giữa bệnh viện, như thể đời đau đớn mấy cũng phải có chỗ cho cái bình thường.

"Chị ở mô?" Minh hỏi.

An lau tay, gói vỏ bánh lại gọn gàng. "Hương Sơn."

Minh giật nhẹ. "Em… Hương Khê."

An nhìn Minh, ánh mắt như soi qua một quãng đường rừng: "Mi cũng miền núi."

Minh "dạ".

An nhìn ra cửa sổ. Ngoài kia, nắng ngả, trời đỏ như bị nung. "Miền núi tụi mình," An nói, "quen chịu nóng. Nhưng vô đây… chịu lạnh mới khó."

Minh nghe câu đó mà hiểu An không chỉ nói thời tiết.

An nói ít. Nhưng mỗi câu như một viên đá nhỏ đặt đúng chỗ, làm người ta không trượt.

Minh hỏi tiếp, không biết vì tò mò hay vì cần: "Chị… sao chị chọn học điều dưỡng?"

An im một lúc. Khi An im, Minh không thấy khó chịu. An im như người đang chọn chữ.

"Bà tau," An nói, "mất hồi lũ. Đưa đi không kịp. Tau lúc đó còn nhỏ. Tau đứng nhìn. Từ đó tau ghét… cái kiểu người ta chạy mà không cứu được."

Minh nghe mà cổ họng nghẹn. Ký ức mùi bùn trong Minh lại rùng lên, nhưng không làm Minh hoảng như trước. Nó giống như một sợi dây nối Minh và An ở chỗ sâu nhất: cả hai đều có một cái mất mát bắt đầu từ nước.

"Tau học để… ít nhất khi người ta đau, tau biết làm răng cho họ bớt đau." An nói. "Không phải để làm anh hùng."

Minh nhìn An, thấy trong câu đó có một thứ đẹp mà không cần trang sức: trí tuệ thực tế của người nghèo. Người nghèo không mơ cứu cả thế giới. Người nghèo mơ cứu một người ngay trước mặt, nếu có thể.

Từ hôm đó, Minh nhìn An khác đi.

An không phải người "tử tế" theo kiểu dịu dàng dễ chịu. An tử tế theo kiểu sẵn sàng làm điều khó mà không kể công. Có lần một người nhà bệnh nhân nóng nảy quát An: "Mấy cô chỉ biết nói giảm nhẹ! Giảm nhẹ là bỏ mặc mẹ tôi à?" Giọng người phụ nữ ấy như cào vào tường.

Minh tưởng An sẽ cãi. Nhưng An không. An đứng yên, để cho người ta nói hết. Khi người phụ nữ im vì kiệt, An mới nói chậm:

"Cô muốn mẹ cô bớt đau hay cô muốn cô khỏi mang tiếng?"

Câu hỏi ấy rơi xuống. Người phụ nữ sững. Rồi khóc. Một kiểu khóc khác: khóc vì bị chạm đúng.

An không nói thêm. An đưa khăn giấy, rót nước, rồi quay vào phòng. Không có thắng thua.

Minh nhìn theo, bỗng thấy rùng mình. Không phải sợ. Là nể.

Có một lần khác, Minh thấy An cởi áo blouse ra, khoác lên vai một cụ bà đang ngồi ở hành lang, run vì lạnh. Cụ bà nói: "Thôi con, con mặc, con lạnh."

An chỉ nói: "Con còn trẻ."

Rồi An đi lấy chăn. Khi quay lại, An gấp chăn vuông vắn như gấp một lời hứa.

Minh đứng nhìn cảnh ấy, tự nhiên nhớ mạ mình. Mạ cũng vậy: cho người khác trước, giữ mình sau. Nhưng mạ ít khi được ai cho lại.

Minh bỗng muốn làm một điều gì đó cho An, nhưng không biết bắt đầu từ đâu. Anh chỉ biết nhìn An mỗi khi An đi qua, và trong lòng anh có một thứ ấm lên—nhỏ thôi—như than hồng trong bếp.

Một buổi tối, khi Minh sắp về, An gọi Minh lại. "Mi."

Minh quay. "Dạ?"

An đưa cho Minh một chai nước nhỏ. "Uống. Đừng để chóng."

Minh nhận, bất ngờ. "Em… cảm ơn chị."

An gật. "Ừ."

Minh nhìn An, muốn nói một câu gì đó hay hơn chữ "cảm ơn", nhưng không tìm được. Anh bèn nói thật:

"Chị… ở đây hoài… chị không mệt sao?"

An nhìn Minh. Ánh mắt An sâu, như có rừng và có nước trong đó. An nói:

“Mệt chứ. Nhưng nếu mình bỏ đi hết, ai ngồi lại?”

Câu ấy chạm vào Minh như chạm vào một thứ đã bị bỏ quên trong mình. Minh nhớ chị Hạnh nói: *im ở cạnh, đừng im rồi bỏ đi.*

Minh hiểu: An chính là người “ngồi lại”.

Ngồi lại với người già sợ phiền. Ngồi lại với người nhà sợ mang tiếng. Ngồi lại với những khoảnh khắc mà người ta dễ chạy trốn nhất.

Và có lẽ, An cũng đang ngồi lại với chính mình—với cái mất mát năm nào trong lũ, với cái giận đời đã không cho bà An thêm thời gian.

Minh uống nước. Nước mát chảy xuống. Anh thấy cổ họng mình nhẹ.

An quay đi, bước chân gọn, bóng lưng nhỏ nhưng thẳng. Minh nhìn theo bóng lưng ấy và bỗng có một liên tưởng rất quê: An giống cây sim trên đồi. Không được chăm nhiều, nhưng tự mọc, tự đứng, hoa tím nhỏ mà thơm, bám được vào đất sỏi, chịu được gió.

Con gái Hà Tĩnh đẹp theo kiểu đó.

Không lấp lánh. Nhưng bền chặt.

Không nói nhiều. Nhưng câu nào cũng có gốc.

Không làm người ta choáng. Nhưng làm người ta nhớ và ấn tượng sâu sắc.

Minh đứng một lúc lâu ở hành lang, mùi thuốc vẫn trắng lạnh. Nhưng trong cái trắng lạnh ấy, Minh thấy có một mùi khác len vào mùi của sự tử tế không ồn ào. Và Minh biết: nếu có ai đó giúp anh đi qua được đoạn đường này, người đó không phải là những lời khuyên trên mạng, mà là một cô gái Hà Tĩnh nói ít mà làm nhiều đang lặng lẽ giữ cho bếp lửa của người khác khỏi tắt.

Những ngày đầu ở bệnh viện trôi qua với Minh như một loại thời gian khác không đo bằng lịch học hay số ca làm thêm, mà đo bằng tiếng thở. Tiếng thở mỏng như giấy của cụ Lợi mỗi buổi chiều. Tiếng thở dài của người nhà khi đứng trước quầy viện phí. Tiếng thở gấp của chính Minh khi mùi thuốc kéo ký ức mùi bùn trồi lên, làm ngực anh thắt lại.

Minh đã bước qua cánh cửa trắng. Và một khi đã bước qua, người ta không còn đi lại như cũ.

Ở đơn vị chăm sóc giảm nhẹ, Minh học được rằng có những câu không thể nói cho nhẹ đi, nhưng có thể nói cho đúng. Minh học cách rửa tay trước khi chạm vào bất cứ thứ gì—không chỉ vì sạch, mà vì tôn trọng. Minh học cách đặt ghế ngồi xuống gần giường

người bệnh, không hỏi dồn, không diễn trò an ủi. Minh học rằng sự hiện diện đôi khi là thứ thuốc hiếm nhất.

Cụ Lợi vẫn ôm chiếc túi vải khói bếp. Cái túi nhỏ, cũ kỹ, nhưng có sức nặng như một lời hứa. Mỗi lần cụ ho, bàn tay cụ lại siết chặt. Mỗi lần cụ tỉnh, cụ lại nhìn ra cửa sổ, đôi mắt sáng mà xa, như đang nhìn về một con đường đất đỏ dẫn vào núi. Cụ nói rất ít về cái túi. Chỉ nói "phải đem về". Chỉ nói "có câu xin lỗi".

Những chữ ấy nằm lại trong Minh, nặng và âm ỉ.

An thì vẫn vậy, đi qua hành lang như đi qua một mùa bão, không làm ầm, không làm quá. An đưa Minh vào nghề bằng những việc nhỏ: chỉnh gối, rót nước, đợi nhịp thở đều lại mới rời đi. An không dạy Minh cách tỏ ra mạnh mẽ. An dạy Minh cách đừng bỏ chạy. Và Minh nhận ra: ở nơi người ta dễ gục nhất, cái đẹp của con người không nằm ở lời nói, mà ở việc ai chịu ngồi lại.

Nhưng đời không cho Minh kịp quen.

Một chiều, khi Minh đang ngồi cạnh giường cụ Lợi, nghe cụ thở, điện thoại rung trong túi. Tin nhắn của mạ Hường ngắn, không dấu, như mạ gõ vội giữa một chỗ đông người:

no nong roi con oi nguoi ta doi tien tro tien hoc

Minh đọc xong, bàn tay lạnh đi.

Ngay sau đó, An ghé sát, nói nhỏ: "Cụ đau tăng."

Chị Hạnh bước vào, nhìn cụ Lợi một cái, rồi nhìn Minh, giọng bình thản nhưng sắc như dao: "Chuẩn bị tinh thần. Từ đây trở đi, mỗi ngày sẽ khác."

Minh ngồi đó, nhìn tờ giấy nhắn của mạ, nhìn túi vải trên ngực cụ, nhìn bàn tay An đang đặt lên thành giường, và thấy hai thế giới—phố với tiền, núi với mưa nguồn—đang ép lại thành một khe hẹp trong ngực mình.

Minh chợt hiểu: Phần I chỉ mới là bước chân vào cửa.

Phần khó hơn nằm ở phía sau: khi người ta không còn né được nữa—không né được viện phí, không né được kỳ thi, không né được câu "để người ta nói", không né được sự thật rằng có những cuộc đời đi đến đoạn cuối và cần một người ở cạnh.

Ngoài hành lang, tiếng gọi tên vang lên. Một chiếc xe cáng đi qua, bánh xe kêu lộc cộc. Nắng gắt ngoài sân như vẫn cháy, nhưng trong Minh, có một cơn bão khác đang tụ lại—bão của tiền, của trách nhiệm, của những câu không nói.

Minh cúi xuống, khẽ kéo lại mép chăn cho cụ Lợi, như An từng làm. Rồi anh đứng dậy, bước ra khỏi phòng, nhìn xuống bậc thềm trắng.

Ở dưới đó, đời đang chờ.

Và Minh biết, từ đây, mọi thứ sẽ không còn chỉ là "lên phố" nữa.

Từ đây bắt đầu **Bão trong người**.

PHẦN II: BÃO TRONG NGƯỜI

(Tiền, thi cử và những câu không nói)

Có những cơn bão người ta nghe được bằng tai, bão gió rít ngoài mái tôn, bão mưa xô nghiêng hàng tre, bão nước đục ngầu đẩy cả một đời trôi đi. Còn có những cơn bão không phát ra tiếng. Nó nổi lên trong ngực, tràn qua cổ họng, đóng lại ở đầu lưỡi. Nó khiến người ta nhìn nhau mà không dám nói hết. Nó khiến một câu hỏi đơn giản trở thành đá: "Mình làm răng đây?"

Cơn bão đó không từ trời xuống. Nó từ trong người mà ra.

Minh bắt đầu bước vào Phần II vào một buổi tối rất bình thường nó bình thường đến mức nếu không có nỗi lo, người ta sẽ chẳng nhớ. Trời không mưa. Gió vẫn nóng. Bệnh viện vẫn sáng trưng. Ở quầy thu ngân vẫn có người đứng xếp hàng, tay cầm hồ sơ, mắt nhìn chằm chằm vào bảng giá như nhìn vào một bản án.

Minh cầm điện thoại, nhìn lại tin nhắn của mạ Hường. Chữ không dấu, câu không chấm, nhưng nặng hơn bất cứ con số nào trên bảng:

no nong roi con oi nguoi ta doi tien tro tien hoc

Nợ nóng.

Hai chữ ấy làm Minh thấy lòng mình rơi xuống, rơi rất nhanh. Không phải vì Minh chưa từng nghe đến nợ. Minh lớn lên trong nợ. Nợ là cái bóng đi sau những người nghèo: sáng đi theo, trưa đi theo, tối ngồi ngay cửa. Nhưng "nợ nóng" là một kiểu khác. Nó không đợi. Nó không thương. Nó đòi đúng ngày, đúng giờ, và đòi bằng giọng người ta không muốn nghe lại lần thứ hai.

Minh đứng ở hành lang tầng ba, lưng tựa vào tường, nhìn dòng người đi qua như nước. Người ta mang theo đủ thứ: túi đồ, hộp cơm, áo khoác, chăn mỏng, và cả những câu nói họ không dám nói. Một bà cụ bế cháu, mắt thâm. Một người đàn ông đội nón bảo hiểm vẫn không tháo, chắc vừa chạy từ công trường tới. Một cô gái trẻ ôm túi hồ sơ, ngón tay bấu vào mép giấy, móng tay gãy. Ai cũng như đang giữ cho mình khỏi sụp.

Minh nhận ra bệnh viện không chỉ là chỗ chữa bệnh. Nó là chỗ đời người bị soi dưới ánh đèn trắng: ai có tiền thì có thêm lựa chọn, ai không có tiền thì phải học cách chọn giữa những cái đau.

Minh ngước nhìn đèn hành lang. Ánh sáng trắng bệt, không bóng, không che. Ánh sáng kiểu này làm người ta không trốn được. Nó không cho phép người ta làm mờ đi sự thật.

Minh nghĩ về kỳ thi.

Trên bàn học trong phòng trọ, sách vở đã xếp sẵn thành chồng. Lịch thi dán trên tường, mạ Hường tự tay viết bằng bút đỏ: "Toán – Văn – Anh" như viết một lời cầu. Mạ coi kỳ thi như cái phao duy nhất cho Minh bám, vì mạ đã bơi cả đời rồi, mạ không muốn con bơi nữa. Nhưng Minh biết: phao cũng cần dây. Dây là tiền. Mà tiền thì đang thiếu.

Minh nghĩ về cụ Lợi.

Cụ Lợi nằm trong phòng, ôm chiếc túi vải khói bếp. Cụ nói ít. Nhưng mỗi chữ cụ nói đều như có đất đóng vào: "Tau sợ phiền." "Tau phải đem cái ni về." "Tau còn câu xin lỗi." Cụ Lợi không nói chuyện viện phí. Người già quê ít khi nói chuyện đó. Họ xem tiền của con cháu là máu. Nói ra như cắn vào lòng mình.

Minh nghĩ về An.

An dặn Minh đừng hứa bừa. Đừng nói "sẽ ổn". Đừng nói "sẽ lo được". Nhưng Minh sợ nhất là chính mình phải nói những câu đó với mạ, với cụ, với cả bản thân—sợ nói rồi không làm được, thành ra lời nói rẻ như giấy, bay một cái là mất.

Minh đứng ở đó, tin nhắn của mạ nằm trong tay như một viên đá nóng. Anh muốn gọi về ngay. Muốn nói: "Mạ đừng lo." Muốn nói: "Để con." Nhưng chữ "để con" đôi khi chỉ là một cách nói để người lớn yên lòng, còn người nói thì phải tự đẩy mình xuống vực.

Một lúc lâu Minh mới bấm gọi.

"Mạ."

Giọng mạ Hường bên kia như bị gió mài: "Mi đang ở viện à?"

"Dạ."

"Mi đừng lo cho mạ." Mạ nói nhanh, như sợ chậm một giây sẽ khóc. "Mạ lo được. Mi lo học đi. Mi mà hỏng kỳ thi là mạ… mạ chết trước cụ."

Câu "mạ chết trước cụ" làm Minh nhói. Người nghèo hay nói những câu nặng để tự dọa mình cứng lại.

Minh nhìn xuống nền gạch, thấy bóng mình méo đi dưới ánh đèn. "Mạ, nợ… răng?"

Mạ im. Im một lát lâu. Rồi mạ nói nhỏ: “Họ tới nhà trọ. Họ đứng ngoài cửa. Họ nói nhẹ, nhưng mạ nghe nặng. Mạ… mạ ký giấy. Mạ tưởng lấy ít thôi…”

Minh nghe tiếng mạ nuốt nước bọt. Minh tưởng tượng bàn tay mạ cầm bút ký trên tờ giấy, chữ ký run vì nóng và vì sợ. Mạ Hường cả đời không muốn nhờ ai, nhưng đời ép mạ đến chỗ phải vay. Mà vay là mở cửa.

“Mi đừng bỏ học nghe chưa.” Mạ lặp lại, như bấu vào câu đó để khỏi trôi. “Mi cố thi. Còn cái ni… mạ tính.”

Minh muốn gào lên: *Mạ tính răng?* Nhưng Minh không gào. Minh biết nếu anh gào, mạ sẽ vỡ. Mạ đang chống bằng một cái cột mỏng. Minh không được phép xô.

“Dạ.” Minh nói, và thấy chữ “dạ” của mình rỗng hơn bao giờ hết.

Tắt máy, Minh đứng yên rất lâu.

Trong đầu anh, kỳ thi hiện lên như một cánh cửa. Cụ Lợi hiện lên như một ngọn đèn trước gió. Mạ hiện lên như một người đứng giữa hai bờ: bờ con và bờ nợ. Còn Minh đứng ở giữa, bị kéo cả hai phía, không biết phải nghiêng về đâu mà không làm bên kia đổ.

Minh chợt hiểu: người ta có thể chịu đói, chịu nóng, chịu lạnh. Nhưng có một thứ chịu lâu sẽ làm người ta cạn: chịu im.

Ở quê, người ta quen im để qua ngày. Im để khỏi làm nhau lo. Im để khỏi bị người ngoài nói. Im để khỏi phải nhận mình yếu. Nhưng im lâu, những câu không nói sẽ biến thành bão trong người.

Bão không làm đổ nhà ngay. Nó làm đổ người.

Nó làm người ta tỉnh dậy giữa đêm, tim đập như có ai đuổi. Nó làm người ta ăn mà không biết vị. Nó làm người ta cười mà như cắn răng. Nó làm người ta nhìn người mình thương mà không dám nói câu cần nói nhất: “Con sợ.”

Minh quay lại, nhìn cánh cửa trắng của đơn vị giảm nhẹ ở cuối hành lang. Ở đó, cụ Lợi đang thở. An đang trực. Chị Hạnh đang làm việc. Ở đó, người ta không chạy khỏi sự thật. Người ta đứng cạnh sự thật.

Minh bước tới.

Và Minh biết: từ đây, mọi chuyện sẽ không còn được đo bằng những gì Minh muốn nữa. Nó sẽ được đo bằng những gì Minh có thể chịu, có thể làm, có thể lựa chọn—giữa tiền, thi cử, và những câu không nói.

Phần II bắt đầu như thế: không có tiếng sét, không có mưa đổ. Chỉ có một tin nhắn không dấu, một cuộc gọi không dám khóc, và một trái tim tuổi mười bảy bỗng nhiên phải học cách gánh.

Chương 6: Ba điều ở Nhà Giảm Nhẹ: xin phép, lắng nghe, đừng hứa bừa

Ở "Nhà Giảm Nhẹ", người ta không gọi nhau bằng những câu dài.

Người ta gọi bằng mắt. Bằng một cái gật. Bằng cách kéo ghế sát lại. Bằng việc rửa tay lâu thêm một nhịp trước khi bước vào phòng. Ở đây, mỗi thứ đều được làm chậm hơn một chút không phải vì người ta dư thời gian, mà vì thời gian của người bệnh đang mỏng đi, nên mọi sự hấp tấp đều dễ làm rách.

Minh bước vào ca trực chiều, tay còn hơi ướt vì vừa rửa tay xong. Anh đã quen mùi thuốc hơn hôm đầu, nhưng vẫn chưa quen cảm giác đi qua hành lang mà tim cứ tự đếm nhịp. Trên cổ tay anh, sợi dây thun buộc tờ giấy rèn luyện đã được đổi thành một thẻ nhỏ ghi "Tình nguyện viên". Thẻ nhựa mỏng, nhưng Minh thấy như đang đeo một lời cam kết.

An đi trước, áo blouse trắng, tóc buộc gọn. An không hỏi Minh "đã sẵn sàng chưa". An chỉ nói như một thói quen đã thành nhịp:

"Rửa tay."

Minh rửa lại. Rồi nhìn An, như chờ một câu gì đó.

An ngước lên, nói: "Hôm ni chị Hạnh dặn mi học ba điều."

Minh gật. Anh đã nghe chị Hạnh nói qua hôm trước, nhưng lúc ấy anh hoảng. Anh nghe được chữ, nhưng chưa kịp hiểu hết nghĩa.

Trong phòng trực, chị Hạnh đang ghi hồ sơ. Chị ngẩng lên, nhìn Minh một lượt, rồi gõ đầu bút xuống bàn:

"Minh."

"Dạ."

"Ba điều ở đây không phải nội quy cho đẹp. Nó là cái neo. Em không bám vào, em sẽ bị cuốn."

Minh nuốt khan. "Dạ."

Chị Hạnh ra hiệu cho Minh ngồi xuống chiếc ghế nhựa đối diện. Ánh đèn phòng trực trắng nhưng dịu, không gắt như hành lang. Trên bàn có một cái hộp khăn giấy, một bình nước, và một chiếc chuông nhỏ để gọi khi cần. Những thứ bình thường, nhưng ở đây đều có lý do tồn tại.

Chị Hạnh nói chậm, từng chữ như đặt vào tay Minh:

“Một: **xin phép**.
Hai: **lắng nghe**.
Ba: **đừng hứa bừa**.”

Minh gật lia lịa như học thuộc.

Chị Hạnh nhìn thẳng: “Gật thì dễ. Làm mới khó. Giờ đi theo An. Gặp người thật. Lúc đó em mới biết vì sao.”

An đứng dậy. “Đi.”

Minh theo An vào phòng bệnh đầu tiên.

1) Xin phép

Giường sát cửa là một cụ bà nhỏ người, tóc bạc mỏng dính, nằm nghiêng, mắt mở nhưng không nhìn ai. Trên thành giường treo một cái túi nước nhỏ, dây truyền chạy xuống cổ tay gầy. Chăn đắp lên người cụ bị xô lệch, một góc lộ ra cẳng chân xương xẩu. Minh nhìn thấy cẳng chân ấy, tự nhiên nhớ đến chân ông ngoại mình ngày xưa—cũng gầy, cũng hay lạnh, cũng hay giấu.

Minh bước tới theo phản xạ, định kéo lại chăn cho cụ.

An đặt nhẹ tay lên cổ tay Minh, ngăn lại. Không kéo mạnh, chỉ chạm vừa đủ.

An cúi xuống, giọng nhỏ: “Cụ ơi, con kéo lại chăn cho cụ nghe.”

Cụ bà không đáp. Mắt cụ chớp một cái rất nhẹ.

An không vội. An lặp lại, chậm hơn: “Con kéo chăn lại cho cụ, kẻo lạnh.”

Cụ bà mấp máy môi. Một tiếng “ừ” mỏng như khói bếp.

An mới kéo chăn. Động tác gọn, không làm cụ giật mình.

Minh đứng cạnh, thấy trong lòng có gì đó khựng lại: chỉ là kéo chăn thôi, sao phải xin phép?

An quay sang Minh, nói nhỏ: “Mi thấy chưa. Ở nhà mi kéo chăn cho ông bà không xin phép cũng được. Nhưng ở đây… người ta nằm đó, không đi được, không tự quyết được. Cái xin phép là trả lại cho họ quyền được đồng ý.”

Minh đỏ mặt. Anh nhìn cụ bà. Cụ vẫn im, nhưng mí mắt cụ dịu đi một chút, như người vừa được đối xử như một con người trọn vẹn, không phải một “ca bệnh”.

An đặt một cái khăn ấm lên trán cụ, lại xin phép trước: “Con lau trán cho cụ nha.”

Cụ bà chớp mắt.

Minh nhìn thấy rõ: xin phép không phải nghi thức. Xin phép là một cách nói: *con không làm với cụ như làm với đồ vật*.

Ra khỏi phòng, Minh nói khẽ: "Em… tưởng giúp người ta thì cứ giúp."

An nhìn Minh, mắt bình thản: "Giúp mà không xin phép dễ thành xâm phạm. Mi biết không, người già nhiều khi không đau vì bệnh bằng đau vì bị coi như không có tiếng nói."

Minh im. Anh nhớ mạ Hường, mạ cũng hay bị đời quyết thay: quyết lương, quyết nợ, quyết giá điện, quyết giá gạo. Mạ quen chịu. Nhưng quen chịu không có nghĩa là không đau.

An dẫn Minh sang phòng kế bên. Ở đó có một ông trung niên nằm ngồi dậy được, mặt sạm, mắt sắc. Ông nhìn Minh từ đầu tới chân, giọng khàn:

"Cậu là ai?"

Minh giật mình. "Dạ… em tình nguyện."

Ông nhíu mày: "Vô đây làm chi?"

Minh lúng túng, định nói "em giúp", nhưng An chen vào, giọng rõ ràng: "Dạ con là điều dưỡng thực tập. Đây là Minh, tình nguyện viên. Nếu chú đồng ý, tụi con ngồi đây nói chuyện một chút."

Ông nhìn An, rồi nhìn Minh, như cân đo. Ông gật nhẹ: "Ngồi."

Chỉ một cái "ngồi" thôi, Minh thấy mình như vừa được cấp giấy thông hành. Không phải vào phòng bệnh là được quyền hiện diện. Quyền hiện diện cũng phải xin.

Khi ra ngoài, An nói nhỏ: "Mi nhớ không? Ở đây, quyền của người bệnh là thứ dễ bị lấy mất nhất. Mình trả lại bằng những chuyện nhỏ."

Minh gật. Lần này gật chậm hơn.

2) Lắng nghe

Đến chiều muộn, An đưa Minh đến một giường gần cửa sổ. Người nằm đó là một chị tầm ngoài bốn mươi, tóc rụng gần hết, đầu quấn khăn. Chị không khóc, nhưng mắt chị đỏ sẵn như đã khóc quá nhiều lần. Bên cạnh là một cậu con trai nhỏ ngồi co ro, tay ôm cặp sách, mắt nhìn xuống sàn.

Chị nhìn An, cười mỏng: "Hôm nay em trực à?"

"Dạ," An đáp. "Chị đau không?"

"Đau… nhưng quen rồi."

Câu "quen rồi" khiến Minh thấy nhói. Quen đau là một kiểu tuyệt vọng rất hiền.

An hỏi vài câu chuyên môn rồi quay sang Minh: “Minh ngồi đây, nói chuyện với em nhỏ một chút.”

Minh ngồi xuống chiếc ghế nhựa cạnh cậu bé. Cậu bé không nhìn Minh.

Minh lúng túng. Anh không giỏi nói chuyện với trẻ con. Anh định hỏi “em học lớp mấy”, “em có đói không” – những câu an toàn. Nhưng cậu bé bỗng nói, giọng rất nhỏ:

“Anh ơi… mẹ em chết hả?”

Minh đông cứng.

Trong đầu anh bật ra những câu trả lời “đúng”: “Không, mẹ sẽ khỏi”, “mẹ cố lên”, “đừng nghĩ vậy”. Nhưng anh nhớ điều thứ ba: đừng hứa bừa. Anh nhớ điều thứ hai: lắng nghe.

Minh nuốt nước bọt, nhìn cậu bé. Mắt cậu bé không khóc, nhưng trống. Trống như một cái giếng cạn.

Minh không trả lời ngay. Anh hỏi lại, chậm: “Em… sợ mẹ chết?”

Cậu bé gật, cằm run. “Em nghe người ta nói… giảm nhẹ… là hết cứu…”

Minh thấy cổ họng mình thắt. Anh hiểu cái hiểu sai đó rất phổ biến. Nhưng nếu Minh vội giải thích, cậu bé sẽ chỉ nghe bằng tai. Điều cậu cần lúc này là được nghe bằng lòng.

Minh nói nhẹ: “Em đang lo. Lo vì nghe mấy chữ đó.”

Cậu bé nhìn Minh lần đầu, mắt ướt: “Dạ.”

Minh gật: “Anh không biết trước được chuyện của mẹ em. Nhưng anh biết… mẹ em đang cần em ở đây. Em ở đây là mẹ vui.”

Cậu bé bật khóc. Không nấc to, chỉ khóc lặng, như nước rỉ. Minh luống cuống, muốn vỗ vai, nhưng nhớ điều một: xin phép. Minh hỏi rất khẽ:

“Anh… nắm tay em được không?”

Cậu bé gật.

Minh nắm lấy bàn tay nhỏ. Bàn tay lạnh. Minh giữ, không siết. Anh ngồi yên, để cậu bé khóc. Không nói “đừng khóc”. Vì khóc là việc bình thường nhất lúc này. Minh chỉ lắng nghe tiếng thở đứt đoạn của cậu bé, lắng nghe cả cái khoảng im giữa những tiếng nấc.

Ở phía giường, An nhìn sang, gặp mắt Minh, gật rất nhẹ. Một cái gật như nói: *đúng rồi, cứ thế*.

Khi cậu bé bớt khóc, Minh hỏi: “Em tên gì?”

“Dạ… Nam.”

“Nam thích gì?”

Nam lau mũi, nói: “Em… thích đá bóng. Nhưng mấy bữa ni em không đi.”

Minh gật: “Vậy bữa mô rảnh, em kể anh nghe trận bóng của em.”

Nam nhìn Minh như không tin: “Anh… còn ở đây nữa hả?”

Minh chưa kịp trả lời, An đã bước tới: “Ảnh còn. Ảnh trực cùng chị.”

Nam gật, vẻ mặt dịu lại một chút. Chỉ một chút thôi, nhưng đủ để căn phòng bớt ngộp.

Ra ngoài hành lang, Minh thở ra dài như vừa bơi lên. An đi cạnh, không hỏi “em ổn không”. An chỉ nói:

“Mi nghe được.”

Minh ngơ ngác: “Nghe… gì?”

An nhìn Minh: “Nghe cái sợ của người ta. Không nhảy vào sửa. Nghe trước.”

Minh cúi đầu. Anh nhớ mình trước đây hay muốn “làm đúng”. Nhưng “đúng” không phải lúc nào cũng giúp. Đôi khi người ta chỉ cần được nhìn nhận.

An nói tiếp, giọng nhỏ: “Ở đây, lời nói nếu không đúng lúc sẽ thành dao. Lắng nghe là để biết lúc nào nên nói, lúc nào nên im.”

Minh gật.

3) Đừng hứa bừa

Tối, cụ Lợi ho nặng hơn. Cơn ho đến thành từng đợt, như gió giật. Minh ngồi cạnh, tim chạy. An và chị Hạnh thay nhau hỗ trợ. Khi cơn ho lắng, cụ Lợi thở mệt, mắt cụ mở ra, nhìn Minh:

“Mi… đừng báo mạ mi. Mạ mi nghe là mạ mi mất ngủ.”

Minh nghẹn. “Nhưng… cụ ho ra máu…”

Cụ Lợi cười nhẹ: “Tau già rồi. Máu cũng già.”

Minh muốn nói một câu để cụ yên: “Cụ sẽ ổn”, “cụ sẽ đỡ”, “cụ sẽ về được”. Nhưng anh nhớ điều ba. Anh nhìn cụ, nhìn túi vải khói bếp, nhìn đôi mắt sáng mà xa.

Minh nói thật, giọng thấp: “Con… không dám hứa cụ sẽ khỏe. Nhưng con hứa… con sẽ ngồi đây.”

Cụ Lợi nhìn Minh lâu. Mắt cụ chớp chậm. Rồi cụ “ừ” một tiếng, như nhận.

Chị Hạnh đứng phía đầu giường, nghe, không nói gì. Nhưng Minh thấy chị gật đầu rất nhẹ.

Cụ Lợi nhắm mắt, thở chậm. Một lát, cụ mở mắt lại, nhìn An:

“Con An… tau có về được không?”

Câu hỏi ấy làm phòng im lại. Minh thấy An khựng một nhịp, nhưng An không tránh. An cúi xuống gần cụ, giọng bình tĩnh:

“Cụ muốn về. Tụi con hiểu. Nhưng đường về xa, mưa nguồn sắp tới, cụ thở đang yếu. Tụi con cần tính kỹ để cụ về an toàn.”

Cụ Lợi nhíu mày: “Tức là… chưa chắc?”

An gật: “Dạ. Con không hứa bừa với cụ. Con chỉ hứa con sẽ cố hết sức, tính đúng, để cụ không khổ thêm.”

Cụ Lợi nhìn An, rồi cười mỏng: “Mi thẳng. Tau thích.”

Minh nghe mà rùng mình. “Không hứa bừa” hóa ra không phải lạnh lùng. Nó là tôn trọng sự thật và tôn trọng người nghe.

Khi An và chị Hạnh ra ngoài chuẩn bị thuốc, Minh ở lại. Cụ Lợi mở mắt, giọng yếu:

“Mi thấy chưa. Người ta hay hứa cho người ta nhẹ lòng. Nhưng hứa sai là giết người ta thêm lần nữa.”

Minh cúi đầu. Anh nhớ những lần ở quê, người ta hứa: “Sẽ xây lại nhà”, “sẽ bù”, “sẽ hỗ trợ”, rồi đâu lại vào đó. Người nghèo nghe hứa nhiều thành ra chai, nhưng lúc yếu nhất vẫn mong. Mong rồi vỡ, đau hơn cả đói.

Minh nhìn bàn tay cụ Lợi ôm túi vải. Anh hỏi khẽ: “Cụ… cái túi ni… cụ nhất định phải đem về hả?”

Cụ Lợi mở mắt, nhìn Minh, như cân nhắc. Rồi cụ nói, chậm:

“Trong ni có thứ của người khác. Tau giữ lâu quá. Tau không trả thì… tau nặng.”

Minh muốn hỏi “thứ gì”, “người nào”, nhưng anh dừng lại. Anh nhớ điều hai: lắng nghe. Có những chuyện người già chỉ kể khi họ thấy mình được nghe. Minh nói:

“Cụ muốn nói lúc mô cũng được. Con nghe.”

Cụ Lợi nhìn Minh. Ánh mắt cụ mềm đi, lần hiếm hoi Minh thấy cụ không cố tỏ ra cứng.

“Mai.” Cụ nói. “Mai tau nói. Nhưng mi phải hứa… nghe xong đừng trách tau.”

Minh thở ra, đáp thật: “Con… không biết con có trách không. Nhưng con hứa… con nghe.”

Cụ Lợi “ừ”, nhắm mắt lại.

Đêm đó, khi Minh ra hành lang rửa tay, An đứng ở bồn rửa bên cạnh. Nước chảy. Tiếng nước là thứ hiếm hoi nghe như bình yên trong bệnh viện. An hỏi, không nhìn Minh:

“Mi hiểu ba điều chưa?”

Minh rửa tay chậm, như để câu trả lời không vội: “Dạ… hiểu hơn.”

An “ừ”. Rồi An nói thêm, giọng nhỏ nhưng chắc:

“Xin phép là để người ta còn quyền.
Lắng nghe là để người ta còn tiếng.
Không hứa bừa là để người ta còn sự thật.”

Minh nhìn An. Anh thấy mắt An thâm hơn hôm trước, nhưng ánh mắt vẫn vững. Minh bỗng thấy trong lòng mình có một thứ giống như kính trọng—không phải thứ kính trọng của học sinh với người lớn, mà là kính trọng của một người trẻ với một người đã chọn ở lại trong nơi khó nhất.

Minh hỏi, bất giác: “Chị… có khi mô chị muốn bỏ?”

An im một nhịp. Rồi An nói: “Có.”

Minh chờ.

An nhìn dòng nước chảy, nói khẽ: “Nhưng bỏ thì ai ngồi lại.”

Câu ấy lặp lại. Nhưng lần này Minh nghe sâu hơn: không phải An hy sinh kiểu anh hùng. An chỉ đang làm một việc người nào đó phải làm. Và An chọn làm.

Minh tắt vòi nước. Anh lau tay, nhìn vào gương nhỏ trên tường. Trong gương, mặt anh vẫn là mặt một đứa mười bảy tuổi, nhưng mắt anh đã khác một chút—bớt hoảng, bớt chạy, biết đứng.

Anh nghĩ đến mạ Hường. Anh nghĩ đến nợ nóng. Anh nghĩ đến kỳ thi. Anh nghĩ đến cụ Lợi và túi vải khói bếp.

Minh hiểu: ba điều ở Nhà Giảm Nhẹ không chỉ để dùng trong bệnh viện.

Mai này về nhà, Minh cũng phải xin phép đời trước khi làm điều gì đó lớn—xin phép bằng cách suy nghĩ kỹ. Minh cũng phải lắng nghe mạ, nghe những điều mạ không nói. Minh cũng phải không hứa bừa với chính mình—không vẽ ra một tương lai để tự ngủ yên, rồi để người khác tỉnh dậy trong đổ vỡ.

Trong hành lang, tiếng gọi tên vang lên. Ca trực tiếp theo bắt đầu. Minh quay vào phòng.

Cụ Lợi đang thở. An đang đứng cạnh giường, tay đặt lên thành giường như một cái neo.

Minh kéo ghế, ngồi xuống, không nói nhiều.

Anh chỉ ở đó.

Và trong một thế giới mà ai cũng muốn chạy cho kịp, Minh bắt đầu học cách ngồi lại như một người lớn.

Chương 7: Bốn câu nói khó nhất đời người

Có những câu nói nghe thì đơn giản, viết lên giấy cũng chẳng tốn mấy dòng. Nhưng khi đời dồn người ta vào chỗ phải nói thật, bốn câu ấy lại nặng như đá kê ngực. Nặng đến mức người ta lựa chọn im lặng rồi mang im lặng ấy đi hết một đời người.

Minh biết mình đang bước vào "bão trong người" từ lúc anh nhận ra: bệnh viện không chỉ có mùi thuốc. Bệnh viện còn có mùi của những câu chưa nói. Mùi ấy không nồng như sát trùng, không gắt như khói, nhưng nó lẩn khuất trong từng ánh mắt né tránh, trong những cuộc gọi tắt vội, trong cách người ta chỉnh lại chăn mà không dám chạm vào tay nhau.

Chiều đó, sau khi cụ Lợi vừa ho một trận mệt lả, chị Hạnh gọi Minh và An vào phòng trực. Chị kéo ghế, ngồi xuống, hai bàn tay đặt lên cuốn sổ. Chị không nói vòng.

"Hôm ni chị nói thêm một chuyện," chị Hạnh nhìn Minh, giọng trầm. "Ở Nhà Giảm Nhẹ, ngoài ba điều kia, tụi em còn gặp một cái khó khác. Không phải thuốc. Không phải máy. Mà là… lời."

Minh im, tim tự nhiên đập mạnh.

Chị Hạnh nói: "Nhiều người đến đoạn cuối, cái đau lớn nhất không nằm ở thân thể. Nó nằm ở chỗ họ không nói được những câu họ cần nói. Mà khi không nói được… họ đi không yên."

An không phản ứng. Nhưng Minh thấy mắt An hơi tối lại, như khi nhớ chuyện cũ.

Chị Hạnh nhấc bút lên, không viết, chỉ gõ gõ lên bàn: "Có bốn câu, nghe tưởng dễ mà khó nhất đời người."

Minh hỏi nhỏ: "Bốn câu chi, chị?"

Chị Hạnh nhìn thẳng: "**Xin lỗi. Cảm ơn. Tha thứ. Yêu thương.**"

Chị nói chậm rãi như đọc từng viên sỏi cho Minh cầm, để biết nó nặng thế nào.

“Người ta tưởng ‘xin lỗi’ là dành cho lúc mình làm sai. Nhưng nhiều người cả đời không xin lỗi vì sĩ diện. Vì nghèo. Vì ‘nói ra mắc cỡ’. Đến lúc nằm đây, họ mới nhớ mình từng làm ai đau.”

Minh nhìn xuống tay mình. Mực photocopy còn bám ở khe móng.

“Người ta tưởng ‘cảm ơn’ là câu lịch sự. Nhưng người nhà chăm nhau cả đời, có khi không nói một tiếng cảm ơn, vì nghĩ ‘cùng nhà nói chi’. Đến lúc mất rồi mới thấy câu đó… mắc ở cổ.”

Chị Hạnh ngừng một nhịp, như để câu nói kịp rơi xuống.

“‘Tha thứ’ còn khó hơn. Vì tha thứ không phải quên. Tha thứ là không tiếp tục bắt người khác trả nợ bằng đời họ. Nhưng người mình thương thường là người làm mình đau sâu nhất, nên tha thứ khó.”

Minh nuốt khan.

“Còn ‘yêu thương’,” chị Hạnh khẽ thở ra, “người Việt mình ít nói. Nhất là đàn ông. Nhất là người nghèo. Họ thương bằng việc làm. Thương bằng gánh gạo. Thương bằng đi làm sớm. Nhưng đến lúc cuối… có người vẫn muốn nghe một câu. Chỉ một câu thôi, để yên.”

Minh nghe đến đó, đầu óc mình tự bật ra hình ảnh mạ Hường: mạ gánh đời bằng lưng, miệng mạ ít khi nói mềm. Mạ thương bằng cách cứng. Minh thương bằng cách im. Hai mẹ con sống cạnh nhau, thương nhau đến đau, mà cả đời chưa từng nói đúng một câu “con thương mạ”.

Chị Hạnh nhìn Minh, như đọc được suy nghĩ: “Không cần nói hoa mỹ. Nhưng ít nhất… đừng để câu cần nói nhất thành câu không kịp nói.”

An đứng bên, giọng nhỏ: “Chị nói vậy là… cho cụ Lợi hả?”

Chị Hạnh gật. “Cụ Lợi đang giữ cái gì đó trong lòng. Tụi em cũng thấy rồi. Cái túi vải đó không chỉ là đồ. Nó là chuyện. Mà chuyện thì muốn yên phải nói.”

Minh nghe nhắc đến túi vải khói bếp thì lòng thắt lại. Cụ Lợi đã nói “câu xin lỗi”. Cụ nói “mai”. Nhưng “mai” trong bệnh viện đôi khi mỏng như tờ giấy. Nó có thể rách bất cứ lúc nào.

Chị Hạnh đứng dậy: “Tụi em ra đi. Nhớ đừng ép người ta nói. Chỉ tạo chỗ cho người ta nói.”

An gật. Minh gật. Nhưng cái gật của Minh nặng, như vừa nhận thêm một gánh.

Cụ Lợi tỉnh lúc trời ngả chiều. Nắng chéo vào phòng qua khe rèm, đậu lên gò má nhô cao của cụ như một vệt vàng mỏng. Cụ mở mắt, nhìn ra cửa sổ. Một lúc, cụ quay sang Minh.

“Mi vô đây ngồi.”

Minh kéo ghế lại gần. An đứng phía đầu giường, kiểm tra nhịp thở, rồi lùi ra để khoảng trống vừa đủ. An vẫn vậy—không chen vào, nhưng cũng không bỏ đi.

Cụ Lợi gõ gõ lên túi vải.

“Mi biết tau giữ cái ni bao lâu không?” cụ hỏi.

Minh lắc. “Dạ… con không biết.”

“Ba chục năm.” Cụ nói, nhẹ như nói chuyện mùa màng, nhưng câu đó rơi xuống như đá. “Ba chục năm tau ôm nó y như ôm cục than. Ôm lâu riết… tay cũng cháy mà không biết.”

Minh rùng mình.

Cụ thở chậm, giọng khàn: “Tau không muốn chết trên phố. Tau muốn về. Nhưng về thì tau phải nói mấy câu. Nếu không nói… tau nặng.”

Minh nhớ lời chị Hạnh: tạo chỗ cho người ta nói. Minh không hỏi dồn. Anh chỉ nói nhỏ:

“Cụ muốn nói… con nghe.”

Cụ nhìn Minh, mắt sáng mà mệt: “Mi hứa nghe không?”

Minh nhớ điều thứ ba: đừng hứa bừa. Hứa nghe thì anh làm được. Minh gật: “Dạ. Con nghe.”

Cụ nhắm mắt một lúc, như lục trong lòng mình. Rồi cụ nói câu đầu tiên, câu mà cụ đã nhắc:

“**Tau xin lỗi.**”

Chỉ ba chữ, nhưng Minh thấy như căn phòng chùng xuống. An đứng im. Minh thấy sống mũi cay.

“Xin lỗi ai, cụ?” Minh hỏi khẽ.

Cụ Lợi thở ra, tiếng thở dài như gió qua cửa bếp: “Xin lỗi… thằng Hậu.”

Minh giật nhẹ. “Chú Hậu?”

Cụ gật. “Hồi đó… tau nghèo. Nhà tau nghèo. Mà nghèo thì hay sợ. Sợ mất. Sợ người ta hơn mình. Sợ mang tiếng. Thằng Hậu làm ăn chung với tau. Nó tin tau. Nhưng tau… tau nghi nó.”

Cụ nuốt, cổ họng khô. “Có một lần mất tiền. Tau không có bằng chứng. Nhưng tau nói trước họ hàng… nói trước làng… rằng nó lấy. Tau nói rứa để… để người ta không nghi tau.”

Minh nghe mà bụng lạnh. Một lời nói có thể giết một đời người.

“Thằng Hậu bỏ đi,” cụ nói, giọng mỏng. “Nó không cãi. Nó chỉ nhìn tau. Cái nhìn đó… tau mang theo ba chục năm.”

Cụ gõ lên túi vải. “Trong túi ni… là cái sổ cũ. Là giấy tờ hồi đó. Sau này tau mới biết… người lấy tiền không phải nó. Là người khác. Mà tau… tau đã làm cái điều không rửa được: làm nhục người ta.”

Minh im. Anh nghe tiếng xe ngoài sân. Nghe tiếng điều hòa. Nghe tiếng nhịp thở của cụ. Mỗi thứ đều rõ.

Cụ mở mắt nhìn Minh: “Mi biết câu thứ hai không?”

Minh nghẹn: “Dạ… cảm ơn?”

Cụ gật. “**Tau cảm ơn.**”

“Cảm ơn ai, cụ?” Minh hỏi.

Cụ nhìn ra cửa sổ, ánh mắt mềm đi: “Cảm ơn mạ mi. Mạ mi cực. Mạ mi không phải người nhà ruột tau, nhưng mạ mi không bỏ. Người ta nghèo mà người ta thương. Rứa là giàu.”

Minh cắn môi. Anh chưa từng nghe mạ được ai cảm ơn thẳng như vậy. Ở đời mạ, người ta hay nhận chứ ít ai nói “cảm ơn”. Mạ quen rồi. Nhưng Minh thì chưa quen.

Cụ Lợi thở, rồi nói câu thứ ba—giọng cụ thấp đi, như nói với chính mình:

“**Tau tha thứ.**”

Minh giật mình. “Cụ… tha thứ ai?”

Cụ cười mỏng: “Tha thứ… tau.”

Minh không hiểu. Cụ nói tiếp, chậm: “Mi tưởng tau mạnh hả? Tau không mạnh. Tau chỉ quen đóng vai mạnh. Tau tha thứ cho tau… vì tau nghèo, tau sợ, tau làm sai. Nếu tau không tha thứ… tau chết cũng còn tự cắn mình.”

Minh nghe mà thấy trong lòng có một cánh cửa mở ra: tha thứ không phải chỉ dành cho người khác. Có những người sống cả đời bị chính mình đánh, đến cuối vẫn không buông roi.

An đứng bên giường, khẽ đặt tay lên thành giường. Không nói. Nhưng Minh thấy vai An nhẹ đi một chút, như câu “tha thứ” ấy chạm vào một vết nào đó của An.

Cụ Lợi nhìn Minh, đôi mắt sáng lên một chút, như gom hết sức: “Câu thứ tư…”

Cụ im lâu. Rồi cụ nói, không hướng vào ai cụ thể, như nói vào không khí mà cũng như nói vào cả căn phòng:

“**Tau thương.**”

Người miền núi Hà Tĩnh ít nói “yêu”. Họ nói “thương”. “Thương” vừa mềm vừa sâu, vừa có đau vừa có ấm. Cụ Lợi nói “tau thương” mà giọng cụ run nhẹ, như người cầm một chén nước đầy, sợ đổ.

“Tau thương mạ mi,” cụ nói. “Thương mi. Thương con An. Thương cả cái thằng Hậu… nếu tau còn gặp được.”

Minh thấy mắt mình ướt. Anh không quay mặt đi. Anh không thấy xấu hổ. Anh chỉ thấy muộn.

Cụ Lợi nhìn An: “Con An… tau thương con vì con ở lại. Ở lại với người sắp đi.”

An cúi xuống chỉnh lại chăn, giọng rất nhỏ: “Dạ.”

Nhưng Minh nhìn thấy rõ: đôi mắt An ướt một lớp mỏng, rồi An chớp nhanh để giữ lại.

Cụ Lợi quay sang Minh, như dặn: “Mi nghe chưa. Bốn câu đó… mi phải nói với mạ mi. Nói trước khi mạ mi biến thành cái bóng trong đời mi.”

Minh nín thở. Câu ấy như một nhát dao đặt đúng chỗ sợ nhất của Minh.

“Dạ,” Minh nói, giọng khàn. “Con… con sẽ nói.”

Nói xong, Minh chợt giật mình vì chính mình vừa hứa. Nhưng đây là lời hứa không thể nhẹ. Minh biết: nói được hay không, là chuyện sống chết của tình thương.

Tối đó, Minh về trọ muộn. Phòng trọ vẫn hẹp. Gió Lào vẫn nóng. Cái quạt vẫn quay vô ích. Mạ Hường ngồi ở góc phòng, tay vá lại một cái áo cũ. Mạ không ngẩng đầu, chỉ hỏi đúng một câu quen thuộc:

“Ăn chưa?”

Minh đứng ở cửa. Anh thấy cổ họng mình nghẹn lại. Bao năm nay, “ăn chưa” là câu mạ dùng để nói “con có ổn không”. Còn Minh luôn đáp “rồi” dù chưa, để mạ yên.

Bốn câu khó nhất đời người như đứng xếp hàng trong ngực Minh.

Xin lỗi. Cảm ơn. Tha thứ. Thương.

Minh bước vào, ngồi xuống cạnh mạ. Anh nhìn đôi bàn tay mạ—tay có vết chai, móng tay sứt, đường gân nổi. Tay đó đã gánh Minh, gánh nợ, gánh cả cái nghèo như gánh rơm ướt.

Minh nói, giọng nhỏ nhưng rõ, như sợ nói to sẽ vỡ:

"Mạ… con **cảm ơn**."

Mạ Hường dừng kim. Không ngẩng lên ngay. Mạ cười khô, như che: "Cảm ơn chi. Cùng nhà mà bày đặt."

Minh nghe câu "bày đặt" quen thuộc. Nhưng lần này Minh không lùi.

"Con cảm ơn mạ… vì mạ cực."

Mạ im. Kim vẫn cầm trên tay, nhưng không vá nữa. Một lúc, mạ mới nói, giọng khàn:

"Mi… học đi. Đừng nói mấy cái ni. Mạ nghe… mạ yếu."

Minh nuốt nước bọt. Anh nhớ cụ Lợi nói: đừng để câu cần nói thành câu không kịp nói. Minh tiếp:

"Mạ… con **xin lỗi**."

Mạ quay phắt lại, mắt sắc: "Mi làm chi sai?"

Minh lắc đầu, mắt cay: "Con xin lỗi vì… con im nhiều quá. Con để mạ gánh một mình."

Mạ nhìn Minh. Lâu. Rồi mạ quay đi, giọng nhỏ hơn:

"Im để mạ đỡ lo… mà."

Minh gật. "Con biết. Nhưng im riết… con thấy như mình xa nhau."

Mạ không đáp. Nhưng Minh nghe tiếng mạ hít vào. Mạ đang giữ.

Minh nói câu thứ ba, khó nhất với người nghèo: "Mạ… mạ **tha thứ** cho con… nếu sau ni con có lúc… con không kịp làm hết điều con muốn."

Mạ nhìn Minh, mắt đỏ: "Mi nói chi xui rứa?"

Minh vội: "Không phải xui. Con chỉ… con sợ."

Mạ im. Rồi mạ đặt kim xuống, kéo tay Minh lại—lần hiếm hoi mạ chủ động chạm vào Minh như vậy. Mạ nói rất khẽ, như sợ gió nghe:

"Tha thứ chi. Mi còn nhỏ. Mi cứ sống cho tử tế."

Minh thở ra, nước mắt chảy một đường nóng. Anh nói câu cuối cùng, câu mà cả đời anh né:

"Mạ… con **thương mạ**."

Trong căn trọ hẹp, câu “con thương mạ” không vang như tiếng sét. Nó rơi xuống như mưa đầu mùa—nhẹ thôi, nhưng đủ làm đất nứt mềm ra.

Mạ Hường nhìn Minh, mắt ướt. Mạ quay đi, lấy tay quệt nhanh như quệt mồ hôi, giọng gắt để che run:

“Thương thì… học đi. Thi cho đàng hoàng. Đừng làm mạ xấu hổ.”

Minh cười trong nước mắt. Anh hiểu: đó là cách mạ nói “mạ cũng thương con”.

Bốn câu khó nhất đời người cuối cùng cũng có một câu được nói.

Ngoài kia, gió Lào vẫn nóng như cũ. Nợ nóng vẫn ở đó. Kỳ thi vẫn chờ. Cụ Lợi vẫn nằm dưới ánh đèn trắng, ôm túi vải khói bếp. Nhưng trong Minh, có một thứ đã đổi: bão trong người không còn chỉ là bão của sợ hãi. Nó bắt đầu có thêm một đường thoát bằng lời.

Và Minh hiểu: đôi khi, cứu một đời người không phải là kéo họ khỏi cái chết. Mà là giúp họ kịp nói một câu để sống phần còn lại cho yên.

Chương 8: Viện phí và chữ ký: những bậc thềm không có ghế ngồi

Bệnh viện có hai thứ khiến người ta mỏi nhanh hơn cả thức trắng: **hóa đơn** và **chữ ký**.

Minh biết điều đó từ ngày anh bắt đầu nhìn thấy những bàn tay run run cầm bút. Run không hẳn vì già. Run vì sợ. Sợ ký nhầm một dòng rồi thành mang nợ cả đời. Sợ không ký thì người thân không được làm gì. Sợ ký xong rồi vẫn không cứu được ai, mà còn bị người ta trách: *“Răng không ký sớm?”* hay *“Răng lại ký?”*

Những nỗi sợ ấy không phát ra tiếng, nhưng nó làm cả hành lang bệnh viện nặng như có nước.

Chiều đó, chị Hạnh gọi Minh ra quầy thu ngân.

“Đi theo chị,” chị nói, giọng gọn. “Cụ Lợi có chỉ định thêm thuốc giảm đau. Bên nhà đang lo viện phí. Chị cần em đứng đó, nghe, đừng chen. Nhưng nhớ cái mặt mấy người thu – nhớ cách họ nói. Mai mốt mạ em cũng đứng đây.”

Minh nghe chữ “mạ” mà tim nhói. Tin nhắn nợ nóng vẫn nằm trong điện thoại như một vết bỏng. Anh gật đầu, đi theo.

Quầy thu ngân ở tầng một không khác gì một **điểm giao nhau của số phận**. Người ta xếp hàng dài, tay ôm hồ sơ, người ôm tờ giấy chỉ định, người ôm cả một túi vải đựng cơm hộp, chăn mỏng, quần áo lót đủ thứ lặt vặt mà khi bước vào bệnh viện bỗng trở thành “tài sản” thiết yếu.

Mùi sát trùng ở đây trộn với mùi mồ hôi, mùi cháo loãng, mùi nhựa áo mưa. Nó tạo ra một thứ mùi rất Việt Nam: mùi của sự chịu đựng.

Người ngồi chờ kín băng ghế. Người đứng dựa tường kín cả lối đi. Có người ngồi bệt xuống nền gạch, chân co lại vì mỏi. Minh nhìn quanh: **không có ghế cho sự lo lắng**. Ghế ít, người nhiều. Thời gian thì dài. Mà nỗi lo thì không biết đặt vào đâu ngoài… đặt lên vai.

Chị Hạnh đứng cạnh quầy, lật hồ sơ, đưa giấy. Người thu ngân nhìn màn hình máy tính, gõ lách cách, giọng đều đều như đọc bài:

“Thuốc thêm… xét nghiệm… vật tư… tổng tạm thu…”

Con số hiện ra trên giấy in nhiệt mỏng tang. Minh nhìn con số mà thấy cổ họng khô. Con số không phải quá lớn với người giàu, nhưng với người nghèo, nó đủ để biến một tháng thành một năm.

Chị Hạnh quay sang Minh, nói nhỏ: “Em thấy chưa. Ở đây, người ta không chỉ đau vì bệnh. Người ta đau vì tiền.”

Minh không đáp. Anh nhìn người phụ nữ đứng phía sau, có lẽ là người nhà bệnh nhân nào đó tay chị nắm chặt quai túi, móng tay bấm vào da đỏ lên. Chị nhìn tờ giấy thu như nhìn một cái hố.

Minh tự nhiên nhớ câu người quê hay nói: **“Giấy trắng mực đen.”**
Ở quê, “giấy trắng mực đen” có nghĩa là có bằng chứng, khỏi cãi. Nhưng ở bệnh viện, “giấy trắng mực đen” cũng có nghĩa là: **đã ký là khó quay lại**, mà đời người thì không phải lúc nào cũng rõ ràng để ký.

Xong thủ tục, chị Hạnh kéo Minh ra một góc hành lang.

“Nhà cụ Lợi giờ ai đại diện?” chị hỏi.

Minh đáp: “Dạ… cô Thủy là con gái cụ.”

Chị Hạnh gật: “Cô đó đang hoảng. Tối nay nếu cô xuống, em đừng giảng đạo hiếu. Ở đây không ai cần đạo lý. Người ta cần đường đi.”

Minh nghe chữ “đường đi” mà thấy nó giống đường tràn mùa lũ: đi sai là trượt. Đi chậm là kẹt. Đi nhanh là ngã.

Vừa lúc ấy, Minh thấy cô Thủy bước vào sảnh. Cô khoảng bốn mươi mấy, áo khoác mỏng, tóc búi vội, mặt hốc hác. Trên tay cô là một túi giấy, chắc đựng đồ ăn. Cô đi nhanh, mắt nhìn quanh như tìm ai. Khi thấy chị Hạnh, cô dừng lại, thở hắt.

“Chị ơi…” giọng cô Thủy khàn, “họ nói phải tạm thu thêm. Em… em không đủ.”

Cô nói “không đủ” như nói “không thở được”.

Chị Hạnh không trách, không động viên kiểu rỗng. Chị hỏi thẳng: “Em có được bao nhiêu?”

Cô Thủy mở túi, lấy ra một xấp tiền lẻ, vài tờ mười, vài tờ hai mươi đã nhàu. Cô đếm mà ngón tay run.

“Có chừng ni.”

Chị Hạnh nhìn, rồi gật: “Được. Chị làm giấy xin hoãn một phần. Nhưng em phải ký.”

Chữ “ký” vừa bật ra, cô Thủy đã co người lại như sợ bị chạm vào chỗ đau.

“Ký chi hả chị?” cô hỏi, mắt nhìn tờ giấy như nhìn một cái bẫy. “Em sợ ký rồi… người ta nói em bỏ mặc bố.”

Minh nghe câu ấy mà hiểu ngay: nỗi sợ của cô không chỉ là tiền. Nó là **miệng lưỡi**.

Ở quê, người ta sống không chỉ bằng cơm gạo. Người ta sống bằng ánh nhìn họ hàng, bằng lời xầm xì ngoài ngõ. Có một thứ luật vô hình gọi là “làng”: không thành văn, nhưng siết cổ người ta như dây.

Minh nhớ câu mạ hay nói khi ai đó trong xóm bị đàm tiếu: *“Miệng thiên hạ như dao. Không chảy máu mà vẫn chết.”*

Cô Thủy cắn môi: “Bố em cả đời sống vì tiếng. Ổng sợ mang tiếng hơn sợ đau. Giờ em… em không biết làm răng cho đúng.”

Chị Hạnh thở ra, giọng chậm: “Đúng với ai? Với người ngoài hay với bố em?”

Cô Thủy nhìn xuống. Nước mắt rịn ra nhưng không rơi.

Chị Hạnh đưa tờ giấy: “Đây là giấy cam kết thanh toán sau. Không ký thì hệ thống không cho làm. Chị biết nghe đau. Nhưng em chọn đi: em ký để bố em bớt đau, hay em không ký để khỏi mang tiếng, rồi bố em đau hơn?”

Câu hỏi cắt thẳng, không nịnh. Cô Thủy đứng im như bị ép vào tường.

Minh nhìn cô, bỗng nhớ câu tục ngữ: **“Nghĩa tử là nghĩa tận.”**
Người Việt coi chuyện cuối đời như một nghĩa vụ thiêng. Nhưng “nghĩa tận” đôi khi bị hiểu thành “phải làm cho vừa mắt thiên hạ”, trong khi người sắp đi chỉ cần một điều rất giản dị: bớt đau, bớt sợ, bớt cô đơn.

Cô Thủy nói khẽ, như xin lỗi trước: “Em… em ký. Nhưng chị ơi… họ hàng em… họ sẽ nói.”

Chị Hạnh nhìn cô: “Họ nói thì họ nói. Miệng người ta không trả viện phí cho em. Cũng không thở thay bố em.”

Câu đó rơi xuống, cô Thủy bật khóc. Cô đưa tay lau vội, rồi cầm bút ký. Chữ ký của cô méo, như một con đường núi bị lũ khoét.

Minh nhìn chữ ký ấy mà thấy như nhìn một vết cắt lên lòng tự trọng.

Ký xong, cô Thủy hỏi một câu rất Việt Nam: "Chị… liệu… bố em còn… còn mấy bữa?"

Chị Hạnh không trả lời "đừng lo". Chị không hứa. Chị nói thật theo cách người ta chịu được:

"Chị không biết chính xác. Nhưng chị biết bố em đang mệt. Mình cố làm cho ông bớt đau, bớt hoảng. Và… nếu ông muốn nói gì, mình tạo chỗ cho ông nói."

Cô Thủy gật, nước mắt chảy. Minh nhìn thấy trong ánh mắt cô có một thứ vừa vỡ vừa tỉnh: **đời không đợi mình sẵn sàng**.

Tối đó, Minh về trọ muộn. Mạ Hường vẫn ngồi ở góc phòng, vá áo dưới ánh đèn trắng bệt. Mạ nhìn Minh, hỏi một câu quen:

"Ăn chưa?"

Minh định đáp "rồi" như mọi lần, nhưng chữ "rồi" mắc ở cổ. Anh nhớ cụ Lợi nói bốn câu khó nhất. Anh nhớ chị Hạnh bảo bệnh viện dạy người ta nhìn thẳng.

"Dạ… chưa." Minh nói thật.

Mạ ngẩng lên, thoáng sững, rồi đứng dậy mở nồi cơm điện nhỏ. Cơm nguội. Mạ lấy thêm chén nước mắm, cắt vội miếng dưa muối. Mạ đặt trước mặt Minh như đặt một lời thương không nói.

Minh ăn, nhưng mắt cứ nhìn đôi tay mạ. Tay mạ thô, gân nổi, móng tay sứt. Tay đó đã ký bao giấy tờ đời mạ: giấy xin việc, giấy tạm trú, giấy vay nợ. Mỗi chữ ký là một lần mạ tự nhắc mình phải cứng.

Minh hỏi nhỏ: "Mạ… cái nợ nóng… họ ép dữ lắm hả?"

Mạ đặt đũa xuống, ngồi thẳng lưng. Mạ không thích nói chuyện yếu. Nhưng hôm nay, chắc vì Minh đã nói "chưa ăn", mạ bỗng dịu hơn.

"Họ không đánh. Họ nói nhẹ. Nói nhẹ mà đau." Mạ nhìn ra cửa, giọng thấp. "Họ đứng ngoài, nói 'chị tính sao'. Mà câu đó… nghe như dây thòng lọng."

Minh nuốt. "Mạ ký giấy hả?"

Mạ gật. "Ký. 'Giấy trắng mực đen' đó con. Ký rồi mới biết mình đã tự trói."

Minh cầm chén cơm, thấy cơm khô như cát. Anh hỏi: "Sao mạ không nói con?"

Mạ nhìn Minh, mắt đỏ nhẹ: “Nói để mi bỏ học à? Mi thi là chuyện lớn. Ở quê người ta nói ‘**có chí thì nên**’. Mạ không muốn mi phải nên bằng cái lưng còng như mạ.”

Minh nghe mà cay. Anh nghĩ: ở đất này, người ta hay dạy con cái bằng những câu như dao bọc vải nghe thì mềm, nhưng cứa vào lòng.

Minh đặt chén xuống. “Mạ… con sẽ cố. Nhưng con cũng… con muốn phụ.”

Mạ gắt theo phản xạ: “Phụ chi mà phụ! Mi học đi!”

Rồi mạ im. Như sợ mình nói nặng quá. Mạ thở ra một hơi dài, giọng hạ xuống:

“Mạ biết mi thương. Nhưng thương cũng phải biết đường. Mi mà hỏng thi, cái nghèo nó cười. Mà cái nghèo—nó cười dai lắm.”

Minh im. Bão trong người anh nổi lên: một bên là kỳ thi, một bên là viện phí và chữ ký. Cả hai đều là cánh cửa. Cánh cửa nào cũng cần tiền để mở. Mà tiền thì như nước lũ: đến nhanh, đi nhanh, cuốn sạch.

Anh nhớ câu ca dao mạ từng hát nhỏ khi Minh còn bé:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.”

Ở bệnh viện, Minh thấy câu đó đúng nhưng cũng đau: người ta thương nhau thật, nhưng thương không đủ thay tiền. “Lá lành đùm lá rách” đúng, nhưng đôi khi lá lành cũng rách vì đùm quá nhiều.

Sáng hôm sau, Minh lên viện sớm. Anh đi qua quầy thu ngân lần nữa, thấy một ông già đứng cầm tờ giấy, mắt nhìn con số mà môi mấp máy như đếm kinh. Một cô con gái đứng cạnh, cố nói nhỏ nhưng nước mắt cứ tràn.

Minh tự nhiên hiểu: **bậc thềm bệnh viện không có ghế ngồi** vì người ta không được phép ngồi yên trong nỗi lo. Nỗi lo buộc người ta đứng dậy, đi kiếm tiền, đi ký giấy, đi vay, đi chịu lời. Đứng mãi đến mỏi rã, nhưng vẫn phải đứng—vì phía sau là người thân đang thở.

Minh lên phòng cụ Lợi. Cụ nằm đó, ôm túi vải khói bếp. An đứng cạnh giường, chỉnh ống hút. Cụ Lợi nhìn Minh, hỏi một câu nghe rất đời:

“Họ lấy tiền chưa?”

Minh sững. Người già quê hay vậy: họ yếu mà mắt vẫn nhìn ra cái nặng nhất.

“Dạ… cô Thủy ký giấy hoãn một phần.” Minh đáp.

Cụ Lợi nhắm mắt, thở ra: “Tau nói rồi… tau sợ phiền.”

An nói nhỏ, giọng chắc: “Cụ đừng nghĩ vậy. Cụ sống cả đời vì người khác. Giờ người khác chăm cụ, đó là tình, không phải phiền.”

Cụ Lợi cười mỏng: “Mi nói hay. Nhưng tau… tau già rồi. Tau biết… tiền nó làm người ta mất ngủ.”

Minh đứng bên giường, bỗng muốn nói thật nhiều. Muốn kể về nợ nóng, về mạ ký giấy, về bậc thềm không ghế. Nhưng anh nhớ điều thứ hai: **lắng nghe**. Anh chỉ nói:

“Cụ… tụi con đang tính đường về cho cụ.”

Cụ Lợi mở mắt, ánh mắt sáng lên một chút, một chút thôi, như than hồng gặp gió.

“Về,” cụ nói. “Về rồi tau trả cái nợ trong túi ni. Tau không muốn chết mà còn nợ.”

Minh nhìn chiếc túi vải. Minh hiểu: có những món nợ không ghi trên giấy, không có lãi suất, nhưng **ăn mòn người** hơn nợ nóng. Nó ăn bằng day dứt.

Ngoài hành lang, tiếng gọi tên vang lên. Quầy thu ngân vẫn đông. Những bàn tay vẫn ký. Những con số vẫn chạy.

Minh đứng cạnh giường cụ Lợi, nghe nhịp thở của cụ, và chợt nghĩ một điều rất buồn mà rất thật về văn hóa mình:

Người Việt có câu **“sống cái nhà, thác cái mồ”** sống thì lo cho nhà, chết thì lo cho mồ mả. Nhưng giữa “nhà” và “mồ”, có một đoạn đường mang tên “bệnh viện”, nơi người ta phải trả giá bằng tiền và chữ ký, bằng cả danh dự lẫn nước mắt. Và trên đoạn đường đó, người ta hiếm khi được ngồi xuống nghỉ vì bậc thềm ấy không có ghế.

Minh nuốt khan, nhìn An, nhìn cụ Lợi, rồi nhìn ra cửa sổ nơi nắng đang nung trắng.

Anh biết trải nghiệm sống ở đây sẽ còn kéo dài. Còn viện phí. Còn chữ ký. Còn những câu không nói.

Nhưng ít nhất, ở trong căn phòng này, Minh không đứng một mình.

Chương 9: Một chiếc áo mưa chung, một đoạn đường không nói

Mưa ở phố đến kiểu khác mưa ở núi.

Ở núi, mưa có tiếng gõ thẳng lên mái tôn, có mùi đất bật lên từ nền sân, có tiếng nước ùa xuống mương như con thú vừa thoát chuồng. Ở phố, mưa đến muộn hơn, nhưng khi đến

thì rơi vào đủ thứ bề mặt: kính, nhựa, tôn, bê tông—rơi vào đâu cũng nghe lạnh, rơi vào đâu cũng làm người ta vội.

Chiều đó, trời đang nắng gió Lào bỗng đổi mặt. Mây sầm xuống, gió chùng lại, mùi hơi nước lặng lẽ bò lên từ những vũng nước cũ ven đường. Minh bước ra khỏi bệnh viện, balô đeo một bên vai, đầu còn nặng vì những con số viện phí và chữ ký méo của cô Thủy. Anh định chạy về trọ ăn vội, rồi quay lại ca tối. Nhưng vừa tới bậc thềm, mưa đổ.

Mưa ào một cái, như ai đó xô cả thau nước xuống thành phố.

Người ta chạy tán loạn. Người che đầu bằng hồ sơ. Người chụm áo khoác. Người kéo vội áo mưa mỏng phát miễn phí nào đó. Mưa đập xuống nền gạch bệnh viện, bắn lên những hạt nước nhỏ li ti. Mùi sát trùng trộn mùi mưa thành một thứ mùi lạ: vừa sạch vừa buồn.

Minh đứng nép dưới mái hiên, nhìn ra. Đường trước cổng bệnh viện nhòe đi trong mưa, những bóng xe máy lao qua như cá quẫy. Anh đưa tay sờ túi áo—không có áo mưa. Anh đã quên. Mấy bữa nay Minh sống trong đầu nhiều hơn sống ngoài trời, nên quên những thứ đơn giản nhất: quên áo mưa, quên ăn, quên ngủ.

Một giọng quen vang lên sau lưng:

“Mi đứng chi tê?”

Minh quay lại. An.

Áo blouse An đã khoác thêm áo mưa mỏng màu xanh nhạt. Tóc An vẫn buộc gọn. Trên trán An có vài hạt mưa bám, lấp lánh dưới ánh đèn hiên. An cầm trên tay một chiếc áo mưa khác—loại áo mưa nilon mỏng, gấp lại nhỏ như tờ giấy.

“Chị…” Minh lúng túng. “Em quên áo mưa.”

An không trách. An chỉ đưa áo mưa cho Minh: “Mặc đi.”

Minh cầm áo mưa, nhưng nhìn độ mỏng của nó, anh biết mặc cũng như không. Mưa kiểu này mặc áo mưa mỏng chỉ đủ ướt từ từ.

“Chị có áo mưa chưa?” Minh hỏi.

An giơ cái áo mưa trên người: “Có.”

Minh nhìn xuống chiếc áo mưa An đưa. “Em… đi về trọ chút rồi quay lại. Em chạy nhanh.”

An nhìn Minh, mắt hơi nheo—cái nhìn của người đã quen đo gió đo mưa: “Mi chạy, mi ngã. Đường ni trơn.”

Minh im. Anh nhìn dòng xe ngoài cổng. Đúng là trơn thật. Nước mưa hòa dầu xe thành một lớp bóng. Chỉ cần một cú phanh gấp là trượt.

An nhìn Minh một nhịp, rồi nói gọn:

“Đi cùng.”

Minh ngẩng lên. “Đi cùng chi?”

“Đi mua cơm.” An nói. “Tau cũng chưa ăn. Mi chưa ăn, phải không.”

Minh định chối, nhưng bụng anh réo nhẹ đúng lúc. Minh cười gượng. “Dạ… chưa.”

An gật như đã đoán, rồi kéo chiếc áo mưa mỏng trên tay Minh ra, xòe rộng.

“Đưa đây.”

Minh ngơ: “Dạ?”

An xếp áo mưa lại, nhét vào balô Minh. Rồi An kéo chiếc áo mưa đang mặc trên người, giật nhẹ phần mũ, mở rộng ra.

“Vô đây.”

Minh đứng chết. “Chị… em…”

An không nhìn Minh lâu. An chỉ đứng sát vào mép hiên, nghiêng người ra để chắn mưa, giọng nhỏ: “Nhanh.”

Minh bước vào dưới áo mưa của An.

Chiếc áo mưa mỏng, rộng vừa đủ để hai người đứng sát. Vai Minh chạm nhẹ vai An. Mùi xà phòng nhạt và mùi áo mưa nhựa trộn với mùi mưa. Minh bỗng thấy tim mình đập mạnh hơn bình thường. Không phải vì sợ. Vì gần. Vì cái gần bất ngờ trong một nơi người ta toàn xa nhau vì lo.

An kéo mũ áo mưa lên cho Minh. Động tác nhanh, như kéo mũ cho em trai. Không có gì ngập ngừng.

“Đi.”

Hai người chạy qua khoảng sân trước cổng bệnh viện. Mưa đập lên áo mưa lộp bộp. Nước bắn lên gấu quần. Minh bước cẩn thận. An bước chắc. Dưới chiếc áo mưa chung, Minh nghe rõ tiếng thở của An đều, bình tĩnh, như người đã quen chạy qua mưa không cần gấp.

Ra tới vỉa hè, An giơ tay ra hiệu, gọi một người bán cơm hộp bên kia đường. Quán cơm là một gánh nhỏ: thùng xốp, nồi canh đậy vội bằng nắp nhôm, mấy cái ghế nhựa. Bà chủ gánh đội nón lá, áo mưa rách, vẫn cười:

“Bữa ni mưa dữ hè! Hai đứa ăn chi?”

An trả lời ngắn: “Hai hộp. Ít cay. Có canh nóng.”

Bà chủ gật gù, tay làm nhanh. Minh đứng cạnh, nhìn An lấy tiền trong túi. Tiền An cầm không dày. Nhưng An rút ra rất gọn, không đếm lẻ trước mặt ai. Minh chợt nghĩ: người miền núi nghèo hay vậy, nghèo nhưng không để cái nghèo làm mình nhỏ đi.

Bà chủ đưa hai hộp cơm, thêm hai ly canh nóng. "Cầm kỹ nghe con. Canh nóng bỏng đó."

An nhận, "dạ" một tiếng. Minh nhìn An nói "dạ" mà thấy cái "dạ" của An khác "dạ" của Minh. "Dạ" của An là sự tôn trọng tự nhiên, không phải sự nhún nhường vì sợ.

Hai người quay lại, vẫn chung một chiếc áo mưa. Lần này, mưa có vẻ nhỏ hơn một chút, nhưng gió lạnh hơn. Áo mưa mỏng không chặn gió, chỉ làm gió lùa qua như qua tấm màn.

Minh thấy tay An cầm hộp cơm, canh nóng bốc hơi. Hơi nóng làm mặt An ửng nhẹ. Minh bỗng muốn đưa tay đỡ. Nhưng anh không dám. Anh sợ mọi động tác đều thành thừa dưới chiếc áo mưa hẹp này.

Họ đi chậm lại, tránh vũng nước. Mưa rơi thành sợi, ánh đèn đường phản chiếu khiến mỗi hạt mưa như một đường chỉ bạc.

Một đoạn đường ngắn từ gánh cơm về cổng bệnh viện, nhưng Minh thấy dài. Dài vì im.

Không ai nói gì.

Minh muốn nói một câu cho đỡ ngượng. Muốn hỏi An học năm mấy, muốn hỏi An ở trọ đâu, muốn hỏi An có nhớ nhà không. Nhưng mỗi câu đều mắc lại ở cổ, vì dưới tiếng mưa, câu nào cũng nghe như thừa.

An cũng không nói. An chỉ bước. Bước chắc. Như thể im lặng là thứ bình thường nhất.

Minh chợt nhận ra: An im không phải vì không có chuyện để nói. An im vì biết chọn thời điểm. Ở bệnh viện, An đã nói cả ngày bằng tay chân, bằng ánh mắt, bằng nhịp thở. Nói thêm một câu nhiều khi chỉ làm mệt.

Nhưng trong cái im ấy, Minh nghe được nhiều thứ.

Nghe tiếng mưa đập lên áo mưa như trống nhỏ. Nghe tiếng canh nóng lắc nhẹ trong ly nhựa. Nghe tiếng giày trượt trên nền gạch. Và nghe cả tiếng tim mình—không còn chạy loạn như trong hành lang thu ngân, mà đập theo một nhịp khác: nhịp của sự gần gũi.

Đến bậc thềm bệnh viện, An dừng lại. Cả hai đứng dưới mái hiên. Nước từ áo mưa chảy xuống thành dòng. An cúi nhẹ, rũ áo mưa. Minh đứng cạnh, bỗng thấy tóc mình ướt một chút ở thái dương có lẽ An đã che phần lớn, nhưng không thể che hết. Minh nhìn An, thấy vai An ướt hơn mình.

Minh thốt lên: "Chị… chị ướt."

An nhìn xuống vai mình, thản nhiên: “Ừ.”

Minh lúng túng: “Tại em…”

An ngắt: “Thôi. Mi ăn đi.”

Một câu đơn giản. Nhưng Minh nghe như được kéo khỏi một cái vòng tự trách—vòng mà người nghèo hay tự tròng vào cổ mình vì nghĩ mình luôn là gánh nặng.

Họ mang cơm lên tầng ba. Trong thang máy, mùi áo mưa ẩm trộn mùi thuốc, mùi cơm nóng. Mùi ấy lạ nhưng thật: mùi đời.

Vào phòng trực, chị Hạnh đang uống nước. Thấy hai đứa, chị liếc qua, không cười, nhưng giọng dịu hơn thường:

“Có ăn hả? Tốt. Ở đây người ta hay quên ăn.”

An đặt cơm xuống bàn, chia canh. “Chị ăn không?”

Chị Hạnh lắc: “Chị ăn rồi. Hai đứa ăn đi.”

Minh mở hộp cơm. Cơm trắng, ít thịt kho, chút rau xào. Mùi thức ăn nóng khiến Minh bỗng thấy sống mũi cay. Cay vì nhớ nhà, vì nhớ bếp, vì nhớ mạ.

An ăn chậm, gọn. Không vừa ăn vừa kể. Minh ăn nhanh hơn, nhưng cố không phát ra tiếng. Một lúc, Minh hỏi nhỏ, như sợ phá im:

“Chị… sao chị lại… cho em chung áo mưa?”

An vẫn ăn, không ngẩng lên ngay. Một lát, An mới nói:

“Mưa mà. Ai cũng ướt. Ẩn chi.”

Minh bật cười khẽ. “Nhưng… chị có thể đưa áo mưa cho em, chị mặc cái kia…”

An ngẩng lên. Nhìn Minh. Ánh mắt An không trêu, không nghiêm, chỉ thật:

“Mi mà mặc áo mưa của tau, tau ướt. Tau ướt thì tau vẫn làm được. Mi ướt rồi mi sốt, mi nghỉ, ai trực?”

Minh ngồi sững. Câu trả lời thực tế đến mức làm mọi lãng mạn vừa lóe lên trong Minh tự nhiên đỏ mặt.

Nhưng chính cái thực tế đó lại khiến Minh rung động hơn bất cứ câu nói ngọt nào. Vì nó giống hệt cách người quê thương nhau: thương bằng tính toán cho người kia bớt khổ, chứ không thương bằng lời.

Minh cúi xuống, ăn tiếp. Trong lòng anh, một thứ ấm lên, nhỏ nhưng rõ.

Tối đó, Minh vào phòng cụ Lợi mang theo hộp cháo nóng. Cụ Lợi tỉnh, nhìn Minh, mắt nheo:

“Mi đi mô mà tóc ướt rứa?”

Minh giật mình, đưa tay sờ tóc. “Dạ… mưa.”

Cụ Lợi nhìn An đang đứng cạnh giường, rồi nhìn Minh, cười mỏng: “Mưa thì phải có áo mưa. Mi lên phố mà còn ngu.”

Minh định cười theo, nhưng An nói gọn: “Con che cho hắn rồi.”

Cụ Lợi bật cười, ho nhẹ. “Rứa à… Con An tốt.”

An cúi xuống chỉnh chăn, không nhận khen. Nhưng Minh thấy khóe môi An mềm lại.

Minh ngồi xuống, đưa cháo cho cụ. “Cụ ăn chút.”

Cụ Lợi lắc: “Tau không đói.”

Minh nhớ điều thứ hai: lắng nghe. Anh không ép. Anh chỉ nói: “Cụ ăn một muỗng cho đỡ rát.”

Cụ nhìn Minh, rồi miễn cưỡng mở miệng. Minh đút từng muỗng. Cháo nóng bốc hơi. Mùi cháo làm Minh nhớ bát cháo mạ nấu khi Minh sốt. Nhớ cái cách mạ thổi, thổi đến mỏi môi.

Cụ ăn được vài muỗng rồi thôi. Cụ nhắm mắt, thở. Một lát, cụ nói rất khẽ:

“Mi thấy không… người ta thương nhau… nhiều khi không cần nói.”

Minh ngẩng lên. Cụ Lợi vẫn nhắm mắt, nhưng lời nói như rơi thẳng vào ngực Minh.

Minh nhớ chiếc áo mưa chung. Nhớ đoạn đường không nói. Nhớ vai An ướt hơn mình. Nhớ câu An: “Mi ướt rồi mi sốt, mi nghỉ, ai trực?”

Đúng là không cần nói. Nhưng cái không nói ấy có hình. Có nhiệt. Có mùi. Có dáng.

Nó giống như chiếc áo mưa mỏng giữa cơn mưa phố không che được hết, nhưng che được phần quan trọng nhất.

Đêm xuống. Mưa ngoài cửa sổ đã thưa dần. Gió lạnh còn lại trên kính như một lớp sương.

Minh bước ra hành lang, đứng nhìn về phía cầu thang. Bậc thềm trắng vẫn sáng. Nhưng lần này, Minh không thấy chúng lạnh như trước. Có lẽ vì trong Minh đã có một thứ mềm: một đoạn đường không nói, và một chiếc áo mưa chung chỉ nhỏ thôi, nhưng đủ để làm người ta tin rằng trong bão, vẫn có thể có một chỗ trú.

Và Minh hiểu: có những tình cảm bắt đầu không phải bằng lời tỏ tình, mà bằng một lần che mưa.
Không rực rỡ.
Nhưng nhớ lâu.

Chương 10: Tin mưa nguồn: Ngàn Sâu đục nước

Tin mưa nguồn ở miền núi không bao giờ đến bằng giọng vui.

Nó đến bằng một cuộc gọi ngắt quãng vì sóng yếu. Một tin nhắn không dấu, chữ thiếu chữ thừa. Một câu "mi coi chừng" nói nhỏ như sợ trời nghe thấy. Và khi người ta nói "Ngàn Sâu đục nước", nghĩa là từ trên rừng đã có một thứ đang kéo xuống không chỉ là nước, mà là cả nỗi lo của bao mái nhà.

Tối đó, Minh vừa rời phòng cụ Lợi, mùi cháo nóng vẫn còn vương ở tay áo. Mưa ngoài trời đã thưa, nhưng hành lang bệnh viện vẫn sáng trắng, bóng người vẫn đi lại như những cái bóng không có chỗ ngủ. Minh đứng ở bồn rửa, xoa xà phòng kỹ hơn mọi lần, như thể rửa tay sạch sẽ thì sẽ rửa được cả cảm giác bẩn của bất lực.

Điện thoại rung trong túi quần.

Minh liếc màn hình: **Dì Bảy**.

Tim Minh nhói một cái. Ở quê, dì Bảy gọi giờ này là có chuyện. Chuyện không phải "gửi quà" hay "hỏi thăm". Chuyện thường là: mưa, lũ, người ốm, người đi.

Minh bấm nghe, đưa điện thoại lên tai.

"Dì…"

Đầu dây bên kia không nói ngay. Chỉ nghe tiếng mưa. Tiếng mưa dày, gõ dồn dập như ai đó đang đập tay vào mái tôn. Xen vào đó là tiếng gió hú và tiếng người thở gấp.

"Hường đó hả?" dì Bảy hỏi nhầm, giọng khàn.

"Dạ… con Minh đây dì."

Dì Bảy im một nhịp, rồi thở ra: "Ờ… Minh à. Mi nghe dì nói ni. Trên ni mưa lớn. Mưa từ chiều, giờ chưa dứt. Ngàn Sâu… hắn đục nước rồi."

Chỉ một câu. Nhưng Minh thấy sống lưng lạnh.

Ngàn Sâu trong trí Minh hiện lên ngay: con sông ngày thường hiền, nước xanh, đá lộ, trẻ con tắm, phụ nữ giặt đồ, đàn ông thả lưới. Nhưng đến mùa mưa nguồn, Ngàn Sâu đổi giọng. Nước dâng lên nhanh như thở gấp, đục ngầu như bùn bị khuấy, kéo theo cành cây, rác, cả những thứ người ta không kịp giữ.

“Đài họ báo… đêm ni còn mưa. Mai mưa nữa,” dì Bảy nói, giọng như nói trong răng. “Mi ở phố… mi coi chừng. Nhưng trên ni… trên ni mới đáng lo. Đường vô bản… chắc mai là bị chia cắt.”

Minh nắm chặt điện thoại. Anh nhìn vào tường trắng trước mặt, thấy như đang nhìn vào một màn sương.

“Dì… mạ con đâu?” Minh hỏi nhanh.

“Mạ mi chạy qua nhà cô Thủy rồi.” Dì Bảy đáp. “Cô Thủy gọi. Bà con tụi ni… rứa mi biết rồi đó. Nghe tin cụ Lợi ho ra máu, ai cũng lo. Mà giờ thêm mưa… đường tràn, cầu cạn…”

Minh nghe tiếng dì Bảy nuốt nước bọt. “Họ nói… nếu mai nước lên mạnh, muốn đưa cụ về… khó lắm.”

“Cụ… cụ sao rồi dì?” Minh hỏi, giọng mỏng.

Dì Bảy hạ giọng xuống, như sợ nói to thì xui: “Cụ yếu. Nhưng cụ còn cứng. Cụ nói… cụ phải về. Cụ cứ nhắc cái túi. Nhắc cái ‘câu xin lỗi’. Mi ở bên cụ đó hả?”

Minh “dạ” một tiếng. Cổ họng anh nghẹn. Cái “mai” mà cụ Lợi từng nói bỗng nhiên trở nên mong manh như tờ giấy ướt.

Dì Bảy nói tiếp, câu chữ vấp vì gió: “Mi… mi hỏi bên viện coi… nếu đưa cụ về thì làm răng. Chớ để nước lên rồi… rồi…”

Dì lại bỏ lửng. Người quê hay bỏ lửng. Cái bỏ lửng ấy nặng hơn nói hết.

Minh thở ra, gắng giữ giọng bình tĩnh: “Dạ. Con sẽ hỏi.”

“Ừ. Mi lo cho cụ. Mạ mi… mạ mi cứng, nhưng mạ mi lo lắm. Mi đừng để mạ mi lo thêm.”

Minh nghe câu đó mà thấy nhói. Anh muốn nói: *Con cũng lo chứ dì. Con lo muốn vỡ.* Nhưng anh chỉ “dạ”.

Dì Bảy tắt máy.

Điện thoại tối màn hình. Nhưng trong Minh, mọi thứ sáng lên một cách khó chịu: sáng của lo, của hình dung, của những cảnh nước đục tràn qua sân, áo quần ướt, người chạy, tiếng gọi tên trong mưa.

Minh đứng yên một lúc lâu. Mùi sát trùng bỗng biến thành mùi bùn trong trí nhớ. Anh nhớ cái cảm giác chân trần dính bùn, nhớ tiếng mẹ gọi trong gió, nhớ mưa đập ràn rạt lên mái nhà văn hóa thôn.

Một bàn tay đặt nhẹ lên vai Minh.

Minh giật mình quay lại.

An đứng đó, vẫn áo blouse, tóc buộc gọn, mắt nhìn thẳng. An không hỏi "có sao không". An chỉ hỏi đúng câu cần hỏi:

"Tin quê?"

Minh gật. "Mưa nguồn. Ngàn Sâu đục nước rồi."

An nhìn Minh một nhịp, ánh mắt tối lại—cái tối của người miền núi nghe chữ "đục nước" là biết đêm nay sẽ dài. An không thở dài. An chỉ nói:

"Vậy phải tính đường."

Minh cười khô: "Đường… giờ toàn đường khó."

An nghiêng đầu: "Đường khó vẫn phải chọn. Mi đứng đây không làm nước rút."

Câu nói của An như một cái tát nhẹ. Không đau, nhưng tỉnh.

Minh nuốt khan: "Cụ Lợi muốn về."

An "ừ", giọng chắc: "Tụi mình hỏi chị Hạnh. Nếu cụ đủ ổn, làm giấy ra viện tạm, chuyển tuyến, hoặc xin xe hỗ trợ… phải làm ngay trước khi nước lên."

Minh nhìn An. Trong khoảnh khắc, Minh thấy An giống một cọc tiêu giữa mưa: không làm hết mưa, nhưng chỉ hướng.

"Em… em sợ không kịp." Minh nói thật.

An nhìn thẳng vào mắt Minh. "Sợ thì vẫn làm. Mi nhớ không—đừng hứa bừa. Nhưng mình có thể **cố**."

Minh gật. Anh bước theo An về phòng trực.

Chị Hạnh đang ghi hồ sơ. Nghe An nói "mưa nguồn", chị Hạnh ngẩng lên ngay. Trong mắt chị không có hoảng. Chỉ có tính.

"Ngàn Sâu đục nước?" chị hỏi.

Minh gật.

Chị Hạnh đặt bút xuống: "Vậy thời gian không còn nhiều. Nhà cụ muốn đưa cụ về thì phải làm sớm. Nhưng phải xem tình trạng cụ. Chị không cho về chỉ để 'vừa lòng quê'. Cho về mà cụ ngạt giữa đường là tội."

Chị nói "tội" không phải kiểu đe dọa. Là kiểu người làm nghề đã thấy quá nhiều "tội" xảy ra vì một quyết định cảm tính.

An hỏi: "Cụ có thể đi xe không chị?"

Chị Hạnh đứng dậy: “Đi xem.”

Ba người vào phòng cụ Lợi.

Cụ Lợi đang thức. Ánh mắt cụ nhìn ra cửa sổ như nhìn về núi. Trên bàn cạnh giường, túi vải khói bếp vẫn nằm sát ngực cụ.

Thấy Minh và An, cụ hỏi ngay, giọng khàn: “Mưa rồi hả?”

Minh sững: “Dạ… cụ biết?”

Cụ Lợi cười mỏng: “Tau nghe tiếng gió trong ngực là tau biết. Người già như tau… sống với trời lâu rồi.”

Chị Hạnh bước tới, hỏi cụ vài câu, kiểm tra nhịp thở, nhìn màu da, nghe phổi. Cụ hợp tác, nhưng mắt cụ cứ liếc ra cửa.

“Cụ muốn về?” chị Hạnh hỏi thẳng.

Cụ Lợi gật, không vòng: “Về. Không về là tau chết không yên.”

Chị Hạnh nói chậm: “Cụ về được, nhưng phải chuẩn bị. Đường mưa, xe xóc. Cụ có thể khó thở hơn. Nếu cụ đồng ý, tụi con sẽ làm kế hoạch: thuốc mang theo, oxy nếu cần, người đi cùng, liên hệ trạm y tế ở quê. Nhưng con nói trước là con không hứa bừa là cụ sẽ ‘êm’.”

Cụ Lợi nhìn chị Hạnh một lúc, rồi quay sang Minh: “Mi nghe chưa. Người ta nói thật.”

Minh “dạ”.

Cụ Lợi lại nhìn An: “Con An… mưa lên thì đường tràn… tau về kịp không?”

An không né. An nói đúng kiểu An: ít chữ, đúng chỗ.

“Cụ về kịp nếu mình đi sớm. Cụ muốn về thì cụ phải hợp tác, thở đều, không gồng. Cụ gồng là cụ khổ.”

Cụ Lợi hừ khẽ, như bị bắt bài: “Tau không gồng.”

An nhìn cụ, không cười nhưng giọng mềm: “Cụ gồng từ trẻ tới giờ rồi.”

Cụ Lợi bật cười, ho nhẹ. Rồi cụ gật: “Ờ… rứa tau nghe.”

Chị Hạnh quay sang Minh: “Em gọi cho mạ em và cô Thủy. Nói rõ: muốn về thì xuống ký giấy, chuẩn bị người đi cùng. Nhưng nhớ; nói rõ rủi ro. Đừng nói ‘về chắc chắn ổn’. Người ta nghe câu đó là bám rồi vỡ.”

Minh gật. Anh bước ra hành lang gọi.

“Mạ.”

Giọng mạ Hường bên kia mệt, nhưng tỉnh: “Mi nghe tin mưa rồi hả?”

“Dạ. Con vừa nghe dì Bảy. Mạ… chị Hạnh nói… nếu muốn đưa cụ về thì phải làm sớm. Mạ với cô Thủy xuống viện ký giấy. Chuẩn bị thuốc… chuẩn bị người đi cùng…”

Mạ im một nhịp, rồi hỏi ngay câu thực tế nhất: “Tiền đâu?”

Minh nghẹn. Anh tưởng mạ sẽ hỏi “cụ có sao không” trước. Nhưng không. Người nghèo hỏi “tiền đâu” trước, vì họ biết: không có tiền, mọi câu hỏi khác chỉ là gió.

“Con… con chưa biết,” Minh nói thật. “Nhưng chị Hạnh nói có thể xin hoãn một phần. Quan trọng là xuống kịp.”

Mạ thở ra, giọng khàn: “Mạ xuống. Nhưng mi… mi đừng bỏ học.”

Câu đó luôn là dây kéo Minh về phía kỳ thi. Mạ kéo bằng sợ hãi, bằng tình thương.

Minh nói nhỏ: “Dạ. Con… con sẽ cố.”

Tắt máy, Minh đứng dựa tường. Trong đầu anh, đường về quê hiện ra: xe chạy qua đèo, qua cầu tràn, qua những đoạn đường đất đỏ. Nước mưa tràn, xe trượt, người ngồi trong xe nín thở. Và trong xe đó, cụ Lợi ôm túi vải, chờ một lời xin lỗi được trả về đúng đất.

Minh thấy bão trong người mình nổi lên.

Không phải bão gió.

Bão của câu hỏi: *Mình có kịp không? Mình có đủ không? Mình gánh nổi không?*

An đi tới, đứng cạnh Minh, không nói gì ngay. Rồi An đưa cho Minh một chai nước.

“Uống.”

Minh uống một ngụm. Nước mát. Nhưng ngực vẫn nóng vì lo.

An nhìn ra cửa sổ hành lang. Mưa đã làm trời xám hơn, ánh đèn phản chiếu lên nền gạch thành những vệt dài. An nói rất khẽ, như nói với mưa:

“Miền núi tụi mình… sợ nhất không phải mưa. Sợ nhất là mưa kéo theo cái mình chưa kịp làm.”

Minh quay sang An. Anh muốn hỏi: *Chị đã từng không kịp làm gì?* Nhưng anh không hỏi. Anh chỉ gật.

Ở cuối hành lang, tiếng xe cáng lộc cộc đi qua. Tiếng gọi tên. Tiếng dép kéo. Bệnh viện vẫn vận hành như một chiếc máy. Nhưng trong một góc nhỏ, hai đứa con miền núi đứng nghe tin mưa nguồn, thấy quê nhà đang kéo sợi dây về phía mình.

Minh nhìn cánh cửa trắng của Nhà Giảm Nhẹ. Anh hiểu: đoạn sống này không chỉ là tiền và thi cử.

Nhà giảm nhẹ còn là thời gian đó là thứ không ai vay được, không ai hoãn được.

Và khi Ngàn Sâu đã đục nước, nghĩa là mọi "để mai" đều bắt đầu nguy hiểm.

PHẦN II khép lại như một cơn bão không rít ngoài trời mà rít ngay trong lồng ngực: bão của tiền, của thi cử, của những lời phải nói mà không dám nói, của những chữ ký run tay trên giấy trắng mực đen. Minh đi qua những ngày vừa học vừa trực, vừa chạy quầy viện phí vừa chạy về phòng trọ, vừa cố giữ điểm số vừa cố giữ một nhịp thở cho người khác để rồi hiểu rằng "trưởng thành" đôi khi không đến bằng tuổi, mà đến bằng khoảnh khắc mình buộc phải chọn giữa điều đúng và điều cần. Cụ Lợi, với chiếc túi vải khói bếp, đã mở ra bốn câu nói khó nhất đời người, kéo Minh và mạ Hường ra khỏi thói quen im lặng của người nghèo; còn An, cô gái Hà Tĩnh nói ít mà làm nhiều, đã dạy Minh cái neo của Nhà Giảm Nhẹ: xin phép để trả lại quyền, lắng nghe để trả lại tiếng, và không hứa bừa để trả lại sự thật. Khi tin mưa nguồn ập xuống Ngàn Sâu đục nước mọi "để mai" bỗng mỏng như giấy ướt; bậc thềm bệnh viện không có ghế ngồi càng làm rõ một sự thật cay đắng: ở đất này, tình thương nhiều khi phải đi kèm hóa đơn và chữ ký. Và chính trong lúc bão dồn, Minh bắt đầu biết đứng yên đúng chỗ: không chạy trốn, không tô hồng, không nói những câu cho nhẹ lòng người khác, mà học cách ở lại để kịp một đoạn đường về, kịp một lời xin lỗi, kịp một lần nói "con thương mạ" trước khi nước lên và đời kịp cuốn mất.

PHẦN III: BÃO DƯ LUẬN

(Một cú máy quay và một đời bị phán xét)

Có những cơn bão người ta còn kịp đóng cửa, chằng mái, cất thóc. Nhưng có một loại bão không báo trước, không có mùa, không có tiếng sấm chỉ có một **cú bấm**. Nó đến từ màn hình. Nó đi qua mạng. Nó quật ngã người ta bằng những câu chữ không cần bằng chứng, bằng những ánh nhìn không cần gặp mặt, bằng những lời phán xét nhẹ như gió mà sắc như dao.

Bão dư luận thường bắt đầu bằng một thứ rất nhỏ.

Một cái điện thoại giơ lên. Một khung hình lệch. Một đoạn âm thanh bị cắt. Một câu chú thích viết vội, thêm vài biểu tượng khóc cười. Chỉ vậy thôi, mà đủ để một đời người vốn đã mỏng vì bệnh, vì nghèo, vì nợ bị kéo ra giữa chợ ảo, trần trụi dưới hàng nghìn con mắt lạ.

Minh chưa từng nghĩ đến "dư luận" như một thứ hữu hình. Với Minh, dư luận ở quê là lời xì xào ngoài ngõ, là cái liếc mắt của họ hàng, là câu "nghe nói..." truyền từ nhà này sang nhà khác như con muỗi bay. Nó đã đủ khó thở. Nhưng ở phố, dư luận có thêm tốc độ. Nó chạy nhanh hơn xe cấp cứu. Nó lan nhanh hơn mùi thuốc sát trùng. Và nó không cần biết người trong câu chuyện có thở nổi không; nó chỉ cần một thứ để tiêu khiển, để giận, để hả hê rằng mình đang "đứng về phía đúng".

Minh đứng trong hành lang bệnh viện, nhìn dòng người đi lại, và chợt hiểu: ở đây, không chỉ có bậc thềm không ghế ngồi của viện phí. Còn có một bậc thềm khác vô hình hơn bậc thềm của **ánh mắt**. Người ta có thể ngã ở đó mà không ai đỡ, vì ai cũng bận giơ điện thoại.

An đã dặn từ buổi đầu: "Không quay. Không chụp. Không đăng." Chị Hạnh cũng đóng dấu vào lời dặn ấy như đóng dấu vào một đạo luật: "Ở đây, người ta cần yên." Nhưng đời thường không nghe những câu dặn tử tế. Đời chỉ cần một sơ hở: một giây lỡ tay, một khoảnh khắc nước mắt rơi, một cảnh người nghèo đứng quầy viện phí, một ông già ôm túi vải khói bếp, một cô gái Hà Tĩnh cúi xuống lau trán cho người bệnh.

Và rồi, một cú máy quay.

Không ai biết bão sẽ gọi tên ai trước. Không ai biết cái gì trong khung hình sẽ bị hiểu sai, bị bẻ cong, bị phóng đại. Chỉ biết, một khi bão đã nổi trên mạng, người ta sẽ bị phán xét nhanh đến mức không kịp giải thích.

Phần III bắt đầu ở đó: khi một đoạn đời vốn đã đầy bão trong người, bỗng bị kéo ra giữa bão của thiên hạ. Và Minh sẽ học một bài học còn lạnh hơn mùi thuốc rằng đôi khi, thứ giết người ta không phải bệnh, không phải tiền, mà là những lời phán xét rơi xuống không cần nhìn mặt.

Chương 11: Cơn đau tăng và lời xin về núi

Cơn đau không gõ cửa.

Nó không lịch sự như mấy lời "xin phép" mà Minh vừa học được ở Nhà Giảm Nhẹ. Nó đến như một người lạ đạp thẳng vào ngực, ngồi xuống đó, và bắt mọi thứ còn lại phải im.

Chiều ấy, hành lang tầng ba sáng trắng, mùi thuốc sát trùng vẫn bám như một lớp bụi vô hình. Minh vừa cất xong chồng hồ sơ cho chị Hạnh thì nghe tiếng chuông gọi trong phòng cụ Lợi—tiếng chuông ngắn, nhưng gấp, như ai đó kéo đứt một sợi dây.

An đang rửa tay ở bồn. Vừa nghe chuông, An tắt vòi nước ngay, lau vội, bước nhanh mà không chạy. Minh chạy theo.

Cánh cửa trắng mở ra.

Cụ Lợi co người trên giường như một nhánh củi bị bẻ cong. Mặt cụ tái, trán ướt mồ hôi. Bàn tay cụ vẫn ôm chiếc túi vải khói bếp, nhưng bây giờ cái ôm không còn là giữ chặt nữa—nó như bấu víu, như nắm lấy một thứ cuối cùng để khỏi trôi.

“Đau…” cụ bật ra một tiếng khàn, không thành câu. “Đau… như dao…”

Minh đứng sững. Mỗi lần nghe người già nói “như dao”, anh lại thấy cái gì đó sắc lên trong cổ họng, vì người quê chỉ nói thế khi đau thật—đau đến mức không còn ngại.

An đến sát giường, cúi xuống, giọng thấp và rõ:
“Cụ đau tăng. Cụ thở chậm theo con.”

Cụ Lợi cố thở nhưng không kịp. Hơi thở cụ đứt đoạn, ngắn, như người vừa chạy đường dốc. Mắt cụ mở to, trong đó có một thứ Minh chưa từng thấy ở cụ: sợ.

Sợ không phải kiểu sợ chết. Là sợ đau. Sợ bị cơn đau kéo đi không kịp chuẩn bị.

An ra hiệu cho Minh:
“Gọi chị Hạnh.”

Minh lao ra cửa. Hành lang lúc đó đông hơn mọi ngày vì trời chuyển mưa, người nhà chạy lên chạy xuống xin giấy, xin thuốc, xin chuyển khoa. Minh chen qua những vai áo ướt, qua tiếng gọi “bác ơi”, qua tiếng trẻ con khóc. Anh vừa chạy vừa thấy tim mình đập như cái trống rỗng.

Chị Hạnh đang ở phòng trực. Minh chưa kịp nói hết câu thì chị Hạnh đã đứng dậy.

“Cơn đau tăng?” chị hỏi nhanh.

Minh gật. “Dạ. Cụ… cụ co người… thở gấp…”

Chị Hạnh cầm hộp thuốc, gọi thêm một điều dưỡng. “Đi.”

Họ quay lại phòng.

Trong phòng, An đã nâng lưng cụ Lợi, kê gối cao hơn, đưa ống hút nước ấm nhưng cụ không uống nổi. Cụ Lợi nghiến răng, tiếng thở rít qua kẽ răng như gió qua hàng tre bị bẻ.

Chị Hạnh bước tới, tay đặt lên cổ tay cụ để đo nhịp, mắt nhìn nhanh màu da, môi, và cái cách cụ ghì chặt túi vải.

“Cụ nhìn con,” chị Hạnh nói. “Con ở đây. Cụ đau mức mấy?”

Cụ Lợi lắc đầu, mồ hôi chảy xuống thái dương. “Không đo… được…”

Chị Hạnh không ép cụ trả lời như làm bài. Chị nói gọn: “Con cho cụ thuốc. Con xin phép.”

Chị nhìn thẳng vào mắt cụ, như hỏi một quyền cuối cùng. Cụ Lợi chớp mắt rất nhẹ—một cái “ừ” không thành tiếng.

Chị Hạnh tiêm. An giữ tay cụ, không giữ chặt kiểu trói, chỉ giữ để cụ đỡ run. Minh đứng cạnh, tay thừa thãi, muốn làm gì đó mà không biết làm gì. Anh thấy bàn tay mình lạnh, dù phòng vẫn kín và ấm.

Chị Hạnh nói với Minh, không quay đầu:
“Em lấy khăn ấm. Lau trán cụ.”

Minh như được cứu khỏi cảm giác vô dụng. Anh vội lấy khăn, nhúng nước ấm, vắt nhẹ, rồi nhớ: xin phép.

“Cụ… con lau trán cụ nghe.”

Cụ Lợi nhắm mắt, không nói, nhưng không gạt.

Minh lau. Mồ hôi cụ nóng như bếp than. Minh lau từng đường, cẩn thận như lau một thứ mong manh. Trong lúc ấy, Minh nghe rõ tiếng thở cụ bắt đầu chậm lại một chút—thuốc đang ngấm.

Nhưng chỉ chậm, không hết.

Cụ Lợi mở mắt, nhìn Minh, môi run.
“Minh…”

“Dạ.”

“Tau… tau không chịu nổi… đau kiểu ni…”

Minh nghẹn. “Dạ… tụi con đang… đang giúp cụ.”

Cụ Lợi lắc đầu, trong ánh mắt có một quyết liệt lạ lùng.
“Không phải… tau nói đau… trong người. Tau nói… đau… trong lòng.”

Minh đứng như bị đóng xuống nền.

Cụ Lợi thở một hơi dài, rồi bất ngờ cựa người, như muốn ngồi dậy. An lập tức đỡ, giọng gắt nhẹ và gắt vì thương:
“Cụ, cụ nằm yên. Cụ gồng là cụ đau tăng.”

Cụ Lợi nắm lấy cổ tay An lần đầu tiên Minh thấy cụ nắm người khác như cầu xin.
“Con An… nghe tau nói.”

An nhìn cụ. Ánh mắt An không mềm, nhưng tay An dịu.
“Dạ. Cụ nói. Con nghe.”

Cụ Lợi thở, rồi nói từng chữ như kéo từ đáy ngực lên:
“Cho tau… về núi.”

Câu ấy rơi xuống như một cái búa.

Minh nhìn chị Hạnh. Chị Hạnh không bất ngờ. Chị chỉ thở ra, như người đã đoán trước ngày này sẽ đến, chỉ không biết nó đến nhanh đến vậy.

“Cụ muốn về vì đau?” chị Hạnh hỏi.

Cụ Lợi lắc. “Về… để… trả cái nợ. Để… nói câu xin lỗi. Ở đây… tau chết… người ta chôn… tau cũng không yên.”

Minh thấy cổ họng mình nghẹn cứng. Hương Khê. Hương Sơn. Ngàn Sâu đang đục nước. Mưa nguồn đang kéo xuống. “Về” bây giờ không phải chỉ là một chuyến xe, mà là một cuộc cược.

Chị Hạnh nói chậm, rõ từng chữ để không ai hiểu nhầm:
“Cụ nghe con. Về thì con sẽ tính. Nhưng đường mưa, xe xóc, cụ có thể khó thở hơn. Con không hứa êm. Con chỉ hứa làm đúng.”

Cụ Lợi nhìn chị Hạnh, rồi nhìn Minh, ánh mắt cụ như hỏi: *Mi có đứng về phía tau không?*

Minh muốn gật ngay. Nhưng trong đầu anh, tin nhắn nợ nóng hiện lên, lịch thi hiện lên, mạ Hường hiện lên đứng ngoài cửa trọ với người đòi nợ. Rồi hình ảnh cô Thủy ký giấy méo hiện lên. Minh thấy mình bị kéo hai phía, tim như một sợi dây căng.

An nhìn Minh một giây. Không nói, nhưng Minh hiểu An đang nhắc: **đừng hứa bừa**.

Minh nuốt nước bọt, nói thật, giọng khàn:
“Cụ… con sẽ… con sẽ làm hết sức để cụ về. Nhưng con không dám nói chắc.”

Cụ Lợi gật nhẹ, như chấp nhận sự thật hơn là chấp nhận lời ngọt.
“Rứa… được.”

Cụ nhắm mắt lại, hơi thở vẫn khó nhưng bớt gấp. Thuốc làm cơn đau lùi đi một bước, nhưng ánh mắt cụ vẫn còn nguyên cái “về”.

Ngoài hành lang, tiếng ồn dâng lên như thủy triều. Minh bước ra gọi điện cho mạ và cô Thủy theo lời chị Hạnh.

Chưa kịp bấm số, Minh thấy ở góc cầu thang có một nhóm người đứng trú mưa, áo mưa lấm tấm, tay cầm điện thoại. Một cô gái trẻ đang giơ máy quay, lia về phía bảng “Đơn vị chăm sóc giảm nhẹ”, rồi lia về phía những người nhà mặt mày thất thần.

Minh đứng lại. Bụng anh lạnh.

Cô gái nói to vừa đủ để máy thu:
“Bệnh viện gì mà bắt đóng tiền mới cho thuốc. Người nghèo chết thôi!”

Một người đàn ông bên cạnh phụ họa:
“Quay lại đi. Đăng lên cho nó biết tay.”

Minh sững. Anh muốn bước tới nói “đừng quay”, nhưng chân anh bị một nỗi sợ vô hình giữ lại. Sợ bị hiểu lầm. Sợ bị chửi. Sợ bị kéo vào cái vòng xoáy mà chị Hạnh và An đã cảnh báo: chỉ cần một khung hình lệch là đủ giết người.

An từ phía sau đi tới, đặt tay lên cánh tay Minh, kéo Minh lùi lại một bước, giọng nhỏ:
“Đừng. Mi đụng vô là thành chuyện.”

Minh quay sang, mắt nóng:
“Nhưng họ quay… họ nói sai…”

An nhìn thẳng, bình tĩnh đến lạnh:
“Đúng sai trên mạng không đo bằng sự thật. Đo bằng tiếng lớn. Mình lo việc mình: cụ Lợi.”

Câu nói ấy làm Minh vừa tỉnh vừa đau. Tỉnh vì biết An đúng. Đau vì thấy bất lực.

Ở hành lang, cô gái kia vẫn quay. Những lời “bắt đóng tiền” “bệnh viện vô nhân đạo” bay lên như mưa bụi. Người xung quanh nhìn, có người gật gù, có người bức xúc, có người thở dài.

Minh hiểu: **bão dư luận đã bắt đầu**. Và nó bắt đầu đúng lúc họ yếu nhất.

Mạ Hường xuống bệnh viện lúc trời vừa sẫm. Mạ mặc áo mưa cũ, tóc ướt bết, mặt xám vì thiếu ngủ. Mạ bước lên bậc thềm trắng, nhìn quanh, như người đi vào một nơi không thuộc về mình.

Thấy Minh, mạ hỏi ngay, không chào, không rào:
“Cụ răng rồi?”

Minh dẫn mạ vào phòng. Mạ nhìn cụ Lợi nằm đó, mắt mạ đỏ ngay lập tức nhưng mạ quay đi, nuốt vào trong, như mọi lần.

Cụ Lợi nhìn mạ, giọng yếu nhưng vẫn rành rọt:
“Hường… mi tới rồi à.”

Mạ Hường bước tới, nắm lấy mép chăn, nắm chặt như nắm một thứ để khỏi ngã.
“Cụ… cụ đừng nói. Cụ thở.”

Cụ Lợi lắc đầu, hơi thở rít:
“Tau phải nói.”

Mạ bật ra:
“Cụ nói chi nữa! Cụ giữ sức…”

Cụ Lợi đưa tay ra, chạm nhẹ vào cổ tay mạ—một cái chạm hiếm hoi, mềm như tro.
“Hường… cho tau về.”

Mạ đứng chết.
“Về… giờ mưa…”

Cụ Lợi nhìn mạ, mắt sáng lên một đốm.
“Về núi. Tau chết ở đây… tau không yên. Tau… còn nợ.”

Mạ Hường cắn môi. Minh thấy rõ mạ đang giằng trong lòng: mạ sợ đường mưa, sợ cụ chết giữa đường, sợ người ta nói “đưa cụ về để đỡ tiền”, sợ chính cái miệng thiên hạ mà mạ đã chịu cả đời.

Chị Hạnh bước tới, nói thẳng để cắt vòng sợ:
“Chị Hường. Cụ muốn về. Bên tôi sẽ tính phương án. Nhưng gia đình phải hiểu rủi ro. Ký giấy không phải để trốn trách nhiệm, mà để rõ ràng: chúng ta cùng chọn điều cụ mong.”

Mạ nhìn chị Hạnh, mắt mạ vừa biết ơn vừa phòng thủ. Người nghèo phòng thủ theo bản năng.

“Chị… có chắc… cụ về được không?” mạ hỏi, giọng run.

Chị Hạnh lắc đầu, không hứa:
“Tôi không chắc. Tôi chỉ chắc một điều: nếu muốn về, phải làm sớm trước khi đường bị chia cắt. Và phải chuẩn bị đúng.”

Mạ im. Rồi mạ nhìn cụ Lợi.

Cụ Lợi nhìn mạ, không van vỉ, chỉ nói như nói một sự thật cuối:
“Hường… mi cho tau về. Tau xin mi.”

Chữ “xin” ở miệng cụ Lợi làm Minh nổi da gà. Một người cả đời cứng, đến cuối phải “xin”. Nó không phải yếu. Nó là dồn đến tận cùng.

Mạ Hường quay mặt đi, nước mắt rơi nhanh, rồi mạ quệt vội như quệt mưa.
“Cụ… cụ đừng xin. Cụ làm rứa… tui chịu không nổi.”

Cụ Lợi nhắm mắt, thở gấp một nhịp.
“Tui xin… vì tui sợ… tui không kịp.”

Trong phòng, im như có ai dìm hết tiếng xuống nước.

Minh thấy bão trong người mình chuyển dạng: từ bão tiền, bão thi cử… sang bão của thời gian. Thời gian không thương.

An đứng cạnh giường, tay đặt lên thành giường, giọng nhỏ nhưng chắc:
“Chị Hường. Mình làm cho cụ yên.”

Mạ nhìn An. Trong mắt mạ có cái nhìn của người đàn bà miền núi nhìn một đứa con gái miền núi khác: nhận ra nhau ở chỗ chịu đựng. Mạ gật một cái rất nhỏ.

“Rứa… làm.” mạ nói, giọng khàn.

Chị Hạnh thở ra. “Được. Tôi làm giấy. Nhưng cần cô Thủy ký nữa.”

Nhắc đến cô Thủy, Minh chợt nhớ hành lang có người quay. Anh nhìn ra cửa, như nghe thấy tiếng máy quay vẫn rì rì đâu đó.

Và đúng lúc ấy, tiếng ồn ngoài hành lang dâng lên. Một nhóm người đi ngang phòng, có người chỉ tay, có người nói lớn:

“Đó! Nhà giảm nhẹ đó! Họ đẩy người nghèo vô đó cho chết!”

Minh bừng bừng. Mạ Hường quay ra, mặt tái. An siết nhẹ bàn tay trên thành giường. Chị Hạnh bước ra cửa, đóng lại, dứt khoát.

Trong phòng chỉ còn tiếng thở của cụ Lợi—mỏng, nhưng có thật. Và cái thật ấy bị những tiếng ngoài kia phán xét mà không nhìn thấy.

Cụ Lợi mở mắt, nhìn Minh, giọng nhỏ như gió:
“Mi nghe không… đời ni… người ta nói… nhiều.”

Minh nghẹn:
“Dạ…”

Cụ Lợi nhìn mạ, rồi nhìn An, rồi nhìn Minh—như gom mặt những người mình tin lần cuối.
“Người ta nói chi… kệ. Tau về.”

Minh gật, trong mắt nóng lên. Anh không dám hứa “về kịp”. Nhưng anh biết mình sẽ chạy. Chạy không phải để thoát, mà để kịp.

Khi chị Hạnh bước ra làm giấy tờ, An kéo Minh ra góc hành lang, giọng thấp:
“Bão dư luận nổi rồi. Mi đừng để nó kéo mi khỏi việc cần.”

Minh nhìn An. “Em… em tức.”

An gật. “Tức là đúng. Nhưng tức không cứu được cụ. Việc mình làm—mới cứu.”

Minh thở ra, nặng như kéo một bao gạo ướt khỏi suối. Anh gật.

Ở phía xa, màn hình điện thoại của ai đó sáng lên, tiếng "tít" của một tin nhắn, rồi tiếng người xì xào: "Đăng rồi… lan rồi…"

Minh nghe mà lạnh.

Anh quay lại nhìn cánh cửa trắng của phòng cụ Lợi.

Trong đó, cụ Lợi đang nằm, ôm chiếc túi vải khói bếp, chống lại cơn đau tăng bằng một lời xin về núi.
Ngoài kia, bão dư luận đã bắt đầu bằng một cú máy quay.

Và Minh hiểu: từ đây trở đi, cuộc chiến không chỉ còn ở viện phí hay mưa nguồn. Nó sẽ là cuộc chiến để giữ cho một đời người được ra đi theo cách của họ giữa những phán xét nhanh như mưa đổ.

Chương 12: Tờ giấy không hồi sức và nước mắt người con

Cái tờ giấy ấy mỏng, trắng, chữ in thẳng thớm như mọi loại giấy tờ trong bệnh viện, vậy mà khi chị Hạnh đặt nó xuống bàn ở phòng trực, Minh nghe rõ một tiếng "cộp" vô hình rơi vào ngực mình, như người ta đặt một viên đá lên cái phần mềm nhất trong lòng; chị Hạnh không vòng vo, chị nhìn cô Thủy là con gái cụ Lợi rồi lại nhìn mạ Hường, giọng thấp nhưng rành rọt như đọc một điều phải hiểu cho đúng: "Cô Thủy, trước khi mình tính chuyện đưa cụ về núi, tôi cần gia đình nói rõ một lựa chọn: nếu trên đường cụ ngưng thở hoặc tim ngừng đập, gia đình có muốn hồi sức tích cực không, có đặt ống thở, ép tim, sốc điện không; đây là tờ xác nhận 'không hồi sức' đó không phải là bỏ mặc, mà là tôn trọng mong muốn của người bệnh và tránh làm họ đau thêm ở đoạn cuối." Cô Thủy đứng sững, hai bàn tay chắp lại trước bụng như vô thức tìm một chỗ bấu, mắt cô liếc sang Minh rồi lại liếc xuống tờ giấy, ánh nhìn vừa sợ vừa giận, giận chính mình vì nghe chữ "không hồi sức" mà tưởng như ai vừa nói "thôi để ông chết", cái giận đó là thứ giận của người con cả đời sống bằng đạo hiếu trong miệng thiên hạ, nay bị đẩy vào một cái ngã ba mà đường nào cũng mang tiếng; cô bật ra, giọng khàn, câu chữ va vào nhau: "Chị ơi… em ký cái ni… người ta nói em… em bất hiếu… em bỏ bố… em vì tiền…" Chị Hạnh không gắt, nhưng ánh mắt chị cứng, kiểu cứng của người làm nghề đã thấy quá nhiều "hồi sức" biến thành "hành xác": "Cô Thủy, người ta nói thì người ta nói, nhưng chịu đau là bố cô chịu, chứ không ai chịu thay; hồi sức trong một số trường hợp là có cơ hội, nhưng với người đã yếu sâu, hồi sức có thể chỉ kéo dài đau đớn, gãy xương sườn, chảy máu, và rồi vẫn đi; cô cần nghe kỹ: tờ giấy này không phải để bệnh viện 'đỡ trách nhiệm', mà để gia đình và chúng tôi cùng làm đúng một điều – làm cho cụ đỡ khổ." Mạ Hường đứng cạnh, mặt mạ tái, môi mạ mím chặt như giữ nước, mạ không giỏi những chữ chuyên môn, nhưng mạ hiểu "khổ" là gì, hiểu cái kiểu người già chịu đòn quen rồi nhưng sợ nhất là phiền con cháu; An đứng phía sau, tay đặt lên thành ghế, không nói nhiều, chỉ nhìn cô Thủy bằng ánh nhìn như nhắc:

“Nói thật đi, đừng sợ miệng người ta.” Minh thì thấy cổ họng mình khô như có cát, anh nhớ cái lần cụ Lợi ho ra máu mà vẫn nói “tau sợ phiền”, nhớ cái túi vải khói bếp ôm sát ngực, nhớ câu “tau xin mi” cụ đã nói với mạ với tư cách một người cả đời không xin ai và Minh chợt hiểu có những lời xin không phải xin sống, mà xin được đi cho đúng; chị Hạnh đưa bút, không ép, chỉ đặt bút ngay cạnh tờ giấy như đặt một lối ra: “Cô có thể vào hỏi cụ; cụ còn tỉnh, cụ còn nói được, mình xin phép cụ.” Họ đi vào phòng cụ Lợi, ánh đèn dịu hơn hành lang, mùi thuốc vẫn trắng lạnh nhưng trong góc giường số ba có mùi khói bếp lặng lẽ từ chiếc túi vải; cụ Lợi nằm nghiêng, hơi thở mỏng, nhưng mắt cụ mở, thấy cô Thủy, cụ nhìn rất lâu, cái nhìn của người cha miền núi không quen ôm con nhưng quen gánh con, cái nhìn vừa nghiêm vừa thương; cô Thủy bước tới, chưa kịp nói đã khóc, nước mắt rơi không thành tiếng, rơi kiểu người lớn cố nuốt mà vẫn tràn, cô nắm lấy mép chăn, nắm chặt đến trắng khớp tay, như thể chỉ cần buông ra là bố trôi đi: “Bố… người ta nói phải ký… ký cái giấy… không hồi sức…” Cụ Lợi chớp mắt chậm, như đã đoán, rồi cụ thở ra một hơi dài, giọng cụ khàn nhưng rõ, thứ rõ của người già nói câu cuối cùng của đời mình: “Mi khóc chi. Tau còn sống đây. Mi nghe tau nói.” Cô Thủy gật liên tục, nước mắt vẫn chảy, “Dạ… dạ…” Cụ Lợi nhích bàn tay gầy lên, chạm vào cổ tay con gái – một cái chạm hiếm, nhẹ như tro, nhưng làm cô Thủy nấc lên: “Tau không muốn ai ép tim tau. Không muốn người ta đè tau, giật tau, kéo tau lại trong đau. Tau sống đủ rồi. Tau chỉ muốn về núi. Về mà trả cái nợ. Về mà nói câu xin lỗi. Rồi tau đi. Mi đừng để cái thân tau thành cái cớ cho thiên hạ bàn.” Cô Thủy bật khóc thành tiếng, như vừa bị ai rút cái cọc tự trọng khỏi đất, cô gục mặt xuống chăn, nói đứt đoạn: “Nhưng bố ơi… con sợ… con sợ con ký rồi con mang tội… con sợ họ hàng… con sợ người ta nói con vì tiền…” Cụ Lợi nhắm mắt một nhịp, như gom hết sức để nói một câu mà đời người nghèo hiếm khi nói được với con: “Tội với tau hay tội với miệng họ. Mi sống vì tiếng cả đời, giờ còn sống nữa không. Mi nghe tau: tau chịu khổ đủ rồi. Con gái tau… đừng để tau khổ thêm.” Câu “con gái tau” làm cô Thủy run bắn, như một lời nhận mà cô đã chờ cả đời trong im lặng, cô ngẩng lên, mắt đỏ, nhìn bố như muốn khắc khuôn mặt ấy vào lòng, rồi quay sang chị Hạnh, giọng vỡ: “Chị… em… em ký. Nhưng chị cho em… cho em nói với bố thêm chút…” Chị Hạnh gật, An lùi ra một bước, Minh cũng lùi, họ để lại một khoảng riêng mỏng như tờ giấy nhưng quý như hơi thở; cô Thủy cúi xuống, áp trán vào bàn tay bố, lời nói vỡ ra thành những mảnh muộn màng: “Bố… con xin lỗi… con thương bố… con… cảm ơn bố…” Cụ Lợi không khóc, nhưng khóe mắt cụ ướt một lớp mỏng, như sương đậu trên lá sim, cụ chỉ “ừ” một tiếng, vậy mà cô Thủy khóc như chưa từng được khóc, khóc cho cả tuổi thơ bố bận rừng núi, cho cả những lần cô cố làm giỏi để bố tự hào mà bố không nói, khóc cho cả cái nghèo làm người ta cứng, khóc cho cả những câu thương bị giấu dưới tiếng quát và tiếng thở dài; ra khỏi phòng, cô Thủy ký tờ giấy không hồi sức, chữ ký lần này vẫn run nhưng không còn méo vì sợ, nó run vì thật, vì lần đầu cô ký theo lời của người sẽ chịu hậu quả, không ký theo miệng đời; Minh nhìn nét mực vừa khô, thấy trong lòng mình có một cơn đau khác – đau của sự trưởng thành bất đắc dĩ; vì anh hiểu: đôi khi yêu thương không nằm ở việc giật người ta

khỏi cái chết bằng mọi giá, mà nằm ở việc không kéo người ta trở lại để chịu thêm đau, và khi cô Thủy ký xong, cô không còn gào với số phận nữa, cô chỉ ôm mặt khóc một lát rồi đứng thẳng lên, lau nước mắt như lau mưa, nhìn chị Hạnh, nhìn An, nhìn Minh, nói khàn: "Cho bố em về… chị giúp em… kẻo không kịp," và trong khoảnh khắc đó, Minh nghe ngoài hành lang vẫn ồn ào những câu phán xét, nhưng ở giữa những tiếng ồn ấy, có một sự thật vừa được nói ra bằng nước mắt người con: bố muốn về núi, và con đã dám ký để bố được yên.

Chương 13: Một cú máy quay lén, một đời bị phán xét

Bão dư luận không cần trời nổi gió, nó chỉ cần một cái điện thoại giơ lên đúng lúc người ta yếu nhất, đúng lúc một giọt nước mắt rơi xuống, đúng lúc một chữ ký run tay vừa chạm giấy, rồi thế là đời người bị kéo ra khỏi căn phòng nhỏ để đặt giữa một cái chợ không có mái che; Minh nhận ra điều đó khi vừa bước khỏi phòng trực sau tờ giấy không hồi sức, trong tai còn văng vẳng tiếng cô Thủy nghẹn "cho bố em về… kẻo không kịp", trong ngực còn nguyên cái rát của sự thật, thì ở cuối hành lang bỗng có tiếng xì xào như gió lùa qua đám lá khô, một nhóm người đứng sát bức tường cạnh cầu thang thoát hiểm, áo mưa vẫn nhỏ nước, mắt dán vào màn hình, và giữa họ là một cô gái trẻ tóc nhuộm nâu, móng tay dài sơn bóng, điện thoại giơ hơi thấp như không quay mà quay, ống kính hướng thẳng về phía bảng "ĐƠN VỊ CHĂM SÓC GIẢM NHẸ" và cả bóng người ra vào; cô ta cười cười, nói vừa đủ để mic bắt: "Nè, chỗ này là chỗ đẩy người nghèo vô cho chết nha, ký cái giấy gì đó 'không hồi sức', nghe ghê chưa, ai không đóng tiền là… thôi khỏi cứu luôn," rồi cô lia máy qua quầy thu ngân, nơi mấy bà mẹ ôm hồ sơ đứng chen, qua một ông già ngồi bệt xuống nền gạch vì mỏi, qua đôi mắt đỏ của cô Thủy vừa bước ra, tất cả bị cắt thành những mảnh vụn, ghép lại thành một câu chuyện mới—một câu chuyện người quay muốn kể, chứ không phải câu chuyện của người đang sống trong đó. Minh đứng chết, máu trong tai ù lên, anh muốn lao tới giật điện thoại, muốn hét "chị đừng quay", muốn nói "không hồi sức là để người bệnh đỡ đau", muốn nói "ở đây ai cũng đang cố", nhưng chân anh như dính xuống nền gạch, vì anh biết cái "muốn" của mình rất dễ biến thành một khung hình khác: một thằng trai trẻ xô xát, một "nhân viên bệnh viện" bị tố "đe dọa dân", một cú cắt dựng thêm dầu vào lửa; An xuất hiện bên cạnh như một cái bóng vững, bàn tay An chạm nhẹ vào khuỷu tay Minh, giọng thấp, ngắn: đừng, và chỉ hai chữ đó thôi đã chặn Minh lại như chặn một cơn bốc đồng, nhưng không chặn nổi cái tức nghẹn đang cọ vào xương sườn. Cô gái kia vẫn quay, mắt vẫn sáng kiểu người tìm được "nội dung", đám người quanh đó có kẻ gật gù, có kẻ chêm thêm: "Đăng lên đi, cho nó nổi," một bà cô khác phụ họa: "Bệnh viện giờ toàn tiền," rồi những câu nói ấy bay ra, không cần kiểm chứng, bay như bầy muỗi, đậu vào bất cứ ai có da mềm. Minh nghe trong mấy câu đó có cái

đúng—tiền thật, viện phí thật, người nghèo khổ thật—nhưng cái sai nằm ở chỗ họ biến sự thật của người nghèo thành cái cớ để kết án những người đang cố giữ cho người khác bớt đau, họ lấy một phần để phán xét toàn bộ, và phán xét xong thì họ nhẹ lòng, còn người trong cuộc thì nặng thêm. Minh nhìn An, muốn hỏi "chị có thấy nhục không", nhưng An không nhục, An chỉ lạnh đi, ánh mắt An tối lại như trời chuẩn bị mưa nguồn, An nói rất nhỏ, như nuốt chữ vào trong để khỏi vỡ: "Đó, bão dư luận đó, mi thấy chưa," rồi An bước ra trước một bước, đứng chắn giữa ống kính và cửa phòng như một tấm ván mỏng trước gió, An không quát, chỉ nói đủ rõ: "Chị ơi, đây là khu điều trị, không quay chụp." Cô gái trẻ nhếch mép: "Ủa, sao không quay? Có gì khuất tất hả? Chị làm gì mà sợ?" Câu "khuất tất" vang lên như một mũi kim, nó chọc đúng chỗ người tử tế hay đau nhất: sợ bị hiểu lầm. An nhìn thẳng, giọng vẫn đều, không cãi qua cãi lại: "Không phải sợ. Là tôn trọng bệnh nhân." Cô gái bật cười, xoay điện thoại về phía An, giọng cao hơn để "lên video": "Mọi người nghe chưa, họ nói 'tôn trọng bệnh nhân' mà bắt ký giấy không hồi sức, nghe mắc cười không," và trong khoảnh khắc đó, Minh thấy An bị đóng khung trong màn hình—một cô điều dưỡng thực tập mặt lạnh, nói ít, đứng chắn—và anh hiểu: người ta không cần biết An đã che áo mưa cho ai, đã ngồi canh nhịp thở của ai, đã lau trán cho ai, người ta chỉ cần một hình tượng để ném đá. Chị Hạnh từ phòng trực bước ra, đi thẳng như một người quen đi giữa bão, chị không to tiếng, nhưng giọng chị có lực, kiểu lực của người không xin ai tin mình: "Chào chị, trong bệnh viện có quy định bảo mật và quyền riêng tư của người bệnh, chị không được quay chụp, nếu chị cần phản ánh viện phí hay quy trình, mời chị lên phòng Công tác xã hội hoặc Ban giám đốc, chúng tôi có người tiếp," cô gái trẻ cười khẩy: "Ơ hay, em quay cho dân biết thôi mà," chị Hạnh gật: "Dân biết thì biết cho đúng, chứ không phải biết bằng cắt ghép, còn nếu chị cố tình, bệnh viện sẽ mời bảo vệ," nói xong chị quay sang bảo vệ ở đầu hành lang, ra hiệu; cô gái nhìn thấy bảo vệ thì hạ máy xuống một chút, nhưng mắt vẫn liếc màn hình, ngón tay vẫn lướt, Minh thấy rất rõ động tác "đăng" nhẹ như một cái chớp mắt, và ngay lúc đó, trong đầu Minh vang lên một thứ lạnh hơn mùi thuốc: khi cái gì đã lên mạng, nó không còn thuộc về sự thật nữa, nó thuộc về đám đông. Chưa đầy mười phút sau, điện thoại Minh rung liên tục, nhóm chat lớp nhảy lên, một đường link xuất hiện kèm câu "ê coi cái này, bệnh viện ác ghê," rồi những icon giận dữ, rồi những lời chửi, những lời phán, những câu "đúng là..." viết như thể người viết vừa đứng cạnh giường cụ Lợi, như thể họ vừa nghe cụ xin về núi, như thể họ vừa nhìn cô Thủy khóc cạn, nhưng họ không đứng đó, họ chỉ đứng trước màn hình; Minh mở link ra, thấy video đã được cắt: đoạn quầy thu ngân đông nghịt, cận cảnh tờ giấy "không hồi sức" lấp ló trong tay ai đó, gương mặt cô Thủy đỏ hoe, và câu chú thích đập vào mắt như búa: "NGHÈO LÀ BỊ BỎ MẶC? BỆNH VIỆN BẮT KÝ KHÔNG CỨU!" Minh thấy đầu mình nóng bừng, lòng bàn tay lạnh toát, anh đọc bình luận như đọc một phiên chợ giận dữ: "Đúng là vô nhân đạo," "Bác sĩ toàn tiền," "Đẩy người ta vào giảm nhẹ để chết sớm," "Kiện đi," "Bóc phốt," và giữa những câu đó, có cả những câu độc hơn: "Nhìn con điều dưỡng mặt lạnh kìa," "Thằng nào đứng cạnh chắc đồng lõa," Minh bỗng thấy

mình cũng bị kéo vào, dù mặt anh không rõ, chỉ một bóng vai, một góc áo, nhưng đủ để một người quen nhận ra và đủ để anh thấy xấu hổ—không phải xấu hổ vì mình sai, mà xấu hổ vì đời mình, đời cụ Lợi, đời cô Thủy bị đem ra làm món cho người ta nhai. Minh muốn quăng điện thoại xuống, nhưng điện thoại vẫn rung, rung như một cơn sốt, và cùng lúc đó, từ phòng cụ Lợi vọng ra tiếng ho; tiếng ho thật làm Minh tỉnh, nó kéo anh khỏi cái bẫy màn hình, nhắc rằng trong bão dư luận vẫn có một người già đang thở mỏng và đang chờ về núi. Minh chạy vào phòng, cụ Lợi mở mắt, nhìn Minh, hỏi một câu ngắn mà như thấy hết: "Ngoài kia... họ nói chi rứa?" Minh đứng lặng, không dám nói thật "họ nói cụ bị đẩy vào chết", vì nói ra là đưa thêm một lưỡi dao vào ngực cụ, Minh chỉ nói nhỏ: "Ngoài kia ồn chút thôi cụ, cụ thở nghe," nhưng cụ Lợi cười mỏng, nụ cười của người cả đời sống trong lời làng: "Ồn là phải. Người ta sống bằng nói mà," rồi cụ nhìn chiếc túi vải, bàn tay siết lại, giọng yếu nhưng cứng: "Mi nhớ, đừng để lời người ta làm mi quên việc mi phải làm," câu đó không phải lời dạy, nó là lời trao gánh. An đứng cạnh giường, mắt vẫn bình, nhưng Minh thấy rõ dưới lớp bình ấy là một vết rạn: An cũng là người, cũng đau khi bị chụp thành "mặt lạnh vô cảm", nhưng An không cãi, An chỉ đưa tay chỉnh ống hút, đặt khăn lên trán cụ, làm những việc nhỏ để nhắc mình mình là ai. Ngoài hành lang, tiếng bước chân bảo vệ, tiếng người cãi nhau, tiếng điện thoại bấm tách tách vẫn còn, như mưa rơi lên mái tôn không chịu dứt. Minh nhìn ra khe cửa, thấy một vài người nhà bệnh nhân cũng bắt đầu rụt rè nhìn vào phòng cụ Lợi, ánh mắt họ khác đi, có cái gì đó pha lẫn nghi ngờ và thương hại, và Minh hiểu cái đau của bão dư luận nằm ở chỗ: nó không chỉ chửi trên mạng, nó làm người ta nhìn nhau lệch đi ngoài đời, làm một lời giải thích cũng trở nên đáng ngờ. Minh quay lại, nhìn cụ Lợi, nhìn cô Thủy đang ngồi ở góc phòng, hai mắt sưng, tay vẫn nắm chặt cái túi giấy tờ như nắm lấy phao, Minh muốn nói với cô "đừng đọc bình luận", nhưng anh biết cô sẽ đọc, vì người quê sợ tiếng, tiếng thiên hạ có thể không trả viện phí, nhưng nó có thể giết một người bằng tội danh "bất hiếu" ngay trong lòng họ. Cô Thủy bỗng bật ra, giọng khàn như rách: "Em ký giấy đó... mà họ quay... họ nói em bỏ bố... trời ơi..." rồi cô ôm mặt khóc, khóc như bị lôi ra giữa chợ, Minh bước tới, nhớ xin phép, nhưng không kịp, anh chỉ nói rất khẽ: "Cô... cô làm theo ý cụ... cô không sai," cô Thủy ngẩng lên, mắt đỏ, hỏi như nấc: "Nhưng ai tin?" Minh không trả lời được, vì câu "ai tin" là câu bão dư luận đặt ra cho tất cả người tử tế, và nhiều khi người tử tế chỉ có một cách: làm đúng mà không đợi ai tin. An nhìn Minh, ánh mắt như truyền một điều không nói: việc phải làm còn đó, đường về núi còn đó, mưa nguồn còn đó, bão trên mạng cứ bão, nhưng bão trong phòng này mới là bão thật. Minh hít một hơi, cảm giác mùi thuốc sát trùng lại tràn vào, lần này nó không kéo ký ức bùn lên nữa, mà kéo anh về hiện tại: hiện tại có cụ Lợi đang đau tăng, có một lời xin về núi, có một tờ giấy không hồi sức vừa ký để cụ đỡ khổ, và có một đời người bị phán xét chỉ bằng một cú máy quay lén; Minh nhìn chiếc túi vải khói bếp, bất chợt nghĩ một điều lạnh: người ta có thể sống cả đời giữ danh dự như giữ bếp lửa, vậy mà chỉ cần một video cắt ghép, bếp lửa ấy cũng bị người ta thổi tắt; nhưng rồi anh nhìn An, nhìn chị Hạnh, nhìn mạ Hường đang ngồi im, tay vân vê

góc áo mưa ướt, và anh hiểu: bếp lửa không tắt vì lời người ngoài nếu trong nhà vẫn có người ngồi canh, và từ giây phút ấy, Minh biết Phần III sẽ không chỉ là chống chọi với mưa nguồn và viện phí nữa, mà còn là chống chọi với một thứ gió độc vô hình: gió của phán xét.

Chương 14: "Bất hiếu" trên mạng và "bất lực" ngoài đời

"Bất hiếu" là một chữ nặng, nặng đến mức ở quê người ta hiếm khi nói thẳng vào mặt nhau, họ chỉ dùng nó như một cái bóng treo lơ lửng trên đầu người con, để người con tự sợ mà tự rụt lại, tự cắn răng mà gánh; vậy mà lên mạng, chữ ấy lại nhẹ như một cái bấm, rơi xuống ào ào, rơi trúng ai cũng được, không cần biết người ta đã thức mấy đêm, đã ký trong run rẩy ra sao, đã ôm bố mình như ôm một đoạn đời sắp đứt thế nào. Sau cú máy quay lén, điện thoại Minh rung liên tục như bị lên cơn sốt, không phải vì tin vui, mà vì những đường link chạy như nước lũ: video cắt ghép, caption giật gân, bình luận bốc lửa, mỗi người góp một câu để thành một phiên tòa, và bị cáo thì không có quyền đứng lên nói. Minh nhìn màn hình thấy tên cô Thủy bị gọi bằng đủ thứ cách: "con gái bất hiếu", "đồ vì tiền", "ký giấy giết bố", thậm chí có người còn phán như thần thánh: "Kiểu này chắc muốn bố chết sớm để khỏi tốn viện phí", chữ nghĩa ở đó sắc mà rẻ, rẻ vì người viết không phải trả giá cho chữ của mình; Minh đọc mà cổ họng khô, cái tức chạy lên đầu, nhưng cái tức ấy bất lực vì không biết bấu vào đâu để kéo sự thật lên mặt nước. Ở ngay ngoài đời, cô Thủy ngồi ở góc phòng bệnh, tay cầm xấp giấy tờ như cầm một bó củi ướt, mắt sưng, môi khô, mỗi lần điện thoại cô rung là cô giật như bị chích, cô nhìn một cái rồi úp xuống ngay, như úp một con rắn, nhưng chỉ vài phút sau lại không chịu được mà mở ra, vì người Việt mình sợ miệng thiên hạ đến mức phải tự nhìn vào miệng ấy để biết nó đang cắn mình chỗ nào; cô lẩm bẩm như nói với chính mình: "Họ nói em... họ nói em...", rồi bật khóc, nước mắt không còn là nước mắt của đau riêng nữa mà là nước mắt của nhục, cái nhục bị lôi ra giữa chợ không mái che. Minh muốn an ủi, muốn nói "kệ họ", nhưng anh biết "kệ" là câu dễ nói nhất và cũng vô dụng nhất với người cả đời sống trong làng, trong họ, trong tiếng, vì tiếng là một thứ luật, mà luật thì đâu phải muốn kệ là kệ được; ở quê, người ta có thể không tin báo, nhưng tin lời đồn; có thể nghèo tiền, nhưng giàu nỗi sợ mang tiếng; và "mang tiếng" nhiều khi còn đau hơn mang bệnh. Mạ Hường xuống viện, chưa kịp nhìn cụ Lợi lâu, đã nghe một người quen từ quê gọi, giọng rít qua điện thoại: "Chị Hường, răng chị để con Thủy ký giấy không cứu vậy? Trên mạng người ta đăng ầm ầm kìa!", mạ Hường đứng chết, mắt mạ đỏ lên nhưng mạ vẫn cứng, mạ đáp một câu vừa như thanh minh vừa như tự nhắc mình: "Cụ muốn rứa. Cụ nói rõ rứa." Đầu dây bên kia im một nhịp rồi thả ra câu nặng: "Nhưng người ta nói bất hiếu..." Mạ Hường cười khô, cái cười không vui: "Người ta nói thì người ta nuôi cụ giùm tui không? Người ta trả viện phí không? Người ta bồng cụ đi qua đường tràn không? Nói dễ lắm." Mạ tắt máy, bàn tay mạ run, và Minh nhìn thấy lần hiếm hoi mạ Hường run không phải vì lạnh, mà vì bị đâm bằng chữ; mạ

quay vào phòng, thấy cô Thủy đang ôm mặt, mạ không nói "đừng khóc", mạ chỉ ngồi xuống cạnh, kéo nhẹ vạt áo mưa che bớt gió điều hòa cho cô Thủy, một cử chỉ nhỏ như đắp thêm một lớp chịu đựng, rồi mạ nói rất khẽ: "Mi ký đúng. Cụ nói rứa. Đừng nghe người ta." Cô Thủy ngẩng lên, mắt đỏ hoe: "Nhưng em sợ họ hàng, chị ơi. Em sợ mai về quê… họ nhìn em." Mạ Hường nhìn thẳng, ánh mắt của người đàn bà đã bị đời nhìn đủ rồi: "Họ nhìn thì kệ. Mi nhìn bố mi trước." Nói xong mạ quay sang giường cụ Lợi, tay mạ chạm vào chăn như chạm vào một lời thề. Cụ Lợi nằm đó, hơi thở mỏng, vẫn ôm túi vải khói bếp, cụ không biết mạng đang gọi con mình "bất hiếu", cụ chỉ biết cơn đau tăng, đường về núi sắp bị mưa nguồn cắt, và thời gian thì không thèm nghe ai giải thích; cái tương phản ấy làm Minh choáng: trên mạng, người ta giận dữ như có chính nghĩa, gõ phím như đánh trống, kết án nhanh như chớp; ngoài đời, người ta đứng trước giường bệnh, trước hóa đơn, trước cái lạnh điều hòa và cái nóng lo, chỉ biết cắn răng cho qua từng giờ, từng giấy, từng cơn ho, và cái tên đúng nhất của cảm giác ấy không phải "bất hiếu", mà là "bất lực". Bất lực khi biết sự thật nhưng không đủ sức làm nó lan nhanh bằng một video; bất lực khi muốn bảo vệ một người con đang kiệt mà không có ngôn từ nào đủ mạnh hơn miệng thiên hạ; bất lực khi muốn giữ phẩm giá cho người sắp đi, nhưng mỗi lần bước ra hành lang lại thấy ánh mắt người lạ nhìn mình như nhìn một kẻ có tội. Chị Hạnh gọi Minh và An ra phòng trực, giọng chị mệt nhưng không mềm: "Hai đứa nghe, từ giờ tuyệt đối không tranh cãi ngoài hành lang, không đôi co với ai quay chụp, việc mình là chăm người bệnh và làm thủ tục về; bão ngoài kia sẽ qua, nhưng nếu mình lạc tay lúc này, người chịu là cụ Lợi." Minh gật, nhưng trong lòng anh dậy lên một câu hỏi cay: bão ngoài kia có thật qua không, hay nó sẽ theo về tận bản, theo vào lễ tang, theo vào mâm cơm họ hàng, theo vào cái nhìn của người trong làng? An đứng cạnh, mặt vẫn bình, nhưng Minh thấy rõ trong đáy mắt An có một lớp tối: không phải sợ, mà là mệt vì cái cảm giác làm đúng mà vẫn bị coi là sai. An nói nhỏ, như nói với Minh mà cũng như nói với chính mình: "Mi thấy chưa, trên mạng người ta gọi 'bất hiếu' cho sướng miệng, còn ngoài đời mình 'bất lực' vì không đổi được cái nghèo, không đổi được mưa, không đổi được thời gian." Minh quay sang nhìn An, anh muốn phản bác, muốn nói "mình phải làm gì chứ", nhưng rồi Minh nhớ ba điều ở Nhà Giảm Nhẹ: xin phép, lắng nghe, đừng hứa bừa; anh hiểu có lúc điều tử tế nhất không phải là thắng một cuộc cãi, mà là giữ cho một người sắp về núi được về, giữ cho một người con ký giấy với nước mắt mà không bị nghiền nát bởi tội danh. Minh bước lại gần giường cụ Lợi, cụ mở mắt nhìn Minh, giọng khàn: "Họ nói chi kệ. Mi lo đường về." Minh gật, và trong khoảnh khắc ấy, Minh thấy rõ cái nghịch lý của thời đại: một chiếc điện thoại có thể làm người ta nổi tiếng trong một đêm, cũng có thể làm người ta mang tội trong một đêm; còn ở ngoài đời, người ta vẫn phải xếp hàng ở quầy thu ngân, vẫn phải xin hoãn viện phí, vẫn phải ký giấy, vẫn phải ngồi canh một hơi thở mỏng, và vẫn phải chịu những bậc thềm không ghế ngồi của số phận. Trên mạng, "bất hiếu" được viết bằng chữ in hoa cho dễ lan; ngoài đời, "bất lực" được viết bằng mắt thâm, bằng bàn tay run, bằng lưng còng và một cái ôm không kịp nói; và Minh hiểu, đau nhất là

khi hai chữ ấy gặp nhau: người ta bị phán xét bằng “bất hiếu” đúng lúc họ đang sống trong “bất lực” đến tận cùng.

Chương 15: Họ hàng kéo tới: tiếng quát ở hành lang

Sáng hôm ấy trời không mưa nữa nhưng hành lang vẫn ẩm, mùi áo mưa phơi vội trộn với mùi sát trùng tạo thành thứ mùi lạnh lẽo rất đặc trưng của bệnh viện những ngày bão qua, người ta đi lại nhanh hơn thường lệ, không phải vì khỏe mà vì sợ bị trễ một thứ gì đó vô hình; Minh vừa đặt xong chai nước ấm cạnh giường cụ Lợi thì điện thoại rung, một tin nhắn từ dì Bảy ở quê: “Họ hàng biết chuyện trên mạng rồi, mấy người đang xuống.” Chữ “đang xuống” khiến Minh nghe như “đang kéo tới”, không phải kéo tới để thăm mà kéo tới để dựng lại một phiên tòa bằng miệng, mà phiên tòa ấy thường đau hơn cả những lời bình luận trên mạng, vì nó đến từ người cùng họ, cùng làng, cùng cái chữ “tiếng” treo trên đầu bao đời. Cụ Lợi vẫn ôm túi vải khói bếp, hơi thở mỏng, nhưng mắt cụ tỉnh hơn hôm qua, cụ nhìn Minh một lúc rồi hỏi khàn: “Họ xuống hả?” Minh sững, chưa kịp đáp thì cụ đã cười mỏng: “Tau già rồi, tau biết, bão nào cũng có người đứng coi,” câu nói nhẹ mà châm, như người đã quen bị thiên hạ soi. An đứng cạnh giường, đưa ống hút cho cụ, nói gọn: “Cụ thở. Còn chuyện ngoài kia để tụi con.” Cụ Lợi chớp mắt, như đồng ý mà cũng như phó thác. Minh bước ra hành lang, tim đập mạnh, và ngay lúc đó tiếng giày dép rộn lên từ đầu cầu thang, không phải tiếng bước chân của một người, mà là tiếng của một nhóm, kéo theo tiếng nói đè lên nhau như gió lùa qua đám tre: “Đúng phòng ni không?” “Hỏi coi!” “Hắn nằm khoa giảm nhẹ à?” “Tui nói rồi, ký giấy không hồi sức là coi như bỏ!” Minh quay lại thì thấy họ: bốn, năm người, toàn người trung niên và già, áo khoác dày, tóc còn ướt sương, mặt căng, mắt đỏ vì mất ngủ mà cũng vì giận, đi đầu là một người đàn ông tầm năm mươi, cổ đeo sợi dây chuyền bạc, giọng sang sảng, kiểu giọng quen nói trong đám họ: “Mấy cô ở đây làm ăn kiểu chi rứa?” Theo sau là một bà cô dáng thấp nhưng mắt sắc, tay cầm điện thoại như cầm bằng chứng, màn hình sáng lên đúng cái video cắt ghép, bà vừa đi vừa chìa ra cho người bên cạnh: “Nì, coi nì, đăng lên cả ngàn lượt chia sẻ rồi đó, nhục chưa!” Minh thấy cổ họng khô, nhưng vẫn bước lên, nhớ lời chị Hạnh: đừng đôi co, đừng để bão kéo mình khỏi việc cần. Minh cố giữ giọng bình: “Dạ… cô chú đi thăm cụ Lợi hả? Cụ đang nằm trong phòng, mình nói nhỏ thôi ạ, đây là khu điều trị.” Người đàn ông đi đầu liếc Minh từ đầu tới chân, giọng gằn: “Mi là ai mà dạy tau?” Minh chưa kịp trả lời thì bà cô đã chen vào, chỉ thẳng điện thoại: “Mi coi, tụi tau coi hết rồi, ký giấy không hồi sức là răng? Mấy người muốn ông già chết cho nhanh hả?” Minh thấy máu nóng trào lên, nhưng An đã đứng phía sau, chạm nhẹ vào khuỷu tay Minh một cái, nhắc anh giữ. An bước lên nửa bước, giọng đều: “Chào cô chú. Đây là đơn vị chăm sóc giảm nhẹ. Mình nói nhỏ giúp con. Nếu cô chú muốn hỏi về giấy tờ, con mời cô chú vào phòng tư vấn, chị Hạnh sẽ giải thích.” Bà cô cười khẩy: “Giải thích chi nữa? Lên mạng người ta nói rõ rồi!” Người đàn ông đập tay vào thành cửa kính “rầm” một cái, tiếng vang

làm vài người nhà ở phòng bên ngoái ra: “Tui hỏi tụi bây, răng không cứu? Răng bắt ký? Ai ký?” Câu “ai ký” ném ra như ném đá. Minh nhìn thấy cô Thủy ở cuối hành lang, vừa từ nhà vệ sinh đi ra, mặt tái, tay bám vào tường, khi nghe “ai ký” cô khựng lại như bị tát. Mạ Hường cũng bước ra sau cánh cửa phòng, mắt mạ thâm, mạ chưa kịp nói thì bà cô đã nhìn thấy cô Thủy và lao thẳng tới, giọng chát: “Con Thủy! Mi ác rứa à? Bố mi nằm đó mà mi ký giấy không cứu? Mi muốn người ta chửi mi ‘bất hiếu’ có sai mô!” Cô Thủy bủn rủn, môi run: “Cô… cô ơi… bố… bố con nói…” Bà cô gạt phắt: “Bố mi nói? Ông già đau quá ông nói bậy, mi nghe?” Người đàn ông đi đầu quát: “Tao nói rồi, trong họ không ai làm rứa! Nghĩa tử là nghĩa tận! Cứu được thì cứu, chết thì chết sau! Mi ký rứa là mi cắt đường sống!” Cái giọng “trong họ” vang lên làm Minh rùng mình. Ở quê, câu đó như cái roi: người ta lấy “họ” làm trời, lấy “tiếng” làm luật, và ai lệch ra là thành tội đồ. Cô Thủy lùi lại, mắt đỏ: “Con không… con không muốn bố đau thêm…” Bà cô đập điện thoại xuống lòng bàn tay: “Đau thêm còn hơn chết! Đau chút để sống! Mi hiểu không?” Minh nghe câu đó mà lạnh, vì anh vừa chứng kiến “hồi sức” có thể là gãy xương sườn, là máu, là tiếng rên không thành tiếng, là kéo người ta lại chỉ để chịu thêm; nhưng nói ra giữa hành lang lúc này sẽ như châm lửa. An vẫn giữ giọng đều: “Cô ơi, không hồi sức là quyết định có sự đồng ý của cụ, để tránh hồi sức gây đau đớn trong tình trạng không còn lợi ích. Ở đây tụi con vẫn giảm đau, vẫn chăm sóc…” Người đàn ông quát to hơn, át luôn: “Đừng nói chữ! Tui không cần nghe chữ! Tui cần biết ai chịu trách nhiệm nếu ông già chết!” Mạ Hường bỗng bước lên, người nhỏ mà đứng thẳng, giọng khàn nhưng sắc: “Ông ơi, ông nói nhỏ cho tui nhờ. Cụ đang thở trong đó. Ông muốn cụ nghe ông quát không?” Người đàn ông quay phắt: “Chị Hường, chị cũng nghe tụi nó hả? Chị nuôi con chị chưa xong mà còn bày đặt đưa ông già về để khỏi tốn tiền hả?” Câu đó độc như gió độc. Mạ Hường tái mặt, nhưng mạ không lùi. Mạ nhìn thẳng: “Ông nói vậy là ông coi thường cụ. Cụ xin về. Cụ nói rõ. Ai đưa cụ về để khỏi tốn? Tốn hay không tốn, cụ vẫn là cụ. Cụ không phải món để người ta tính.” Bà cô hét: “Chị đừng bênh! Trên mạng người ta nói rành rành! Có video đó!” Mạ Hường cười khô: “Video có quay được cái đau trong ngực cụ không? Có quay được đêm tui thức canh cụ không? Có quay được tiền tui chạy vay không? Hay chỉ quay được cái mặt người ta cho thiên hạ chửi?” Cô Thủy lúc đó không chịu nổi nữa, cô bật khóc: “Con ký… con ký theo ý bố… bố nói con đừng để bố khổ thêm…” Người đàn ông chỉ tay, giọng sầm: “Mi nghe lời bố mi nói chết là chết thật à? Mi ngu!” Chữ “ngu” ném ra làm cô Thủy co rúm lại, như quay về tuổi nhỏ bị mắng, và Minh thấy cái “bất lực” ngoài đời không chỉ đến từ tiền hay thời gian, mà còn đến từ chính những người thân kéo tới, lấy đạo hiếu làm gươm. Minh định bước lên che cho cô Thủy, nhưng chị Hạnh đã xuất hiện từ cuối hành lang, bước nhanh, mặt nghiêm, giọng có lực nhưng không to: “Chào các anh chị. Tôi là Hạnh, phụ trách đơn vị. Mời anh chị vào phòng tư vấn. Ở hành lang không được gây ồn.” Người đàn ông gằn: “Cô là ai mà cấm?” Chị Hạnh nhìn thẳng: “Tôi không cấm thăm. Tôi cấm làm ảnh hưởng người bệnh khác. Anh chị có bức xúc, tôi giải thích bằng hồ sơ và quy trình. Nhưng anh chị không được mạt sát người nhà bệnh nhân.” Bà cô

chỉ điện thoại: “Cô coi đi! Cả nước biết rồi! Cô còn bao che?” Chị Hạnh không né: “Tôi sẽ báo phòng Công tác xã hội về việc quay lén. Nhưng chuyện của cụ Lợi là chuyện cụ Lợi. Cụ còn tỉnh, cụ có quyền quyết định. Anh chị có thể vào hỏi cụ. Nhưng hỏi trong yên lặng. Không quát.” Người đàn ông hất hàm: “Được. Vô.” Họ xô cửa phòng, Minh và An kịp bước trước để chặn bớt đà. Trong phòng, cụ Lợi mở mắt, nghe tiếng động đã lâu, ánh mắt cụ nhìn thẳng, không hoảng, chỉ buồn và mỏi. Người đàn ông vừa vào đã nói lớn: “Bác! Bác nghe con nói! Bác đừng nghe tụi nó dụ! Bác phải cứu! Bác phải ở lại!” Cụ Lợi nhíu mày, giọng khàn mà rõ: “Mi nói nhỏ. Tau chưa chết mà mi quát như gọi hồn.” Cả phòng khựng lại. Bà cô bước tới, giọng đổi sang mềm nhưng vẫn sắc: “Bác ơi, bác thương con cháu thì bác đừng nói ‘không hồi sức’. Bác nói rứa tụi nó ký, rồi bác đi, người ta chửi con cháu bác ‘bất hiếu’.” Cụ Lợi cười mỏng, ánh mắt lóe lên cái ngang của người miền núi: “Mi sợ người ta chửi hơn sợ tau đau à?” Bà cô nghẹn, chưa kịp đáp thì cụ Lợi nói tiếp, chậm, từng chữ như đóng cọc: “Tau đau là tau chịu. Tau ký hay không ký là việc của tau. Con Thủy ký theo ý tau. Mi muốn chửi thì chửi tau, đừng chửi con tau.” Cô Thủy bật khóc nấc, mạ Hường quay mặt đi lau nhanh. Người đàn ông đỏ mặt, giọng hạ xuống nhưng vẫn cố cứng: “Bác… bác nghĩ cho họ… nghĩ cho tiếng.” Cụ Lợi thở ra, giọng mệt: “Tau sống cả đời vì tiếng. Giờ tau muốn sống mấy bữa cuối vì… yên. Mi mà thương tau thì giúp tau về. Mi mà thương tiếng thì về mà giữ tiếng một mình.” Câu đó như một nhát cắt. Trong phòng, không ai nói được ngay. Chỉ còn tiếng điều hòa và tiếng thở của cụ. Ngoài hành lang, tiếng chân người vẫn qua lại. Và Minh thấy sự tương phản hiện lên rõ như chữ trên giấy: trên mạng người ta phán “bất hiếu” bằng một cái bấm, còn ngoài đời, người ta quát nhau ngay trước giường bệnh, giành nhau quyền định nghĩa đạo hiếu, trong khi người sắp đi chỉ cần một sự yên lặng để thở. Chị Hạnh đứng cạnh, nói như kết lại để giữ trật tự: “Anh chị nghe rõ mong muốn của cụ rồi. Bây giờ, nếu anh chị muốn giúp, xin hỗ trợ gia đình chuẩn bị đưa cụ về trước khi mưa nguồn cắt đường. Còn nếu không giúp được, xin ra ngoài nói nhỏ.” Người đàn ông nhìn cụ Lợi, nhìn cô Thủy, rồi nhìn mạ Hường, mặt vẫn tức nhưng giọng nhỏ hơn: “Về thì… về. Nhưng mi nhớ, về tới quê mà có chuyện, đừng đổ cho họ hàng.” Cụ Lợi cười mỏng: “Tau chết tau chịu. Mi khỏi lo.” Họ hàng lục tục ra, tiếng dép kéo lê bớt gắt, nhưng dư âm tiếng quát vẫn bám vào hành lang như khói. Minh đứng lại bên cửa, nghe tim mình đập, và trong đầu anh bật lên một nhận ra cay: có những cuộc đời không bị giết bởi bệnh, mà bị giết bởi tiếng; có những người con không gục vì thiếu tiền, mà gục vì bị người thân quát giữa chốn đông; và giữa tất cả, điều khó nhất không phải cãi lại, mà là giữ cho mình không thành người quát thêm, giữ cho phòng bệnh còn một khoảng thở để cụ Lợi kịp về núi.

PHẦN III khép lại bằng một sự thật lạnh và đau của thời đại: chỉ cần một cú máy quay lén, một khung hình lệch và vài dòng chú thích giật gân, đời người đã bị kéo ra khỏi phòng bệnh để đặt giữa “chợ” dư luận, nơi chữ nghĩa chạy nhanh hơn xe cấp cứu và phán

xét đến trước cả sự thật. Từ tờ giấy không hồi sức cho tới quyết định đưa cụ Lợi về núi, mọi lựa chọn nhân đạo và khó khăn của gia đình bỗng bị bóp méo thành tội danh "bất hiếu" trên mạng, rồi lan sang đời thật bằng ánh mắt nghi ngờ, lời xì xào và sự ầm ĩ ngay trong hành lang bệnh viện. Minh tận mắt thấy khoảng cách tàn nhẫn giữa hai thế giới: trên màn hình, người ta giận dữ cho sướng miệng; ngoài đời, người con khóc cạn vì "bất lực", người mẹ cứng rắn vì phải gánh tiếng, còn người cha già chỉ xin một điều rất giản dị là được yên để thở và được về. Sự xuất hiện của họ hàng càng đẩy bi kịch lên cao trào: đạo hiếu bị biến thành roi, "tiếng" bị dựng thành luật, và tình thương bị bóp nghẹt bởi những câu quát át cả nhịp thở. Nhưng chính trong bão ấy, một điểm sáng lặng lẽ vẫn hiện ra: cụ Lợi dám đứng về phía sự thật của mình, dám nói "đừng chửi con tau", và Minh học thêm một bài học mới, không phải bài học để thắng một cuộc cãi, mà là bài học để giữ người mình thương khỏi bị nghiền nát bởi phán xét. PHẦN III kết thúc khi bão ngoài hành lang vẫn còn dư âm, nhưng trong căn phòng nhỏ, quyết định cuối cùng đã được đóng đinh: không chạy theo tiếng thiên hạ, không đôi co với màn hình, mà tập trung cho điều quan trọng nhất; kịp một chuyến về núi trước khi mưa nguồn lên, kịp giữ cho một đời người được ra đi theo cách của họ, giữa một thời cuộc mà chỉ cần một video cũng đủ làm cả nhân phẩm bị mang ra cân.

PHẦN IV: VƯỢT LŨ VỀ NÚI (Đường tràn, oxy và món nợ danh dự)

Bão dư luận chưa kịp tan thì bão mưa nguồn đã kéo đến, và Minh hiểu đời mình đang bị kẹp giữa hai thứ nước: nước trên mạng chảy bằng chữ và nước ngoài đời chảy bằng bùn; một bên là những câu phán xét còn nóng trên màn hình, một bên là tin Ngàn Sâu đục nước, đường tràn bắt đầu xóa ranh giới giữa làng với phố, giữa "đi được" và "không kịp nữa". Ở Nhà Giảm Nhẹ, người ta quen nói chuyện sinh tử bằng giọng nhỏ, nhưng chuyến về núi lần này lại cần những thứ rất cụ thể, rất nặng tay: bình oxy, thuốc giảm đau, giấy ra viện, giấy cam kết, một chiếc xe đủ chắc để qua đoạn trơn, và quan trọng nhất là một ý chí đủ bền để không bị tiếng người ngoài kéo lệch. Chị Hạnh trải hồ sơ ra bàn, đánh dấu từng mục như tính đường giữa lũ: giờ xuất phát, liều thuốc dự phòng, số điện thoại trạm y tế xã, điểm dừng nếu cụ khó thở; An kiểm tra lại dây oxy, đầu nối, nẹp mũi, mắt An thâm nhưng tay An vững, còn Minh đứng bên, nhìn những món đồ ấy mà thấy vừa như chuẩn bị một chuyến đi, vừa như chuẩn bị cho một lời từ biệt. Cụ Lợi nằm trên giường, ôm túi vải khói bếp, mắt cụ không còn chạy theo tiếng ồn hành lang nữa, mắt cụ hướng về một phía xa hơn; về núi, về con đường đất đỏ, về mùi bếp nhà, về người tên Hậu mà cụ nợ một lời xin lỗi, và về cái danh dự cũ kỹ của một đời người từng lỡ miệng mà mang theo cháy âm ỉ ba chục năm; với cụ, chuyến về này không phải "về cho đỡ tiền" như thiên hạ nói, mà

là về để trả một món nợ không ai thu hộ, không ai ký giùm, không ai bấm điện thoại mà xóa được. Minh nhìn mạ Hường và cô Thủy đứng bên cửa, mặt ai cũng mệt nhưng mắt ai cũng sáng theo kiểu của người đã chọn: chọn sự thật thay vì tiếng, chọn nỗi đau có ý nghĩa thay vì sự yên ổn giả, chọn một đoạn đường xóc và trơn để đổi lấy một điều giản dị để cụ Lợi được đặt chân lên đất mình trước khi nước cắt lối. Và thế là Phần IV bắt đầu: không bằng lời thề lớn, không bằng chiến thắng nào trên mạng, mà bằng tiếng khóa xe lách cách, bằng bình oxy được đặt xuống, bằng những tờ giấy gấp gọn trong túi áo, và bằng một quyết tâm âm thầm của những người nghèo miền núi đã quen đi qua bão gió, nhưng lần này phải đi qua lũ để giữ trọn một món nợ danh dự.

Chương 16: Minh và Tùng: thiện ý sai chỗ

Tùng xuất hiện vào đúng cái lúc Minh tưởng mình đã quen với mọi tiếng ồn của bệnh viện. Không phải tiếng xe cáng, không phải tiếng chuông gọi, cũng không phải tiếng quát ở hành lang. Là tiếng "ting" của điện thoại; một thông báo mới trong nhóm lớp, rồi một tin nhắn riêng hiện lên như một vệt sáng nhức mắt: **"Minh ơi, tao tới viện rồi. Tao lên giúp mày. Đừng lo."**

Minh đọc xong mà tim trượt xuống. Anh không kịp vui. Ở tuổi mười bảy, bạn bè tới thăm thường là một chuyện ấm. Nhưng ở thời điểm này, "ấm" dễ thành "cháy", vì bão dư luận đang treo trên đầu như cái mái tôn sắp bay. Minh nhét điện thoại vào túi, bước nhanh ra hành lang, vừa đi vừa nhìn quanh như tìm một thứ nguy hiểm.

Tùng đứng ngay đoạn cầu thang, cao, gầy, tóc vuốt keo, áo khoác gió mới toanh. Tay Tùng cầm điện thoại đời mới, kẹp thêm một cái gậy selfie nhỏ—thứ đồ người ta cầm rất tự nhiên, như cầm chìa khóa. Nhìn thấy Minh, Tùng cười, hớn hở như vừa làm được một việc lớn.

"Ê! Tao nói rồi, có chuyện chi tao tới liền mà!" Tùng vỗ vai Minh một cái rõ mạnh. "Mày gầy đi đó."

Minh giật nhẹ vai ra, mắt liếc cái gậy selfie. "Mày… đem cái ni làm chi?"

Tùng ngơ ngác: "À… cái ni hả? Để quay. Tao quay cho rõ. Mày yên tâm, tao quay đúng sự thật. Trên mạng người ta đang chửi bệnh viện, chửi nhà mày. Tao không chịu nổi."

Minh thấy cổ họng khô như bị rắc cát. "Tùng, không quay."

Tùng cau mày: "Răng lại không? Mày sợ à? Sợ thì càng bị họ ép! Mày phải lên tiếng! Tao định livestream luôn, nói cho họ biết 'không hồi sức' là gì, rồi kêu gọi quyên góp viện phí cho cụ. Tốt mà!"

Chữ “quyên góp” bật ra nghe như một cái phao, nhưng phao buộc sai dây cũng kéo người ta chìm. Minh nhìn Tùng, thấy trong mắt bạn mình đúng là có nhiệt tình. Tùng không phải người xấu. Tùng chỉ là kiểu người tốt theo kiểu nóng: thấy bất công là muốn xông vào, thấy người bị chửi là muốn cãi lại, nghĩ mình bấm nút là cứu được.

Minh nói nhỏ, cố giữ giọng bình: “Ở đây không cho quay. Bệnh nhân… họ cần yên.”

Tùng hạ giọng, nhưng cái hào hứng vẫn nhấp nháy: “Tao quay mặt họ đâu. Tao quay hành lang thôi, quay bảng tên khoa, quay hóa đơn. Cho thiên hạ thấy bệnh viện thu tiền kiểu chi. Mày nghĩ coi, nếu có dư luận ủng hộ, họ mới sợ, mới giúp.”

Minh nhìn quanh. Mấy người nhà bệnh nhân đang ngồi co ro trên ghế nhựa. Có người dựa tường, mắt thâm, tay ôm hồ sơ. Ai cũng mệt. Không ai muốn thành “nội dung” của ai.

Minh nhắc lại, rõ hơn: “Không quay. Tao nói thật.”

Tùng nín một nhịp, rồi bật cười khẩy: “Trời, mày hiền quá. Mày hiền nên mới bị người ta đè. Mày nghĩ im là yên hả? Im là thua. Mày coi, tụi nó đăng video kêu nhà mày bất hiếu đó. Tao không chịu nổi. Tao tới đây là để ‘đòi công bằng’ cho mày.”

Chữ “công bằng” làm Minh nhói. Minh cũng muốn công bằng. Nhưng Minh đã đứng ở bệnh viện đủ lâu để hiểu: công bằng không phải lúc nào cũng đến từ tiếng lớn. Nhiều khi tiếng lớn chỉ làm người yếu thêm yếu.

An đi từ trong phòng ra đúng lúc đó. An nhìn cái gậy selfie trên tay Tùng, mắt An tối lại một chút như trời sầm trước mưa nguồn.

An hỏi gọn: “Ai đây?”

Minh đáp: “Bạn em. Tùng.”

Tùng gật đầu chào, rồi như bắt được đồng minh, Tùng nói ngay: “Chị ơi, em tới giúp Minh. Em định quay một đoạn giải thích cho dân hiểu. Người ta hiểu sai ‘không hồi sức’ quá, chửi ác.”

An nhìn thẳng Tùng. “Không quay.”

Tùng hơi sững, nhưng vẫn cứng: “Chị… em quay để bảo vệ bệnh viện mà. Quay đúng thì có gì đâu.”

An vẫn vậy; ít chữ, đúng chỗ: “Bệnh viện không cần em bảo vệ bằng camera. Bệnh nhân cần được tôn trọng. Tôn trọng là không quay.”

Tùng nhíu mày: “Nhưng chị ơi, bây giờ bão dư luận—”

An cắt ngang, giọng không cao nhưng chắc: “Bão dư luận không chữa đau. Em quay thêm là thêm bão.”

Tùng nhìn An, rồi nhìn Minh, như bị dội gáo nước lạnh. Nhưng Tùng vẫn chưa chịu. Bạn Minh còn trẻ, còn cái tin rằng sự thật chỉ cần nói ra là người ta nghe. Tùng hạ giọng, kéo Minh ra một chút:

“Ê Minh, mày tin tao. Tao làm truyền thông đó. Tao biết cách. Tao không để lộ mặt cụ. Tao chỉ cần một câu của mày, nói mày không bất hiếu, nói nhà mày bị oan. Một phút thôi.”

Minh thấy ngực mình thắt lại. Một phút có thể phá một đời. Minh đã học điều đó bằng mắt, không phải bằng sách.

Minh nói khàn: “Tùng, cụ Lợi sắp về núi. Tao không muốn có thêm chuyện. Tao chỉ muốn… kịp đường về.”

Tùng cau mày: “Kịp đường về thì càng phải có tiền! Tao kêu gọi quyên góp được. Tao đăng story, tao nhắn mấy đứa lớp, tao kêu mấy anh bên câu lạc bộ. Có tiền là giải quyết. Mày cứ để tao làm.”

Minh nghe chữ “giải quyết” mà thấy nó đơn giản quá. Có những thứ tiền không giải quyết được: danh dự của cụ, lời xin lỗi trong túi vải, cái yên của đoạn cuối.

Ngay lúc Minh chưa biết phải nói sao cho bạn hiểu, tiếng chuông phòng cụ Lợi vang lên. Không dài, nhưng gấp. An quay người ngay, bước nhanh về phía cửa.

“Cụ gọi,” An nói với Minh. “Mi vô.”

Minh vội theo An. Tùng cũng đi theo, như bản năng muốn “giúp”.

Trong phòng, cụ Lợi đang thở gấp. Mạ Hường đứng ở đầu giường, mặt căng. Cô Thủy ngồi ở góc, mắt đỏ. Chị Hạnh đang kiểm tra oxy, nói nhanh vài câu dặn.

Minh vừa bước vào, cụ Lợi nhìn Minh, giọng khàn: “Mi… chuẩn bị chưa?”

Minh cúi sát: “Dạ… tụi con đang chuẩn bị.”

Cụ Lợi chớp mắt. Mồ hôi cụ rịn trên trán. Túi vải khói bếp vẫn nằm trên ngực như một hòn than nhỏ.

Tùng đứng ở cửa, mắt mở to. Nhìn cụ Lợi, Tùng bỗng im. Cái im này không phải vì hiểu, mà vì lần đầu đứng trước một sự thật không thể “edit”: người già sắp đi, hơi thở mỏng, mắt vẫn cố hướng về núi.

Trong khoảnh khắc ấy, Minh tưởng Tùng sẽ thôi. Nhưng thiện ý đôi khi có quán tính. Tùng rút điện thoại ra rất nhẹ, như sợ làm ai chú ý, rồi giơ lên ngang ngực, không bật đèn, chỉ bật camera.

An quay phắt lại. “Để xuống.”

Tùng giật mình: “Em… em chỉ quay cảnh chung… không quay mặt…”

Chị Hạnh ngẩng lên, giọng sắc như dao cắt băng: “Không quay trong phòng bệnh.”

Tùng lúng túng, hạ máy xuống, nhưng mắt vẫn nhìn màn hình như tiếc. “Em… em muốn làm rõ. Người ta hiểu sai…”

Cụ Lợi bỗng quay mắt sang Tùng. Mắt cụ không còn mờ như lúc hoảng. Nó sáng và thẳng—cái sáng của người đã sống đủ lâu để nhìn ra thứ nguy hiểm mới.

Cụ hỏi khàn: “Mi… quay chi?”

Tùng đứng chết, mặt đỏ. “Dạ… con… con quay để… để người ta biết cụ… cụ…”

Cụ Lợi nhíu mày: “Biết để làm chi? Biết rồi họ thở giùm tau không? Họ đau giùm tau không?”

Tùng cứng họng. Minh thấy Tùng nắm điện thoại chặt hơn.

Cụ Lợi nói tiếp, giọng yếu nhưng từng chữ rõ: “Tau sắp về núi. Tau không muốn ai đem cái mặt tau lên chợ. Tau không phải con cá cho người ta coi.”

Câu đó rơi xuống, nặng. Tùng như bị ai tát nhẹ. Minh nhìn Tùng—lần đầu anh thấy bạn mình mất hết vẻ hăng hái.

Mạ Hường đứng cạnh giường, giọng khàn: “Cháu… đừng quay. Người ta nói đủ rồi.”

Cô Thủy cũng nói, tiếng run: “Em xin… đừng quay nữa…”

Chị Hạnh chỉ vào cửa, dứt khoát: “Em ra ngoài. Nếu em muốn giúp, giúp theo cách không làm phiền bệnh nhân. Ở đây, ‘giúp’ không phải muốn là được.”

Tùng lùi ra. Minh bước theo, kéo Tùng ra hành lang.

Ra tới hành lang, Tùng bật lại, giọng nhỏ nhưng bực: “Tao có ý tốt mà. Sao ai cũng như đuổi tao?”

Minh nhìn bạn mình, thấy vừa thương vừa mệt. “Ý tốt mà sai chỗ thì thành hại.”

Tùng cắn môi, mắt đỏ lên như không chịu nhận mình sai: “Mày nói vậy là sao? Tao muốn cứu danh dự cho nhà mày!”

Minh thở ra, nói chậm, như nói với một đứa trẻ: “Danh dự của cụ là được yên. Danh dự của cô Thủy là được làm theo ý bố. Danh dự của mạ tao là không bị người ta xỉa xói thêm. Mày đem camera vô… là mày xé cái yên đó ra.”

Tùng im. Minh tưởng Tùng hiểu. Nhưng Tùng lại nói, giọng yếu hơn: “Nếu không quay, làm răng người ta tin?”

Minh nhìn thẳng: “Không cần họ tin ngay. Mình phải kịp đường về. Cụ đang đợi. Mưa nguồn đang lên. Người ta tin hay không, không giúp cụ thở được.”

Tùng đứng lặng. Tiếng người ngoài hành lang vẫn xì xào. Điện thoại Minh lại rung: một bình luận mới, một chia sẻ mới. Bão vẫn chạy.

Tùng nhìn xuống điện thoại mình, rồi bất ngờ nói rất nhỏ, không còn hùng hổ: “Tao… tao chỉ thấy tức. Người ta chửi ác quá. Tao chịu không nổi.”

Câu đó làm Minh mềm đi. Minh hiểu. Ai chứng kiến bạn mình bị oan mà không tức? Ai thấy người già bị kéo ra làm “trend” mà không đau?

Minh nói nhỏ: “Tao cũng tức. Nhưng tức không chữa được. Ở đây, tụi tao đang làm cái khó nhất: làm đúng mà chịu bị hiểu sai.”

Tùng ngẩng lên. Mắt Tùng ướt một lớp mỏng. “Vậy tao giúp chi được?”

Minh nhìn Tùng một giây. Một cách giúp đúng bắt đầu từ việc biết dừng lại.

“Cất điện thoại. Đừng đăng gì nữa. Đừng cãi trên mạng. Nếu mày muốn giúp… mày xuống dưới mua ít đồ cần: pin dự phòng, nước ấm, khăn giấy, băng dán, một áo mưa dày. Rồi… đứng ngoài, chở đồ, phụ xách, chạy giấy. Đừng quay. Đừng nói lớn.”

Tùng gật rất chậm, như nuốt cái sĩ diện vào trong. “Ừ.”

Tưởng vậy là xong. Nhưng đời không để mọi thứ nhẹ.

Chưa kịp quay đi, điện thoại Tùng “ting” một cái. Tùng liếc màn hình. Minh thấy rõ hiện lên thông báo từ một trang lớn: **Video mới được chia sẻ bởi “Hà Tĩnh 24h”** (một cái tên nghe quen với kiểu trang cộng đồng). Tùng sững.

“Chết…” Tùng bật ra.

Minh giật: “Gì?”

Tùng đưa màn hình cho Minh. Trên đó là đoạn clip vừa được cắt khác, kèm tiêu đề đậm: **“Gia đình ký giấy không hồi sức, người thân kéo tới gây ồn ào: bệnh viện bất lực?”** Minh nhìn mà lạnh. Có đoạn hành lang hôm trước. Có tiếng quát. Có bóng An đứng chắn. Có bóng Minh lấp ló. Không đủ rõ mặt, nhưng đủ gợi.

Minh quay sang Tùng: “Mày… mày có đăng gì không?”

Tùng lắc lia lịa, hoảng thật: “Không! Tao chưa đăng! Tao mới quay… chưa kịp. Tao thề!”

Minh nhìn vào mắt Tùng. Minh tin. Tùng có thể nóng, nhưng không phải kẻ phản.

An đi tới, nhìn màn hình một cái rồi nói gọn, lạnh: “Thấy chưa. Em quay hay không, người ta vẫn có video. Nhưng em quay thêm là em tiếp tay.”

Tùng cúi đầu, môi mím. “Em… em hiểu rồi.”

Minh nhìn Tùng, bỗng thấy thương. Thiện ý của tuổi trẻ giống một con dao mới mài: sắc, nhưng dễ cắt vào người mình muốn cứu. Tùng đến để đỡ Minh, nhưng suýt biến Minh thành nhân vật trong một clip mới. Tùng muốn cứu danh dự, nhưng danh dự ở đây lại nằm ở quyền riêng tư, ở sự yên lặng, ở việc không làm người sắp đi trở thành cảnh quay.

Tùng nhét điện thoại vào túi, tháo luôn gậy selfie, gấp lại như gấp một cái thừa thãi. “Tao xuống mua đồ.”

Minh gật. “Đi đi. Cẩn thận đường trơn.”

Tùng quay đi được vài bước rồi dừng lại, quay đầu, giọng nhỏ hơn mọi lần Minh nghe: “Minh… tao xin lỗi.”

Minh đứng yên một nhịp. Bốn câu khó nhất đời người lại hiện lên. Xin lỗi đôi khi không cần lý do lớn, chỉ cần đúng lúc.

Minh đáp: “Ừ. Tao nhận. Nhưng nhớ… đừng quay nữa.”

Tùng gật mạnh, rồi chạy xuống cầu thang.

Minh đứng lại hành lang, nghe tiếng bước chân bạn mình xa dần. Trong phòng, cụ Lợi vẫn thở. Chuyến về núi vẫn chờ. Bão dư luận vẫn rít ngoài kia, nhưng ít nhất, ngay khoảnh khắc này, Minh vừa giữ được một điều nhỏ: giữ cho một thiện ý khỏi thành thêm một con sóng.

Và Minh hiểu thêm một điều về thời cuộc: không phải ai gây hại cũng là người xấu; nhiều khi người ta chỉ tốt… nhưng tốt sai chỗ, sai lúc, sai cách. Trong một thời đại mà cái máy quay nằm sẵn trong tay mọi người, bài học khó nhất không phải học cách lên tiếng, mà là học cách **đặt điện thoại xuống** để nhìn cho đúng một hơi thở đang tắt dần.

Chương 17: An nói một câu khiến Minh im: đừng lấy đời người ta ra thắng thua

Minh im từ lúc Tùng chạy xuống cầu thang, cái gậy selfie gấp lại như gấp một sự nông nổi vào trong túi áo, và Minh đứng lại ở hành lang nghe tiếng “ting” của điện thoại rơi vào khoảng không như những giọt nước rơi trong giếng; bão dư luận vẫn còn đó, nó chạy ngoài màn hình, chạy trong lời người, chạy trên những ánh mắt lướt qua như thể Minh đang mang một dấu gì trên trán, và cái tức trong Minh không chịu lắng, nó nổi lên từng đợt như sóng ngầm, vừa muốn cãi, vừa muốn đập tan cái câu chuyện cắt ghép kia bằng một sự thật trọn vẹn; Minh bước về phía cửa kính nhìn xuống sân bệnh viện, thấy người ta co ro dưới mái hiên, thấy áo mưa lấp loáng, thấy nước đọng ở vũng phản chiếu ánh đèn

thành những vệt mỏng, và Minh bỗng nhận ra: ở dưới kia, mưa có thể nhìn thấy, còn bão trong lòng thì không ai nhìn thấy, nó chỉ làm người ta nặng lên từng ngày mà vẫn phải đứng. Minh rút điện thoại ra theo phản xạ, lướt lại bài đăng mới, đọc những bình luận như những viên đá: “Ký giấy không hồi sức là giết người,” “Bệnh viện vô nhân đạo,” “Con gái bất hiếu,” “Mấy đứa nhân viên mặt lạnh,” và có cả những câu đanh hơn, bẩn hơn, như thể người viết đang được phép xả tất cả những bực dọc đời họ lên một gia đình nghèo không kịp tự vệ; Minh thấy máu trong tai ù, lòng bàn tay toát mồ hôi, anh muốn viết một bài phản bác, muốn quay một video giải thích, muốn kéo cụ Lợi và cô Thủy ra khỏi cái bãi lầy phán xét ấy, muốn trả lại cho họ một khuôn mặt sạch sẽ, nhưng càng nghĩ, Minh càng thấy sự thật của mình nhỏ bé trước tốc độ của đám đông, như một ngọn đèn dầu đặt trước gió lớn. An đi ra từ phòng bệnh, tay vẫn còn mùi xà phòng, áo blouse có vết nước bắn, mắt An thâm nhưng ánh nhìn vẫn vững, An không hỏi Minh đọc gì, An chỉ nhìn điện thoại trong tay Minh rồi nói gọn: “Bỏ xuống.” Minh nghe như bị chạm đúng chỗ tự ái, anh bật ra, giọng khàn: “Em bỏ sao được, họ chửi quá. Họ nói cô Thủy bất hiếu. Họ nói cụ bị bỏ mặc. Họ nói tụi mình…” An nhìn Minh một nhịp, không gắt, nhưng giọng An lạnh như nước suối mùa mưa: “Họ nói thì họ nói. Mi định thắng họ bằng cách chi?” Minh nghẹn: “Bằng sự thật.” An hỏi tiếp, vẫn đều: “Mi định dùng sự thật làm vũ khí hay làm thuốc?” Minh sững, không trả lời được ngay, vì anh chưa từng nghĩ sự thật cũng có hai cách dùng: có thể dùng để chữa, cũng có thể dùng để đập; Minh nói bừa, như tự cứu mình khỏi im: “Em chỉ muốn họ thôi ác.” An gật nhẹ, rồi nói câu khiến Minh im hẳn, im như có ai đặt một viên đá ngay giữa lồng ngực: “Đừng lấy đời người ta ra thắng thua.” Minh nhìn An, tưởng mình nghe nhầm, nhưng An lặp lại chậm hơn, từng chữ rõ ràng: “Mi đừng lấy đời cụ Lợi, đời cô Thủy, đời mạ mi… ra làm một trận thắng thua với thiên hạ.” Câu nói ấy không to, nhưng nó có trọng lượng của người đã chứng kiến đủ cảnh người ta lấy cái chết của người khác làm lý do để lên tiếng, lấy nỗi đau của người khác làm nội dung để kiếm lượt xem, lấy sự thật của người khác làm cờ để kéo nhau về phe. Minh đứng đơ, cái tức trong lòng anh vẫn còn, nhưng nó bị câu đó chặn lại như bị chặn trước một vách đá: đúng, anh đang muốn “thắng” dư luận, nhưng thắng để làm gì, khi cụ Lợi đang cần oxy, đang cần thuốc, đang cần một chuyến xe qua đường tràn; đúng, anh muốn “gỡ” tội danh bất hiếu cho cô Thủy, nhưng gỡ bằng cách kéo thêm hình ảnh của cô lên mạng, nghĩa là cởi một lớp áo bẩn bằng cách lột trần người ta trước chợ. Minh nói nhỏ, như chống chế: “Nhưng nếu mình không nói, họ cứ hiểu sai…” An nhìn thẳng: “Hiểu sai là việc của họ. Việc của mình là làm đúng.” Rồi An nói thêm, giọng trầm xuống, như một lời triết lý rút từ mưa nắng miền núi chứ không phải từ sách: “Có những lúc, nói để đúng không quan trọng bằng làm để đúng. Đúng không phải là cái bảng treo trước cửa. Đúng là cái mình chịu được khi đêm xuống.” Minh nghe “khi đêm xuống” mà nhớ những đêm trực, nhớ tiếng ho cụ Lợi, nhớ cô Thủy úp điện thoại mà tay vẫn run, nhớ mạ Hường quay mặt đi lau nước mắt. An dựa lưng vào tường hành lang, mắt nhìn xa như nhìn qua cơn mưa nguồn về phía núi, rồi An nói tiếp, câu chữ ít nhưng sâu: “Mi biết vì sao bão dư luận nguy

hiểm không? Vì nó biến đời người thành trò chơi. Người ta chọn phe như chọn đội bóng. Thắng thì hả hê. Thua thì chửi tiếp. Còn người trong cuộc thì vẫn đau, vẫn chết, vẫn mang tiếng." Minh cúi đầu, thấy cổ họng nghẹn. An nói: "Đời người không phải sân đấu. Người sắp đi không phải quân cờ." Minh muốn phản bác rằng anh chỉ muốn bảo vệ, nhưng anh biết có một ranh giới mỏng giữa bảo vệ và sử dụng: khi anh muốn "lên tiếng" cho đúng, nếu anh dùng hình ảnh cụ Lợi, dùng nước mắt cô Thủy, dùng câu xin về núi làm chứng cứ để tranh luận, anh đã biến họ thành phương tiện cho mục tiêu của mình—dù mục tiêu đó là "đúng"; Minh nhớ lời chị Hạnh: tạo chỗ cho người ta nói, đừng ép; và anh chợt hiểu, "đừng lấy đời người ta ra thắng thua" cũng là một dạng của "xin phép", xin phép trước khi dùng câu chuyện của người khác để làm bất cứ điều gì. Minh thở ra, giọng mệt: "Vậy mình cứ để họ chửi?" An lắc: "Không phải để. Mình chọn lúc. Chọn cách." Minh ngẩng lên. An nói: "Nếu cần giải thích, giải thích bằng kênh chính thức, bằng người có trách nhiệm, bằng lời nói không làm lộ đời tư. Nhưng mi đừng lấy cái đau của cụ ra làm đạn. Mi bắn trúng ai chưa biết, nhưng chắc chắn cụ đau thêm." Minh im. Một câu triết lý khác của An rơi xuống, nhẹ mà sắc: "Nhiều người tưởng công lý là nói cho lớn. Nhưng đôi khi công lý là giữ yên cho người yếu." Minh nghe mà cay mắt, vì anh nhớ lúc cụ Lợi hỏi "mi quay chi" và nói "tau không phải con cá cho người ta coi", câu đó đơn sơ mà thật, nó đã là một bản tuyên ngôn về phẩm giá; Minh nhìn vào cửa phòng cụ Lợi, thấy qua khe cửa ánh đèn dịu, nghe tiếng máy oxy thở đều đều, nghe tiếng An vừa nói mà như nghe tiếng núi gọi: "về." Minh bỏ điện thoại xuống túi, bàn tay anh vẫn run, nhưng run bây giờ không còn vì tức, mà vì nhận ra mình suýt bước vào cái bẫy của thời cuộc: biến đau thành nội dung, biến người thành bằng chứng, biến đạo hiếu thành khẩu hiệu. An quay người định vào phòng, rồi dừng lại, nói thêm một câu, như đóng đinh: "Mi muốn thắng thì thắng cái yếu của mi trước; thắng cái sĩ diện muốn được thiên hạ công nhận. Ở đây, người ta đi đến cuối không cần thiên hạ công nhận. Người ta chỉ cần một người ở cạnh." Minh nhìn An, trong một giây thấy rõ nét đẹp của người con gái Hà Tĩnh: không phải đẹp vì lời hoa, mà đẹp vì cái vững, cái vững được rèn từ gió Lào, từ mưa nguồn, từ nghèo khó, từ những ngày nói ít mà làm nhiều; Minh muốn nói "em hiểu rồi" nhưng lời không bật ra, anh chỉ gật, một cái gật nặng và thật, rồi bước theo An vào phòng, bởi vì trong lúc bão ngoài kia còn gào, việc quan trọng nhất không phải là thắng ai, mà là kịp chuyến về núi cho một người già đang ôm món nợ danh dự như ôm than hồng, và Minh hiểu, đôi khi trưởng thành là biết đặt điện thoại xuống để đặt tay mình đúng chỗ: chỗ người khác cần mình, chứ không phải chỗ đám đông cần một câu chuyện để thắng thua.

Chương 18: Kế hoạch về núi: oxy, thuốc, và đường vòng

Kế hoạch về núi không bắt đầu bằng câu "đi thôi", mà bắt đầu bằng một danh sách dài những thứ nhỏ xíu, mỗi thứ nhỏ xíu lại có thể quyết định một hơi thở. Minh đứng ở phòng trực nhìn chị Hạnh trải hồ sơ ra bàn, cảm giác như đang nhìn một tấm bản đồ chiến trận:

chỗ nào cần ký, chỗ nào cần đóng dấu, chỗ nào phải gọi điện, chỗ nào phải chuẩn bị sẵn để khi biến cố xảy ra thì không ai hoảng mà làm sai. Ngoài hành lang, bão dư luận vẫn còn lẩn quẩn trong những ánh nhìn và tiếng xì xào, nhưng bên trong phòng trực, mọi thứ được kéo về đúng trục: cụ Lợi muốn về, đường đang bị mưa nguồn cắt dần, thời gian đang mỏng đi như giấy ướt. Chị Hạnh gõ đầu bút xuống bàn, giọng không to mà gọn: "Mình không tranh cãi. Mình không 'gỡ' trên mạng. Mình làm cho cụ về an toàn nhất có thể. Tụi em nghe rõ chưa?" An đáp "dạ" như một cái chốt khóa. Minh cũng "dạ", nhưng cái "dạ" lần này của Minh có vị mặn: vị của những thứ biết rồi mà vẫn sợ. Chị Hạnh đẩy về phía Minh một tờ giấy in: "Danh sách thuốc mang theo và hướng dẫn xử trí trên đường. Em cầm. Đọc. Không hiểu chỗ nào hỏi ngay." Minh cầm tờ giấy, nhìn những dòng chữ: giảm đau nền, thuốc cắt cơn, thuốc chống nôn, thuốc chống lo âu, thuốc dự phòng khó thở, liều lượng, khoảng cách… chữ nào cũng như một cái đinh đóng vào đầu: đây không còn là chuyện "thăm bệnh", đây là "đưa người về nhà" trong điều kiện bất thường, qua đoạn đường bất thường, với một cơ thể đã mệt. An kê ghế ngồi sát, cầm bút tô nhanh vài chỗ: "Mi nhớ ba chỗ này. Một là đau tăng. Hai là khó thở. Ba là hoảng." Minh gật, mắt chạy theo nét bút của An, thấy ở An có một sự bình tĩnh như đá núi: đá không hết sợ, đá chỉ biết đứng cho vững.

Chị Hạnh quay sang mạ Hường và cô Thủy đang ngồi đối diện. Mạ Hường mặc áo mưa cũ, vai áo còn ẩm, nhìn quanh như người sợ thiếu mất thứ gì mà không biết thiếu gì. Cô Thủy thì ôm túi giấy tờ, mắt sưng, nhưng ngồi thẳng hơn hôm qua đó là cái thẳng của người vừa khóc xong và không còn đường lùi. Chị Hạnh nói thẳng vào trọng tâm, không dùng chữ vòng: "Chị Hường, cô Thủy. Nếu đưa cụ về, mình cần ba nhóm thứ: giấy tờ, thuốc, và oxy. Và một thứ nữa: đường đi." Cô Thủy khẽ hỏi, giọng khàn: "Oxy… mình mang kiểu chi chị?" Chị Hạnh kéo một tờ khác ra, trên đó là hình bình oxy và thông số: "Bình oxy di động. Đủ dùng cho đoạn đường dự kiến. Nhưng phải tính dư. Mưa nguồn, kẹt đường, có thể lâu hơn. Mình liên hệ kho vật tư cho mượn bình. Nhưng phải có người biết chỉnh van, biết theo dõi." An nói ngay: "Con theo." Chị Hạnh gật: "Được. An đi kèm. Minh đi kèm. Nhưng Minh, em phải chịu trách nhiệm phần gọi đường, cập nhật tình trạng trạm y tế xã, và giữ liên lạc." Minh nghe chữ "chịu trách nhiệm" mà thấy ngực mình nặng. Trước đây Minh tưởng trách nhiệm là điểm số và kỳ thi. Bây giờ trách nhiệm có tiếng thở.

Ngoài cửa phòng trực, tiếng giày dép rón rén. Minh ngẩng lên thấy Tùng—đứng như một cái bóng, tay cầm túi đồ, mắt không còn hăng như hôm qua. Tùng đưa túi cho Minh, nói nhỏ, hụt hơi vì chạy: "Tao mua rồi. Pin dự phòng, khăn giấy, băng dán, áo mưa dày, chai nước ấm… với thêm mấy cái găng tay." Minh nhận, trong lòng có một thứ mềm lại. Tùng nhìn An và chị Hạnh, cúi đầu: "Em xin lỗi vụ hồi nãy. Em… nóng." Chị Hạnh chỉ "ừ" một tiếng, coi như đóng lại, rồi nói luôn: "Nếu em muốn giúp, ra quầy dưới hỏi thử xem thuê xe nào đi được đường đèo trong mưa, ưu tiên xe gầm cao. Nhưng nhớ: không nói linh tinh, không quay." Tùng gật mạnh, quay đi ngay như chuộc lỗi bằng chân.

Kế hoạch bắt đầu chạy bằng những cuộc gọi. Chị Hạnh gọi phòng Công tác xã hội để hỗ trợ thủ tục và liên hệ trạm y tế địa phương. An gọi kho vật tư xin bình oxy, dây, ống nối, nẹp mũi dự phòng. Minh gọi dì Bảy ở quê để hỏi tình hình mưa và đường, hỏi đoạn nào ngập, đoạn nào còn qua được. Dì Bảy nghe máy, gió rít trong ống nghe, giọng dì khàn: "Mi nghe dì nói, đường vô bản chỗ cầu cạn sắp không qua được. Nhưng còn đường vòng qua xã bên, xa hơn, vòng qua đồi chè, đường đất đỏ trơn, nhưng nếu đi sớm thì còn kịp." Minh nhìn An, đưa loa ngoài cho An nghe. An hỏi nhanh, đúng kiểu người địa phương: "Đường vòng qua đồi chè có tràn không dì?" "Có tràn nhỏ, nhưng nước chưa xiết. Mà mưa nữa thì không biết." Dì Bảy nói như nhai chữ: "Mi muốn về, phải đi trước khi trời tối hẳn. Đêm ni nước lên nhanh." Minh nghe "đêm ni" mà tim rớt một nhịp. Đêm ở miền núi mưa nguồn không phải là bóng tối bình thường. Nó là bóng tối có tiếng nước kéo đá, có tiếng cây gãy, có tiếng gọi nhau mà gió thổi bay. Minh nhớ mùi bùn trong ký ức, nhớ chân trần trượt, nhớ mạ gào tên anh ngoài cửa.

Chị Hạnh cúp máy, nhìn đồng hồ, rồi nhìn cả nhóm như nhìn một hàng quân: "Mình đi sớm nhất có thể. Nhưng phải hoàn tất giấy ra viện và thuốc. Cô Thủy xuống ký thêm một số mục. Chị Hường chuẩn bị đồ cá nhân cho cụ: khăn, áo, giấy tờ tùy thân. Đừng mang nhiều. Mang vừa đủ. Lúc lên xe, mọi thứ lỉnh kỉnh là nguy hiểm." Mạ Hường gật, tay mạ siết góc áo mưa. Cô Thủy hỏi, giọng run: "Chị... nếu trên đường bố em khó thở..." Chị Hạnh nhìn thẳng, nói thật như đóng cọc xuống đất: "Mình có oxy. Có thuốc. Có An theo dõi. Nhưng vẫn có rủi ro. Tôi không hứa. Tôi chỉ hứa làm đúng và làm nhanh khi có dấu hiệu." Cô Thủy im, rồi gật. Đôi khi người ta không cần lời hứa. Người ta cần một người dám nói thật để bám vào.

Minh được giao một việc tưởng nhỏ mà hóa ra là xương sống: cập nhật đường. Anh chạy xuống tầng một hỏi bảo vệ và mấy bác tài hay đứng cổng bệnh viện. Những người này nghe tin mưa là họ có mạng riêng của họ: đường nào tắc, tràn nào xiết, đoạn nào vừa sạt. Một bác tài đội mũ lưỡi trai, mặt nhăn như vỏ cây, nói: "Đi về Hà Tĩnh miền núi giờ phải cẩn thận. Nhiều xe khách không dám chạy. Muốn gầm cao thì thuê xe bán tải hoặc xe 7 chỗ máy khỏe. Nhưng nhớ đem dây kéo, phòng sa lầy." Minh nghe "sa lầy" mà thấy cái chữ ấy không chỉ ở đường, nó còn ở đời. Anh gọi lại cho Tùng, dặn rõ: "Tìm xe gầm cao. Có dây kéo. Tài xế quen đường mưa." Tùng "ừ" cái rụp, nghe như đã có mục tiêu để bám.

Trong khi đó, An vào phòng cụ Lợi. Minh theo vào. Cụ Lợi nằm nghiêng, mắt mở, nhìn ra cửa sổ như nhìn một hướng xa hơn cả bệnh viện. Trên ngực cụ, túi vải khói bếp vẫn nằm đó, mép túi xù lên như sợi khói cũ. Minh đứng cạnh giường, bỗng thấy nói gì cũng thừa. Cụ Lợi quay mắt sang, hỏi khàn: "Có xe chưa?" Minh đáp nhỏ: "Dạ... đang tìm. Đang làm giấy. Đang xin oxy." Cụ Lợi chớp mắt, như gật. Cụ hỏi tiếp, câu hỏi làm Minh nghe như một nhát: "Về kịp không?" Minh thấy cổ họng mình nghẹn. Anh nhớ lời An: đừng lấy đời người ta ra thắng thua. Nhưng đây không phải thắng thua. Đây là kịp hay không. Minh nói thật, giọng thấp: "Con... không chắc. Nhưng tụi con đang chạy." Cụ Lợi cười mỏng:

“Tau thích nghe chữ ‘không chắc’ hơn nghe chữ ‘chắc’. Người ta nói ‘chắc’ nhiều quá rồi.” Câu ấy làm Minh lạnh sống lưng. Bao nhiêu lần Minh đã nghe người ta hứa chắc với mạ? “Chắc hỗ trợ.” “Chắc giải quyết.” “Chắc được.” Để rồi mạ vẫn gánh. Cụ Lợi nhìn An: “Con An, con đi với tau hả?” An “dạ”. Cụ Lợi nhắm mắt, thở ra: “Vậy tau yên một nửa.” Nửa còn lại chắc là núi.

Ở hành lang, có tiếng ồn nhỏ. Họ hàng còn vài người chưa về, đứng tụm lại thì thầm. Minh lướt qua nghe được một câu: “Về giữa mưa lũ rứa là liều. Mà không về thì… dân mạng chửi nữa.” Minh thấy cái vòng kim cô của “tiếng” siết quanh cổ người ta: làm cái gì cũng mang tiếng, chỉ khác là mang tiếng kiểu nào. An đi ngang, chỉ liếc một cái rồi nói nhỏ với Minh: “Đừng nghe. Tai mi nghe nhiều là lòng mi rối.” Minh gật. Nhưng dễ nói, khó làm. Tiếng vẫn len vào như gió lùa qua cửa.

Tùng quay lại cuối buổi chiều, áo khoác ướt, mặt phờ, nhưng mắt sáng vì đã chốt được một thứ: “Có xe rồi. Một anh quen, chạy tuyến miền núi. Xe bán tải. Anh nói đi được đường vòng qua đồi chè.” Minh thở ra như vừa ngoi lên. Chị Hạnh nghe báo cáo, gật: “Tốt. Nhưng phải xuất phát trước 6 giờ tối.” Cô Thủy giật mình: “Sớm rứa hả chị?” Chị Hạnh nhìn thẳng: “Mưa nguồn. Nước không chờ. Trời tối, tràn nguy hiểm hơn. Đi sớm còn nhìn được dòng chảy, còn quay đầu nếu cần.” Mạ Hường nói khẽ: “Rứa… mình làm lẹ.” Mạ nói “làm lẹ” như nói “gắng sống”.

Từ đó, mọi thứ chạy như dây chuyền. An xuống kho vật tư nhận bình oxy. Minh đi lấy thuốc ở nhà thuốc bệnh viện theo danh sách chị Hạnh đã duyệt. Cô Thủy đóng khoản tạm ứng cuối cùng và ký giấy ra viện, tay vẫn run nhưng nhanh hơn. Mạ Hường về phòng trọ lấy thêm áo cho Minh và vài cái khăn, rồi quay lại như con thoi. Chị Hạnh kiểm tra lần cuối: liều thuốc nền đã dùng giờ nào, liều cắt cơn mang theo bao nhiêu, cách bảo quản, cách dùng nếu cụ hoảng. Chị dặn An từng câu, dặn Minh từng câu, dặn cả Tùng: “Em không đi theo xe nếu không cần. Xe chật. Nhiều người rối. Em đi xe máy theo sau, chở đồ dự phòng, hoặc ở lại phụ liên lạc.” Tùng gật, không cãi. Tùng đã hiểu: giúp đúng là biết đứng đúng chỗ.

Đến lúc chuẩn bị chuyển cụ Lợi xuống xe, Minh mới thấy cái “kế hoạch” không còn là chữ. Nó là thân người thật. Hai điều dưỡng phụ đưa cáng đến. Cụ Lợi nhìn cái cáng, khẽ nhíu mày: “Cáng làm chi. Tau đi được.” An cúi xuống, giọng mềm nhưng chắc: “Cụ, cụ đi là cụ mệt. Cụ mệt là cụ khó thở. Mình đi cáng cho an toàn.” Cụ Lợi thở ra, như chịu. Minh thấy trong ánh mắt cụ có một chút tủi: người già sợ nhất là bị đặt lên cáng như một món đồ. Minh nhớ điều một: xin phép. Minh cúi sát, nói nhỏ: “Cụ… tụi con chuyển cụ xuống cáng nghe. Để cụ đỡ mệt.” Cụ Lợi nhìn Minh, chớp mắt. “Ừ.” Một tiếng “ừ” nhẹ như gió, nhưng đủ để Minh thấy mình không kéo cụ đi; mà đang đi cùng.

An kiểm tra nẹp mũi oxy, chỉnh lưu lượng thấp vừa đủ, dặn Minh: “Mi nhìn màu môi. Môi tím là tăng. Mi nghe tiếng thở. Rít là nguy.” Minh gật, trong đầu lặp lại như học

thuộc lòng cho khỏi hoảng. Cô Thủy đứng cạnh, tay nắm mép cáng, hỏi run: “Bố… bố đau không?” Cụ Lợi mở mắt, nhìn con gái, giọng khàn: “Đau. Nhưng tau về.” Cô Thủy bật khóc một tiếng, rồi cắn môi để nín. Mạ Hường đứng phía sau, mắt đỏ, nhưng mạ không khóc. Mạ như một cái cọc giữa lũ: nếu mạ ngã, ai đứng.

Khi cáng lăn ra hành lang, Minh cảm thấy ánh mắt dồn về như nước chảy. Người nhà bệnh nhân hai bên đường nhìn theo; có người thương, có người tò mò, có người lẩm bẩm “đó, người trong video đó”. Minh nghe thấy, tim nhói, nhưng An đi bên cáng, không đổi nhịp. Chị Hạnh đi trước mở đường, giọng nói ngắn: “Xin nhường lối.” Một câu nói bình thường, nhưng lúc ấy như một lưỡi dao rạch đám đông ra để một người già có chỗ đi.

Tới thang máy, An bỗng nói nhỏ, như nhắc Minh một triết lý không viết trong giáo trình: “Có những đoạn đời, mình chỉ cần tạo lối đi. Không cần tạo tiếng.” Minh gật. Điện thoại trong túi rung một cái, có thể lại là link, lại là bình luận. Minh không mở. Anh nhớ câu An: đừng lấy đời người ta ra thắng thua. Mở điện thoại lúc này là tự kéo mình ra khỏi cái lối đi đang phải giữ.

Ra tới sảnh, trời sẫm lại. Mưa đã ngớt nhưng gió lạnh, mặt đường bóng dầu. Xe bán tải đỗ sát cổng. Tài xế là một người đàn ông khoảng bốn mươi, mặt sạm, mắt nhanh, nhìn bình oxy và cáng rồi hỏi ngay: “Đi đường vòng hả?” Minh gật. Anh ta nói gọn: “Lên xe nhanh. Trời ni nó đổi cái rẹt.” Chị Hạnh trao đổi nhanh với tài xế về điểm dừng dự kiến, đoạn nguy hiểm. An leo lên cabin sau, chuẩn bị chỗ đặt cáng. Bình oxy được cố định bằng dây. Thuốc được đặt trong túi riêng. Giấy tờ nằm trong túi chống nước.

Cụ Lợi được chuyển từ cáng bệnh viện lên băng ghế phía sau xe, nằm nghiêng, có đệm, có dây an toàn. An ngồi sát, một tay giữ bình oxy, một tay giữ cổ tay cụ. Minh lên xe phía trước, ngồi cạnh tài xế để dẫn đường và liên lạc. Mạ Hường và cô Thủy ngồi hàng ghế sau, sát cụ. Tùng đứng ngoài cửa xe, đưa thêm túi đồ, nói nhanh: “Tao chạy xe máy theo sau. Có gì gọi.” Minh nhìn Tùng, gật mạnh. Trong cái gật đó có cả lời cảm ơn và lời nhắc: đừng làm sai nữa.

Trước khi xe lăn bánh, chị Hạnh đứng ở cửa, nhìn thẳng vào Minh và An: “Nhớ: an toàn là một. Nếu nước xiết, quay đầu. Đừng cố. Người ta chết vì cố nhiều hơn vì sợ.” Minh nghe câu ấy như một cái đinh đóng vào trán. Chị Hạnh nói thêm, giọng hạ xuống: “Và… đừng để tiếng ngoài kia làm mình quên: người quan trọng nhất là người đang thở trong xe.” An đáp “dạ”. Minh cũng “dạ”. Xe nổ máy. Âm thanh máy dầu trầm như tiếng đất rung.

Cửa bệnh viện lùi lại phía sau. Bậc thềm trắng, hành lang, quầy thu ngân, những tiếng quát, những bình luận; tất cả bị bỏ lại như một lớp sương. Nhưng Minh biết chúng chưa hết. Chúng sẽ bám theo về tận núi. Dư luận không có biển báo “dừng lại”. Nhưng Minh cũng biết, có một thứ mạnh hơn dư luận: một chuyến xe đang chạy vì một lời xin về.

Đường ra khỏi phố còn dễ. Nhưng Minh đã nhìn thấy trong đầu đoạn khó: đường vòng qua đồi chè, đường đất đỏ, tràn nhỏ, bùn lỏng như cháo, nước đục như cà phê loãng. Minh nhìn gương chiếu hậu: Tùng chạy xe máy theo, áo mưa bay phập phồng. Xa hơn là một khoảng trời xám như tro.

An ngồi sau, cúi sát cụ Lợi, nói nhỏ: "Cụ thở đều nghe." Cụ Lợi chớp mắt. Mạ Hường đưa tay chỉnh lại chăn cho cụ, không nói. Cô Thủy nắm tay bố, môi mấp máy như cầu nguyện.

Minh quay sang tài xế, hỏi: "Anh ơi, đoạn tràn đầu tiên cách đây bao xa?" Tài xế đáp gọn: "Khoảng hai mươi cây. Tới đó mình xem nước." Minh nhìn ra phía trước, con đường như một dải băng đen ướt, kéo dài vào bóng chiều.

Kế hoạch về núi lúc này không còn nằm trên giấy. Nó đang lăn trên bánh xe, rung theo ổ gà, nghiêng theo khúc cua, thở theo nẹp oxy. Và trong khoảnh khắc ấy, Minh bỗng hiểu một triết lý đơn giản mà sâu: đời người nhiều khi không được quyền chọn bão có đến hay không, nhưng có thể chọn cách đi trong bão; đi bằng sự tỉnh táo, đi bằng tay nắm chặt đúng chỗ, đi bằng việc biết vòng đường khi đường thẳng đã ngập.

Xe rẽ khỏi quốc lộ, bắt đầu vào đường nhỏ. Bùn đỏ đã lấm tấm. Mùi đất ẩm thốc vào mũi qua khe cửa. Minh nghe tim mình đập, nhưng lần này không phải nhịp hoảng. Là nhịp tập trung. Anh không thắng ai. Anh không thua ai. Anh chỉ đang đi và đi để cho kịp.

Chương 19: Xe khách đêm, kính mờ, tim đếm từng nhịp

Đến khi trời sụp hẳn xuống màu chì, Minh mới hiểu vì sao người miền núi sợ nhất là "đi đêm mưa nguồn". Ban ngày còn nhìn thấy nước đục đang bò qua mặt đường, còn nhìn thấy dòng chảy xiết hay lừ đừ để mà tính, chứ đêm xuống thì mọi thứ chỉ còn lại tiếng: tiếng lốp xe nghiến lên bùn đỏ, tiếng gió quất vào mui, tiếng nước rì rầm như một con vật nằm phục dưới chân đèo. Xe bán tải của anh tài xế chạy được tới đoạn ngã ba lớn thì bị chặn bởi một hàng người đứng dưới ánh đèn vàng, áo mưa loang nước, tay cầm đèn pin lia lia như cắt sương. Một chú công an xã bước ra, giơ tay ra hiệu dừng: "Đường vô Hương Khê qua cầu cạn ngập rồi, xe nhỏ đừng cố. Bên kia vừa có xe trượt. Muốn vô sâu phải vòng qua tuyến xe khách đêm, có xe quen đường, gầm cao, chạy theo đoàn." Anh tài xế quay lại nhìn Minh, mắt nhanh: "Cố nữa là liều. Xe tui đi sâu không kịp quay đầu. Mi muốn đưa cụ về, phải đổi xe."

Hai chữ "đổi xe" nghe nhẹ mà như cắt một khúc ruột. Đổi xe nghĩa là bốc lại bình oxy, bốc lại người già đang mệt, bốc lại nỗi lo lên một phương tiện khác, giữa đêm và giữa mưa. Nhưng Minh quay đầu nhìn hàng ghế sau: cụ Lợi nằm nghiêng, nẹp oxy trắng nổi trên gò má xạm, đôi mắt cụ mở hờ như giữ lấy một sợi dây tỉnh táo; mạ Hường ngồi sát, hai tay ôm chặt góc chăn, mặt mạ xanh vì gió điều hòa lùa qua khe cửa; cô Thủy nắm tay bố,

ngón tay trắng bệch; còn An ngồi cạnh bình oxy, tay đặt đúng chỗ như một cái neo. Minh nghe giọng An nhỏ mà chắc: “Đổi xe. Đừng cố.”

Ở bãi đỗ tạm ven đường, xe khách đêm đang nổ máy chờ, thân xe dài, sườn bám bùn như vừa bơi qua một con suối đất. Đèn trong xe vàng đục, chiếu qua kính đã mờ sương tạo thành một thứ ánh sáng lẫn lộn giữa ấm và buồn. Tài xế xe khách là người đàn ông mặt sạm, cằm lún phún râu, đội mũ lưỡi trai kéo thấp; anh ta nhìn bình oxy, nhìn cụ Lợi, rồi nhìn Minh: “Có giấy ra viện chưa?” Minh chìa túi giấy chống nước. Anh ta gật: “Lên. Nhưng lên nhanh. Đoàn chạy, đứng lâu là kẹt.”

Cảnh chuyển người giữa đêm giống như chuyển một bếp lửa trong gió: chỉ sơ sẩy một chút là tắt. An xin phép cụ Lợi trước, giọng sát tai: “Cụ, tụi con bồng cụ qua xe khách. Cụ ráng thở đều. Con ở đây.” Cụ Lợi chớp mắt, bàn tay vẫn giữ chặt túi vải khói bếp như giữ một lời hẹn. Minh và anh tài xế bán tải, thêm một phụ xe, nâng cụ lên. Thân cụ nhẹ hơn Minh tưởng—nhẹ như người đã bỏ lại nhiều thứ trong đời, chỉ còn giữ cái cần giữ. Minh bồng cụ mà thấy xương cụ cộm qua lớp áo, thấy nóng của da cụ và lạnh của gió đêm va nhau ngay trong lòng mình.

Bước lên bậc xe khách, Minh chợt nhớ những chuyến xe đêm hồi bé đi cùng mạ: kính mờ, mùi dầu, mùi áo mưa, tiếng người ho khẽ, tiếng trẻ con ngủ gục. Nhưng lần này, chiếc xe đêm không chở một gia đình đi kiếm sống; nó chở một người về nhà lần cuối.

Phụ xe dọn một khoảng ở hàng ghế sau cùng, chỗ ít xóc hơn. Bình oxy được cố định bằng dây thun và khăn. An ngồi sát cụ Lợi, một tay giữ nẹp mũi, một tay đặt lên cổ tay cụ để cảm nhịp mạch. Mạ Hường ngồi phía chân, lưng thẳng như cố đỡ cho cả ghế khỏi rung. Cô Thủy ngồi bên cửa sổ, tay vẫn nắm tay bố, mắt nhìn ra ngoài như nhìn mưa mà cũng như nhìn thời gian. Minh ngồi phía trước vài hàng, ngay sau ghế tài xế để nghe đường và kịp phản ứng, nhưng mắt cứ ngoái về phía sau mỗi lần xe xóc.

Xe lăn bánh.

Đêm miền núi không có nhiều ánh đèn. Con đường chỉ được cắt ra khỏi bóng tối bằng hai vệt sáng của đèn pha và một dải phản quang loang loáng nước. Kính xe mờ sương, mỗi lần phụ xe quệt tay lên lại để lộ một khung cảnh ngoài kia: rặng cây đen sì lùi nhanh, khe suối trắng bọt, những mái nhà thấp thoáng như bơi trong sương mưa. Trong xe, người ta nói nhỏ. Nói như sợ đụng vào đêm. Thỉnh thoảng một tiếng “rẹt” của cần gạt mưa kéo ngang kính, nghe như ai đó gạch một đường lên bầu trời.

Minh không ngủ. Anh không dám ngủ. Anh thấy mình như đang ngồi giữa một đồng hồ lớn mà kim giây là nhịp thở của cụ Lợi. Mỗi khi xe xóc, Minh lại nhìn đồng hồ trong đầu: có khó thở không, môi có tái không, tay có lạnh không. An thỉnh thoảng ngẩng lên nhìn Minh một cái, rất nhanh, như gửi một tín hiệu: “Ổn.” Minh gật lại, cũng rất nhanh, như sợ làm rung sự “ổn” ấy.

Cụ Lợi bỗng nói, giọng khàn, như nói cho riêng mình mà cả xe nghe thấy: “Kính mờ ri… như sương núi.” An cúi sát: “Dạ, cụ. Mình đang gần núi rồi.” Cụ Lợi cười nhẹ, nhưng nụ cười không thành hình vì môi khô: “Tau… nghe mùi đất.” Mùi đất ở đâu? Mùi đất là mùi bùn đỏ bám trên lốp, mùi mưa ngấm vào áo mưa, mùi sương quện vào tóc. Nhưng với người sắp về, mùi đất là một thứ ký ức có thể cầm được.

Minh thấy cổ họng mình nghẹn lại. Anh tự hỏi: có phải khi người ta gần tới nơi mình thuộc về, mọi giác quan đều nhạy hơn không—hay chỉ vì thời gian ít lại nên mọi thứ đều trở nên quý.

Xe qua một khúc cua gắt. Cả thân xe nghiêng. Mấy người khách phía trước kêu “ui” một tiếng rồi lại im. Minh thấy tim mình đập mạnh, không phải vì sợ lật, mà vì anh nghe tiếng thở của cụ Lợi đổi nhịp—nhanh hơn một chút. An lập tức đặt tay lên vai cụ, giọng thấp: “Cụ thở chậm. Con đếm với cụ. Một… hai… ba…” Minh cũng tự đếm theo, trong lòng đếm như người đếm tiền lẻ cuối tháng, chỉ khác là lần này đếm không phải để trả nợ, mà để giữ một hơi thở.

Đêm dài ra theo cách lạ lùng. Nó không dài vì nhiều sự kiện, mà dài vì mỗi phút đều có thể thành phút quan trọng. Minh nhìn kính mờ, nhìn bóng mình phản trên đó: một thằng con trai gầy, mắt thâm, mặt căng, đang học cách trưởng thành bằng việc ngồi nghe tiếng oxy và tiếng mưa. Anh chợt hiểu một triết lý đơn giản mà sâu: có những chuyến đi, người ta không đo bằng cây số; người ta đo bằng nhịp tim mình có giữ được bình tĩnh hay không.

Ở một bến dừng tạm, phụ xe hô nhỏ: “Nghỉ năm phút. Ai đi vệ sinh đi nhanh.” Minh nhảy xuống, gió lạnh tạt vào mặt như tát. Anh chạy tới chỗ An, hỏi gấp: “Ổn không chị?” An gật: “Ổn. Nhưng…” An liếc bình oxy. “Đồng hồ xuống nhanh hơn dự tính. Đường xóc, cụ thở nhanh hơn. Mình phải tiết kiệm.” Minh nghe chữ “tiết kiệm” mà lạnh. Tiết kiệm ở đây không phải tiết kiệm tiền. Là tiết kiệm oxy để tiết kiệm sự sống.

An nói rất khẽ, như tránh làm mạ Hường hoảng: “Nếu tới tràn mà kẹt, có thể cạn.” Minh nuốt khan. Bên ngoài, mưa lấm tấm lại. Xa xa, tiếng nước như tiếng người thở dài.

Xe lại lăn bánh. Kính lại mờ. Tim Minh lại đếm từng nhịp từng nhịp….

Chương 20: Đường tràn và phút oxy cạn

Đường tràn hiện ra không ồn ào. Nó hiện ra bằng một mùi lạnh khác thường, rồi bằng ánh đèn pha dội lên mặt nước đục đang chảy ngang đường như một tấm khăn bẩn bị ai đó vắt qua. Xe khách phanh lại. Cả xe nghiêng về phía trước. Một tiếng “hừ” của động cơ như tiếng người nín thở.

Tài xế chửi thề rất nhỏ, không phải chửi ai, chửi trời: “Đúng là nước lên rồi.” Phụ xe nhảy xuống trước, đèn pin trên trán bật sáng, soi xuống dòng nước. Nước đục, có bọt, chảy không xiết như thác nhưng đủ mạnh để kéo trôi một bánh xe nếu lỡ trượt. Bên kia tràn, ánh đèn của một xe khác nhấp nháy; đoàn xe đang dừng, đang dò.

Trong xe, người ta bắt đầu xì xào. “Qua được không?” “Nước lên nữa thì sao?” “Chờ hay quay?” Những câu hỏi quen thuộc của đời miền núi: hỏi để bớt sợ, nhưng hỏi xong vẫn phải tự chịu.

Minh quay ngoắt về phía sau. Cụ Lợi vẫn nằm nghiêng, nẹp oxy vẫn đặt đúng, nhưng mắt cụ mở to hơn, như cảm nhận được sự dừng lại bất thường. An đang nhìn đồng hồ bình oxy. Mặt An không đổi, nhưng Minh thấy rõ một đường căng chạy ngang giữa hai chân mày.

An nói nhỏ, sát tai Minh khi Minh tiến lại gần: “Còn ít.” Minh nghe mà tai ù. “Ít” là bao lâu? Mười phút? Năm phút? Đủ để qua tràn không? Đủ để chờ đoàn không? Ở đây “ít” không chỉ là con số, nó là một lằn ranh.

Mạ Hường đã nhận ra. Mạ không hỏi “còn bao nhiêu” như người ta hỏi tiền, mạ chỉ nhìn An, ánh mắt mạ như bàn tay nắm lấy áo người khác: “Sao con?” An cúi xuống, nói đủ để mạ nghe mà không hoảng: “Còn. Nhưng mình phải nhanh. Chờ lâu không tốt.”

Cô Thủy ôm tay bố, giọng run: “Bố… bố chịu được không?” Cụ Lợi thở, nói khàn: “Tau… chịu.” Rồi cụ thêm, như tự nhắc: “Về.”

Tài xế quay vào xe, nói lớn đủ nghe: “Đoàn sẽ qua từng xe một. Xe tui qua sau xe kia. Ai có bệnh nhân nằm yên, không xuống. Nếu ai xuống làm xe nặng thêm thì nguy.” Nói xong, anh ta nhìn Minh ở hàng trước: “Nhà có bình oxy hả?” Minh gật. Tài xế gằn: “Vậy cầu trời cho xe qua nhanh.”

Minh chạy lên, ghé tai tài xế: “Anh, làm ơn ưu tiên giúp… người già đang thở oxy.” Tài xế không quay lại, chỉ đáp cộc: “Tui cũng muốn. Nhưng nước không nghe tui.” Câu đó làm Minh lạnh. Đúng. Nước không nghe ai. Lũ chỉ làm theo luật của nó.

Xe trước bắt đầu nhúc nhích. Đèn hậu đỏ rực, phản chiếu lên mặt nước đục thành những vệt đỏ như máu loãng. Xe bò xuống tràn, bánh xe chạm nước, nước bắn lên thành quạt, rồi xe nhích từng chút. Cả xe khách của Minh im phăng phắc. Không ai nói. Không ai ho. Không ai thở mạnh. Ai cũng sợ tiếng của mình làm rung thêm cái cảm giác mong manh.

An ngồi sát cụ Lợi, tay đặt lên cổ tay cụ. An nói nhỏ, gần như là thì thầm: “Cụ thở chậm. Đừng gồng.” Cụ Lợi nhìn An, chớp mắt. Minh nhìn đồng hồ oxy. Kim tụt chậm nhưng tụt, như một giọt nước rơi đều đều trong đêm.

Một phút. Hai phút. Ba phút.

Bên ngoài, xe trước qua được, nhưng chậm. Đoàn xe phải giữ khoảng cách. Mỗi khoảng cách là một phút. Mỗi phút là một nhịp tim của Minh tăng lên.

Mạ Hường bỗng hỏi, giọng khàn nhưng không run: "Có cách nào… cho bớt hao không?" An im một nhịp, rồi nói đúng như cách An vẫn nói—không màu mè, nhưng không làm người ta tuyệt vọng: "Mình giữ cụ yên. Cụ yên thì thở đều. Thở đều thì ít hao. Mạ đừng hỏi cụ nhiều. Đừng làm cụ hoảng." Mạ gật ngay, cắn môi, không nói thêm. Có những người đàn bà miền núi hiểu "đừng làm hoảng" như hiểu lửa: hoảng lên là tắt.

Một tiếng còi ngắn phía trước. Tới lượt xe của họ.

Tài xế siết vô-lăng, cài số. Xe rung lên một cái như con trâu chuẩn bị kéo cày. Phụ xe chạy trước, soi đèn pin xuống nước, ra hiệu: "Đi đúng vệt! Đừng lệch!" Tài xế nói lớn trong xe: "Ai nín thở thì nín. Đừng lắc. Đừng đứng. Giữ nguyên."

Minh bám vào lưng ghế. Xe bò xuống tràn. Bánh trước chạm nước. Cả thân xe như bị kéo chậm lại. Nước bắn lên, đập vào gầm xe, nghe "bụp bụp" như ai đang gõ cửa. Kính mờ rung. Đèn pha dội lên mặt nước, nước xoáy nhẹ quanh bánh như một bàn tay cố níu. Minh nghe rõ tim mình đập trong tai, đếm nhịp bằng nỗi sợ.

An cúi sát cụ Lợi, mắt không rời môi cụ. Minh nhìn thấy môi cụ nhạt hơn. Cụ thở nhanh hơn một chút, như bản năng khi nghe tiếng nước. An lập tức đặt tay lên ngực cụ qua lớp chăn, giọng thấp: "Cụ nhìn con. Con ở đây. Thở theo con." Cụ Lợi chớp mắt, cố làm theo.

Nhưng đúng lúc xe đang giữa tràn, một cú xóc bất ngờ—có thể do ổ gà dưới nước—làm cả xe giật mạnh. Cụ Lợi khẽ rên. Bình oxy rung. Kim trên đồng hồ tụt thêm một chút như bị ai giật.

An nhìn đồng hồ, rồi nhìn Minh. Minh thấy ánh mắt An đổi trong một khoảnh khắc rất nhanh: không phải sợ, mà là tính toán. An nói cực khẽ, chỉ đủ Minh nghe: "Sắp cạn."

Minh lạnh sống lưng. Xe còn đang giữa tràn. Chưa lên bờ bên kia. Không thể dừng. Không thể làm gì ngoài đi tiếp.

Tài xế gầm giọng: "Bám chặt! Gần tới!" Nước bên ngoài nghe như lớn hơn. Phụ xe ra hiệu lia lia. Xe nhích từng chút. Minh nhìn đèn hậu phía trước, nhìn vệt đường phản quang mờ mờ, nhìn bóng núi đen như thành. Anh không cầu "thắng", không cầu "đúng", không cầu "dân mạng hiểu". Anh chỉ cầu chiếc xe vượt qua đoạn nước này trước khi bình oxy im tiếng.

Và rồi….một tiếng "phì" nhỏ, rất nhỏ, như một tiếng thở hụt.

An cúi xuống, nhìn nhanh. Bình oxy đã gần như hết. Dòng oxy yếu đi. Nẹp mũi vẫn đặt đó, nhưng cái "thở" đều đều của bình đã không còn chắc. Minh thấy cổ họng mình co lại.

Cô Thủy nhận ra qua vẻ mặt An, bật lên: “Chị…?” An ra hiệu im, giọng cực thấp: “Đừng làm cụ hoảng. Đợi xe lên bờ.”

Một khoảnh khắc dài như một đời.

Bánh xe chạm phần đường khô. Xe bật lên khỏi nước. Tài xế đạp ga một chút cho qua đoạn bùn. Cả xe như vừa thoát khỏi một bàn tay lạnh. Có người thở phào thành tiếng. Có người lẩm bẩm “ơn trời”.

Nhưng với Minh, bờ bên kia không phải là “xong”. Bờ bên kia chỉ là nơi anh phải đối mặt ngay với sự thật: **oxy đã cạn**.

Tài xế vừa dừng hẳn ở bãi đất cao, Minh đã bật dậy quay xuống phía sau. An đang làm việc như một cái máy tỉnh táo: kiểm tra nẹp, kiểm tra bình, rút bình dự phòng nhỏ trong túi (loại An đã xin thêm từ kho vật tư), thao tác nhanh gọn dưới ánh đèn vàng bệt trong xe. Minh thấy tay An không run, tay An chỉ nhanh. An nói với Minh một câu ngắn như mệnh lệnh: “Đưa đèn điện thoại.” Minh bật đèn, chiếu vào đầu nối. An lắp, siết, nghe “tách” một tiếng. Một tiếng “tách” nhỏ mà Minh thấy như trời mở.

Luồng oxy lại chạy.

Cụ Lợi thở ra một hơi dài, như vừa đi qua một đoạn dốc không có tay vịn. Mạ Hường nắm chặt góc chăn, vai mạ rung nhẹ, đó không phải rung vì lạnh, mà vì vừa kìm một cơn hoảng. Cô Thủy úp mặt xuống tay bố, nước mắt rơi ướt cổ tay cụ mà không dám khóc thành tiếng. Minh ngồi thụp xuống băng ghế, hai chân bủn rủn như vừa chạy mấy cây số trong bùn.

An nhìn Minh, giọng vẫn thấp, nhưng có một lớp mệt mỏng: “Thấy chưa. Lúc nãy mà mình cãi nhau với thiên hạ, giờ không kịp làm cái này.” Minh gật, không nói được. Trong đầu Minh chỉ có một triết lý hiện ra rõ như chữ in: **đời người không chờ mình chứng minh. Đời người chỉ chờ mình có mặt đúng lúc.**

Tài xế quay xuống, hỏi nhanh: “Ổn chưa?” An gật: “Ổn tạm. Nhưng bình dự phòng nhỏ. Mình phải tới trạm y tế xã gần nhất để xin thêm hoặc sạc lại.” Tài xế gật, nói như cắt: “Lên. Đi tiếp. Trời ni không đứng lâu.”

Xe lại lăn bánh vào đêm. Kính lại mờ. Nhưng lần này, Minh không còn nhìn mưa như trước. Minh nhìn mưa như một thứ vừa thử họ một lần và sẽ còn thử nữa. Anh quay lại nhìn cụ Lợi: cụ vẫn ôm túi vải khói bếp, mắt mở hờ, nhưng ánh mắt bình hơn nó là bình của người đã đi qua một cơn thắt ngay trên đường tràn và vẫn chưa bỏ ý định về.

Minh hiểu: chuyến về núi không phải một đoạn đường. Nó là một chuỗi những lần oxy cạn, những lần tim đếm nhịp, những lần người ta phải chọn bình tĩnh thay vì hoảng, chọn làm thay vì nói. Và sau đường tràn này, còn bao nhiêu đường tràn nữa, Minh không biết.

Chỉ biết, mỗi lần xe rung, Minh lại đặt tay lên túi thuốc, nhìn bình oxy, nhìn An, nhìn mạ, nhìn cô Thủy và âm thầm đếm tiếp, không phải để sợ, mà để kịp thời gian.

Chương 21: Bếp lửa bản xa: chè xanh đặc và lời làng nặng

Xe khách đêm thả họ xuống ở một bãi đất cao gần trạm y tế xã khi trời còn chưa kịp sáng hẳn, sương mù dày như bông gòn nhét kín các lùm cây, mùi bùn đỏ bốc lên ngai ngái, lạnh mà quen; anh y sĩ trực đêm nhìn bình oxy, nhìn người già nằm nghiêng trên băng ghế rồi chỉ nói một câu ngắn gọn như người miền núi quen làm hơn quen hỏi: "Đưa vô đây đã," và trong căn phòng nhỏ có bóng đèn tuýp trắng nhạt ấy, An kiểm tra lại nẹp mũi, Minh đưa danh sách thuốc, cô Thủy đưa giấy ra viện, mạ Hường đứng sát cửa, áo mưa vẫn ướt, mắt mạ nhìn ra ngoài như nhìn đường về bản mà tim mạ đã chạy trước; họ xin được một bình oxy khác và vài vật tư dự phòng, không phải bằng tiền nhiều, mà bằng cái cách người vùng này hay sống với nhau….nói thật, trình bày rõ, và để người kia tự quyết; đến khi xe bán tải của một người quen trong bản tới đón, trời đã hửng một lớp sáng mỏng, nhưng mây vẫn treo thấp, núi vẫn đen và im, như một người già đang lắng nghe. Từ đường cái rẽ vào đường bản là một sự đổi giọng của đất: bánh xe không còn chạy trên nhựa mà chạy trên bùn, bùn đỏ dính thành mảng, bắn lên vè xe như ai đó ném đất, đường vòng qua đồi chè trơn như bôi mỡ, hai bên là những thân keo thẳng và ướt, lá rung nhẹ như rùng mình; mỗi lần xe xóc, Minh lại nghe tiếng bình oxy lách cách, tim anh lại đếm một nhịp, nhưng lần này không còn là hoảng nữa—là cảnh giác, kiểu cảnh giác của người đã biết "cạn" nghĩa là gì. Cụ Lợi nằm sau cabin, chăn trùm đến ngực, túi vải khói bếp vẫn ôm sát như ôm một mẩu tro, mắt cụ mở hờ, thỉnh thoảng cụ khẽ nói "rứa… gần rồi," như tự trấn an, như nói với núi chứ không nói với người; An ngồi sát, tay đặt lên cổ tay cụ, mắt nhìn môi, nhìn nhịp thở, giọng An nhỏ đều như tiếng ru không bài: "Cụ thở chậm. Con đây." Mạ Hường ngồi phía chân, bàn tay mạ nắm một góc chăn, nắm như nắm một sợi dây kéo cụ về đúng đất, còn cô Thủy thì im, im đến mức Minh nghe rõ tiếng nuốt nước bọt của cô mỗi khi xe nghiêng—sợ, nhưng không dám làm ai sợ thêm. Đến khúc cua cuối cùng, mùi khói bếp bất ngờ tràn vào xe—mùi củi ẩm, mùi rơm, mùi lá khô—một mùi không sạch như mùi bệnh viện, nhưng ấm, ấm đến mức Minh thấy mắt mình cay; bản xa hiện ra sau một dải tre, vài mái nhà lợp tôn thấp, vệt khói mỏng bay lên, con chó vàng chạy ra sủa hai tiếng rồi im như nhận ra người quen, và ngay lúc xe vừa dừng trước sân đất, đã có tiếng dép lẹp xẹp, tiếng người gọi tên như gió lùa: "Cụ về rồi à?" "Trời đất ơi, về thiệt rồi!" "Răng mà đi được giữa mưa rứa?" Tin lan trong bản nhanh hơn cả 4G; bão mạng còn chưa kịp tan thì bão làng đã đứng chờ sẵn ở ngõ, chỉ khác là bão làng không có icon giận dữ, bão làng có mặt người, có tiếng thở, có cái nhìn nghiêng nghiêng và những câu nói tưởng nhẹ mà nặng hơn đá.

Người ta xúm lại khi họ khiêng cụ Lợi vào nhà, không phải ai cũng xấu, nhiều người thương thật—thương kiểu làng: thương bằng hỏi "cụ đau không", thương bằng chạy đi đun nước, thương bằng tìm cái chăn dày hơn; nhưng thương của làng luôn đi kèm "tiếng" của làng, mà tiếng thì chẳng bao giờ đứng yên một chỗ, nó đi theo chân người vào tận bếp. Bếp nhà cụ Lợi đặt ở gian trái, bếp thấp, vách gỗ đen khói, tro dày, trên gác bếp treo mấy bó lá thuốc khô và một cái nồi nhôm cũ; khi An vừa đặt cụ xuống phản tre, mạ Hường vừa chỉnh gối, thì bà Sáu hàng xóm đã nhóm lửa, tay thoăn thoắt như lửa là thứ bà giữ cả đời: que nứa khô, nhúm rơm, vài thanh củi ẩm, thổi một cái, lửa bùng lên, đỏ và sống, tiếng nổ lách tách như tiếng lòng người quê; nước chè xanh được đun ngay, ấm nhôm reo, mùi chè dậy lên chát và thơm, cái mùi chát mà người miền núi quen uống để tỉnh, để chịu, để chống lại mệt; bà Sáu rót chè vào bát sành, nước xanh sẫm, đặc, có váng nhẹ, đưa cho Minh trước, giọng vừa thương vừa dò: "Uống đi con. Đi đêm mưa nguồn mà không có chè là xụi." Minh cầm bát chè, hơi nóng phả lên mặt, nhưng anh chưa kịp uống đã nghe ở cửa bếp tiếng người xì xào: "Coi chừng đó, trên mạng người ta nói... con Thủy ký giấy không cứu..." "Ờ, tui cũng thấy, người ta share rần rần, nhục cả họ..." "Nhưng cụ muốn về mà, nghe nói cụ xin..." "Xin là xin, nhưng ký cái giấy đó... nặng lắm..." Câu "nặng lắm" rơi vào bếp như nắm muối rơi vào nồi cháo. Minh đặt bát chè xuống, tim anh thót lên—bão dư luận đã tới đây bằng cách nhanh nhất: qua miệng người trong bản, qua cái điện thoại ở túi áo, qua sự thích "biết" của làng. Minh nhìn cô Thủy: cô ngồi sát mép phản, tay nắm tay bố, mặt tái đi, và Minh biết cô đang nghe từng chữ, mỗi chữ như một mũi gai chui vào da.

Cụ Lợi mở mắt. Không biết cụ nghe hết không, nhưng cụ nghe được "giọng". Người già vùng này nghe giọng là biết người ta đang "nói gì đó". Cụ khẽ ho, rồi nói chậm, khàn: "Bà con... uống chè đi. Đừng đứng đông... cụt thở." Câu nói vừa đùa vừa thật làm vài người cười gượng, vài người lùi ra, nhưng cái lùi của họ là lùi chân chứ không lùi lời. Một ông chú họ, mặt đỏ vì gió và vì cái quyền của họ hàng, bước vào bếp, nhìn cô Thủy như nhìn một bản án chưa tuyên: "Thủy, răng mi ký giấy rứa?" Cô Thủy giật mình, môi run, nhìn bố rồi nhìn mạ Hường, không biết trả lời sao cho khỏi bị kéo vào một cuộc cãi ngay trước mặt bố. Mạ Hường lên tiếng trước, giọng khàn mà dằn: "Cụ nói. Cụ muốn rứa. Mi hỏi thì hỏi cụ." Ông chú họ nhăn mặt: "Chị Hường, tui hỏi con Thủy. Con cái phải có hiếu. Răng lại ký 'không hồi sức' nghe chướng tai!" Câu "chướng tai" nghe như một cái tát. Minh thấy An đặt nhẹ bàn tay lên thành phản, như đặt một cái chốt để bếp không bùng thành cãi vã, rồi An nói gọn, rõ, không vòng: "Cụ đồng ý. Cụ không muốn bị ép tim, đặt ống thở trong đau. Ký là để cụ được yên." Ông chú họ bật lại: "Yên hay chết?" An nhìn thẳng: "Yên là yên. Chết là chuyện ai cũng tới. Nhưng đau thêm hay không là mình chọn được." Một câu thôi mà bếp im đi một nhịp. Im không phải vì người ta hiểu hết, mà vì câu ấy chạm đúng chỗ khó chịu nhất: người ta sợ đối diện sự thật rằng đôi khi giữ "hiếu" bằng mọi giá lại là giữ cái danh, còn người chịu thì là người nằm trên phản.

Bà Sáu đặt thêm củi, lửa bùng lên, ánh đỏ hắt lên vách gỗ làm khuôn mặt mọi người đỏ theo—đỏ của lửa, đỏ của ngại, đỏ của tức. Bà Sáu vừa rót chè vừa chặc lưỡi, nói như người biết chuyện đời: "Thôi, người ta đưa cụ về được là giỏi rồi. Đêm mưa tràn mà còn cố..." Một bà khác chen vào, giọng như muối: "Giỏi chi, giỏi mà bị thiên hạ chửi!" Nghe đến đó, cô Thủy bật ra một tiếng nhỏ, như sợi dây đứt: "Con... con ký theo ý bố..." Rồi cô không nói nữa, chỉ cúi xuống, nước mắt rơi vào mu bàn tay bố. Cụ Lợi nhìn con gái, ánh mắt cụ mềm đi một chút...mềm hiếm hoi.... rồi cụ quay ra phía cửa, nói khàn nhưng rõ: "Ai chửi thì chửi tau. Tau nói con Thủy ký. Tau còn sống, tau chịu." Trong bếp, vài người sững lại. Ở làng, hiếm khi người cha đứng ra "chịu" thay con trước miệng đời. Miệng đời thường bắt con chịu thay cha. Câu nói ấy làm không khí chùng xuống, như lửa bị ai đó đổ một gáo nước vừa đủ để không tắt mà chỉ bốt bốc.

Minh bưng bát chè lên, uống một ngụm. Nước chè đặc, chát đến se lưỡi, chát như chính cái "lời làng" đang se vào tim. Nhưng sau vị chát là một vị ngọt rất nhẹ, đến muộn, giống hệt đời người miền núi: ngọt không bao giờ đến đầu, ngọt đến sau khi đã nuốt chát. Minh nhìn bếp lửa. Lửa ở đây khác lửa bệnh viện, lửa bệnh viện là đèn, không có mùi; lửa bếp có mùi khói, có tiếng nổ, có tro bám vào tay, có ấm đi vào xương. Minh chợt hiểu một điều: người ta muốn về nhà lúc cuối đời không phải chỉ vì đất, mà vì lửa vì cảm giác được bao quanh bởi thứ ấm quen thuộc, dù ngoài kia lời làng có nặng.

Nhưng lời làng nặng thật. Nó không chỉ nằm trong câu hỏi "răng ký", nó nằm trong những cái nhìn liếc, trong những câu "nghe nói", trong sự phân chia vô hình: ai đứng về phía cụ, ai đứng về phía "tiếng". Một thằng bé trong bản chạy vào, cầm điện thoại, nói hớn hở như khoe trò: "Mạ ơi, cái video ni có cả triệu view!" Bà mẹ nó giật lấy điện thoại, vừa mắng vừa tò mò: "Im! Để đó!" Cái "để đó" nghe như một lời dặn, nhưng ánh mắt bà lại nhìn màn hình một cái—một cái nhìn đủ để bão mạng đặt chân vào bếp. Minh thấy lạnh dọc sống lưng. An thì vẫn ngồi cạnh cụ Lợi, như một bức vách. An nói nhỏ với Minh, giọng không trách mà nhắc: "Mi thấy chưa, về tới nhà rồi vẫn không yên nếu mình không giữ yên." Minh gật. Trong đầu Minh vang lại câu An ở bệnh viện: đừng lấy đời người ta ra thắng thua. Ở đây cũng vậy: nếu Minh cố "đấu" với làng, cụ sẽ lại thành cái cớ để người ta chia phe ngay trong sân nhà.

Cụ Lợi bỗng ra hiệu gọi Minh lại gần. Minh cúi xuống. Cụ Lợi nói rất khẽ, hơi thở vẫn mỏng nhưng mắt cụ sáng: "Mi nghe họ nói chi cũng kệ. Tau về được tới bếp là tau thắng rồi." Minh nghẹn. Cụ nói "thắng" mà không phải thắng ai. Thắng là thắng một đoạn đường, thắng cái sợ không kịp, thắng cái lũ đã muốn cắt lối. Minh nhìn túi vải khói bếp trên ngực cụ, bỗng thấy nó nhẹ hơn trước—như thể khi đã về tới bếp, món nợ danh dự bớt phần cô độc.

Ngoài sân, tiếng gà gáy lẫn trong sương. Trong bếp, lửa vẫn đỏ. Chè xanh đặc vẫn thơm chát. Và lời làng vẫn nặng, nặng như đá ướt, nhưng ít nhất, trong khoảnh khắc này, cụ Lợi

đang nằm trên phản tre của nhà mình, nghe tiếng củi nổ, ngửi mùi khói bếp, và thở hòa vào một hơi thở quê nhà, giữa hai cơn bão: bão nước ngoài kia và bão miệng người trong này.

Chương 22: Lời xin lỗi cuối cùng: trả một món nợ danh dự

Ở đời, có những món nợ người ta ghi vào sổ, đến hẹn thì trả, thiếu thì khất, lãi thì chồng, và ai cũng hiểu vì sao mình phải cúi đầu. Nhưng có một món nợ không ai ghi, không ngân hàng nào đòi, không giấy tờ nào bắt ký, vậy mà nó bám vào ngực người ta như một hòn than âm ỉ...ban ngày thì giấu được, đêm xuống thì nó đỏ lên, nóng đến mất ngủ. Người ta gọi nó bằng nhiều tên: "lỗi", "tội", "danh dự", "tiếng". Cụ Lợi gọi nó đơn giản hơn: "cái nợ".

Cụ Lợi nằm trên phản tre, bếp lửa bên kia vẫn rì rầm, tiếng củi nổ lách tách như nhắc rằng nhà vẫn còn ấm. Nhưng ánh mắt cụ không ở bếp. Ánh mắt cụ ở một chỗ xa hơn—chỗ mà tiếng làng đã đè xuống suốt mấy chục năm, chỗ mà câu nói lỡ miệng ngày xưa vẫn còn như mũi gai nằm dưới da. Minh ngồi cạnh, nghe cụ thở, nghe tiếng oxy nhỏ đều, và chợt hiểu một điều sâu sắc: con người có thể chịu đói, chịu rét, chịu bùn, chịu lũ, nhưng không dễ chịu một lời chưa nói xong. Lời chưa nói xong ấy không làm người ta chết ngay, nhưng nó làm người ta sống không yên.

"Minh..." cụ gọi khẽ.

"Dạ."

Cụ nhắm mắt một nhịp, rồi mở ra, giọng khàn nhưng rành rọt như người đặt viên đá cuối cùng lên mộ phần của mình: "Mi đưa tau qua nhà thằng Hậu."

Minh khựng lại. Cái tên "Hậu" nghe như một cánh cửa lâu nay khép, vừa được cụ đẩy ra. Minh nhìn An. An gật nhẹ. Mạ Hường ở góc bếp nghe thấy, không nói, chỉ đứng dậy lấy áo khoác cho cụ như lấy một thứ nghi lễ. Cô Thủy cũng đứng lên, muốn đi theo, nhưng cụ Lợi lắc đầu: "Con ở nhà. Để tau nói một mình." Nói "một mình" nhưng cụ vẫn nhìn Minh: nghĩa là "một mình" trong chuyện nợ, còn đường đi thì cần người giữ.

An dặn nhanh: "Áo ấm. Nẹp oxy. Bình dự phòng. Đi chậm." Rồi An quay sang Minh, giọng nhỏ như gửi một câu triết lý vào tai: "Trả nợ danh dự không cần đông người. Cần đúng người." Minh không đáp, chỉ gật.

Họ bồng cụ Lợi ra sân. Sương phủ thấp, cây cối ướt, đất mềm như vừa thở ra sau mưa. Làng sáng lờ mờ, ánh đèn hiên nhà nào đó vàng như lòng trứng. Người ta không tụm lại nhiều như lúc cụ vừa về—có lẽ bếp lửa đã hút bớt tò mò, hoặc có lẽ đêm qua miệng người

cũng đã mệt. Nhưng Minh vẫn cảm thấy những cái nhìn sau rèm, những tiếng "hừm" nhỏ, như gió qua lá. Lời làng luôn biết cách đứng ở một chỗ mà không lộ mặt.

Đường sang nhà Hậu chỉ vài trăm mét, nhưng Minh đi như đi qua một đoạn đời. Hai bên đường là hàng rào chè tàu, lá đẫm nước, bờ giậu thấp, những viên đá kê chân lồi lõm. Cụ Lợi nằm trên cáng nhỏ, mắt cụ nhìn lên trời sương, thỉnh thoảng cụ thở dài. Minh bước chậm, sợ xóc, sợ hụt. Nhưng anh biết, thứ cụ sợ hơn xóc là không kịp.

Nhà Hậu nằm cuối con dốc, tường gạch cũ, mái tôn, trước sân có cây bưởi và một cái chum nước. Đèn hiên hắt ra một quầng vàng mỏng. Minh nghe tiếng chó sủa một tiếng rồi im, như nhận ra khách không phải khách lạ. Minh chưa kịp gọi thì cửa đã mở.

Hậu bước ra.

Hậu gầy, tóc đã bạc lấm tấm, dáng đi chậm, mắt sâu. Minh thấy Hậu nhìn cái cáng, nhìn bình oxy, rồi nhìn thẳng vào mặt cụ Lợi. Hai ánh mắt chạm nhau như hai hòn đá đã nằm lâu dưới suối, nay được nhấc lên khỏi bùn.

Không ai chào ai kiểu xã giao.

Sự im lặng giữa họ không phải im lặng của xa lạ, mà là im lặng của những điều bị giữ quá lâu. Im lặng có thể là dấu hiệu của bình yên, nhưng cũng có thể là dấu hiệu của vết thương chưa khép. Và đôi khi, trong vết thương, người ta không đau vì máu, người ta đau vì cái phần chưa được gọi tên.

Cụ Lợi ra hiệu cho Minh dừng lại. Minh cúi xuống: "Cụ… vô nhà nói cho ấm không?"

Cụ Lợi lắc đầu. "Nói ở đây."

Ở đây, ngay dưới hiên, ngay trước sân đất, ngay chỗ người ta dễ nghe thấy nhất. Minh hiểu: cụ không muốn xin lỗi lén. Cụ muốn trả nợ ở nơi nợ phát sinh: dưới mắt trời và dưới tai làng. Danh dự, rốt cuộc, cũng là một thứ cần ánh sáng, dù ánh sáng có làm đau.

Hậu đứng im, tay bấu vào cạnh cửa. Giọng Hậu khàn: "Ông… về được rồi à."

Cụ Lợi gật, hơi thở mỏng: "Về."

Hậu nuốt nước bọt. "Về để… coi tụi nhỏ hay về để… thanh thản?"

Câu hỏi đó như một mũi kim: thanh thản hay không thanh thản. Người ta sống cả đời để gom một thứ gọi là "thanh thản", nhưng nhiều người đến cuối vẫn không có, vì còn mắc một chữ chưa nói.

Cụ Lợi nhìn Hậu. Rồi cụ nói, giọng thấp mà rõ như tiếng búa gõ vào đá: "Về để xin lỗi mi."

Minh thấy Hậu giật nhẹ. Một cái giật không lớn, nhưng đủ để biết chữ "xin lỗi" hiếm đến mức nào giữa đàn ông miền núi. Ở đây, người ta quen chịu, quen cứng, quen gánh,

nhưng ít ai quen xin lỗi. Xin lỗi nghĩa là thừa nhận mình đã làm sai, mà thừa nhận sai thì giống như tự cởi áo trước gió buốt lạnh lắm.

Hậu cười nhạt, nhưng mắt Hậu ướt: "Xin lỗi… giờ mới xin lỗi?"

Cụ Lợi không né. "Giờ mới."

Hậu bật ra, giọng lẫn cay: "Ông biết người ta nói tui răng không? Người ta nói tui ăn cắp. Người ta nói tui vô ơn. Người ta nói tui… không ra chi." Hậu nuốt nghẹn, cổ rung. "Ông biết tui sống mấy chục năm với cái tiếng đó không?"

Minh nghe mà thấy bếp lửa trong mình chợt lạnh. Thì ra món nợ không chỉ nằm trong ngực cụ Lợi. Nó nằm trong ngực Hậu nữa. Và có những món nợ như vậy: trả muộn vẫn là trả, nhưng trả muộn không xóa hết đau, chỉ xóa được phần còn lại của tủi nhục.

Cụ Lợi nhắm mắt, như chịu một nhát quất của sự thật. Rồi cụ mở mắt, nói chậm: "Tau biết. Tau nghe. Tau… để mi chịu." Cụ hít một hơi khó, nhưng vẫn nói tiếp, từng chữ như kéo từ đáy phổi lên: "Hồi đó… tau nóng. Tau nghèo. Tau sợ người ta nói nhà tau mất bò mà không bắt đền. Tau… lỡ miệng trước đám đông. Tau nói mi lấy. Mà tau không có chứng. Tau nói vậy… để giữ cái tiếng của tau."

Nói đến đây, cụ Lợi cười mỏng, nụ cười tự giễu: "Giữ tiếng bằng cách đạp mi xuống."

Hậu đứng im. Mặt Hậu căng. Mắt Hậu nhìn ra sân, như nhìn lại những năm tháng lội bùn đi rẫy, đi làm thuê, đi đâu cũng bị gọi bằng cái tiếng "thằng ăn cắp". Minh thấy hai bàn tay Hậu run nhẹ.

Cụ Lợi nói tiếp, giọng khàn đi: "Tau không giàu lên vì cái tiếng đó. Tau chỉ… nghèo hơn trong lòng. Mỗi lần nhìn thấy mi, tau tránh. Tránh để khỏi nhớ tau sai. Mà tránh riết… thành ra tau hèn." Cụ thở ra, rồi nói câu quan trọng nhất, câu như một cây cột dựng lại cả đời: "Hậu… tau xin lỗi mi. Tau nói sai. Tau vu mi."

Không ai trong đời Minh từng nói "tau vu mi" một cách thẳng như vậy. Đó là câu tự kết án, nhưng cũng là câu tự giải thoát. Minh nghe mà nổi da gà. Bởi vì người ta chỉ có thể giải thoát khi dám gọi đúng tên cái sai.

Hậu nhìn cụ Lợi rất lâu. Lâu đến mức Minh nghe rõ tiếng sương nhỏ giọt từ mái hiên. Rồi Hậu nói, giọng khàn: "Ông nói vậy… để chi?"

Cụ Lợi đáp ngay, không vòng: "Để tau chết mà không mang nợ. Để mi… sống mà bớt nợ."

Hậu bật cười—một tiếng cười khô, rồi tiếng cười ấy vỡ ra thành tiếng nấc. Hậu quay mặt đi, đưa tay lau nhanh, nhưng nước mắt vẫn rơi. Người đàn ông miền núi khóc không như trẻ con khóc. Khóc của họ giống như đất nứt sau hạn: nứt âm thầm, nhưng sâu.

Hậu nói, giọng đứt: "Ông nghĩ lời xin lỗi trả lại được tuổi trẻ tui không?"

Cụ Lợi im một nhịp. Rồi cụ nói chậm, như nói một triết lý cuối cùng của người đã hiểu đời muộn: “Không. Không trả được. Nhưng nếu không xin lỗi, tau lấy gì trả? Có những thứ mình không trả được đủ. Mình chỉ trả được đúng.”

Minh thấy câu đó cắm vào lòng mình như một cái đinh. Trả đúng, dù trả không đủ. Đời người có bao nhiêu việc như vậy: tình thương trả không đủ, công lao trả không đủ, ân nghĩa trả không đủ. Nhưng đúng là đúng ở chỗ dám nhận, dám cúi, dám nói một câu mà cả đời mình trốn.

Hậu đứng lặng. Rồi Hậu bước tới, chạm nhẹ vào thành cáng—một cái chạm rất nhỏ, nhưng là lần đầu tiên Hậu chạm lại vào mối quan hệ đã bị lời nói làm bẩn. Hậu nói khẽ: “Ông… yếu rồi.”

Cụ Lợi nhìn Hậu, mắt cụ mềm hơn: “Ừ. Yếu rồi nên mới dám nói.”

Hậu thở ra, như trút. “Tui… tui không tha ông lẹ được. Nhưng tui… tui nghe ông nói.” Rồi Hậu nói thêm, giọng như rút từ đá: “Cũng để tui… thôi tự hỏi mình ‘có phải tui xấu thiệt không’ nữa.”

Cụ Lợi nhắm mắt. Một giọt nước từ khóe mắt cụ lăn xuống. Không biết là nước mắt hay mồ hôi. Nhưng Minh thấy rõ, hơi thở cụ nhẹ đi một chút, như người vừa đặt xuống một bao nặng.

Ở đời, có những lời xin lỗi đến sớm thì cứu được nhiều thứ. Có những lời xin lỗi đến muộn thì không cứu được quá khứ, nhưng có thể cứu được phần cuối: cứu được một cái chết khỏi mang nợ, cứu được một cuộc sống khỏi mang tủi. Và có những lời xin lỗi, khi đã nói ra nó không làm người nói cao hơn, mà làm người nói đúng hơn.

Hậu đứng dưới hiên, nhìn cụ Lợi một lần nữa, rồi quay vào nhà, mang ra một ấm chè khác, bát sành khác. Hậu đặt bát chè lên mép cáng, nói khẽ, như nói với một người quen chứ không phải kẻ thù: “Uống miếng cho ấm.”

Nước chè xanh đặc bốc hơi. Hơi chè thơm chát. Minh thấy trong cái chát ấy có một vị ngọt muộn, giống như lời xin lỗi cuối cùng: không làm đời dễ hơn, nhưng làm đời thật hơn.

Khi Minh bồng cáng quay về, cụ Lợi nói rất khẽ, như chỉ Minh nghe: “Tau trả xong rồi.” Minh nghẹn. Anh không biết “xong” có thật xong không. Nhưng anh biết, trong khoảnh khắc ấy, cụ Lợi đã làm được một việc mà nhiều người sống cả đời không làm: dám cúi đầu trước người mình đã làm tổn thương. Và Minh hiểu thêm một triết lý khác, sâu mà giản: danh dự không phải là cái tiếng người ta cho mình. Danh dự là cái can đảm mình trả cho người ta là đúng lúc mình không còn gì để giữ ngoài sự thật.

Chương 23: Đêm mất điện: ở bên nhau đến lúc bình yên

Đêm xuống ở bản xa không cần ai tắt công tắc. Nó tự tắt bằng mây và sương. Ánh sáng ban chiều vừa kịp vàng lên một chút đã bị nuốt mất bởi lớp mù treo ngang sườn núi, gió thổi qua mái tôn kêu rin rít, và tiếng nước dưới khe vẫn rì rầm như một câu chuyện không có đoạn kết. Cụ Lợi nằm trên phản tre, bếp lửa rút vào một vệt hồng nhỏ như con mắt của đêm, An thay nẹp oxy, Minh kiểm tra túi thuốc, mạ Hường hâm lại nồi nước ấm, cô Thủy ngồi sát đầu phản, tay vẫn nắm tay bố như sợ chỉ cần buông ra một chút là bố trôi vào bóng tối. Mọi thứ trong nhà đều làm bằng thói quen của người nghèo: gọn, ít, và chuẩn bị cho mất mát. Nhưng dù người ta chuẩn bị kiểu gì, có những thứ vẫn đến đúng lúc yếu nhất. Điện mất khi ngoài trời vừa nổi một trận gió mạnh, đèn tuýp chớp hai cái rồi tắt phụt, quạt cũng tắt, tiếng "rẹt" của bóng tối kéo qua cả gian nhà, và trong một giây, Minh nghe rõ nhịp tim mình nện vào lồng ngực như gõ cửa. Mất điện ở phố là bất tiện; mất điện ở miền núi, trong một đêm có người già đang thở oxy, là một cái bóng đen biết cắn. Cô Thủy bật lên, giọng run: "Mất… mất điện rồi!" Mạ Hường đứng phắt dậy như lò xo: "Trời ơi…" Nhưng An không hề hoảng, An chỉ nói gọn một câu như đóng đinh xuống sàn: "Đèn pin." Minh đã rút điện thoại ra trước cả khi An nói xong, bật đèn, ánh sáng trắng rọi vào phản tre, vào gò má cụ Lợi, vào cái túi vải khói bếp nằm trên ngực như một mẩu tro không chịu tắt.

Trong ánh đèn điện thoại, mọi thứ hiện lên rõ và nghèo: tường gỗ đen khói, nồi nước đặt trên bếp than, chiếc quạt đứng im như một người ngủ đứng, và mắt người thì sáng hơn thường lệ vì sợ. An quỳ xuống cạnh bình oxy, tay lách nhanh kiểm tra van, kiểm tra dây, nghe tiếng "phì" mỏng vẫn còn. "Oxy vẫn chạy," An nói, không nâng giọng, như rót một chén nước vào nỗi hoảng vừa dâng. Minh thở ra một hơi dài mà anh không biết mình đã nín từ lúc nào. Nhưng điện mất không chỉ đáng sợ vì oxy. Điện mất làm bóng tối dày lên, làm tiếng nước ngoài kia to hơn, làm trí tưởng tượng có chỗ để vẽ ra những cảnh xấu. Và điều tàn nhẫn của đêm là: nó luôn vẽ ra trước.

Cụ Lợi mở mắt, nhìn quanh, giọng khàn: "Mất điện à?" Minh cúi sát: "Dạ, cụ. Mất chút thôi. Tụi con ở đây." Cụ Lợi chớp mắt, như gật, rồi nói một câu khiến Minh nghe như lửa chạm vào tro: "Đêm ni… yên." Minh sững. Yên? Giữa mất điện, giữa gió, giữa bão lời làng còn nặng, cụ lại thấy yên? Hay cụ nói "yên" như một cách tự chọn, như một cách đặt mình xuống giữa đời? An cúi sát, hỏi khẽ: "Cụ có đau tăng không?" Cụ lắc. "Không. Đau… cũng bớt." Rồi cụ thở ra, thêm: "Chắc… tau trả xong rồi." Minh nhìn túi vải, nhớ lời xin lỗi vừa trả, nhớ ánh mắt Hậu dưới hiên, và hiểu: có những cơn đau không nằm trong xương thịt; khi trả được món nợ, người ta bớt đau một cách lạ.

Bên ngoài, gió quất mạnh hơn, mái tôn rung, tiếng cây cọ vào nhau như thì thầm. Một tiếng "ầm" xa xa nó có thể là một cành cây gãy. Cô Thủy giật thót, siết tay bố. "Bố… bố sợ không?" Cụ Lợi nhìn con gái, mắt cụ hiền hơn mọi lần, và cụ nói chậm: "Tau sợ… con sợ."

Câu đó làm cô Thủy bật khóc, nhưng cô không dám khóc to, chỉ để nước mắt rơi lặng lẽ, rơi xuống mu bàn tay bố như mưa nhỏ. Minh thấy trong bóng tối, nước mắt không lấp lánh như ban ngày, nhưng nó nóng. Nó nóng như một lời đã giấu quá lâu bây giờ mới chịu chảy ra.

Mạ Hường đi lấy cây đèn dầu cũ...loại đèn người miền núi vẫn để dành cho những đêm như thế này...đèn méo, thân đèn bám bụi, tim đèn đen. Mạ châm lửa, ánh vàng yếu ớt rung lên, hắt bóng người lên vách gỗ thành những hình lớn và cô đơn. Mạ đặt đèn xuống cạnh phản, nói nhỏ như nói với chính mình: "Nhà nghèo... quen mất điện." Nhưng Minh nghe trong câu đó không phải khoe quen, mà là một nỗi mỏi: nghèo đến mức bóng tối cũng thành bạn cũ. An nhìn đèn dầu, nói rất khẽ: "Ánh này đủ. Đừng gần bình oxy." Mạ gật. Mọi người làm mọi thứ cẩn thận như đi trên dây. Đêm mất điện biến mỗi cử động thành một lời nhắc: sống mong manh.

Cụ Lợi nhìn ánh đèn dầu, khẽ cười: "Hồi nhỏ... tau cũng học dưới đèn ni." Minh bỗng thấy một đường nối dài: từ thằng bé miền núi học chữ dưới đèn dầu, thành ông già ôm túi vải khói bếp, rồi nằm đây chờ về với đất; đời người có thể đi xa tới phố, xa tới bệnh viện, xa tới bão dư luận, nhưng cuối cùng lại quay về một đốm lửa vàng và tiếng củi nổ. Cụ Lợi nói tiếp, như kể cho đêm nghe: "Đèn dầu... ít mà ấm. Đèn điện... sáng mà lạnh." Minh không biết đó là triết lý hay là ký ức, nhưng nó đúng đến nhức. Ở phố, ánh sáng nhiều, nhưng người ta cô đơn ngay giữa đèn. Ở đây, ánh sáng ít, nhưng bốn người ngồi sát nhau, và sự sát nhau ấy làm đêm bớt đáng sợ.

Điện thoại Minh lại rung trong túi. Minh biết chắc đó là mạng với bình luận mới, tin mới, lời phán mới. Minh đã quen bị kéo tay. Nhưng đêm nay, trong ánh đèn dầu, Minh không mở. Anh nhớ câu An: đừng lấy đời người ta ra thắng thua. Anh nhớ tiếng "phì" mỏng của oxy, nhớ cái khoảnh khắc ở đường tràn, nhớ mùi chè xanh đặc, nhớ lời xin lỗi dưới hiên. Mạng ở ngoài kia có thể ồn, nhưng ở đây có một hơi thở thật đang cần yên.

An ngồi cạnh cụ Lợi, thỉnh thoảng chạm cổ tay cụ, nhìn nhịp mạch, nhìn môi, nhìn ngực nâng lên hạ xuống. Minh nhìn An, thấy sự dịu dàng của An không nằm ở lời, nó nằm ở cách An hiện diện: hiện diện như một cái cọc giữa nước xoáy. Cô Thủy ngồi bên kia, thỉnh thoảng cúi xuống hôn nhẹ lên mu bàn tay bố, rồi lại ngồi thẳng, lau nước mắt bằng mu tay như người sợ làm ướt chăn. Mạ Hường thì lặng, nhưng lặng không phải bỏ mặc. Mạ lặng như bếp than: không bốc lửa, nhưng giữ ấm. Mạ đặt thêm củi, chỉnh lại nồi nước, gấp lại cái áo mưa, rồi ngồi xuống ở chân phản, lưng tựa vách, mắt nhìn cụ Lợi như canh một ngọn lửa sắp tàn.

Cụ Lợi bỗng gọi rất khẽ: "Hường..." Mạ Hường đáp ngay: "Dạ." Cụ Lợi thở, nói chậm: "Mi... vất vả vì tau." Mạ Hường quay mặt đi, nhưng giọng mạ vỡ ra một chút: "Cụ nói chi rứa. Cụ nằm yên." Cụ Lợi nói tiếp, như cố nói đủ trước khi sức cạn: "Mi tốt. Mi... đừng để lời làng làm mi gãy." Mạ Hường cười khô, nhưng trong tiếng cười có nước: "Tui gãy lâu

rồi. Giờ còn đứng là nhờ… quen.” Cụ Lợi chớp mắt. Minh thấy trong khóe mắt cụ cũng ướt. Hai người già—một người sắp đi, một người ở lại—chạm nhau bằng những câu ít chữ mà sâu, sâu vì họ chưa từng quen nói ra.

Cô Thủy bỗng cúi xuống, giọng run: “Bố… con…” Cụ Lợi nhìn con gái. Cô Thủy nghẹn, rồi nói, như rút ruột: “Con thương bố.” Câu đơn giản vậy mà như một cánh cửa mở. Cụ Lợi không nói “bố cũng thương con” kiểu phim. Cụ chỉ “ừ” một tiếng, nhưng “ừ” ấy là thừa nhận, là nhận lại, là cho phép. Cô Thủy khóc, khóc không phải vì sợ nữa, mà vì cuối cùng cũng nói được một câu mà bao năm cô cứ giữ.

Ngoài trời, tiếng gió giảm dần. Tiếng nước dưới khe cũng như thấp hơn, hoặc có thể tai người trong nhà đã quen. Đèn dầu vẫn rung, ánh vàng lay trên vách. Cụ Lợi nhắm mắt một lúc lâu. Minh nhìn ngực cụ nâng lên, hạ xuống, đều và nhỏ. An đặt tay lên cổ tay cụ, rồi nhìn Minh, khẽ gật: ổn. Trong khoảnh khắc ấy, Minh thấy “bình yên” không phải là lúc không còn bão, mà là lúc người ta ở bên nhau đủ sát để bão đi qua mà không cuốn mất ai. Bình yên không phải tiếng cười lớn; bình yên là tiếng thở còn nghe được.

Điện chưa có lại. Nhưng trong nhà, không ai còn hoảng. Mạ Hường rót một ít nước ấm, đưa Minh uống. Nước không ngon như chè, nhưng ấm. Cô Thủy dựa đầu vào vách, mắt vẫn đỏ, nhưng bàn tay nắm tay bố đã bớt siết, như thể cô bắt đầu tin rằng có thể ở bên nhau mà không phải chống chọi bằng căng cứng. An ngồi im, đôi mắt An mỏi, nhưng ánh nhìn An vẫn tỉnh. Minh nhìn những người ấy, và chợt hiểu một điều giản dị mà sâu: trong đời, có những đêm không ai làm gì to tát, chỉ cần không bỏ đi. Không bỏ đi là một kiểu yêu thương mà người ta thường quên gọi tên.

Cụ Lợi mở mắt lần nữa, nhìn bếp lửa, nhìn đèn dầu, nhìn bóng mọi người, rồi nói rất khẽ, như một lời gửi vào bóng tối: “Rứa… được rồi.” Minh cúi sát: “Dạ?” Cụ Lợi thở ra, nhẹ như gió: “Có người… bên cạnh… tau… là được rồi.” An đặt tay lên vai cụ, giọng thấp: “Dạ. Con đây.” Mạ Hường nói khẽ: “Tui đây.” Cô Thủy nghẹn: “Con đây, bố.” Minh cũng nói, dù cổ họng nghẹn: “Con đây, cụ.”

Ngoài kia, trời vẫn tối. Nhưng trong gian nhà gỗ đen khói, có một đốm lửa, một ánh đèn dầu, một luồng oxy mỏng, và bốn người ngồi sát nhau quanh một hơi thở. Đêm mất điện không làm họ mạnh lên theo kiểu khẩu hiệu. Nó chỉ làm một điều: làm họ hiểu rằng “đến lúc bình yên” không phải lúc mọi thứ sáng trưng, mà là lúc người ta đủ can đảm ở lại với nhau, trong bóng tối, cho đến khi lòng thôi sợ và người sắp đi thôi cô đơn.

PHẦN IV khép lại như một đoạn đường vừa vượt lũ vừa vượt chính lòng mình: từ bệnh viện trắng mùi thuốc đến con dốc đỏ bùn, từ tiếng phán xét trên mạng đến tiếng nước rì rầm dưới khe, mọi thứ đều thử sức người ta bằng một câu hỏi lạnh lùng **“ kịp hay không kịp “**. Chuyến về núi của cụ Lợi không phải cuộc chạy trốn dư luận, mà là cuộc trở về để

giữ trọn phẩm giá: trở về với bếp lửa bản xa, với chén chè xanh đặc, với cái "lời làng nặng" vẫn treo lơ lửng, và quan trọng nhất là trở về để trả món nợ danh dự bằng một lời xin lỗi cuối cùng. Trên đường, họ đã đi qua những phút oxy cạn, những đoạn tràn nước xiết, những quyết định phải vòng đường thay vì cố chấp, để hiểu một điều giản dị mà đau: đời người không chờ mình chứng minh đúng sai, đời người chỉ chờ mình có mặt đúng lúc. Và khi đêm mất điện kéo bóng tối trùm xuống, chính sự hiện diện lặng lẽ của nhau; An, Minh, mạ Hường, cô Thủy đã giữ cho cụ Lợi không cô đơn, giữ cho căn nhà nhỏ có đủ ánh đèn dầu và hơi ấm để "bình yên" kịp đến như một lời thở ra.

Nhưng bình yên của Phần IV vẫn chỉ là bình yên trong một căn bếp, trong một đêm, giữa tiếng nước và tiếng gió. Khi trời sáng, bão khác sẽ tới nó không phải bão mưa, mà là bão hậu quả: sự thật phải đối diện với làng, với họ, với những cái nhìn còn nặng, và với dư luận ngoài kia vẫn chưa chịu buông. Những gì cụ Lợi đã trả xong có thể giúp cụ nhẹ đi, nhưng những người ở lại thì bắt đầu gánh phần khó hơn: sống tiếp sau một chuyến về, sống tiếp sau một lời xin lỗi, sống tiếp giữa nghèo khó và miệng đời, và học cách biến đau thành điều có ích cho người khác. Vì thế, PHẦN V mở ra không phải bằng tiếng lũ, mà bằng một câu hỏi mới của thời đại: khi một người ra đi yên, những người còn lại sẽ làm gì để giữ lấy điều tử tế giữa đời sống vẫn chật chội, vẫn bão tố, và vẫn cần một ánh sáng dài hơi hơn đèn dầu.

PHẦN V: SAU BÃO (Một bài nộp muộn và ngọn lửa nhỏ)

Chương 24: Mùa giỗ đầu và lời hứa không nói thành lời

Mùa giỗ đầu ở bản xa đến lặng như sương. Không rầm rộ như cưới hỏi, không ồn như những ngày họ hàng kéo tới bệnh viện, nó đến bằng mùi khói bếp quen hơn mùi hương, bằng tiếng mưa lấm tấm trên mái tôn, bằng cái se lạnh luồn qua khe vách gỗ đen khói. Một năm rồi. Mà với Minh, có lúc tưởng như mới hôm qua mà hôm qua còn nhìn kim oxy tụt xuống, hôm qua còn nghe An nói "đừng lấy đời người ta ra thắng thua", hôm qua còn thấy cụ Lợi nằm trên phản tre, mắt sáng hờ, thở một hơi nhẹ và nói "rứa… được rồi." Thời gian đi qua nhanh theo cách riêng của nó: nó không hỏi ai có sẵn sàng hay chưa, nó chỉ lặng lẽ gom mọi chuyện lại, phủ lên một lớp bụi mỏng, rồi để người sống tự mở ra mà tự chịu.

Bàn thờ cụ Lợi đặt ở gian giữa. Tấm ảnh thờ chụp cụ thời còn khỏe, mặt rám nắng, mắt nhìn thẳng, cái nhìn của người từng gánh rừng, gánh mưa, gánh cả miệng đời mà vẫn

đứng. Dưới ảnh là bát hương, mấy chén nước, đĩa trầu cau, bát chè xanh đặc mà mạ Hường nhất quyết nấu đúng kiểu cụ thích: chè phải chát, chát đến se lưỡi, uống rồi mới thấy ngọt muộn. Mạ nói "ngọt muộn mới là ngọt thật", không biết nói với Minh hay nói với chính mạ. Mạ Hường giờ gầy hơn, tóc bạc thêm, nhưng lưng mạ vẫn thẳng như cái cọc cắm giữa lũ: không phải vì mạ không mệt, mà vì mạ không cho phép mình gãy trước con cháu.

Cô Thủy đứng bày mâm cỗ. Tay cô thoăn thoắt, nhưng mắt cô hay dừng lại ở một chỗ trống—chỗ ngày xưa cụ vẫn ngồi châm nước chè, tay xoa túi vải khói bếp như xoa một lời hẹn. Cô Thủy bớt khóc hơn, nhưng nỗi buồn trong cô giống nước ngầm: không tràn ra mặt mà rút xuống sâu, thỉnh thoảng chỉ cần một câu nhắc tên, một tiếng gió quẩn qua bếp là nó lại dội lên, ướt lạnh. Người làng vẫn tới, họ đến thắp hương, đến uống chén nước, đến nói vài câu "cũng nhờ trời cụ đi yên" và Minh nhận ra lời làng cũng biết thay áo theo thời gian: ngày trước lời làng nặng như đá quăng, giờ lời làng nhẹ hơn, mềm hơn, nhưng vẫn có cái sắc của tò mò, cái nghiêng của phán xét còn sót. Có người nhìn Minh rồi hỏi "thằng ni giờ học hành ra răng", có người nhìn cô Thủy rồi thở dài "hồi đó lên mạng rần rần", nhưng họ nói nhỏ, vì cái chết có một thứ quyền lực kỳ lạ: nó làm người ta dè chừng, ít nhất là trong ngày giỗ.

Minh về bản từ tối qua, đi xe khách đêm, kính cũng mờ sương như cái đêm vượt tràn năm ngoái. Ngồi trên xe, Minh lại thấy mình đếm: không đếm oxy nữa, mà đếm những thứ khác,...đếm những câu hỏi không có đáp án, đếm những lần mình đã im đúng, đếm những lần mình đã suýt biến sự thật thành vũ khí. Một năm qua ở phố, Minh vẫn sống: đi học, đi làm thêm, đi qua những bậc thềm trắng của bệnh viện khác, nhưng cứ mỗi khi nghe tiếng mưa gõ lên cửa kính, trong tai anh lại vang tiếng "tách" của đầu nối oxy, và trong ngực lại hiện rõ mặt cụ Lợi dưới ánh đèn dầu. Có những ký ức không đi theo lối "nhớ rồi quên"; nó đi theo lối "quên rồi lại nhớ", giống mùi bùn đã dính vào thì rửa sạch cũng vẫn còn vết.

Trưa giỗ, người ta khấn. Khấn bằng tiếng quen: "mời cụ về ăn giỗ", "phù hộ con cháu bình an", "độ cho mùa màng đỡ lũ". Minh đứng sau mạ Hường, nghe lời khấn mà thấy lạ: ngày trước cụ Lợi sống sợ tiếng, sợ mang nợ danh dự, vậy mà lúc cụ đi rồi, người sống lại khấn cụ "phù hộ". Con người mình kỳ vậy: lúc người ta còn sống, ta dễ phán; đến khi người ta nằm xuống, ta mới biết nể. Minh nhìn bát hương, khói bay lên, tan vào sương ngoài cửa, tự hỏi có phải mọi lời xin lỗi cũng giống khói—nói ra rồi, nó bay đi, nhưng mùi vẫn bám lại trong nhà.

Sau lễ, mạ Hường gọi Minh ra bếp. Bếp lửa vẫn đỏ như một thói quen. Mạ đặt trước mặt Minh một tờ giấy gấp đôi, góc giấy nhăn nhúm. "Cái ni của mi," mạ nói. Minh mở ra: là bản thảo bài viết anh đã từng hứa sẽ nộp ở trường—một bài viết về chăm sóc cuối đời, về "không hồi sức", về quyền được yên, về những câu khó nhất đời người. Anh đã viết rồi,

nhưng chưa nộp. Anh cứ để đó, như người để một món đồ quý mà sợ cầm lên sẽ đau. Một bài nộp muộn… muộn không phải vì lười, mà vì tim cứ ngập ngừng trước việc đem câu chuyện của người đã khuất ra ánh sáng.

“Răng mạ giữ?” Minh hỏi, giọng khàn.

Mạ Hường nhìn lửa, không nhìn Minh: “Hôm mi về phố, mi để quên. Tui cất. Tui nghĩ… có khi mi cần.” Mạ ngừng một chút, rồi nói thêm, nhỏ hơn: “Cụ Lợi… hồi đó ổng dặn tui một câu. Ổng không dặn mi, ổng dặn tui.” Minh im. Mạ Hường nói tiếp, giọng mạ phẳng nhưng câu chữ như có sỏi: “Ổng nói: ‘Nếu thằng Minh có viết chi, đừng để nó viết để thắng ai. Viết để người ta đỡ khổ.’”

Minh nghe mà nghẹn. Cụ Lợi đã đi, mà vẫn còn biết giữ cho người khác khỏi lạc. Cái “đỡ khổ” ấy nghe giản dị, nhưng nó không đơn giản. Nó là cái đích cuối cùng của mọi điều tử tế: không làm đời thành một cuộc thắng thua, chỉ làm đời bớt đau hơn một chút.

“Con… chưa dám nộp,” Minh thú nhận.

Mạ Hường gật nhẹ, như hiểu: “Nộp hay không nộp, tùy mi. Nhưng tui hỏi mi: mi sợ ai?” Mạ hỏi xong không chờ trả lời, mạ nói luôn: “Sợ người ta nói? Sợ người ta cắt ghép? Sợ mình làm cái chi sai như cái bọn quay lén?” Minh cúi đầu. Mạ Hường thở dài: “Mi sợ là đúng. Người tử tế hay sợ. Người ác ít sợ. Nhưng mi nhớ: sợ mà đứng yên mãi thì cái sợ thành dây trói.”

Minh cầm tờ giấy, nhìn chữ mình viết. Có đoạn anh kể về đêm mất điện, có đoạn anh kể về đường tràn, có đoạn anh kể về lời xin lỗi cuối cùng. Anh bỗng nhận ra bài viết ấy không còn là “bài tập” nữa. Nó là một ngọn lửa nhỏ: nếu giữ trong túi áo, nó ấm một mình; nếu đưa ra, nó có thể soi cho ai đó đang ngồi trong hành lang mùi thuốc, đang run tay trước một tờ giấy “không hồi sức”. Nhưng đưa ra cũng có thể bị gió dư luận thổi tắt, bị người ta giẫm lên, bị biến thành “content”. Minh lại nghe An trong đầu: đừng lấy đời người ta ra thắng thua. Vậy nếu viết, anh phải viết thế nào để không biến cụ Lợi thành quân cờ, không biến cô Thủy thành bằng chứng, không biến nước mắt thành đạn?

An xuất hiện khi bữa cơm giỗ gần tàn. An đi một mình, áo khoác sẫm màu, tóc buộc gọn, người gầy đi chút nhưng ánh mắt vẫn vững. Cả nhà nhìn An bằng một thứ cảm giác khó gọi: vừa biết ơn, vừa ngại ngần, vừa thương. Người làng cũng nhìn An: có người thì thào “con ni ở bệnh viện”, có người nói “nhờ nó mà cụ về được.” An bước vào bếp trước, thắp một nén nhang, khấn rất ngắn—không cầu kỳ—chỉ cúi đầu lâu hơn bình thường. Khi quay ra, An gặp Minh ở thềm cửa.

“Chị về khi mô?” Minh hỏi.

“Sáng ni,” An đáp. “Trạm y tế gọi hỗ trợ một ca. Xong, chị ghé.”

Minh nhìn An. Một năm qua, họ không hứa hẹn gì lớn. Không có câu "đợi anh", không có câu "chắc chắn", chỉ có những tin nhắn ngắn và những lần gặp nhau vội. Tình cảm của họ giống chè xanh đặc: chát lúc đầu, ngọt đến sau, không phô, không ồn. Nhưng đứng trước bàn thờ cụ Lợi, Minh bỗng thấy có những lời nếu không nói, nó sẽ thành nợ mà Minh đã thấy nợ danh dự có thể làm người ta mang cả đời. Minh muốn nói "cảm ơn", muốn nói "chị đã cứu", muốn nói "em thương", nhưng lời cứ mắc ở cổ như bị khói bếp làm cay.

An nhìn tờ giấy trong tay Minh, hỏi: "Bài viết?"

Minh gật.

An không hỏi anh viết gì. An chỉ nói một câu, nhẹ hơn cả tiếng lửa nổ: "Nếu em nộp, nộp vì người sau. Không vì người trước." Minh hiểu. Người trước là cụ Lợi—đã đi rồi—không cần ai minh oan. Người sau là những gia đình sẽ còn đứng trước tờ giấy, còn run tay, còn bị chửi "bất hiếu", còn chịu "bất lực". Nếu bài viết giúp họ bớt cô đơn, bớt sợ, bớt bị phán xét, thì đó là ngọn lửa đáng thắp.

Chiều xuống, người làng dần về. Sân nhà cụ Lợi vắng. Mạ Hường dọn mâm, cô Thủy rửa bát, tiếng nước chảy nghe bình thường mà cũng nghe như một sự tiếp tục: người sống vẫn phải rửa, phải nấu, phải lo, dù lòng còn nặng. Minh ra sau nhà, đứng nhìn sườn núi mờ trong sương. Một năm rồi mà đoạn đường tràn vẫn đó, dòng nước vẫn đó, và những câu hỏi cũng vẫn đó.

Minh tự hỏi: nếu năm ngoái họ không kịp, liệu hôm nay có mùa giỗ đầu bình yên như thế này không? Nếu họ đã "thắng" dư luận bằng một video phản pháo, liệu cụ Lợi có được yên trong những giờ cuối không? Nếu cô Thủy ngày ấy không ký, liệu bố cô có đau thêm trong một cuộc hồi sức vô ích không? Và nếu một lời xin lỗi đến sớm hơn, liệu Hậu có bớt một đời tủi nhục không? Những câu hỏi ấy không có "đáp án đúng", chỉ có "đáp án sống": mỗi người phải tự trả bằng đời mình, bằng cách mình đối xử với người yếu, với người già, với người sắp đi.

Đêm, bếp lửa lại được nhóm lên. Điện có. Nhưng Minh vẫn thích ánh lửa hơn, vì lửa làm người ta nhớ rằng mọi thứ quý đều mong manh. Mạ Hường ngồi cạnh bếp, hỏi Minh một câu tưởng như vu vơ: "Mi tính khi mô nộp?" Minh nhìn tờ giấy, rồi nhìn An đang đứng ở cửa, ánh mắt An không thúc, chỉ hiện diện. Minh đáp nhỏ: "Mai." Nói "mai" mà Minh nghe như nói với chính mình, ngày mai không phải một ngày cụ thể, mai là một quyết định: quyết định không để nỗi sợ trói tay, nhưng cũng không để thiện ý sai chỗ.

Mạ Hường không nói "tốt" hay "giỏi". Mạ chỉ "ừ" một tiếng, rồi lấy trong túi áo ra một phong bì nhỏ, dúi vào tay Minh: "Tiền xe." Minh giật: "Mạ…" Mạ gạt: "Mi đi học. Đi làm. Đừng cãi." Minh cầm phong bì, thấy lòng nóng như bát chè xanh đặc. Mạ vẫn vậy: yêu thương bằng cách gánh trước, để con cháu khỏi gãy.

Trước khi ngủ, Minh bước ra hiên. Sương dày. Núi im. Trong nhà, An nói nhỏ với cô Thủy về cách xoa lưng khi khó thở, về cách nói với người già mà không làm họ hoảng những điều nhỏ mà cứu được nhiều đau. Minh nghe mà thấy câu chuyện của cụ Lợi không khép lại bằng cái chết. Nó mở ra bằng những điều còn lại: một bài nộp muộn, một ngọn lửa nhỏ, một cách sống mới.

Và ngay ở cuối Chương 24, Minh nhận ra lời hứa "không nói thành lời" của anh với cụ Lợi, với cô Thủy, với mạ Hường, với An có lẽ không cần nói thành lời. Có những lời hứa nếu nói ra dễ thành khẩu hiệu. Còn nếu giữ trong lòng, rồi làm bằng tay, bằng chân, bằng sự hiện diện đúng lúc... thì nó thành một thứ bền hơn: thành thói quen tử tế.

Nhưng bạn đọc sẽ tự hỏi, và Minh cũng tự hỏi: liệu một bài viết có đủ chống lại một xã hội thích phán xét? Liệu một ngọn lửa nhỏ có đủ sưởi trong mùa bão mới? Liệu người ta có thể học cách nói "xin lỗi", "cảm ơn", "tôi sợ", "tôi thương" trước khi quá muộn? Và quan trọng nhất là khi một người già xin được yên, ai sẽ là người đứng ra giữ cái yên ấy trước miệng đời?

Ngoài kia, gió thổi qua rặng tre, tiếng lá xào xạc như tiếng lật giấy. Minh nắm tờ bài viết trong tay, cảm giác như đang cầm một câu hỏi chưa có lời đáp. Nhưng trong căn bếp bản xa, lửa vẫn cháy. Nhỏ thôi. Đủ ấm để người ta tin rằng sau bão, vẫn có thể bắt đầu lại bằng một điều tử tế vừa sức, và một lời hứa không cần nói thành lời.

Lời bạt

Khi khép lại những trang này, điều còn đọng lại không phải là một câu chuyện "đúng & sai" để bạn đọc đứng về một phía, cũng không phải một bài học đạo lý viết sẵn để ai cũng gật đầu. Điều còn đọng lại, nếu có, chỉ là một hơi thở mỏng nó mỏng như luồng oxy giữa đường tràn và một đốm lửa nhỏ...nhỏ như đèn dầu trong đêm mất điện nhưng đủ để soi ra những điều người ta thường lướt qua khi đời còn ồn ào.

Có một thời, ta tưởng cái chết là chuyện của riêng bệnh viện, của riêng người già, của riêng những mái nhà nghèo miền núi. Nhưng rồi thời cuộc đổi. Điện thoại nằm trong tay mỗi người. Mạng xã hội biến thành một sân rộng không mái che. Ở đó, chỉ một cú máy quay lén cũng đủ dựng nên một phiên tòa, chỉ một dòng chữ in hoa cũng đủ đóng tội cho một người con, và chỉ một đoạn cắt ghép cũng đủ làm sự tử tế trở nên đáng nghi. Người ta phán xét nhanh vì không phải trả giá cho lời mình, còn người trong cuộc thì trả bằng những đêm không ngủ, bằng tiếng thở khò khè, bằng chữ ký run tay, bằng một chuyến xe qua lũ mà chẳng ai dám hứa chắc.

Nhưng cũng chính trong cái thời ấy, ta lại nhìn rõ một thứ khác: sự tử tế vẫn tồn tại, chỉ là nó không ồn. Nó đứng ở hành lang mùi thuốc để xin phép trước khi chạm tay vào người khác. Nó lặng lẽ học cách lắng nghe và học cách không hứa bừa. Nó chọn làm đúng ngay cả khi bị hiểu sai. Nó biết đặt điện thoại xuống để nhìn cho đúng một khuôn mặt đang đau. Nó biết giữ yên cho người yếu thay vì thắng thua với đám đông. Và đôi khi, sự tử tế giản dị nhất chỉ là ngồi cạnh một người sắp đi, trong bóng tối, cho đến khi bình yên kịp tới.

Câu chuyện này bắt đầu từ một tỉnh miền núi heo hút của Hà Tĩnh nơi gió Lào rát mặt, mưa nguồn cắt lối, bùn đỏ dính chân nhưng điều nó chạm tới không dừng ở địa danh. Nó chạm tới một câu hỏi mà ai rồi cũng gặp, dù sống ở phố hay ở bản: khi người thân bước vào đoạn cuối, ta chọn điều gì? Ta chọn "tiếng" hay chọn "yên"? Ta chọn kéo dài bằng mọi giá hay chọn giảm đau để được nhẹ? Ta chọn chứng minh trước thiên hạ hay chọn ở lại bên một hơi thở? Và khi ta đứng trước một tờ giấy, một chữ ký, một quyết định mà không ai có thể làm thay, điều gì khiến bàn tay ta bớt run là tình thương hay nỗi sợ bị phán xét?

Có những món nợ trong đời chỉ trả được bằng tiền. Nhưng cũng có món nợ chỉ trả được bằng một câu nói đúng lúc. Một lời xin lỗi muộn không trả lại được tuổi trẻ của người bị tổn thương, nhưng nó có thể trả lại cho người sắp đi một chút thanh thản, và trả lại cho người ở lại một cơ hội để thôi mang tiếng nặng trong lòng. Có những lời hứa nếu nói ra dễ thành khẩu hiệu, còn nếu âm thầm làm bằng tay chân và sự hiện diện, nó thành thói quen tử tế thứ bền hơn mọi lời hoa.

Nếu bạn đọc tìm một cái kết "gọn gàng", có lẽ sẽ thấy còn nhiều điều bỏ lửng: dư luận có thôi ác không, lời làng có thật nhẹ đi không, người trẻ có học được cách nói những câu khó nhất đời người trước khi muộn không. Tôi cố tình để lại những câu hỏi ấy, vì đời thật không khép bằng dấu chấm tròn trịa. Đời thật khép bằng một bát chè xanh đặc còn nóng, bằng một bếp lửa không tắt, bằng một bàn tay nắm tay, bằng một bài nộp muộn, và bằng cách người ta tiếp tục sống tử tế dù biết mình có thể bị hiểu sai.

Nếu có điều gì mong bạn đọc mang theo sau khi gấp sách, thì không phải là một nỗi buồn. Nỗi buồn chỉ là nước. Điều cần giữ là lửa: lửa của thấu cảm, của lắng nghe, của tôn trọng phẩm giá người già và người sắp đi, của can đảm nói "xin lỗi" và "cảm ơn", của tỉnh táo trước những cú máy quay, và của lựa chọn không biến đời người khác thành trận thắng thua.

Bởi vì rốt cuộc, ai trong chúng ta rồi cũng sẽ có một đêm kính mờ. Một đoạn đường tràn. Một lúc điện tắt. Và khi ấy, điều khiến ta bình yên không phải là thiên hạ nghĩ gì, mà là có hay không một người ngồi cạnh, đủ lặng để nghe, đủ thương để ở lại, và đủ can đảm để đặt một đốm lửa nhỏ vào lòng tối.

Xin cảm ơn bạn đã đi cùng hành trình này. Nếu sau khi đọc xong, bạn muốn gọi điện cho một người già trong nhà, muốn nói một câu "con thương", muốn bớt phán xét một người đang ở ngưỡng cửa cuối, hoặc chỉ đơn giản là đặt điện thoại xuống để ngồi yên một lát thì cuốn sách này, với tôi, đã làm được điều đáng làm.

Ghi chú của tác giả

Cuốn tiểu thuyết này được viết ra từ một nỗi ám ảnh rất đời thường: **chúng ta sống nhanh quá**, đến mức nhiều khi không kịp nhìn thấy người thân đang mệt, không kịp nghe một tiếng thở đổi nhịp, không kịp hỏi một câu tử tế trước khi mọi thứ trở thành "quá muộn". Tôi chọn kể câu chuyện bằng những chi tiết tả thực: hành lang mùi thuốc, đường tràn đục nước, bình oxy cạn dần, bếp lửa bản xa vì tôi tin rằng **đời sống thật không nằm ở khẩu hiệu**, mà nằm ở những thứ nhỏ nhói lên trong ký ức.

Trong tác phẩm, các nhân vật và tình tiết được hư cấu, nhưng bối cảnh, tâm thế và những va đập thì rất gần với thực tế hôm nay: sự nghèo khó vẫn còn đó, đường miền núi vẫn bùn trơn, viện phí vẫn là nỗi lo, và đặc biệt, "bão" của mạng xã hội có thể ập tới bất cứ lúc nào. Tôi không muốn viết một câu chuyện để kết tội ai, cũng không muốn biến nỗi đau của người nghèo thành thứ "gia vị" cho cảm xúc. Điều tôi cố giữ đến tận cùng là **phẩm giá của người sắp đi** và **sự giằng xé của người ở lại** những người phải chọn giữa "tiếng" và "yên", giữa "cứu bằng mọi giá" và "giảm đau để được nhẹ", giữa việc "thắng thua với thiên hạ" và việc "ở bên nhau cho tới lúc bình yên".

Nếu bạn đọc thấy trong truyện có những đoạn khiến mình tức, khiến mình nghẹn, hoặc khiến mình muốn dừng lại một lúc đó là phản ứng tự nhiên. Chúng ta tức vì thấy bất công, nghẹn vì thấy bất lực, dừng lại vì nhận ra mình cũng từng phán xét ai đó chỉ qua một mẩu thông tin. Tôi đã để các câu hỏi mở ….dư luận có thôi ác không, lời làng có thật nhẹ đi không, một bài viết có đủ làm người ta hiểu nhau hơn không vì tôi tin **đời sống không khép lại bằng dấu chấm**, mà bằng cách ta tiếp tục đối xử với nhau sau khi câu chuyện đã qua.

Một vài chi tiết mang tính chuyên môn (như chăm sóc giảm nhẹ, nguyên tắc giao tiếp, tình huống "không hồi sức", chuẩn bị oxy và thuốc trên đường) được tôi tìm hiểu, lắng nghe, chắt lọc từ nhiều nguồn tri thức và trải nghiệm xã hội phổ quát, sau đó chuyển hóa lại bằng ngôn ngữ văn chương. Tuy vậy, đây vẫn là tiểu thuyết, không phải tài liệu y khoa. Nếu bạn đang ở trong hoàn cảnh chăm sóc cuối đời cho người thân, xin hãy tìm đến bác sĩ, điều dưỡng, hoặc các cơ sở chuyên môn đáng tin cậy để được tư vấn cụ thể. Trong đời thật, mỗi quyết định đều có bối cảnh riêng, và điều tử tế nhất là **được hỗ trợ đúng cách**.

Điều tôi mong nhất khi bạn gấp sách lại không phải là nước mắt, mà là một hành động nhỏ. Có thể là bạn sẽ gọi về nhà, hỏi thăm một người già. Có thể là bạn sẽ bớt vội phán xét một gia đình đang đứng trước lựa chọn khó. Có thể là bạn sẽ biết nói "xin lỗi" và "cảm ơn" sớm hơn. Hoặc đơn giản nhất: bạn đặt điện thoại xuống, ngồi yên một phút, và nghe mình thở để nhớ rằng một ngày nào đó, ai cũng sẽ đi tới đoạn cuối, và điều còn lại thật ra chỉ là **cách ta đã ở bên nhau**.

Cuốn sách này xin được xem như một **ngọn lửa nhỏ**. Nó không đủ lớn để đốt cháy những cơn bão, nhưng hy vọng đủ ấm để một người nào đó ở một hành lang bệnh viện, hoặc trong một căn bếp bản xa để bớt cô đơn hơn một chút.

Xin cảm ơn bạn đã đọc.

Dưới đây là **bảng danh mục "từ điển" phương ngữ miền Trung** (tập trung **Hà Tĩnh**, có kèm nhiều từ phổ biến ở **Quảng Bình – Quảng Trị** và vùng lân cận). Một số từ có thể **khác nhẹ về sắc thái/âm** tùy huyện-xã; mình ghi nghĩa theo cách hiểu phổ biến, dễ dùng trong tiểu thuyết.

A. Hà Tĩnh (Bắc Trung Bộ) từ rất hay gặp

Từ/ Cụm từ	Nghĩa (tiếng phổ thông)	Ghi chú sắc thái/cách dùng
răng	sao, tại sao	"Răng mi làm rứa?"
rứa	vậy, như vậy	"Được rứa là tốt."
mô	đâu, nào	"Mi đi mô rứa?"
ni	này	"Cái ni nặng lắm."
tê	kia, đó	"Để tê coi."
chi	gì	"Mi nói chi rứa?"
hè	nhỉ/đấy/ạ (đệm cuối câu)	"Được hè?" (mềm giọng)
hỉ	nhỉ (đệm)	"Rứa hỉ?"
mi	mày/bạn (thân mật, có thể gắt)	Với người lạ dễ bị coi là xỗ
tau/tui	tao/tôi	"Tau biết rồi."
mạ	mẹ	Rất đặc trưng miền Trung

Từ/ Cụm từ	Nghĩa (tiếng phổ thông)	Ghi chú sắc thái/cách dùng
bọ	bố	Hà Tĩnh–Nghệ Tĩnh hay dùng
o	chị/cô (phụ nữ)	"O Hường", "o bán hàng"
chún/choa	chúng tôi (tụi tôi)	Tùy vùng, nghe "rất Nghệ Tĩnh"
rứa à	vậy à	Thường mang ngạc nhiên
coi chừng	cẩn thận	"Coi chừng trơn."
bữa ni	hôm nay/dạo này	"Bữa ni mưa nhiều."
bữa tê	hôm kia/bữa kia	"Bữa tê hắn có về."
khi mô	khi nào	"Khi mô về?"
chừ	bây giờ	"Chừ tính răng?"
nớ	đó/ấy	"Để nớ."
tội lắm	thương quá	Hay dùng để bày tỏ thương xót
khổ ri	khổ thế này	"Khổ ri mà vẫn chịu."
cực rứa	vất vả vậy	"Cực rứa con."
bấn	vội/luống cuống	"Bấn quá làm rơi."
rứa hả	vậy hả	Hỏi lại để xác nhận
không rứa mô	không đến nỗi vậy	Dỗ dành/trấn an
nỏ	không (phủ định)	"Tui nỏ biết." (rất Nghệ)
chi mô	gì đâu/không có gì	"Có chi mô."
mô tê	đâu đó/đâu kia	"Chạy mô tê cả ngày."

B. Quảng Bình từ/cụm rất đặc trưng

Từ/ Cụm từ	Nghĩa	Ghi chú
răng rứa	sao vậy	Gần Hà Tĩnh nhưng giọng khác

Từ/ Cụm từ	Nghĩa	Ghi chú
tề	kia/đó	“Để tề.”
eng	anh (xưng hô)	Quảng Bình hay “eng–o”
o	chị/cô	Dùng rộng miền Trung
miềng	mình (bản thân)	“Miềng đi trước.”
tê tê	kia kia	Chỉ xa, hơi suồng sã
nớ	đó	Rất phổ biến
rứa hầy	vậy đó/đấy	Đệm câu, nghe “rất Quảng Bình”
hắn	nó/anh ấy/cậu ấy	Dùng cho người/vật
chộ	thấy	“Tui chộ rồi.”
rứa cho rồi	thế cho xong	Thường mang cam chịu

C. Quảng Trị nhiều từ mang sắc “gió Lào, đất cát”

Từ/ Cụm từ	Nghĩa	Ghi chú
mô tê răng rứa	đâu kia sao vậy	Cụm “đặc sản” khi than phiền
tau mi	tao mày	Nghe mạnh, thân thì thân, gắt thì gắt
hỉ	nhỉ	Đệm câu
hắn	nó/anh ấy/cô ấy	Phổ Quảng Trị–Quảng Bình
eng	anh	Có nơi dùng như Quảng Bình
mệ	bà/cụ (người già)	Huế dùng nhiều, Quảng Trị cũng gặp
nớ	đó	Rất phổ biến
tề	kia	Thường gặp
chừ	bây giờ	Dùng rộng Bắc Trung Bộ
rứa hè	vậy nhỉ/vậy đó	Đệm mềm giọng

D. Từ/cụm "miền Trung" dùng rộng (Nghệ An–Hà Tĩnh–Quảng Bình–Quảng Trị–Huế)

Từ/ Cụm từ	Nghĩa	Ghi chú
chi rứa	gì vậy	Hỏi/đối chất
răng mà…	sao mà…	"Răng mà cực rứa?"
được rứa	được thế	Khen/đỡ lo
đi mô về rứa	đi đâu về vậy	Câu hỏi thân quen
tội ghê/tội quá	thương quá	Bày tỏ xót xa
ăn nói rứa	nói năng vậy	Chê/nhắc nhở
coi chừng nghe	cẩn thận nhé	"nghe" như trợ từ
nghe	nhé/nhé ha	Đệm cuối câu
bữa	hôm/bữa	"Bữa trước", "bữa ni"
bầy	nhiều/đám (tùy nơi)	"Một bầy con nít"
nớ tê ni	đó kia này	Nhấn mạnh chỉ trỏ
nỏ/đừng nỏ	không/đừng không	"Nỏ" mạnh sắc thái địa phương